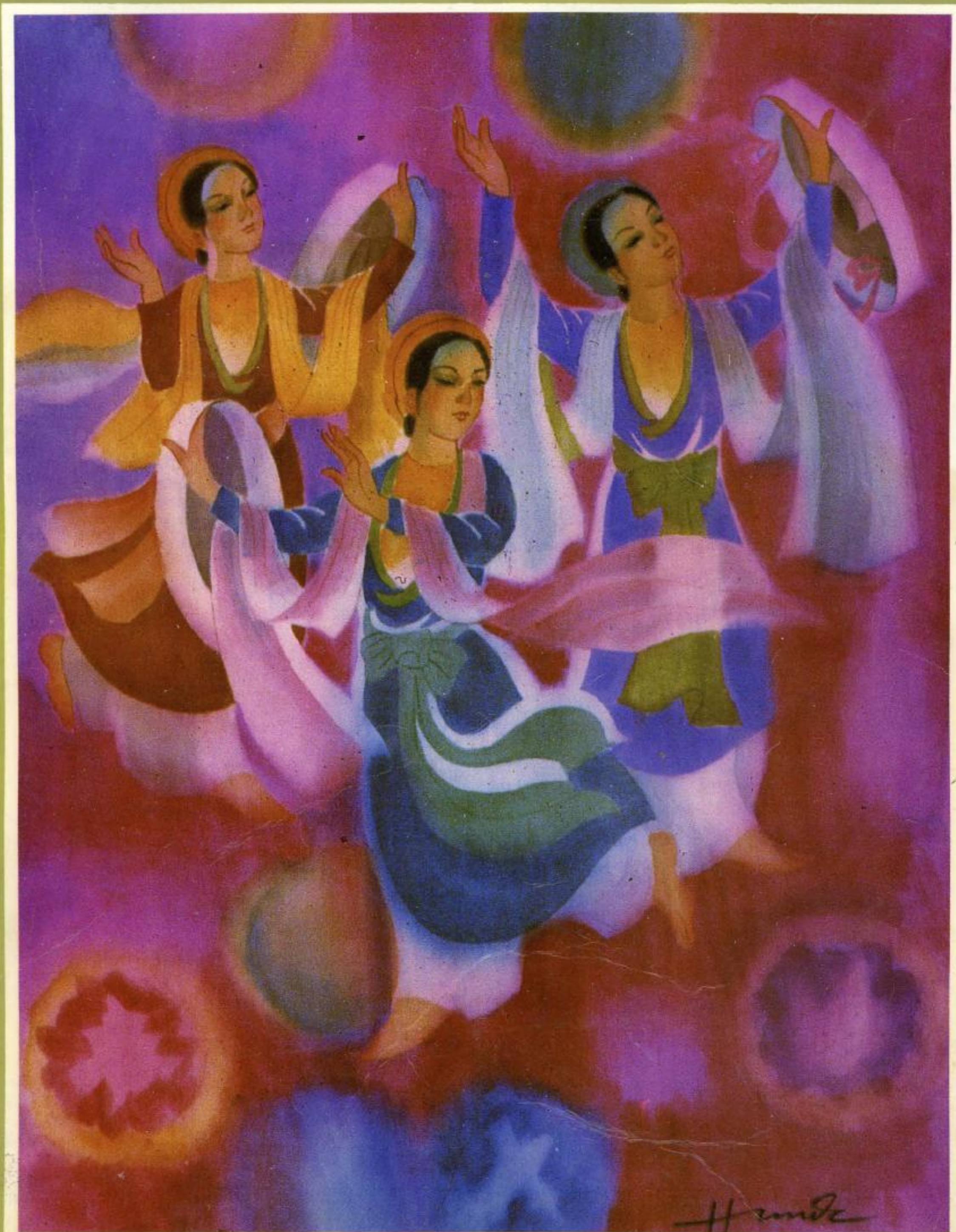


làng văn

110

Tháng 10, 93



tin văn

Kiên Trung phụ-trách



DO THÁI VÀ TỔ CHỨC GIẢI PHÓNG PALESTINE KÝ HÒA ƯỚC

Sau một nửa thế kỷ hận thù và một cuộc chiến tranh không ai nghĩ là có thể chấm dứt được, Do Thái và Tổ chức Giải Phóng Palestine (PLO) đã ký kết một thoả ước tiến đến hoà bình.

Buổi lễ ký kết thoả ước dài 70 phút tại sân toà Bạch Ốc sáng ngày thứ hai 13.9.93 đã đánh dấu một kỷ nguyên mới trong đó các dân tộc đang tranh chấp chấp nhận cùng sinh tồn.

Trước gần ba ngàn quan khách đại diện cho hầu hết các nguyên thủ quốc gia trên hoàn cầu và ba vị Tổng thống Hoa kỳ (cựu TT Jimmy Carter, cựu TT George Bush và TT Bill Clinton), Thủ tướng Yitzhak Rabin (Do thái) và lãnh tụ Yasser Arafat (PLO) chứng kiến Ngoại trưởng Simon Peres và đại diện PLO Mahmoud Abbas lần lượt ký vào thoả ước mang tên "Tuyên bố các Nguyên tắc."

Hàng triệu người trên thế giới sau đó đã chứng kiến cái bắt tay lịch sử của Rabin và Arafat, hai người đã từng là tử thù trong gần nửa thế kỷ. Trên căn bản, thoả ước hoà bình ký kết ngày 13.9 xác nhận hai bên Do Thái và PLO công nhận lẫn nhau, đặt nền móng cho một chính quyền tự trị của người Palestine trong vùng bị chiếm đóng và buộc PLO phải chấm dứt những hoạt động khủng bố chống Do Thái. Ngày 13 tháng 10 khi thoả ước bắt đầu có hiệu lực, Do Thái sẽ chuyển quyền hành họ vẫn nắm giữ từ trước tới nay tại vùng Gaza và thành phố Jericho (West Bank, tả ngạn sông Jordan) trong các lãnh

vực giáo dục và văn hoá, y tế, xã hội thuế vụ và du lịch cho người Palestine. Quân đội Do Thái sẽ rút ra khỏi vùng này từ ngày 13 tháng 12, hoàn tất cuộc triệt thoái vào tháng 4.94. Tháng 7.1994 sẽ là hạn chót để người Palestine thành lập chính quyền lâm thời mang tên Hội đồng Palestine. Các mối quan hệ cuối cùng sẽ được giải quyết vào năm 1996, bao gồm cả những vấn đề về thành phố Jerusalem, về an ninh, về biên giới, người tị nạn và việc định cư.

Hoà bình giữa Do thái và Palestine được thế giới coi như biến cố lớn hàng đầu trong số những phép lạ lịch sử xảy ra những năm gần đây, hơn cả sự sụp đổ của bức tường Bá linh, sự tan rã của đế quốc Liên Xô và sự cáo thoái của chủ nghĩa kỳ thị chủng tộc tại Nam Phi.

Để đi đến thoả hiệp này, hai bên đã phải xoá bỏ từ những tín điều hàng ngàn năm - dân Do thái và dân Ả rập không thể chung sống, đến những hận thù của các cuộc chiến



Yasser Arafat, thủ-lãnh Tổ-chức Giải-phóng Palestine (PLO)

tranh máu lửa gần đây, khi người Ả rập coi Do thái như đại diện của chủ nghĩa đế quốc mới xâm lăng quê hương Palestine của họ và người Do thái thì quan niệm rằng họ phải chiếm lại miền đất Thượng đế đã hứa với tổ phụ Abraham.

Sau những phần khởi, lạc quan của cuộc lễ, hai bên sẽ bắt tay vào việc thực hiện các biện pháp chi tiết dẫn đến hoà bình. Trước cuộc ký kết, Rabin và Arafat đã vượt qua những khó khăn, bao gồm từ những dị biệt giữa hai bên đến những chống đối trong nội bộ của mỗi bên, nhưng những khó khăn tiếp theo sẽ còn nhiều và khó giải quyết hơn.

Do Thái và PLO sẽ phải thống nhất với nhau về những chi tiết quan trọng như diện tích khu vực Ả rập tự trị vùng tả ngạn, quân số và quyền lực của lực lượng cảnh sát Palestine cần được thành lập, số người Palestine được phép hồi hương... Cả hai bên chắc chắn sẽ còn vất vả trước sự phản đối của các cá nhân và tổ chức quá khích chống đối trong nội bộ, đã xảy ra dưới hình thức những cuộc biểu tình và bạo động từ trước ngày ký thoả ước.

Triển vọng về hoà bình tại Trung Đông được củng cố thêm qua cuộc ký kết một nghị trình hoà bình giữa Do Thái và Jordan (ngày 14.9 tại Hoa thịnh đốn) và cuộc gặp gỡ giữa Thủ tướng Rabin và quốc vương Hassan của Ma rốc.

Các quan sát viên quốc tế nhận định rằng khi có hoà bình, Trung Đông sẽ trở thành một trung tâm kinh tế thịnh vượng của thế giới trong thế kỷ 21. Hoa Kỳ, nhiều quốc gia Âu châu, Mỹ châu và cả Nhật bản đã hứa hẹn sẽ giúp đỡ Palestine phát triển kinh tế và xã hội, nhiều nhà kinh tế Do Thái lạc quan tiên đoán quốc gia của họ trong hoà bình sẽ trở thành một Singapore ở Trung Đông. Các dự đoán này có triển vọng trở thành sự thật vì vùng Trung Đông, so sánh với các khu vực khác trên thế giới, là nơi viện trợ kinh tế có khả năng đem lại kết quả tốt đẹp. (kt)

CUỘC CHIẾN TRANH CỦA LỰC LƯỢNG BẢO VỆ HOÀ BÌNH TẠI SOMALIA

Cuộc truy tìm phi tướng Mohammed Farrah Aideed tại thủ đô Mogadishu (Somalia) đã bước sang tháng thứ tư. Sự có mặt và hoạt động của bốn trăm biệt động quân ưu tú thuộc quân đội Hoa kỳ từ đầu tháng 9 đến nay chưa đem lại thành tích gì đáng kể ngoài một số vụ đột kích nhằm, bắt lộn cả nhân viên LHQ và tạo thêm nhiều cuộc tấn công, phục kích nhắm vào các quân nhân bảo vệ hoà bình.

Tính từ tháng 6 đến nay, đã có 48 quân nhân bảo vệ hoà bình, hàng trăm người Somalia và năm nhà báo bị thiệt mạng tại Mogadishu, khiến mọi người đặt câu hỏi phải chăng đã đến lúc xét lại vai trò và hoạt động của LHQ tại Somalia. Bên ngoài thành phố Mogadishu, cuộc sống đã trở lại bình thường, nạn đói đã chấm dứt. Tại Mogadishu, nhờ bị Hoa kỳ truy tìm, phi tướng Aideed đột nhiên trở thành người hùng đối với một số dân chúng. Lâu la của Aideed ngày càng trở nên bạo dạn hơn trong những hoạt động quấy phá, phục kích quân LHQ. Vũ khí, phương tiện của lực lượng LHQ đã bị vô hiệu hoá trước chiến thuật du kích trong thành phố của những kẻ thù gần như vô hình, tan biến ngay vào những đám đông phụ nữ và trẻ con. Các cuộc hành quân của lực lượng LHQ thường thất bại vì bị tiết lộ bí mật từ những người Somalia làm việc cho LHQ hay do thủ tục liên lạc quá rườm rà, và cả những bất đồng ý kiến, giữa các đội quân của từng quốc gia.

Nhằm tránh một cuộc sa lầy tại Somalia, Quốc hội Hoa kỳ đã yêu cầu chính phủ Clinton xác định lại mục tiêu của HK tại quốc gia này. (kt)

LẬP HỘI ĐỒNG CHUYỂN TIẾP TẠI NAM PHI

Tại Đại hội đồng LHQ cuối tháng

9.93, lãnh tụ da đen Nam Phi Nelson Mandela sẽ chính thức kêu gọi thế giới chấm dứt các biện pháp bao vây kinh tế Nam Phi.

Lời kêu gọi được đưa ra sau khi các đảng phái chính trị Nam Phi đã thoả thuận thành lập một cơ chế 20 thành viên - đen nhiều hơn trắng - thuộc nhiều đảng phái để kiểm soát chính phủ hiện hữu cho đến ngày bầu cử (tháng 4.94).

Sau hơn ba mươi năm bị thế giới trừng phạt vì áp đặt chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, Nam Phi sẽ trở lại với cộng đồng kinh tế thế giới khi lệnh cấm vận được hủy bỏ. Theo ước tính, cuộc phong tỏa kinh tế đã làm thiệt hại cho Nam Phi khoảng 27 tỉ mỹ kim về mậu dịch và đầu tư.

Với những thuận lợi sẵn có trong nước về mặt dân số, tài nguyên, cơ cấu kỹ nghệ và những phương tiện viễn thông tân tiến sau khi quốc tế hủy bỏ lệnh cấm vận, Nam Phi có cơ may phát triển kinh tế. Tuy nhiên, việc quốc gia này có phát triển được hay không còn tùy thuộc vào tình hình an ninh trong nước, vào sự hoà thuận giữa người da trắng thiểu số và người da đen, và quan trọng nhất là giữa những người da đen với nhau. Trung tuần tháng 9, ngay sau khi việc thành lập Hội đồng Chuyển tiếp được công bố, những cuộc bạo động chủng tộc lại tiếp tục xảy ra làm 21 người thiệt mạng. Bên cạnh những cuộc bạo động chính trị, các loại tội phạm xã hội trong nước ngày một gia tăng tới mức hàng ngày, có đến gần một ngàn người xin giấy phép mua vũ khí. (kt)

TÌNH HÌNH BOSNIA VẪN CHƯA SÁNG SỬA

Mặc dù các đặc sứ hoà bình của cộng đồng quốc tế đã lại đưa ra những nhận định lạc quan về tiến độ dẫn đến hoà bình tại Bosnia, tình hình cuộc loạn đả tại đây vẫn chưa có gì sáng sủa hơn. Ngày 16.9, hai phe Hồi giáo và người Serb đã ký thỏa hiệp ngưng bắn. Qua thỏa hiệp này, Tổng thống Bosnia Alija

Izetbegovic (phe Hồi giáo) rõ ràng đã chấp nhận việc có thể người Croat và người Serb sẽ đem phần đất họ được chia gia nhập vào Croatia và Serbia. Trước đó ba ngày, TT. Izetbegovic cũng đã ký một thoả ước tương tự với Tổng thống Croatia Franjo Tudjman. Các thoả ước qui định việc ngưng bắn, trao đổi tù binh và đồng ý không cản trở các đoàn xe cứu trợ nhân đạo của LHQ. Nhưng cũng như tất cả các cuộc ký kết khác từ trước đến nay, các cuộc giao tranh vẫn tiếp diễn và các phe vẫn đổ lỗi lẫn cho nhau. Khi có lệnh rút bỏ các khu vực chiếm đóng để chuyển giao cho quân đội bảo vệ hoà bình, các phe vẫn tàn sát thường dân và thiêu hủy thành phố. (kt)

ĐẢO-CHÁNH CHÍNH-TRỊ TẠI NGA

Đầu tháng 9.93, Tổng thống Nga Boris Yeltsin đã bắt đầu cuộc tấn công chính-trị để loại bớt lực-lượng cộng-sản bảo-thủ đang hoành-hành tại Quốc-hội sau cuộc bầu-cử có thành-phần cộng-sản cũ tham-dự.

Mở đầu cuộc tấn công, TT Yeltsin cách chức Oleg Lobov, tái bổ nhiệm Yegor Gaidar vào chức vụ phó thủ tướng, nhất quyết thực hiện tới cùng chính sách cải cách theo đường lối kinh-tế thị-trường, nhằm thay-đổi tình hình kinh tế Nga mỗi lúc một tồi tệ hiện nay (lạm-phát 30% mỗi tháng, thâm-thủng ngân sách 60 tỉ mỹ kim).

Để giải-tán oốt những nhân vật bảo thủ cản trở công cuộc cải cách, Yeltsin đề nghị thành lập chính phủ liên Nga trong đó, mỗi vùng sẽ có tiếng nói mạnh hơn. Đáp lại lời kêu gọi của phe bảo thủ (và cả của cựu Tổng thống Liên-sô Gorbachev), Yeltsin đồng ý tổ chức bầu lại chức tổng thống với điều kiện phải bầu lại quốc hội trước đó 6 tháng.

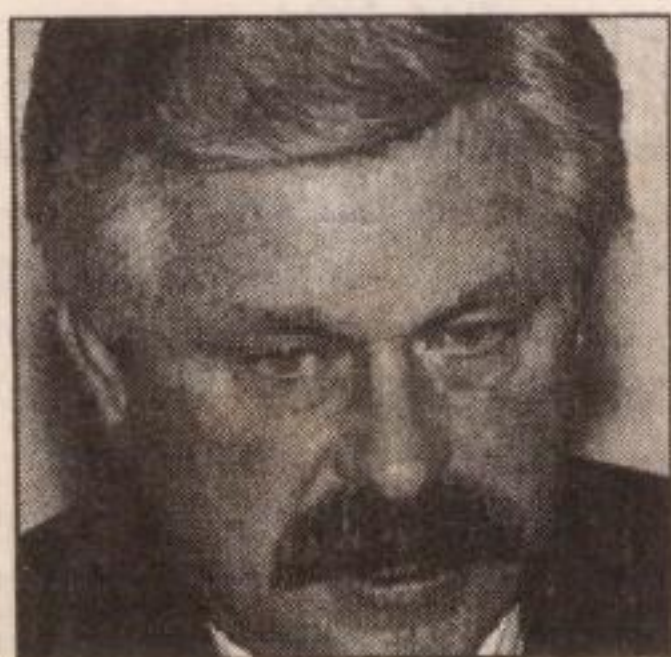
Hiến pháp hiện tại của Nga, di sản của quá khứ, là một trong những trở ngại hiện ràng buộc Tổng thống Yeltsin trong việc thực hiện những

cải cách chính trị trong nước. Vừa qua, TT Yeltsin đã thất bại trong việc loại trừ phó tổng thống Alexander Ruskoi và Ruslan Khasbulatov, các thủ lĩnh nhóm bảo thủ.

TT Yeltsin tuyên-bố giải-tán Quốc-hội và bầu lại vào tháng 12 năm nay. Quốc-hội Nga liên hợp khẩn-cấp, bỏ phiếu bất tín-nhiệm ông Yeltsin và bầu Phó Tổng-thống Alexander Ruskoi làm quyền tổng-thống. Phó TT Ruskoi, thủ-lãnh phe cộng-sản bảo-thủ đã tuyên-thệ nhậm chức tại Quốc-hội.

TT Yeltsin không tuân-thủ quyết-định của Quốc-hội, coi đó là hành-động vi-hiến và đưa nội-vụ lên Tòa án Hiến-pháp.

Tòa-án Hiến-pháp Nga hội xử và tuyên-bố rằng việc bất-tín-nhiệm ông Yeltsin có tính-cách hợp-hiến.



Quyền tổng-thống (hợp hiến) Alexander Ruskoi, thủ-lãnh phe cộng-sản bảo-thủ.

Hiện tình-hình chính-trị tại Nga hết sức rối-loạn, ngày nào cũng có các cuộc biểu-tình bên phe này, chống phe kia. Cảnh-sát, công-an ra đầy đường để giữ trật-tự.

Thủ-tướng Viktor Chernomyrdin tuyên-bố nội-các của ông hậu-thuần cho TT Yeltsin.

Các tướng-lãnh xác-định, quân-đội Nga trung-lập đối với vụ tranh-chấp quyền-lực hiện nay. Trên thực tế, quân-đội thuộc quyền chính-phủ (ủng-hộ Yeltsin) và Tổng tư-lệnh tối-cao là tổng-thống (Ruskoi, chống Yeltsin) là hai khối quyền-lực đối-chọi nhau. Dù quân-đội Nga tuyên-bố "án binh bất động", một cuộc nội-chiến có thể xảy ra bất cứ lúc nào,

chia cắt Nga thành nhiều mảnh nhỏ hơn. (kt&dt)

TỔNG TUYỂN CỬ TẠI BA LAN

Cuộc tổng tuyển cử ngày chủ nhật 29.9 tại Ba lan sẽ quyết định sự thành bại của công cuộc cải cách kinh tế trong nước, và cả công cuộc xây dựng dân chủ tại quốc gia mới thoát ách cộng sản này tại Đông Âu.

Các cuộc thăm dò tiền tuyển cử cho thấy các đảng Liên minh Dân Chủ Tả phái (SLD) và đảng Nông Dân Ba lan (PSL) đang thắng thế so với đảng Liên hiệp Dân Chủ của Thủ tướng đương quyền Hanna Suchocka. Hai đảng SLD và PSL, gồm những thành phần cựu cộng sản, chủ trương làm chậm các biện pháp tư hữu hoá và tăng chi phí xã hội, đồng nghĩa với việc tái lập các biện pháp kinh tế thời cộng sản.

Mặc dầu được coi là quốc gia Đông Âu thành công nhất trong chính sách tư bản hoá nền kinh tế, Ba lan đã không tránh khỏi những khó khăn trong việc chuyển hướng kinh tế. Hiện nay tỉ lệ thất nghiệp trong nước ở mức 15% (ba triệu người), lạm phát ở mức 35% và một số không nhỏ dân chúng lại mơ màng đến cuộc sống bao cấp xa xưa vì cuộc cải cách kinh tế đã làm tăng khoảng cách giữa người giàu và người nghèo.

Lo ngại trước kết quả của cuộc tuyển cử, Tổng thống Lech Walesa đã phải lên tiếng rằng ông sẽ chiến đấu chống lại đường lối cải cách và "không tôn trọng bất cứ chiến thắng nào trừ những chiến thắng của đa nguyên, dân chủ và kinh tế thị trường tự do."

Ở Ba lan hiện có đến 222 đảng chính trị, (trong đó có cả những đảng mang tên kỳ dị như Đảng Người Ba lan Hối Đầu, đảng Người Ba Lan Có Máy Quay Phim Video...), nhiều đến nỗi luật bầu cử mới đã phải qui định rằng mỗi đảng phái phải được 5% số phiếu phổ thông trước khi có quyền đưa ứng cử viên tranh ghế tại quốc hội. (kt)

GIA NÃ ĐẠI CHUẨN BỊ TUYỂN CỬ

Thủ tướng Kim Cambell đã quyết định tổ chức tuyển cử toàn quốc gia vào ngày 25 tháng 10, 1993.

Cuộc bầu cử sẽ là trận chiến đấu ngang ngửa giữa hai đảng Bảo-thủ Cấp-tiến (Progressive Conservative - PC) và Tự-do (Liberal). Đảng Tân Dân Chủ (New Democratic Party) hiện đang mất uy tín nặng nề, không đáng kể.

Thủ lãnh đảng PC, đương kim Thủ tướng, hiện có uy tín cá nhân cao nhưng đảng của bà bị ảnh hưởng xấu vì cựu thủ lãnh Brian Mulroney bị dân chúng coi là vị thủ tướng mất uy tín nhất trong lịch sử Gia nã đại. Đảng Bảo-thủ chủ trương đặt vấn đề giảm thâm thủng ngân sách lên hàng đầu.

Thủ lãnh Jean Chretien của đảng Tự-do có thể sẽ được nhiều cảm tình hơn của cử tri vì mạnh dạn đưa ra chủ trương tạo công ăn việc làm cho dân, một chủ trương rất thích hợp trong tình trạng tỉ lệ thất nghiệp đã lên đến hơn 11% trên cả nước.(kt)

FLORIDA: VÙNG ĐẤT TỬ-THẦN CỦA DU-KHÁCH

Florida, miền nắng ấm lý-tưởng của du-khách thế-giới đã trở nên tồi-tệ từ khi phong-trào bắn giết du-khách lên cao trong 6 tháng qua.

Du khách thứ 9 bị bắn chết tại Miami (Florida, Hoa kỳ) là một người Anh tên Gary Colley. Ông Colley bị bắn chết khi cùng một người bạn gái ngừng xe trên xa lộ Interstate 10 để nghỉ ngơi.

Người ngoại-quốc thứ 10 bị hạ-sát là một sinh-viên Thổ-nhĩ-kỳ, vừa sang Florida du-học được một tháng và bị nhận lầm là du-khách.

Bọn cướp thường chặn đánh các xe mang bảng số Gia-nã-đại do các du-khách lái sang. Ngoài ra, chúng theo dõi để cướp các xe cho thuê, dù các xe này đã lột bỏ nhãn công-ty thuê xe trên kính và bảng số.

Khi đánh hơi được con mồi du-

khách, bọn cướp dùng xe hơi đuổi theo, đụng vào phía sau xe du-khách. Sau khi bị đụng, du-khách thường dùng xe lại để xem xét thiệt-hại và chờ cảnh-sát tới lập biên-bản. Xe vừa ngừng, bọn cướp xuống xe xông tới chìa súng cướp ngay.

Các tòa lãnh-sự và các văn-phòng du-lịch luôn luôn phát cho du-khách một tập sách hướng-dẫn về cách đề-phòng bị cướp. Qua đó, khi tình-nghi bị bọn cướp dùng xe hơi tông từ phía sau tới, du-khách không nên dừng lại mà phải chạy thẳng tới chỗ đông người hay trạm cảnh-sát để được bảo-vệ. Tuy-nhiên, nhiều du-khách khi bị bọn cướp tông xe, đã lái xe chạy đi, nhưng vẫn bị bọn cướp đuổi theo bắn chết gục ngay trên tay lái về "tội" bỏ chạy!

Vì số du-khách tới Miami và các thành-phố miền Nam Florida đã giảm, nhiều băng cướp đã lần dò lên tận Daytona, Orlando và Tampa ở miền trung tiểu-bang để làm ăn.

Trước kia hàng năm có khoảng 40 triệu du-khách tới Florida, mang lại con số lợi-tức khổng-lồ cho tiểu-bang này là 31 tỉ mỹ-kim. Trong số 40 triệu du-khách có 2,5 triệu du-khách Gia-nã-dại; 1,1 triệu người Anh, nửa triệu người từ các nước vùng biển Caribbeans, nửa triệu người Đức, một phần tư triệu người Ba-tây, một phần tư triệu người Mễ-tây-cơ và du-khách từ các nước khác. Từ khi các vụ cướp-bóc du-khách xảy ra, Florida đã mất đi khoảng 1/3 số du-khách trong mùa hè 1993, gây thiệt-hại cho tiểu-bang hàng chục tỉ mỹ-kim.

Nguy-cơ của Floriada là có thể mất tới 95% du-khách trong năm 1994, đưa kỹ-nghệ du-lịch tại Florida vào tình-trạng phá-sản toàn diện.

Đồng-bào tị-nạn Việt-nam nên lưu ý tránh xa Florida cho tới bao giờ tệ-nạn cướp-bóc ở đây bị dẹp hẳn.

Những vụ giết chóc du khách liên tiếp tại các thành phố du lịch tại Hoa Kỳ đã trở thành đầu đề của báo chí ngoại quốc, nhất là các báo ở

Anh, Đức và Gia nã đại. Nhiều thành phố khác ở Hoa kỳ cũng được báo chí nêu tên là những điểm du lịch nguy hiểm, thí dụ như khu phố Manhattan của thành phố New York, và vùng tây nam Los Angeles.

Ngoài ba khu-vực nói trên tại Hoa-kỳ, trong số các nơi bị ghi nhận là "nguy hiểm cho du khách" còn có Ái-nhĩ-lan, Thổ-nhĩ-kỳ và Ai-cập. (kt&dt)

HOA KỲ TIẾP TỤC DUY TRÌ LỆNH CẤM VẬN VỚI CS VN

Tuy cho phép doanh nhân Hoa kỳ được quan hệ thương mại với Việt Nam, Tổng thống Mỹ Bill Clinton vẫn tiếp tục duy trì lệnh cấm vận với chế độ CS.

Đây là hậu quả thái độ thất tín của CSVN trong việc giải quyết vấn đề tù binh Hoa kỳ và những người mất tích trong chiến tranh, về những vi phạm của nhà cầm quyền Hà nội đối với nhân quyền của người dân trong nước.

Đầu tháng 9 vừa qua, Ủy ban Liên hợp Nga Mỹ về người Mỹ mất tích ở VN vừa trao thêm cho Hoa kỳ một tài liệu tối mật mang tên Văn bản Mạc tư khoa 2. Tài liệu này là một phúc trình do Bí thư Hoàng Anh đọc năm 1971 trước Hội nghị lần thứ 20 BCH TƯ đảng Lao Động VN trong đó có đoạn ghi: "...tổng số nhân viên trong phi hành đoàn Hoa kỳ bị chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà bắt giữ là 735. Như tôi đã báo cáo là chúng ta chỉ lập danh sách 368 nhân viên phi hành đoàn..."

Trong phiên họp ngày 8.9 tại Thượng viện Hoa kỳ, Thượng nghị sĩ Robert Smith đã quả quyết tài liệu Văn bản Mạc tư khoa 1 (báo cáo của tướng VC Trần Văn Quang về tù binh Mỹ năm 72, do giáo sư Stephen Morris phát giác) là tài liệu thật, được chính tướng Dimitri Volkogonov, trưởng phái bộ Nga trong Ủy ban liên hợp Nga Mỹ tìm kiếm người Mỹ mất tích trong chiến tranh, xác nhận. (kt)

NẠN LẠM-PHÁT TẠI NAM-TU

Quốc-gia Nam-tư gồm các tiểu-bang còn lại, hiện lâm vào tình-trạng lạm-phát khủng-khiếp với tỉ-lệ 20% mỗi ngày. Một người Nam-tư cầm một tờ giấy bạc 500.000 dina trong tay, qua một đêm, tới sáng hôm sau, mãi-lực chỉ còn 400.000 dina, và sau một tháng, chỉ dùng để mua được một món hàng trị giá... 600 dina mà thôi!

Hồi tháng 2.93, Nam-tư cho phát-hành tờ giấy bạc 1 triệu dina, trị giá tương-dương 666 mỹ-kim.

Đến tháng 5.93, Nam-tư lại phát-hành giấy bạc 5 triệu dina, trị giá 12,5 mỹ-kim.

Tháng 8.93, Nam-tư phát-hành giấy bạc 50 triệu dina, trị giá tương đương 3 mỹ-kim. (dtn)

TIỀN MẤT TẬT MANG, CHIẾN-TRANH CAO-MIÊN TÁI-PHÁT

Cả thế-giới đã dồn hết tâm-lực, tài-lực vào, cố-gắng kiến-tạo một nền hòa-bình Quốc-Cộng, nhưng kết-quả vẫn không tới đâu. Cuộc chiến-tranh giữa Khờ-me đỏ và chính-phủ Nam-vang do Sihanouk lãnh-đạo đã tái-phát.

Tại miền trung Cao-miên, hai bên đánh nhau tới cấp trung-đoàn. Quân Sihanouk hạ-sát 18 lính Khờ-me đỏ, bắt sống 75 tên, tịch-thu 300 súng đủ loại, kể cả phi-tiền. Phía quân chính-phủ có 10 chết, 87 bị thương, 4 mất-tích.

Trận chiến diễn ra tại huyện Xtung, tỉnh Kongpong Thom ven quốc-lộ 6 kéo dài suốt 20 ngày khiến 5000 dân phải di-tàn khỏi vùng giao-tranh.

Ngày 18.8, đại quân Nam-vang đã mở cuộc tấn-công qui-mô vào căn-cứ hậu-cần lớn nhất của Khờ-me đỏ tại Phumchat, tỉnh Bantay Mienchay. Trước thế mạnh của Nam vang, Khờ-me đỏ đã phải rút quân khỏi căn-cứ để bảo toàn lực-lượng.

Khờ-me đỏ sau đó yêu-cầu Nam-vang hợp chung, nhưng bất thành. □



tin việt-nam

Dương Thượng Ngã phụ-trách

GIẬN BỐ, CẮT GÂN CON

Nguyễn Hữu Tâm, 27 tuổi, ở Thọ-xuân, Thanh-hóa, đã bị truy-tố về tội gây thương-tích cho em Hoàng Thị Thu, 4 tuổi là người cùng xóm.

Nguyên sau một trận cãi vã dữ dội với bố em Thu, tên Tâm đã lên bắt-cóc em mang ra đồng. Tâm đã dùng lưỡi mác vót tre cắt đứt tất cả gân hai gót chân của em Thu, băng bó sơ-sài rồi bỏ mặc em ở đó, y thông-thả ra về.

May cho em bé vô tội, dân làng đi mót lúa ngang qua trông thấy em, đã kịp mang về làng cứu-cấp. Thấy trong xóm chộn-rộn, tên Tâm hoảng-sợ bỏ trốn vào Đà-nẵng nhưng cuối cùng vẫn bị bắt, chờ ngày lãnh án. (dtn)

NẠN NÀNG DÂU MẸ CHỒNG

Tòa án huyện Bình-chánh đã xử Tô Văn Tám, ngụ ở ấp 1 huyện Bình-chánh, thành Hồ 30 tháng tù và mẹ y, Phan Thị Sáu 12 tháng tù treo về tội bức tử Huỳnh Thị Bé Ba, 24 tuổi.

Nạn-nhân Huỳnh Thị Bé Ba về làm dâu bà Sáu từ năm 20 tuổi, tới này đã được hai mặt con. Bà Sáu thường ghen tị với con dâu, không cho Tám tỏ ra âu-yếm, săn-sóc vợ. Bà còn tìm cách gây mâu-thuân để Tám đánh đập Bé Ba nhiều lần có thương-tích. Có lần chính bà cũng xua đuổi

con dâu ra khỏi nhà rồi đóng cửa lại, mặc cho Bé Ba chịu một trận mưa suốt đêm tới sưng phồng vì cảm lạnh.

Mới đây, Tám và mẹ đuổi Bé Ba và hai con nhỏ ra khỏi nhà. Hàng xóm thương-tình che chòi cho ba mẹ con ở. Ngày ngày Bé Ba nách hai con, đứa nhỏ nhất mới 3 tháng, lê-la bán vé số dọc theo các hàng ăn ngoài lề phố để kiếm sống.

Bà mẹ chồng ác-nghịch vẫn không tha, tới tận chòi xỉa-xối chửi mắng và báo cho biết là bà đang đi hỏi vợ khác cho Tám. Đêm đó, Bé Ba treo cổ chết trên cây me, bỏ lại hai con thơ dại.

Tô Văn Tám và mẹ đã bị câu-lưu và tuyên án như trên. (dtn)

GỬI THUỐC BẮC VỀ VN PHẢI "ĐĂNG KÝ"

Bộ Y-tế CSVN ra quyết-định số 577 BYT/QĐ, ban hành qui-chế "đăng ký" và giấy phép nhập khẩu theo qui-định rằng "thuốc nhập vào VN phải đảm bảo qui-cách, phẩm chất qui-định theo Dược điển VN hoặc của nước có thuốc sống nhập vào VN."

Kể từ nay, ai muốn gửi thuốc bắc về VN phải liên-lạc với bộ Y-tế (VC) để xin "đăng ký giấy phép." (dtn)

TAI-NẠN GIAO-THÔNG TẠI THÀNH HỒ

Trong 6 tháng đầu năm 1993, có tới 115 người chết và 424 người bị

thương trong 335 tai-nạn giao-thông tại thành Hồ. Hơn 50% tai-nạn giao-thông do xe gắn máy gây ra và 80% xảy ra trên các đoạn đường thẳng và rộng. Trong số các nạn-nhân, có 6 "Việt-kiều" chết và 38 bị thương. (dtn)

CSVN DỪNG PHẬT-GIÁO QUỐC-DOANH "ĐÁNH" PHẬT-GIÁO

Nhận được chỉ-thị của Ủy ban tôn-giáo Trung-ương Đảng, Thành-hội "Phật-giáo" Hà-nội đã tổ-chức hội-nghị lên án Hòa-thượng Thích Huyền Quang và Giáo-hội Phật-giáo VN Thống-nhất.

Theo bản tin do hội-nghị đưa ra, "toàn-thể tăng-ni, Phật-tử thủ-đô" đã lên án "ông Lê Đình Nhân tức tu-sĩ Huyền Quang ở chùa Hội-phước, Quảng-ngãi". Nội-dung bức "thỉnh nguyện thư" của hội-nghị Phật-giáo quốc doanh Hà-nội trình lên chính-quyền cộng-sản có đoạn như sau:

"Thống-nhất Phật-giáo cả nước là nguyện-vọng thiết-tha của tăng-ni, Phật-tử hàng thế-kỷ nay, nhưng trước đây chưa thực-hiện được vì đất nước liên-tục bị chiến-tranh. Sau chiến-thắng lịch-sử 1975, Tổ-quốc hoàn-toàn độc-lập và thống-nhất mới có thuận duyên thực-hiện nguyện-vọng thống-nhất Phật-giáo cả nước."

Trải qua 3 kỳ Đại-hội, Giáo hội Phật-giáo VN (quốc doanh) không ngừng trưởng thành, phát-triển trong mọi lĩnh-vực hoạt-động đối với đạo pháp, dân-tộc. Thành-hội Phật-giáo Hà-nội rất tự-hào với những thành-quả đó."

Nhận lệnh của ban Tôn-giáo đảng Cộng-sản để chống lại Giáo-hội Phật-giáo Việt-nam Thống-nhất, Phật-giáo quốc-doanh còn giả vờ "đề-nghị" ban Tôn-giáo... dừng công-nhận Giáo-hội, trong khi trên thực-tế chẳng những ban Tôn-giáo không công-nhận mà còn bỏ tù các tăng-sĩ lãnh-đạo Giáo-hội.

Trong khi một mặt vẫn giam-cầm tu-sĩ Phật-giáo, ban Tôn-giáo

mặt khác ra lệnh cho Phật-giáo quốc-doanh "thình-cầu" Nhà nước "kiểm-tra, làm rõ và trừng-trị" không riêng gì Hoà thượng Huyền Quang, quyền Viện-trưởng viện Hóa-đạo, mà còn "tất cả những người lợi-dụng tôn-giáo phá-hoại sự đoàn-kết dân-tộc, chia rẽ giáo-hội, chống chính-quyền." Nhà nước còn tổ-chức biểu-tình chống Phật-giáo, nhưng chỉ loe-hoe vài tầng ni quốc-doanh đầu vừa mới cạo, mồm miệng mở ra chỉ hô toàn khẩu-hiệu ca-tụng Đảng và Nhà nước.

Việc dùng Phật-giáo (giả) để chống Phật-giáo do Hà-nội chủ-trương càng để lộ rõ kế-hoạch đàn-áp tôn-giáo một cách qui-mô của đảng Cộng-sản Việt-nam. Trước sự kiện đó, chẳng những Phật-tử Việt-nam không nhụt chí, không bị lung lạc, còn cương-quyết siết chặt hàng ngũ, sẵn sàng xả-thân cho đạo pháp và dân-tộc. (dtn)

HỆ-THỐNG "XAY XÁT" 6 TẤN LÚA / GIỜ

Theo báo Sài-gòn giải-phóng ngày 6.8, Xí-nghiệp Cơ-khí Long-an đã thiết-kế, chế-tạo và lắp-đặt thành-công cho Nông-trường Quốc-doanh Sông Hậu (Cần-thơ) một hệ-thống máy chà lúa có năng-suất 6 tấn một giờ, đạt tới 60% lượng gạo.

Đây là một kỷ-lục, bên cạnh những kỷ-lục khác, như "hạ gạo" Phạm Quang Tài, có tài làm biến mất 258 tấn lúa chỉ trong vòng hai ngày (48 giờ)!

XÂY MỘT HỒNG HAI

Báo VC Sài-gòn giải-phóng số ra ngày 21.8 loan tin, một số nhà cửa và chúng-cư đã sụp đổ vì sự cầu-thả của các hãng thầu xây cất quốc-tế làm việc gần đó.

Để tiết-giảm chi-phí, các hãng này đã sử-dụng bữa-bãi các loại búa đầu từ 2,5 tấn đến 10,5 tấn để đóng cọc lớn xuống lòng đất, thay vì dùng búa khoan hay búa điện. Đặc-tính của loại búa đầu này là gây

chấn-động mạnh trong lòng đất và tiếng động khủng-khiếp làm hại tai người.

Tại đường Lê Thánh Tôn (quận I), công-ty Đài-loan dùng búa đầu đóng cọc bê-tông làm nứt tường hai căn nhà kế-cận và đổ-đạc trong nhà rơi vỡ hết.

Tại đường Nguyễn Huệ, công-ty Tân-gia-ba đóng 400 cây cừ vcuông 4 tác, sâu 25 thước làm hỏng 9 căn nhà kế-cận.

Chúng cư 88 Hồ Tùng Mậu với 27 gia-đình sinh sống và 3 căn nhà lân-cận bị chấn-động làm sập tường hôm 9.8 khiến 1 người chết.

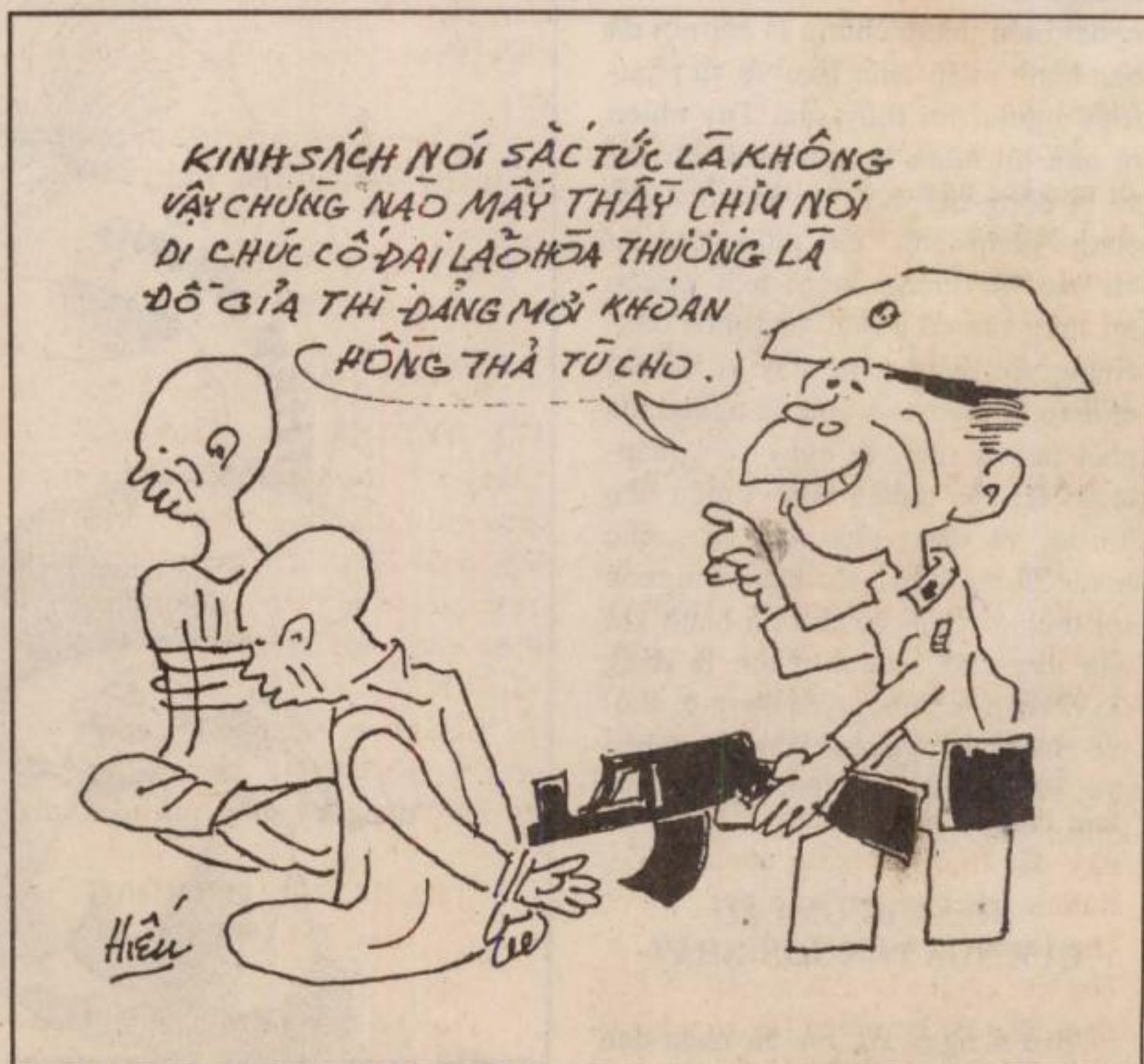
Các đoàn-thể quần-chúng hiện đang kêu ca, yêu-cầu nhà nước ban hành đạo luật hạn-chế hoặc cấm dùng búa đầu trong các công-trường xây cất nội-ô thành-phố để tránh thiệt-hại cho dân-chúng. Hiềm một nỗi, các công-trường này phần lớn do các công-ty Đài-loan, Tân-gia-ba, Hương-cảng và Hoa-lục phụ-trách, họ sẵn-sàng bỏ ra một món tiền vừa phải để "đắm mồm" cán-bộ nhà nước cho qua chuyện, thay vì bỏ

ra hàng chục triệu mỹ-kim để mua các dàn búa khoan, búa điện tân-kỳ hơn để thay cho loại búa đầu cổ-lỗ-sĩ. Chỉ khổ dân đen! (dtn)

NẠN TẬN DIỆT NGUỒN LỢI THỦY-SẢN

Đối với một quốc-gia có tới 2200 câu số bờ biển như Việt-nam, nguồn lợi thủy-sản là một kho-tàng vô giá có thể nuôi sống ít nhất 1/3 dân-số vùng duyên-hải. Tuy nhiên, đánh cá phải có phương-pháp và tôn-trọng triệt-để các qui-luật về môi-trường sinh-thái, không bắt cá con, cá chưa, v.v.

Ngư-dân Việt-nam vốn nghèo, không đủ sức sắm thuyền lớn để bắt cá ngoài khơi, phần lớn chỉ làm ăn quanh-quẩn ven biển, khôn thay, lại đúng vào các độ sâu lý-tưởng nơi cá đẻ và lớn lên. Mật-độ thuyền đánh cá tại các vùng này lên tới từ 30 đến 50 chiếc trên một cây số vuông mặt biển, và cả nước hiện nay có hơn 60.000 thuyền đánh cá đủ loại. Người nhiều cá ít, ngư dân càng



ngày càng thất lại các mắt lưới, bỏ lưới mắt lớn, dùng lưới mắt nhỏ để bắt được nhiều cá hơn.

Tại vùng Bạch-long vĩ (vịnh Bắc Việt), nơi có nhiều cá song núi rất quý, ngư-dân trước kia chỉ bắt cá loại 2 kí trở lên, nay sửa lại lưới để bắt cá đang lớn, mới có 500g.

Tại biển Vũng-tàu, tôm loại 1 và 2 ngày nay chỉ còn lại khoảng 3 tới 5% (trước kia: 25%).

Ngoài ra, các loại cá chấy, cá mòi ngày nay gần như tuyệt-chủng trên biển Việt-nam.

Về ô-nhiễm môi-sinh do tàu bè qua lại ngang qua Đông hải cũng hết sức đáng ngại. Lượng *hydrocarbon* trong nước biển VN lên tới 1,5mg/lít, cao gấp 30 lần chỉ-số bình-thường. Sự ô-nhiễm này một phần do hậu-quả vụ tàu Lee La (Syre) đắm ngày 10.8.1989 tại đầm Thị Nại, đổ ra biển 220 tấn dầu.

Nạn dùng chất nổ đánh cá và châm điện vào nước để bắt cá, cũng là một trong những nguy-cơ phá hoại môi-sinh.

Nhà nước CSVN không phải là không biết về sự tàn-phá môi-sinh ngoài biển, bằng chứng là Hà-nội đã ban hành pháp-lệnh Bảo-vệ và phát-triển nguồn lợi thủy-sản. Tuy-nhiên từ *ban tới hành* là một bước rất xa, và bị đồng tiền hối-lộ cản-trở. Cuối cùng "pháp-lệnh" chỉ giúp công-an và các lực-lượng kiểm-soát nguồn lợi thủy sản có cơ để hạnh-hoạ dân-chúng vói thêm tiền, thay vì bảo-vệ môi-sinh. Ngư-dân vốn đã nghèo, đã phải bắt cá nhỏ, từ ngày có "pháp-lệnh" lại còn nghèo hơn vì món tiền hối-lộ, và càng phải bắt cá ...nhỏ hơn! Chung qui, việc bảo-vệ nguồn lợi thủy-sản chỉ có thể thi-hành khi nào dẹp được chánh-phạm là đảng CSVN cùng chính-quyền tham-ô, phò-sản của đảng, nguyên-nhân của nghèo đói, bất-ổn và trăm điều ngang ngửa khác. (dtn)

VỤ ÁN BUÔN LẬU QUANGẢ TÂN-SƠN-NHẤT

Sau 4 ngày xử, tòa án nhân-dân

thành Hồ kết thúc vụ án buôn lậu tại phi-trường Tân-sơn-nhất với bản án như sau:

- Trần Xuân Tuấn (Tuấn đen), 104 lần mang hàng lậu, 95 lần mang đồ-la lậu, được trả công tổng cộng 91.000 mỹ-kim: 13 năm 11 tháng 24 ngày tù.

- Henry Long Tài và vợ là Trương Thị Mực, mang lậu ra ngoại-quốc 1.529.207 mỹ-kim và 2.400 úc-kim, mang lậu vào 222 kí vàng: tù chung-thân.

- Trần Châu Hà, thay chồng là Phan Anh Tuấn (Giám-đốc Hải-quan thành Hồ), nhận hối-lộ 31 lượng vàng, tiền VN tương-đương 15 lượng vàng, 1 xe *dream*, 1 máy *cassette*: 13 năm tù về tội nhận hối-lộ.

Phan Anh Tuấn vì là đảng viên cao-cấp nên được miễn tố, chỉ bị cách chức và chuyển công-tác.

- Lê Ngọc Cẩm-Lệ, thay chồng nhận hối-lộ: 16 năm tù.

- Phạm Văn Hương, nhận hối-lộ: 11 năm tù.

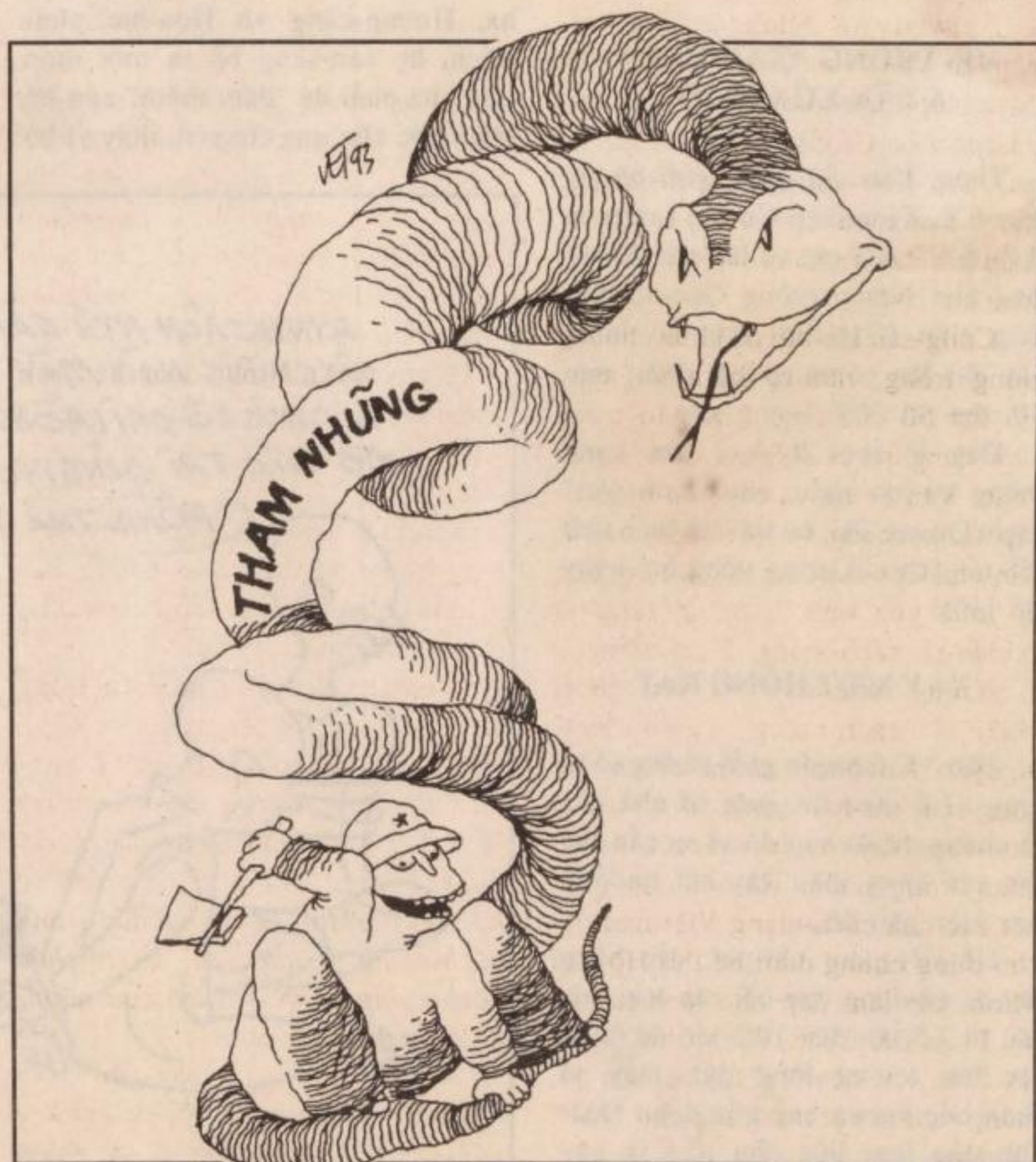
- Nguyễn Vũ Chiêu, nhận hối-lộ: 19 năm tù.

- Võ Chiến Thắng, nhận hối-lộ: 6 năm tù. (dtn)

VƯỜN THÚ HÀ-NỘI KÊU CỨU

Báo VC *Văn-nghệ* số ra ngày 14.8.93 đã đăng một bài khá dài, tựa đề "*Vườn thú Hà-nội kêu cứu*", cho biết Ủy-ban "Nhân-dân Thành-phố Hà-nội quyết-định dẹp bỏ Vườn Thú, nơi nghỉ-ngơi và giải-trí của hàng triệu dân nghèo để xây một khách-sạn 5 sao nhằm câu tiền du-khách ngoại-quốc.

Được biết Vườn Thú Hà-nội rộng 24 mẫu tây (khoảng 60 acres), nằm trên bờ hồ Thủ-lệ, có 600 giống cầm thú hiếm quý, chính là nơi di-dưỡng tinh-thần của hàng triệu dân nghèo



Hà-nội, vốn thiếu-thốn phương-tiện giải-trí.

Đùng một cái, không cần hỏi qua ý-kiến Giám-đốc Vườn Thú, UBND Hà-nội gọi một công-ty liên-doanh ngoại-quốc góp vốn để xây-cất một khách-sạn 5 sao cùng siêu-thị và các công-trình phụ-thuộc, trị giá tổng cộng 15 triệu mỹ-kim. Diện-tích xây cất chỉ chiếm 3 trong 24 mẫu, nhưng tất cả cảm thú sẽ bị di-chuyển đi nơi khác (chưa định rõ là nơi nào) để biến Vườn thú Hà-nội thành công-viên Thủ-lệ, làm tôn vẻ đẹp và sự sang-trọng cho khách-sạn 5 sao này.

Báo Văn-ngệ và nhiều nhân-vật quần-chúng đang lên tiếng khấn-thiết kêu-gọi duy-trì Vườn Thú, chưa biết nội-vụ sẽ ngã ngũ ra sao. (dtn)

NƯỚC MÁT CÁ SẤU KHÓC NGUYỄN AN NINH

Nguyễn An Ninh (tên thật là Nguyễn Văn Ninh), sinh năm 1900, tốt-nghiệp Luật-khoa tại Hà-nội, tác-giả cuốn *Le Cloche Fêtlée* (Chuông rạn), lập Cao-vọng đảng để chống Pháp, sau theo cộng-sản đệ tứ, bị Pháp bắt đày ra Côn-đảo và chết tại đó năm 1943.

Cộng-sản Hà-nội đã khua chuông gióng trống, rầm-rộ kỷ-niệm ngày giỗ thứ 50 của ông. Các báo trong nước đăng bài của Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng và các cán-bộ cao-cấp từng chung tù với Nguyễn An Ninh tại Côn-đảo, kể thì ca-tụng ông là “nhà yêu nước”, người tung-ho “chiến-sĩ cách-mạng kiên-cường.”

Trong thực-tế, “nhà yêu nước, chiến-sĩ cách-mạng kiên-cường” Nguyễn An Ninh đã bị chính tay cộng-sản sát-hại trong nhà lao ở Côn-đảo. Nay cần ve-vuốt các thành-phần trong nước, Hà-nội cho gom hết các nhà cách-mạng Việt-nam lại cho đứng chung dưới bệ thờ Hồ Chí Minh, cốt làm đẹp cho lãnh-tụ của họ. Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Ký Con, v.v. đều “bị” CS bôi son đỏ, mang ra làm vật trang sức cho “bác” và đảng.

Trong khi Hồ Chí Minh bán cụ Phan Bội Châu cho Pháp thì Tôn Đức Thắng và Phạm Hùng sát-hại Nguyễn An Ninh tại Côn-đảo.

Nhà văn An Khê, qua cuốn *Từ Khám Lớn tới Côn-đảo*, khi nhắc tới Nguyễn An Ninh tại Côn-đảo, có đoạn viết: “Ông Ninh thấp lùn, đi làm ngoài nắng đen thui, vừa về đến khám phải cởi quần áo tù ra để ăn cơm. Ông chạy lúp-xúp, nơi lưng đeo sợi dây đen cẩu, tóc xõa phủ vai (vì bị tù cộng-sản cô-lập, không hớt tóc cho)... Nguyễn An Ninh lại bị bọn tù cộng-sản (đệ tam) ghét bỏ, cô-lập và không ngớt ám-hại.” (trang 176)

Giết được Nguyễn An Ninh rồi, tù cộng-sản còn theo dõi, rình-mò quanh mả xem ai lên đến đắp mộ, lễ bái để báo-cáo cho mật-thám Pháp, hoặc đuổi đánh dần mặt.

Ngày nay, CSVN dơ đáng nhận vợ tất cả những người chống Pháp là “đồng chí”, quả là một hành-động khiến người hiểu chuyện phải lợm giọng!

Trên báo Sài-gòn giải-phóng ngày 14.8.93, Nguyễn Văn Linh viết “ở trong tù, Nguyễn An Ninh luôn luôn đoàn-kết với chúng tôi, những người cộng-sản” (?) và “khi ông lâm bệnh mất đi, chúng tôi đã cử lễ truy-diệu ông rất long-trọng.”

Nguyễn An Ninh “đoàn-kết” với cộng-sản đệ tam thì chưa chắc là đúng, nhưng cộng-sản đệ tam làm lễ “truy-diệu long-trọng” thì có thể. Giết người xong, CSVN truy-diệu long-trọng để đánh lạc hướng dư-luận là chuyện vẫn thường xảy ra. Lại trò nước mắt cá sấu!

Trong khi đó, Phạm Văn Đồng viết: “Chúng tôi (Nguyễn An Ninh và Đồng) đã trải qua nhiều thời-gian để thảo-luận và tranh-luận rất là gay-gắt về những vấn-đề cực-kỳ quan trọng, những quan-điểm về học-thuyết Mác-Lênin, về đấu-tranh cách-mạng ở nước ta, về tổ-chức cách-mạng và về vai-trò của quần-chúng của nhân-dân.”

Đã “tranh-luận gay-gắt” với Tổng Bí-thư đảng CSVN về “những vấn-đề cực kỳ quan-trọng”, tất nhiên

Nguyễn An Ninh tất phải gánh lấy hậu-quả thảm-khốc.

Phạm Văn Đồng đã vạch mặt... Nguyễn Văn Linh trước công-luận. Nếu Đồng nói đúng thì Nguyễn Văn Linh nói dối, không thể có hai sự thật chòì nhau. Trò hề “truy-diệu” và “kỷ-niệm” của CSVN không lừa được ai nữa. (dtn)

HẠN HÁN VÀ HOÀ-HOẠN

Nạn hạn hán xảy ra tại tỉnh Quảng-nam Đà-nẵng, làm hại 15.000 mẫu lúa hè thu và lúa vụ 3. Khô nhất là vùng trung-du Quế-sơn, Thăng-bình, núi Thành, Hòa-vang, Tiên-phước, Hiệp-đức và Đại-lộc.

Mực nước sông tại các huyện này xuống thấp, khiến nước mặn từ biển tràn dần vào. Độ nước mặn lên cao tới 5/1000 khiến các trạm bơm ở Tứ Cầu và Cẩm-sa phải ngưng máy để tránh thiệt-hại.

Cũng tại Quảng-nam Đà-nẵng, hòa-hoạn đã xảy ra tại thôn 2 Quế-thọ thuộc huyện Hiệp-đức, lan rộng 400 mét, dài 1000 mét, thiêu hủy 63 nóc nhà, gây thương-tích cho 1 người và cảnh màn trời chiếu đất cho 150 người. (dtn)

ĐÔNG BÃO TẠI BẾN TRE

Ngày 19.8, một trận mưa đông dữ-dội đã tràn qua tỉnh Bến Tre, làm sập 115 căn nhà, 13 phòng học và phá hỏng hoa màu trị giá khoảng 5 tỷ đồng tiền Hồ. Ba huyện chịu thiệt-hại nặng nhất là Ba-tri, Thạnh-phú và Mỏ Cày. (dtn)

BÃO WINONA TRÊN BIỂN ĐÔNG

Hôm 24.8, bão Winona tập-trung ngoài biển Đông, cách Bình-định 800 cây số về phía đông. Sức gió tại tâm bão lên đến cấp 8 (75km/giờ). Bão di-chuyển về phía tây bắc với tốc-độ 15km/giờ, tiến dần vào vịnh Bắc-phần, gây thiệt-hại cho vùng duyên-hải từ Nghệ-an tới Quảng-ninh.

TỆ-NẠN BUÔN LẬU

Mặc Đảng và Nhà nước CSVN gào thét, tệ nạn buôn lậu vẫn tiến nhanh tiến mạnh tiến vững chắc hơn bao giờ hết. Vì sao? Vì Đảng và Nhà nước gào thì nhiều mà làm chẳng bao nhiêu! Phần nữa, guồng máy buôn lậu mọc rễ đâm sâu vào tận trung-ương Đảng, trở thành một thế-lực to lớn, không dễ gì đụng vào.

Báo *Quân-đội nhân-dân* ngày 28.8.93 đã dành bốn cột đăng bài "Bài toán buôn lậu chưa có lời giải tối-ưu" để mô-tả tình-trạng này.

Bài báo có đoạn viết: "Tình-hình buôn lậu đang diễn ra nghiêm-trọng và phổ-biến ở nhiều nơi. Diện-mặt hàng buôn lậu tăng lên từ thứ-lặt-vật đến thứ có giá-trị lớn (như xe ô-tô) theo lực hấp-dẫn của thị-trường và lợi nhuận. Hoạt-động buôn lậu diễn ra trong mọi thành-phần kinh-tế, trong một số cơ-quan chính-quyền. Nhà nước, đoàn thể xã-hội và lan sang cả một số người trong lực-lượng trực-tiếp đấu-tranh chống buôn lậu. Buôn lậu thu hút đông-đảo dân-cư biên-giới, vùng xuôi lên hình thành đội quân cứu vãn, có "đầu gấu" bảo-vệ hàng. Hàng xuất-khẩu nhập lậu bằng mọi con đường (đường bộ, đường biển, đường hàng-không) dưới mọi hình-thức xuất-nhập-khẩu mậu-dịch, tiểu ngạch biên giới, gia-công, quá cảnh, mượn đường, viện-trợ, quà biếu, hàng nước ngoài gửi về... Địa-bàn quan-trọng nhất vẫn là các vùng biên-giới, cửa khẩu Tây Nam, phía tây, phía bắc và ven biển. Buôn lậu đã hình thành tổ-chức, móc nối thành mạng lưới, gắn chặt với các tổ-chức kinh-tế quốc doanh, với các cán-bộ mất phẩm chất trong bộ máy nhà nước. Các phương tiện Nhà nước đang bị sử-dụng vào việc vận chuyển, tiếp tay cho chúng như tàu thủy, xe lửa, máy bay, kho-tàng, bến bãi, vừa lén-lút, nhưng cũng rất công-khai, thậm chí hoạt-động trắng-trợn thách-thức và trấn-áp các cơ quan bảo-vệ pháp-luật và cán-bộ, chiến-sĩ trên mặt trận chống buôn lậu.

Nói như vậy, để nhấn mạnh rằng: buôn lậu và các hành-vi kinh-doanh trái pháp-luật khác hiện nay đang là một trong những tệ-nạn xã-hội cần phải nghiên-cứu, xem xét, thấy rõ nguồn-gốc phát sinh, phát-triển, thấy rõ bản-chất của nó, để từ đó đặt ra có đối-sách phù-hợp về mặt kinh-tế và xã-hội thì mới ngăn-chặn, phòng ngừa và đấu-tranh có hiệu-quả.

Đường lối xử lý các tệ nạn buôn lậu và các hành-vi kinh-doanh trái phép khác hiện nay chưa được thống-nhất, kiên-quyết trong pháp-luật xử lý, chưa tạo ra dư-luận xã-hội lên án gay-gắt và bài-trừ chúng..."

Qua bài báo nói trên, người đọc có thể mừng-tượng hình-ảnh con quái-vật "buôn lậu" to lớn cỡ nào trong chính-quyền VC, để có thể "trấn áp các cơ-quan bảo-vệ pháp-luật" và các cán-bộ, chiến-sĩ chống buôn lậu. Không cần phải xem-xét kỹ lắm, cán-bộ và chiến-sĩ cũng hiểu rõ "nguồn-gốc phát-triển, phát sinh" của nạn buôn lậu. Nguồn gốc phát sinh là vì dân đói. Nguồn gốc phát triển là vì chính-quyền chuyên-chính có quá nhiều quyền, dẫn tới nạn lạm quyền.

Muốn dẹp buôn lậu, phải dẹp chính-quyền xã-hội chủ-nghĩa trước, nghĩa là phải dẹp cơ-quan quyền-lực phát-triển và bảo-vệ buôn lậu! Không thấy tác-giả bài báo nói trên đề-cập điểm trọng-yếu này. Như vậy, "bài toán buôn lậu" không phải là "chưa có lời giải tối ưu" mà thực-sự hoàn-toàn chưa có lời giải nào cả! (dtn)

BỘ-TRƯỞNG THƯƠNG-MẠI "THĂM LÉN" GIA-NÃ-ĐẠI

Bộ-trưởng Thương mại VC Lê Văn Triết đã "lén" công-du Gia-nã-đại trong bảy ngày từ 21 đến 28.8 vừa qua. Gọi là "lén", vì chính-phủ Gia-nã-đại đã phải ém nhẹm sự có mặt của Triết đối với cộng-đồng tị-nạn Việt-nam. Để tiếp Triết một cách an-toàn, tránh bị dân Việt biểu-tình chống-đối, Bộ-trưởng Năng-lượng

Thomas Hockin phải mang phái-đoàn VC xuống tận London, một thành-phố nhỏ cách Toronto 200 cây số.

Cuộc gặp-gỡ thăm-lén giữa cặp Thomas-Triết mãi tới tháng 9.93 mới được tiết-lộ trên báo VC xuất-bản trong nước. Bài báo khoe hai bên đã ký "tuyên-bố chung" về việc hợp-tác kinh-tế, ngoài ra không thấy nói tới hiệp-ước hay giao-kèo gì cả. (dtn)

NÚT ĐẤT Ở HUẾ

Một vết nứt dài 3 cây số, rộng 4 tấc, sâu từ 4 tới 6 thước xẻ dọc theo tả ngạn sông Hương ở xã Hương-hồ đã làm cho 150 gia-đình sinh sống trong vùng hoang-mang, lo dọn nhà đi nơi khác.

Các chuyên-viên địa-chất và địa-chấn-học đã được đưa tới khảo-sát để tìm hiểu nguyên-nhân. (dtn)

Chuyến lửa về quê hương

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước mạnh-mẽ hơn nữa, ngoài sổ sách báo do tòa-soạn gửi trực-tiếp, xin quý độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người tự gửi thêm một phần, qua lối bưu-diện về nước. Có thể gửi trọn tờ báo, hoặc bản sao (photocopy). Mỗi lá thư thường có thể gửi được 3 trang. Xin gửi về các địa-chỉ sau đây (thay-đổi hàng tháng):

Viettronics
70 Hồ Tùng Mậu
Q.1, TP/HCM, Vietnam

Viettronics
181 Hàm Nghi
Q.1, TP/HCM, Vietnam

Viettronics
Xã Phước-long, Huyện Thủ-đức
Vietnam

Viettronics
15C Nguyễn Văn Trỗi
Q. Phú-nhuận, TP/HCM, Vietnam

Công-ty Proshipser
230 Ngô Gia Tự
Q5, TP/HCM, Vietnam

Công-ty Proshipser
116 Lê Hồng Phong
Vũng-tàu, Vietnam

Công-ty Proshipser
6A Nguyễn Tất Thành
Q4, TP/HCM, Vietnam

Công-ty CMT / Tân Việt
26 Lý Tự Trọng
Q1, TP/HCM, Vietnam

Trường Đại-học Bách-khoa
268 Lý Thường Kiệt
Q10, TP/HCM, Vietnam

CINOTEC
185 Lý Chính Thắng
Q3, TP/HCM, Vietnam

Công-ty Việt Quang
232 Trần Hưng Đạo
Q1, TP/HCM, Vietnam

Dịch-vụ Vi Tính
49 Võ Thị Sáu
Q3, TP/HCM, Vietnam

Datamini Shop
55 Pasteur
Q1, TP/HCM, Vietnam

Quầy sách báo
231 Nguyễn Văn Cừ
Q5, TP/HCM, Vietnam

Trung-Tâm CADASA
4 Nguyễn Trãi
Q5, TP/HCM, Vietnam

TV Computer
168 Bùi Thị Xuân
Q1, TP/HCM, Vietnam

TV Computer
102 Trần Hưng Đạo
Q5, TP/HCM, Vietnam

Xí-nghiệp Bao bì Dịch-vụ
157/R8 Tô Hiến Thành
Q10, TP/HCM, Vietnam

Cửa hàng Kim-khí số 2
Xã Linh-trung
Thủ-đức, TP/HCM, Vietnam

Cửa hàng Kim-khí số 3
Kho K8 Cộng-hòa, Phường 13
Q. Tân-bình, TP/HCM, Vietnam

Xí-nghiệp kinh-doanh
khai-thác sản-vật
109 Nguyễn Biểu
Q5, TP/HCM, Vietnam

Xí-nghiệp kinh-doanh vật-tư
214/2 Nguyễn Tất Thành
Q4, TP/HCM, Vietnam

Công-ty Kim-khí
8 Lê Duẩn
Q1, TP/HCM, Vietnam

Vietnam Motors Corporation
1A Nguyễn tất Thành
Q4, TP/HCM, Vietnam

Công-ty Minh Thái
118 Đỗ Ngọc Thạch, Phường 14
Q5, TP/HCM, Vietnam

Công-ty Minh Phong
50 Bạch Vân, Phường 5
Q5, TP/HCM, Vietnam

Trung-tâm Ngoại-ngữ
280 An dương vương
Q5, TP/HCM, Vietnam

Trung-tâm Ngoại-ngữ
124 Hùng-vương
Q5, TP/HCM, Vietnam

Trung-tâm ngoại-ngữ
295 Hai Bà Trưng
Q3, TP/HCM, Vietnam

Trung-tâm ngoại-ngữ
12 Trần Quốc Toản
Q3, TP/HCM, Vietnam

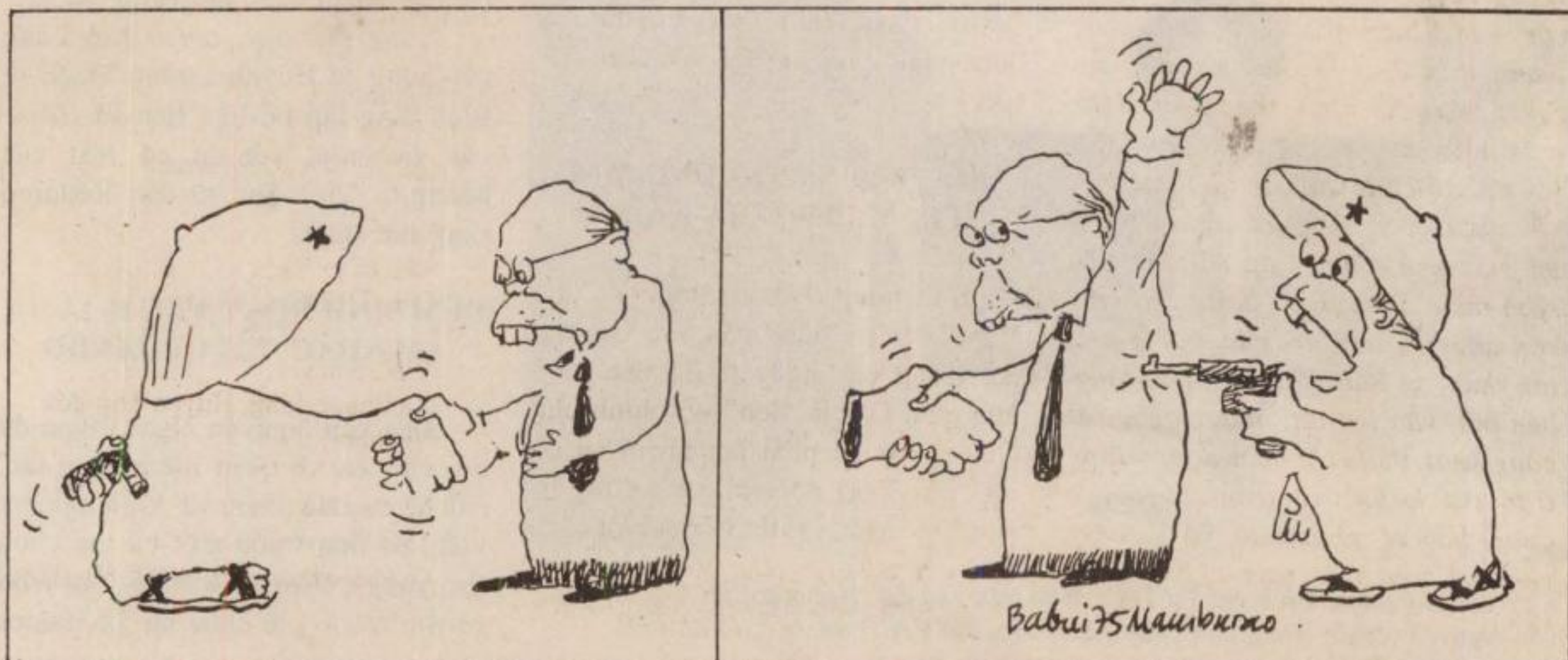
Trung-tâm Ngoại-ngữ
79 Nguyễn Đình Chiểu
Q3, TP/HCM, Vietnam

Trung-tâm Ngoại-ngữ
390 Hoàng Văn Thụ
Q. Tân-bình, TP/HCM, Vietnam

Công-ty Vàng Bạc
529 Nguyễn Đình Chiểu
Q3, TP/HCM, Vietnam

Trường Kỹ-thuật đường thủy
252 Lý Chính Thắng, Phường 9
Q3, TP/HCM, Vietnam

Phòng bán hàng IBC
475 Lê Văn Sĩ
Quận Tân Bình, TP/HCM
Vietnam





trong làng

VĂN BÚT ONTARIO HỌP ĐẠI HỘI

Trung-tâm Văn Bút VN/Ontario đã họp đại-hội hôm 5.9.93 tại Nhà hàng South Vietnam, số 444 Spadina Ave., Toronto để đúc-kết hoạt-động trong hai năm qua, và bầu ban chấp-hành nhiệm-kỳ 1993-1995. Kết quả bầu-cử như sau:

- Chủ-tịch: Nhà văn Trà Lũ (Trần Trung Lương, Toronto).
- Phó Chủ-tịch I: Nhà văn Nguyễn

Nghĩa (Nguyễn Văn Nghĩa, Mississauga).

- Phó Chủ-tịch II: Học giả Việt Chi (Nguyễn Hữu Quang, Ottawa)

- Tổng Thư-ký: Dịch giả Tự Tĩnh (tức họa-sĩ Nguyễn Nhật Tân, North York).

- Thủ-quy: Thi-sĩ Dương-tử giang (Hoàng Thanh Thắng, Toronto).

Về chương-trình hoạt-động, Đại-hội yêu-cầu ban chấp-hành mới tổ-chức sinh-hoạt nội-bộ (gồm thuyết-trình, họp mặt) mỗi tháng ít nhất một lần. Về phát-triển địa-bàn hoạt-động, Trung-tâm Văn Bút Ontario sẽ mở rộng sang các tỉnh phía tây Ontario (như Manitoba, Saskatchewan, Alberta và British Columbia) nơi có rất nhiều hội-viên viễn-cư của Trung-tâm Ontario sinh sống. Đại-hội đồng ý, sau khi thành-lập xong các chi nhánh, Trung-tâm Ontario sẽ đổi tên thành "Trung-tâm Ontario và miền Tây".

Hiện Văn Bút Ontario có trên 50 hội-viên hoạt-động, kể cả hội-viên viễn-cư (xa nhất là ông bà Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Thị Vinh ở Na-uy).

Trở lại với Đại-hội, sau cuộc bầu cử là phần thuyết-trình của học-giả Việt Chi, bàn về giá-trị các công-trình nghiên-cứu của Đào Duy Anh. Ông Việt Chi nêu ra những sai-lầm (quá nhiều) của Đào Duy Anh và gợi

ý các văn-hữu khi dùng tự-diễn hay sách vở của họ Đào, nên tìm thêm các tài-liệu khác để kiểm-chứng.

Đại-hội Văn Bút kết-thúc bằng bữa cơm thân-mật. (dtn)

ĐẠI-HỘI HUNG CA TẠI VÙNG HOA-THỊNH-ĐỒN

Phong-trào Hưng Ca Việt-nam họp Đại-hội thế-giới kỷ IV tại Falls Church, cạnh thủ-đô Hoa-kỳ vào hai ngày 9 và 10.1993.

Đại-hội Hưng ca nhóm tại Galaxy Cafeteria, số 155 Hillwood Ave., Falls Church. Chương-trình gồm đúc-kết sinh-hoạt trong 8 năm qua và bầu ban chấp-hành nhiệm-kỳ 1993-1995 trong ngày 9.10.93.

Ngày Chủ-nhật 10.10, Hưng Ca khai-mạc chương-trình ca-nhạc dài 4 giờ "Trở ta sông núi" tại thánh-đường Trung-học Williams, số 3330 King St., Alexandria. Chương-trình bắt đầu lúc 3 giờ chiều. Cùng đóng-góp trên sân-khấu, có Trần Quang Hải & Bạch Yến (từ Pháp về), Nguyễn Hữu Nghĩa, Đoàn Chính (Gia-nã-đại), Việt Dzũng, Thanh Tuyền, Phương Hồng Ngọc, Sheila Kim, Giáng Ngọc, Ngọc Anh (Nam Cali), Triệu Phổ, Viễn Phương, Vũ Hữu Dũng (Bắc Cali), Huỳnh Công Ánh, Trương Sĩ Lương, Bích Lê (Texas), Nguyễn Văn Thành (Georgia) cùng các nghệ-sĩ cư-ngụ trong vùng như Nguyệt Ánh, Nguyễn Ngọc Thu, Hoàng Thiện Căn, Đỗ Hồng Anh,...

Trong dịp này, cơ-sở Mỗ Làng của hưng ca Huỳnh Lương Thiện sẽ trình làng tập tài-liệu lịch-sử *Hồ-sơ vua Duy-tân*, với sự có mặt của hoàng-tử Vĩnh San từ đảo Réunion sang dự. (hhk)

ĐÊM SINH HOẠT VĂN HOÁ VÀ ÂM NHẠC TẠI ORLANDO

Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn đã nói chuyện về quan niệm sáng tác, chủ đề các tác phẩm và kinh nghiệm viết của ông trước một cử tọa chọn lọc trong "Đêm Sinh Hoạt Văn Hoá và Âm Nhạc" tổ chức tại Dr. James



Từ trái sang phải: Dịch giả Tự Tĩnh, Nhà văn Trà Lũ, Học-giả Việt Chi và nhà văn Nguyễn Nghĩa trong ban chấp-hành Văn Bút VN/Ontario (Gia-nã-đại)

Smith Neighborhood Center (Orlando, Florida, Hoa-kỳ).

Buổi sinh hoạt do Linh Phương (trưởng ban nhạc Đêm Đô Thị, giáo sư dương cầm, đại diện tạp-chí *Làng Văn* tại Florida) và một số thân hữu hợp sức tổ chức. Khách tham dự có các văn thi hữu địa phương như nhà văn Trần Khâm, nhà thơ kiêm họa sĩ Thanh Hiền, nhà thơ Minh Khoa, bác sĩ Đỗ Văn Hội (chủ nhiệm tạp chí Việt Nam), ông Đinh Đệ (báo Gia Đình) và nhạc sĩ Châu Đình An (nguyệt san *Saigon Post*); và từ các thành phố lân cận về như các nhà thơ Hà Trung Yên, Thừa Phong, Phạm Bội Diệp, Lê Bá Năng và họa sĩ Vũ Quang Minh.

Chương trình đêm sinh hoạt do



Nhạc trưởng Linh Phương

anh Đào Vinh điều khiển, nhà văn Lê Nhật Thăng phụ trách phần giới thiệu các tác phẩm và nhạc sĩ Châu Đình An giới thiệu tiểu sử nhà văn Nguyễn Ngọc Ngân.

Linh Phương và các ca sĩ Kim Uyên, Thanh Phương, Mỹ Thiện, Anthony Nguyễn đã giúp phần văn nghệ đêm sinh hoạt rất đặc sắc. (kt)

ĐẠI HỘI QUỐC TẾ PHÁP NGỮ KỲ III

Phái đoàn Việt Nam Quốc Gia

Hải Ngoại đã được mời tham dự diễn đàn Đại Hội Quốc Tế Pháp Ngữ kỳ III (Troisième Internationale de la Francophonie) tổ chức tại Payrac du Quercy.

Thành phần phái đoàn gồm các ông Bửu Kính, Vĩnh Đào, Võ Thu Tịnh, Võ Phước Lộc, bà Vân Nương Lê Ngọc Chấn và học giả Thái Văn Kiểm. Tại diễn đàn ông Thái Văn Kiểm đã trình bày đề tài "*Une Certaine Trilatérale Francophone*" thuật lại những liên hệ lịch sử và văn học cùng những sự trao đổi văn hóa giữa VN và các dân tộc da trắng, da đen, biểu trưng qua bộ ba George Pampidou, Phạm Duy Khiêm và Léopold Sedar Senghor. (kt)

ngoài ngõ



CỘNG ĐỒNG VN TẠI HOA KỲ YÊU CẦU DUY TRÌ CẤM VẬN

Cộng đồng VN tại Hoa Kỳ đã tích cực ủng hộ và yểm trợ cuộc tranh đấu của các tổ chức thuộc các gia đình tù nhân chiến tranh, những người mất tích và các cựu chiến binh HK National Alliance of POW/MIA Families, POW/MIA Grassroot Association và The Last Firebase Veterans Archives Projects trong cuộc vận động đòi hỏi chính phủ HK tiếp tục chính sách cấm vận với CSVN để áp lực Việt cộng tôn trọng tự do, dân chủ và nhân quyền.

Ngày 22.8.93, ông Nguyễn Xuân

Sơn, Chủ tịch Ủy ban Chấp hành Trung Ương CĐVN tại Hoa kỳ đã cùng với một số thành viên khác trong UB đến Camp Lejeune (Jacksonville, North Carolina) nơi các hội đoàn HK tổ chức tuyệt thực trong chiến dịch Fast For Freedom (Tuyệt thực cho Tự Do). Tại đây, phái đoàn CĐVN đã bày tỏ sự ủng hộ của người Việt đối với cuộc tranh đấu của các hội đoàn Hoa kỳ trong việc đòi giải quyết tận gốc rễ vấn đề POW và MIA, và thực thi dân chủ trên đất nước VN.

Trong dịp này, đại diện CĐVN tại Hoa Kỳ đã đưa ra một tuyên cáo bao gồm các điểm chính:

1. Ủng hộ cuộc tuyệt thực của các tổ chức HK nhằm đòi hỏi chính phủ Clinton tiếp tục lệnh cấm vận.
2. Phản đối các âm mưu của giới tài phiệt đòi giao thương kiếm lợi đồng thời tạo điều kiện cho CS hồi phục để tiếp tục chế độ độc tài, đàn áp người Việt trong nước và lừa bịp đồng bào hải ngoại.

Phong trào Giáo Dân VN tại Hải ngoại (Nam Cali) cũng gửi văn thư ủng hộ cuộc tuyệt thực này. Văn thư còn được gửi đến Tổng thống, Quốc hội và Bộ Ngoại Giao Hoa kỳ, nêu rõ lý do ủng hộ cuộc đấu tranh duy trì lệnh cấm vận là vì CSVN từ chối không hợp tác với thế giới tự do trong những nỗ lực chung nhằm kiến tạo hoà bình, tự do và dân chủ cho nhân dân VN.

Ngày 10.9, Ủy Ban Bảo Vệ Chính nghĩa Quốc Gia vùng Hoa Thịnh Đốn tổ chức đêm thắp nến trước Toà Bạch Ốc trong công viên Lafayette để đòi hỏi tự do, nhân quyền cho VN và yêu cầu chính phủ của TT Clinton tiếp tục duy trì lệnh cấm vận đối với CS VN.

Ngày 5.9 cộng đồng người Việt Nam Cali đã tổ chức biểu tình tuần hành tại khu Bolsa yêu cầu chính phủ HK tiếp tục phong tỏa kinh tế CSVN cho đến khi VN có tự do, dân chủ và nhân quyền.

Kết-quả, chính-phủ Mỹ vẫn tiếp-tục duy-trì lệnh cấm-vận CSVN, và chỉ nói lòng lệnh này, cho

phép thương-gia Mỹ được đầu tư vào Việt-nam, vì quyền-lợi của giới doanh-thương Hoa-kỳ; các điều khoản khác vẫn giữ nguyên. (kt)

CHỦ-TỊCH ĐẢNG NHÂN-DÂN HÀNH-ĐỘNG: “TẠI SAO TÔI CHIẾN ĐẤU”

“Vì chính nghĩa, vì đạo đức và vì công bằng (tôi) đã hình thành đảng Việt Nam Nhân Dân Hành Động là một chính đảng đã trực diện đối lập với đảng CS tại VN”. Kỹ sư Nguyễn Sĩ Bình, chủ tịch đảng Việt nam Nhân Dân HĐ, đã mở đầu cuộc nói chuyện như trên trước khoảng 200 người Việt tại Santa Clara (San Jose, California) ngày 8.8.93.

Buổi họp mặt do Liên hội Người Việt QG miền Bắc Cali và một số thân hữu tổ chức gần hai tháng sau ngày ông Bình về đến Hoa kỳ sau hơn một năm bị CS VN giam giữ.

Trong buổi nói chuyện, ông Bình cũng đã phân tích các vấn nạn chính yếu đã gây ra khủng hoảng trầm trọng cho xã hội và làm đảo lộn đời sống của người dân VN là (1) Nạn sai lầm về hoạch định chính sách quốc gia; (2) Nạn yếu kém về tổ chức và quản lý guồng máy quốc gia; (3) Nạn thiếu đạo đức đối với nhân dân VN và nạn thiếu trách nhiệm với quốc dân.

Sau khi nhận định “đảng đương quyền (CSVN) đang là một quốc nạn, đang áp bức người dân VN bằng những thủ đoạn độc ác bất chấp công luận và đạo lý, đi ngược lại sự tiến bộ của xã hội và sự khai hoá của loài người”, ông Nguyễn Sĩ Bình kêu gọi thế giới hãy không công nhận chính quyền CS hiện tại và tuyên bố đảng NDHĐ tiếp tục cuộc hành trình tranh đấu sôi nổi và trọng đại.

Theo tài-liệu do ông Bình đưa ra, trong thời gian bị CS giam giữ, ông đã từ chối không chịu ký đơn xin trả tự do, mà đòi phóng thích tất cả các chiến hữu (17 người). Trước áp lực quốc tế, VC đã phải đình chỉ vụ án

và miễn tố các bị cáo.

Về phản-ứng của cộng-đồng, nhiều người chỉ-trích thế đứng mà ông Bình gọi là “đối-lập”. Ông Bình tuyên-bố “đối-lập với đảng Cộng-sản”, nhưng ông rõ ràng là thế đứng của ông là thế đứng *trong* chế-độ do CS bao giàn. Người Việt tự do không đứng trong chế-độ để chỉ đối-lập với đảng Cộng-sản, mà chống lại toàn bộ cơ-chế chính-quyền do đảng Cộng-sản lập ra. Trong khi đó, thế đối-lập của đảng Nhân-dân Hành-động đối với đảng Cộng-sản na-ná như thế đối-lập giữa đảng Cộng-hòa với đảng Dân-chủ tại Mỹ. Đối-lập như vậy tuy không chấp-nhận đảng Cộng-sản nhưng chấp-nhận cơ-chế Cộng-sản. Ông Nguyễn Sĩ Bình không thể kêu-gọi thế-giới “không chấp-nhận chính-quyền CS” trong khi ông đang chấp-nhận nó bằng cách đứng dưới cái ô cơ chế xã hội chủ nghĩa để “đối-lập” với một thành-phần (đảng CS) trong chế-độ đó. Người Việt tự do không chỉ “đối-lập” với đảng Cộng-sản, mà còn phải xóa bỏ toàn bộ cơ-chế do Cộng-sản lập ra.

Thêm một điểm cần phải làm sáng tỏ khi ông Bình cho biết CS phải thả ông vì áp-lực quốc-tế: thực ra, “quốc-tế” không biết ông. “Quốc-tế” chỉ biết các Đại-đức Trí Siêu, Tuệ Sỹ, nhà văn Doãn Quốc Sỹ, LM Trần Đình Thủ,... “Quốc-tế” can-thiệp mạnh-mẽ gần chục năm nay mà CS vẫn không thả các vị trên, trong khi chưa thấy “quốc-tế” can-thiệp cho ông Bình. Ngay cả cộng-đồng VN cũng không mấy người biết ông Bình và đảng của ông cho tới khi ông được thả về Hoa-kỳ và làm ồn lên về vụ “đối-lập” với đảng CS và bị bắt.

Người Việt sẵn-sàng hỗ-trợ bất cứ thành-phần chống-đối Cộng-sản bất-chấp nguồn gốc phát sinh; nhưng đồng-thời phải nhận biết chân tướng, bản chất, mục-tiêu hành-động và giá-trị đấu-tranh của các thành-phần ấy. Đối với trường-hợp Nguyễn Sĩ Bình và đảng Nhân-dân Hành-động, mọi người càng cần có thời-gian để theo dõi và lượng giá. (kt&dt)

CÁC ĐỊA CHỈ CHO NHỮNG NGƯỜI CÓ QUAN HỆ VỚI HOA KỲ TRƯỚC NĂM 1975

1. Người Việt hiện đang định cư tại Hoa kỳ hay hiện còn đang sống tại VN mà trước năm 1975 đã từng làm việc với các cơ quan Hoa kỳ, cộng tác hay tham gia quân đội Hoa kỳ, đi du học hay tu nghiệp tại Mỹ ... cần được chính phủ Hoa kỳ cấp giấy xác nhận, bản sao bằng cấp, chứng chỉ tốt nghiệp... để bổ túc hồ sơ xuất cảnh hoặc đòi nợ... có thể viết thư với chi tiết tên họ, ngày sinh, cơ quan, địa điểm và thời gian phục vụ về địa chỉ:

National Personnel
Records Center
9700 Page Boulevard
St. Louis, Missouri 63132

2. Người trước năm 75 đã tham gia hay cộng tác với quân đội Hoa kỳ vì biến cố 75 không kịp lãnh lương các tháng cuối cùng có thể gửi thư đến Bộ Quốc Phòng Mỹ để truy lãnh, địa chỉ:

Department of Defense
DOD/ASD/FMP/PPP/EO
The Pentagon, Room 3D269
Washington, D.C. 20301-4000

3. Người đã từng là nhân viên Bộ Ngoại Giao Hoa kỳ (Tòa Đại Sứ, Lãnh sự ...) có thể liên lạc về Bộ Ngoại Giao:

Office of Foreign Service
National Personnel
Department of State
Washington D.C. 20520

4. Ngoài các địa chỉ nêu trên, thư đòi nợ có thể gửi đến cơ quan Kế Toán Trung ương của chính phủ Hoa kỳ, địa chỉ:

United States
General Accounting Office
Washington D.C. 20548
(kt, theo tài liệu của ông Ngô Kỳ, VAPAC, HK)

THÀNH LẬP HỘI THÂN HỮU ĐÀ LẠT

Hội Thân Hữu Đà Lạt là hội đồng hương mới nhất của người Việt hải

ngoại vừa được thành lập, cũng có thể sẽ là hội lớn nhất của cộng đồng. Sau buổi họp vận động thành lập (14.8.93) tại San Jose, (Bắc Cali, HK), chỉ trong 10 ngày, dự án đã được hàng ngàn người Việt gốc Đà Lạt hiện định cư tại 16 quốc gia trên thế giới hưởng ứng, có đến 42 ban Liên lạc & Vận động đã hình thành. Tổ chức Thân Hữu Đà Lạt được dành để thắt chặt tình thân giữa những người từng sống tại Đà Lạt, từng biết Đà Lạt hay những người yêu mến Đà Lạt hiện nay đang ở hải ngoại thắt chặt tình thân, tạo cơ hội cho con em gặp gỡ để quen biết và phát huy đức tính hiền hoà, đầy tình nghĩa của người Đà Lạt. Tổ chức hoạt động trên những nguyên tắc rộng rãi cho mục đích trên, được thành lập ở từng thành phố và sẽ họp thành Cộng Đồng Đà Lạt Hải Ngoại. Ban Liên lạc Lâm thời và các vị sáng lập đề nghị các hội địa phương chọn ngày 6.2.94 (26 tháng Chạp Tân Dậu) để tổ chức ngày Tết Đà Lạt.

Quý vị đồng hương muốn tìm hiểu thêm chi tiết có thể tham khảo các ban Vận động tại địa phương hay:

Ban Liên lạc Hải ngoại
Ông Chủ Bá Anh
5649 Mt. Burnside Way
Burke, VA 22015, USA
ĐT: 703-425-1751
Fax: 703-425-1099

(kt, theo tài liệu của CBA)

TIN THÊM VỀ ĐÀI “TIẾNG NÓI HI VỌNG”

Sau khi Ủy ban Yểm Trợ trung ương cho Đài Tiếng nói Tự Do (Radio Irina) giải tán và sau cuộc họp báo nóng bỏng của bà Irina Zisman tại Quận Cam (Cali, HK) với sự hiện diện của nhiều hội đoàn cộng đồng VN ngày 14.8.93 (xem tin *Làng Văn* số 109, tháng 9.93), cuộc vận động thành lập các nhóm bạn của đài TNTD đã có một vài kết quả.

Tại Hoa kỳ, một Hội Bạn Tiếng Nói Tự Do đã được thành lập ở

Virginia. Theo điều lệ được công bố, Hội hoạt động theo hình thức và tổ chức của một tổ chức bất vụ lợi, có mục tiêu:

- phổ biến tin tức liên quan tới những thành quả của các hoạt động cũng như các vi phạm về tự do và nhân quyền;

- vận động cá nhân, đoàn thể, chính quyền trong việc ủng hộ công cuộc tranh đấu cho tự do và nhân quyền.

- yểm trợ hoạt động của cá nhân, cơ quan, đoàn thể, cơ quan truyền thông và báo chí tranh đấu cho tự do và nhân quyền.

Hội Bạn TNTD đã phát hành một bản tin số tháng 9.93 đăng tải những tin tức về hoạt động của Hội, của đài TNTD với tên mới là Radio Nadejda - Hi vọng, các thành quả gây quỹ của các nhóm bạn và lời kêu gọi người Việt yêu nước và yêu tự do ủng hộ cho đài.

Hội Bạn TNTD, đặt trụ sở tại Falls Church, Virginia. Địa chỉ liên lạc:

P.O. Box 5043
Falls Church, VA 22044-9043
USA
Điện thoại và điện thư:
(703) 642-8859.

Tại Gia-nã-đại, bác sĩ Lâm Thu Vân, bác sĩ Từ Uyên, ông Dương Văn Thụy và ông Bùi Mỹ (Montreal) gửi thư ngỏ đến cộng đồng người Việt tị nạn đề nghị: chấp nhận ý kiến của bà Irina Zisman “kết bạn với Irina” tức là “bạn của đài phát-thanh Hy vọng” “để cùng với Irina coi đài phát-thanh Hy vọng là đứa con chung của chị và người Việt hải ngoại hầu cùng nhau duy trì và bảo vệ đài này cho tới khi nền dân chủ chân chính được thực hiện tại VN; tới khi cuộc sống của mọi người dân Việt được triệt để tôn trọng”.

Địa chỉ liên lạc:
BS Lâm Thu Vân
6420 Apt. 4 Victoria
Montréal, PQ
H3W 2S7, Canada
ĐT: 514 343-4390
Fax: 514 343-0231.

Người ta cũng ghi nhận có một số ý kiến khác trong việc giúp duy trì đài TNTD. Ủy ban Nhân-quyền và Tự-do Tín-ngưỡng của LM Nguyễn Hữu Lễ (thuộc Hội-đồng Việt-nam) tại Úc châu đã gửi thư đề nghị, yêu cầu bà Irina Zisman cho thuê giờ của đài TNTD để phát thanh những bài vở của Ủy ban Nhân-quyền và Tự-do Tín-ngưỡng viết. (kt)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO HOÀ HẢO HẢI NGOẠI VÀ BAN BẢO TRỢ PHẾ BÌNH VNCH TẠI DIỄN ĐÀN LHQ

Ngày 6.8.93, phát ngôn viên của Giáo hội Phật giáo Hòa Hảo hải ngoại và Ban Bảo trợ Phế Bình VNCH đã lên tiếng tố giác những vi phạm nhân quyền và đàn áp tín ngưỡng của bạo quyền Hà nội trước diễn đàn nhân quyền LHQ tại Genève.

Giáo sư Lương Thị Nga đã đọc bản tuyên cáo của hai phái đoàn (do luật sư Phạm Thanh Dân soạn thảo) trước các đại diện của nhiều quốc gia, các tổ chức phi chính phủ và các chuyên viên LHQ về nhân quyền, tố cáo các hành vi khủng bố của VC với giáo hội và tín đồ Phật giáo Hoà Hảo cùng những hành vi ngược đãi phế binh, quả phụ, cô nhi tử sĩ VNCH trong nước với những bằng chứng cụ thể.

Tuyên cáo đã gây được sự chú ý đặc biệt của đại hội đến tình trạng vi phạm nhân quyền tại VN. Đại biểu của VC tại hội nghị khi bị chất vấn đã nêu ra việc cho phép hàng trăm ngàn Việt kiều về nước để làm bằng chứng cho việc đã “tôn trọng nhân quyền” và tố ngược các tôn giáo đã tiếp tay với các “phần tử hải ngoại quá khích” để “khuyếch đảo nhà nước.” (kt)

CUỘC THI HOA HẬU VN 1993 TẠI PHÁP

Cuộc thi Hoa hậu VN 93, trong chương trình Hội nghị Văn minh Văn hoá Dân tộc, sẽ do Liên Hội Người Việt Quốc Gia Tự Do tại Pháp

và Hội Thân Hữu Người Việt Tị Nạn Strasbourg tổ chức ngày 2 tháng 10 tại Centre Culturel du Neudorf (Strasbourg).

Nhiều nhân vật trong cộng đồng VN tại Âu châu và một số nghị sĩ, dân biểu, chính trị gia Pháp đã nhận lời tham gia ban Bảo trợ cuộc thi và tặng giải thưởng cho các thí sinh đoạt giải. Các hội đoàn VN tại Pháp cũng hăng hái nhận phần trách nhiệm trong công việc tổ chức. Chương trình đêm 2.10, theo nhận định của Liên hội sẽ rất sôi nổi, hào hứng. Sẽ có nhiều thí sinh từ khắp nơi ở Pháp, Âu châu và thế giới về tham dự bên cạnh những màn văn nghệ xuất sắc và cuộc trình diễn thời trang của nhà Thành Lễ. (kt)

HỘI CỤU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ NEW SOUTH WALES (ÚC)

Bác sĩ Nguyễn Mạnh Tiến đã được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị & Nạn Nhân Cộng Sản Việt Nam tại New South Wales (Úc châu) trong một đại hội qui tụ khoảng hai trăm người, tổ chức ngày 22.8.93 tại Cabramatta, NSW. Đại hội cũng sẽ có một ban Cố vấn, do luật sư Đào Tăng Dực làm trưởng ban.

Sau NSW, thêm một hội Cựu Tù Nhân Chính Trị & Nạn Nhân Cộng Sản Việt Nam sẽ được thành lập tại Úc, vùng tiểu bang Victoria trong tháng 9.93 (kt)

LM NGUYỄN HỮU LỄ KÊU GỌI ĐẶT QUYỀN LỢI DÂN TỘC LÊN TRÊN QUYỀN LỢI TÔN GIÁO

Linh mục Nguyễn Hữu Lễ (Tân Tây Lan), chủ tịch UB Nhân Quyền và Tự Do Tín Ngưỡng Trung Ương đã phát biểu "tất cả mọi người dân VN đều là nạn nhân của CS, bất kể thuộc tôn giáo nào. ... do đó tất cả cần đặt quyền lợi dân tộc lên trên quyền lợi riêng của tôn giáo mình, ... bằng không, CS sẽ lợi dụng và tìm cách chia rẽ đồng bào chúng ta

trong lãnh vực tôn giáo."

Cùng trong cuộc phỏng vấn của đài Chân Trời Mới (Nhật bản), được truyền thanh về VN trong tháng 8.93, Linh mục Lễ còn nhận xét rằng trong thời gian qua tại Hoa Kỳ, Giáo hội Công giáo đã có những bước đi trước các đoàn thể khác trong việc liên lạc với CS Hà nội. Tuy nhiên, kết quả của các hoạt động này thu hoạch được rất là hạn chế và Công giáo vẫn còn gặp nhiều khó khăn về việc tự do hội họp, di chuyển, phong chức linh mục, đòi lại các tài sản. Điều này chứng tỏ CS đang cố gắng lợi dụng Công giáo và chúng chưa có thiện chí gì đáng kể. Theo Linh mục Lễ, trong khi cuộc tranh đấu của Phật giáo đang diễn tiến, một sự liên lạc hơi sớm như vậy có thể gây hiểu lầm và chia rẽ. Linh mục Lễ nhận định cuộc đấu tranh của Phật giáo tại VN cần được coi là cuộc tranh đấu chung, cần được mọi người, mọi tôn giáo khác yểm trợ trong thời điểm đầy chết của CSVN.

Qua đài Chân Trời Mới, Linh mục Lễ cũng gửi lời tâm tình với các linh mục tu sĩ trong nước. Ông nhắc nhở các Cha và anh em trong nước rằng đừng để mình bị đặt vào *thế bị động*, vào *bầy ru ngủ* của CSVN. (kt)

VẬN ĐỘNG QUỐC TẾ YẾM TRỢ HÒA THƯỢNG HUYỀN QUANG

Người Việt tại Đức đã tổng kết cuộc "Vận động quốc tế Yểm trợ Hòa thượng Huyền Quang" kéo dài từ tháng 5 đến tháng 8.93.

Các nhóm trong phong trào, do Tổ chức Việt Nam Tự Do tại Đức phối hợp, đã gửi gần 200 tập hồ sơ gồm những văn kiện quan trọng liên quan đến cuộc đàn áp Phật giáo tại VN đến chính giới, chính quyền và các tổ chức thông tin báo chí Đức.

Có 53 nhân vật chính phủ, chính trị gia, hội từ thiện, báo giới đã phúc đáp, thăm hỏi và bày tỏ sự ủng hộ khi nhận được tài liệu, trong đó có tổng thống, ngoại trưởng Đức, nhiều thống đốc, dân biểu, nghị sĩ ...

Đây là đợt vận động thứ hai nhằm ủng hộ cuộc đấu tranh của Phật giáo Việt Nam của người Việt tại Đức. Hồi năm 92, đợt vận động I đã kéo dài từ tháng 10 đến tháng 12, bao gồm việc lập các quầy thông tin trên các khu phố thuộc các tỉnh lớn nhỏ tại Đức và việc gửi 30 ngàn bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền về quốc nội. (kt)

LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN YẾM TRỢ PHỤC QUỐC RA CÔNG BỐ

Lực Lượng Dân Quân Yểm Trợ Phục Quốc (Úc châu) vừa phát hành một Bản Văn Công Bố xác định lập trường của Lực-lượng trước việc CSVN đàn áp cuộc tranh đấu của Phật giáo trong nước.

Sau khi nhận định rằng nhóm lãnh đạo CSVN đang tiếp tục công khai thách thức lòng bao dung và sự kiên nhẫn của toàn dân mặc dù đang ở trong hoàn cảnh khủng hoảng nặng nề và đang tan rã từ thượng tầng kiến trúc cho đến hạ tầng cơ sở, Lực-lượng lên tiếng (LV tóm tắt):

- Tố cáo trước cộng đồng thế giới việc CSVN chà đạp thô bạo nhân quyền và đàn áp khủng bố đẫm máu đồng bào Phật-giáo tại VN.

- Kêu gọi hợp tác toàn dân dựa trên 4 điểm: *không bạo lực - không đối trá - không chủ nghĩa - không hận thù* để giải trừ tận gốc chủ nghĩa và chế độ CS tại VN.

- Đề nghị người Việt khắp thế giới hợp tác công bố một bản *Tuyên Ngôn Hợp tác Dân Tộc*, tạo nền tảng cho một *Mặt trận Đồng Tâm không biên giới* để giải trừ CS, xây dựng đất nước.

- Kêu gọi những người lãnh đạo CSVN từ bỏ *bạo-lực-đối-trá-chủ-nghĩa-hận-thù, tham-vọng-quyền-lực...*(sic) để trả chủ quyền quốc gia lại cho toàn dân. (kt)

CƠ SỞ KHUYẾN HỌC VÀ PHÁT HUY VĂN HOÁ VN

Cơ sở Khuyến Học và Phát Huy

Văn Hoá Việt Nam (Montreal, Canada) tổ chức phát thưởng cho con em VN các lớp Việt ngữ hè 1993 tại Nhà Thờ Cộng Đồng Công-giáo VN (Montreal) ngày 18.9.

Nhận phần thưởng buổi lễ này là các em học sinh xuất sắc trong các lớp của Trung tâm Đắc lộ, chùa Quan Âm, Liên Hoa và lớp Quê Hương Mến Yêu của Cộng đồng người Việt Quốc Gia vùng Montreal.

Cùng dịp này, Cơ sở KH & PHVH VN giới thiệu hai quyển sách:

- "*Nền Văn Hoá Tổng Hợp Việt Nam*" viết về phong tục, tập quán và văn hoá VN do giáo sư Khiếu Đức Long biên soạn.

- "*Tập truyện bằng tranh Tuổi Xanh I*", gồm 5 truyện cổ tích và 5 truyện lịch sử VN, do một nhóm bạn trẻ tại Montreal biên soạn.(kt)

VIỆT GIAN HẢI NGOẠI CẤU-KẾT VỚI VC HÂM HẠI LÝ TỐNG

Tin từ tờ *Thế-giới Mới* của nhóm bạn Lý Tống ở Texas cho biết, việt gian Nam Trân ở Nam Cali đã cấu-kết với CSVN hành-hạ tinh-thần chiến-sĩ Lý Tống hiện trong vòng lao-lý tại VN.

Thân-nhân của Lý Tống điện-thoại sang cho nhóm bạn của anh tại Hoa-kỳ, cho biết anh đã bắt đầu tuyệt-thực từ ngày 1.9 vì bị chấn-động tinh-thần quá mạnh. Nguyên vào ngày nói trên, Việt gian Nam Trân, người đi về VN như đi chợ và ra vào các cửa quyền CSVN như ra vào nhà vệ-sinh, đã dẫn theo một tay "Việt-kiêu yêu nước" vào ngục "thăm" Lý Tống. Cả hai cùng dài giọng chê trách Lý Tống và khẳng-định rằng đồng-bào hải-ngoại chẳng những thờ-ơ mà thậm chí có người còn chỉ-trích hành-động chống-đối cách-mạng của anh. Nam Trân chìa cho Lý Tống xem các bài báo đả-kích anh trên một số báo tại hải-ngoại.

Trước sự sắp-xếp lớp lang của Việt gian Nam Trân, Lý Tống tin thật và phẫn-uất thổ huyết ngay tại chỗ,

sau đó quyết-định tuyệt-thực luôn.

Khi thân-nhân của Lý Tống gọi ra hải-ngoại, tình-trạng sức-khoẻ của anh đã đến giai-đoạn nguy-kịch.

Ký-giả Trương Sỹ Lương thay mặt nhóm bạn Lý Tống khẩn-thiết kêu gọi đồng bào hải-ngoại và các nhóm Phát-huy Tinh-thần Lý Tống hãy:

- Tố-cáo đích danh bọn Việt gian hãm hại Lý Tống trước công-luận.
- Chặn đứng những âm-mưu thâm-độc hãm-hại các chiến-sĩ quốc-gia.

Ông Lương cũng kêu gọi bọn tay sai VC nằm vùng và bọn Việt gian hại nước hãy chấm-dứt mọi hành-động bỉ-ối bách hại những chiến-sĩ anh-hùng đấu-tranh cho dân cho nước. Ông nhấn mạnh: "*Xin đừng vì quyền-lợi riêng-tư mà bán rẻ lương-tâm và sinh-tồn của dân-tộc Việt.*"

Chúng tôi thiết nghĩ, đồng-bào và các tổ-chức Việt-nam ở hải-ngoại nên khẩn-cấp viết thư, đánh điện xác-định lập-trường và nâng-dỡ tinh-thần Lý Tống. Có thể gửi về:

Lý Tống
C/o: Trương Sỹ Lương
Điện thư (fax): 1-817-548-8563
(vn)

ĐẠI HỘI NGƯỜI VIỆT TỰ DO TOÀN THẾ-GIỚI 1993

Hội-đồng Việt-nam cho một Việt-nam Tự-do, Ủy-ban Hoa-kỳ cho một Việt-nam Tự-do và Ủy ban đặc-nhiệm

lưỡng viện Quốc hội Hoa-kỳ triệu-tập Đại-hội người Việt Tự-do toàn thế-giới 1993 tại Senn High School, Chicago (tiểu-bang Illinois), Hoa-kỳ vào các ngày 2 và 3.10.1993.

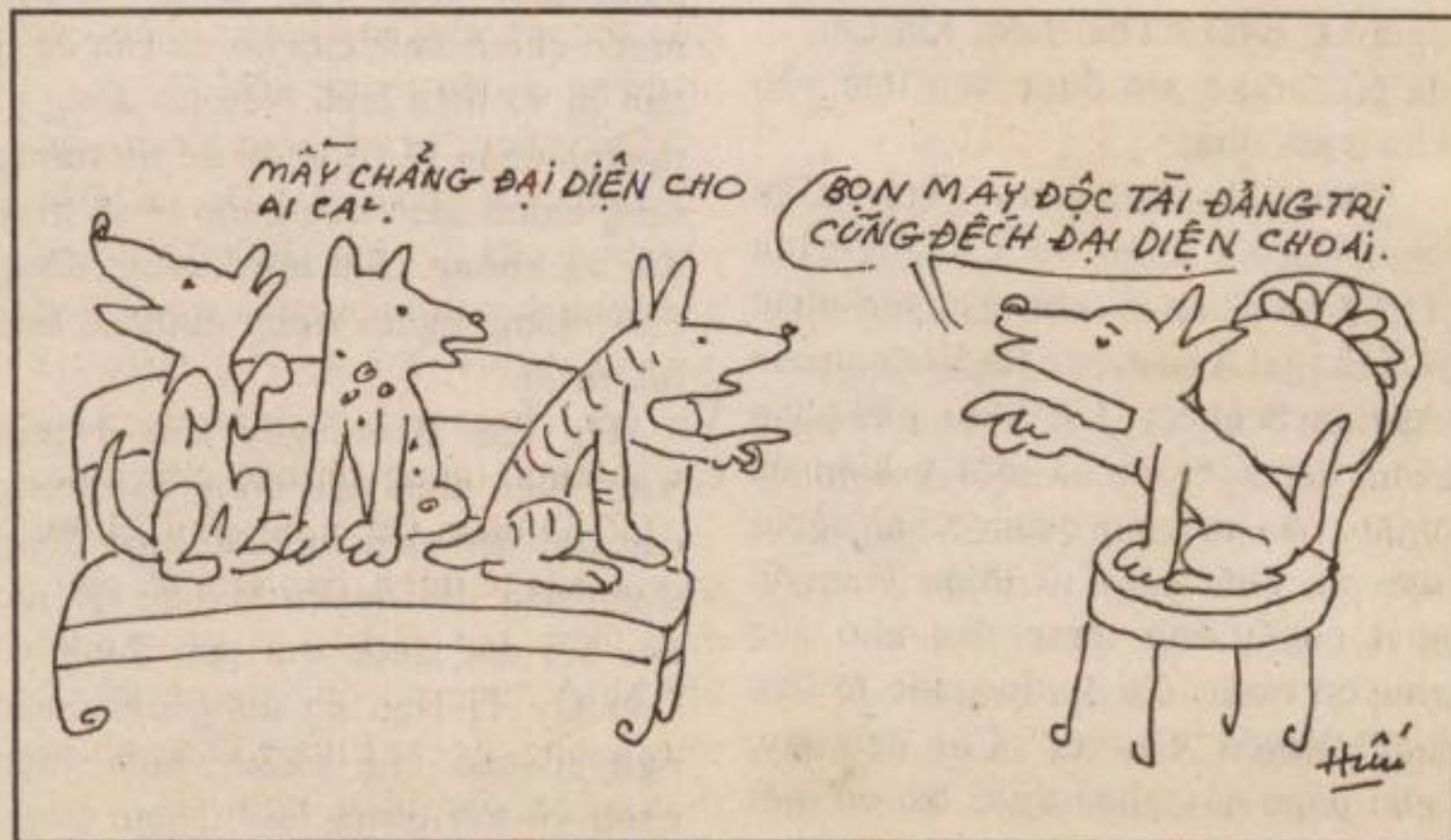
Chương-trình Đại-hội nhằm:

- Kỷ-niệm Đại-hội 29.6.92 tại trụ-sở Thượng-viện Hoa-kỳ,
- Vinh danh các anh-hùng chống CS đã vị quốc vong thân, và tuyên dương các chiến-sĩ đang đấu-tranh cho tự-do, dân-chủ và nhân-quyền tại Việt-nam.

- Tạo môi-trường cho các lãnh-tụ cao-cấp, tôn-giáo và đại-biểu thế-giới của Hội-đồng Việt-nam Tự-do thảo-luận các biện-pháp và chương-trình hoạt-động giải-trừ CS, giải-trừ pháp-nạn và quốc-nạn.

Đại-hội có mặt các lãnh-tụ của Hội-đồng Việt-nam tự-do như Tiến-sĩ Lê Phước Sang, Lê Quang Sách, Thượng-tọa Thích Minh Tuyên,... và các quan-khách danh dự như cựu Đại-sứ William Colby (Chủ-tịch Ủy-ban Hoa-kỳ cho một nước VNTD), Dân-biểu Wayne Gilchrest (Chủ-tịch UB Đặc-nhiệm Quốc-hội Hoa-kỳ),...

Về phần thuyết-trình có bài của tướng Huỳnh Văn Cao, cựu nghị-sĩ Nguyễn Văn Ngãi, cựu tổng trưởng Ngô Khắc Tĩnh, TS Trần Bình Tịnh, nhà báo Lê Hồng Long. Chủ bút *Làng Văn* Nguyễn Hữu Nghĩa đóng-góp hai bài nói chuyện cùng một đề-tài với tư-cách thuyết-trình-viên khách (*guest speaker*). (mlv, theo tài-liệu HĐVNTD)



tin tị-nạn

Kiên Trung phụ-trách



GIẢI PHÁP “KHU VỰC XÁM” CHO THUYỀN NHÂN VN ?

Trong những tháng gần đây, khi chương trình Hành Động Toàn Diện (CPA) tiến đến những bước cuối cùng và khi những kết quả thanh lọc hết sức bi quan cho thuyền nhân được công bố tại các trại tị nạn, người ta thấy nói đến một giải pháp mới: giải pháp “khu vực xám” (grey area).

Giải pháp này do một tổ chức ở hải ngoại đưa ra đã được nhiều thuyền nhân và cả thân nhân của thuyền nhân tại hải ngoại coi là chiếc phao cuối cùng cho những người tị nạn được phân loại thuộc “khu vực xám”.

Theo định nghĩa của Trung-tâm Tác-vụ Đông-dương (IRAC), cơ quan đề nghị giải pháp này, “khu vực xám” gồm các cựu quân cán chính VNCH, người đã làm việc cho các cơ quan, sở Mỹ, các tu sĩ mọi tôn giáo, các bộ nhân ở Dong Rek (Thái Lan) và một số trường hợp nhân đạo. Từ khi có tin đồn này, rất nhiều người tị nạn ở Thái Lan, Mã Lai, ... đã gửi hồ sơ xin được xếp loại vào khu vực xám.

Theo Ủy Ban Báo Nguy Cữu Người Vượt Biển và Chương-trình Trợ-giúp Pháp-lý cho Thuyền-nhân VN (Legal Assistance for Vietnamese Asylum Seekers - LAVAS), giải pháp Khu vực Xám chỉ là một ý kiến đề nghị của một cơ quan ở hải ngoại đưa ra, xuất phát từ thiện ý muốn giải quyết tình trạng đau khổ của thuyền nhân, đại ý xin quốc tế làm một chuyến “tàu vét”. Cho đến nay, giải pháp này chưa được bất cứ một

quốc gia, một tổ chức nào có thẩm quyền chấp thuận.

Nhân viên Văn phòng Tị Nạn (Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ) đã khẳng định Hoa kỳ không bao giờ ủng hộ giải pháp này, mặc dù Hoa kỳ vẫn còn là một trong những quốc gia có nhiều thiện cảm nhất với thuyền nhân, vì nhiều lý do.

Thứ nhất, không có cách nào xác định “làn ranh xám”. Thứ hai, việc quốc tế chấp nhận cho tất cả cựu quân cán chính đương nhiên hưởng quyền tị nạn sẽ có ý nghĩa mời chào những người này và gia đình họ ở VN đổ xô ra biển, một điều mà quốc tế rất sợ.

Việc cho “khu vực xám” hưởng quyền tị nạn cũng đồng nghĩa với việc phủ nhận giá trị các quyết định thanh lọc của các quốc gia tạm dung từ trước đến nay, một điều mà không quốc gia nào chấp nhận được. Và lý do thứ ba để quốc tế không chấp nhận giải pháp này là họ không muốn chính sách của họ về vấn đề tị nạn bị vô hiệu hoá. Nếu họ đồng ý, thuyền nhân sẽ có lý do để tin tưởng rằng chính sách của quốc tế sẽ thay đổi và không chịu hồi hương, đồng thời những người trong nước sẽ tiếp tục ra đi.

Ủy Ban Báo Nguy Cữu Người Vượt Biển nhắc nhở đồng bào trong các trại nên tiếp tục các hoạt động tranh đấu đòi quyền tị nạn, nỗ lực đòi hỏi các quốc gia tạm dung và Cao Ủy Tị Nạn áp dụng đúng các nguyên tắc của chính sách hiện hành và tôn trọng luật tị nạn trong

vấn đề thanh lọc. Thuyền nhân không nên tin vào những tin đồn, những ảo tưởng để buông xuôi những cố gắng tự cứu mình trong giai đoạn khó khăn này. (kt).

MÃ LAI SẼ TRỪNG TRỊ CÁC BĂNG ĐẢNG TRONG TRẠI

Gần đây, các nhóm du đảng trong các trại tị nạn tại Mã lai đã gia tăng quấy phá, hành hung người tạm cư trong các trại. Các nhóm này - được gọi là “bồ tát” - thường là tập hợp của những tay anh chị có tiền án ở VN và một số thanh niên hư hỏng, thường xuyên đánh đập, xách nhiễu đồng bào. Theo thuyền nhân trong các trại, bọn chúng được sự dung dưỡng của lính Mã Lai và được sử dụng như công cụ trấn áp các cuộc tranh đấu. Sau cuộc biểu tình tuyệt thực kéo dài từ tháng 4 vừa qua ở Sungei Besi, nhiều người chủ chốt của cuộc đấu tranh đã bị “bồ tát” đánh bị thương.

Thuyền nhân trong các trại và các cộng đồng hải ngoại đã phản đối việc này với Cao ủy Tị nạn và chỉ huy trưởng toán Đặc Nhiệm Đặc Trách Thuyền Nhân của Mã lai. Trong thư phúc đáp cộng đồng Việt ở Oklahoma City (Hoa kỳ), tướng Kudus (chỉ huy toán ĐNĐTTN, Mã lai) cho biết ông đã chỉ thị điều tra và trừng trị các tên côn đồ này.

Ủy Ban Báo Nguy Cữu Người Vượt Biển và các hội đoàn người Việt hải ngoại kêu gọi các thuyền nhân từ các trại tị nạn vừa được định cư hãy tiếp tay cung cấp các tài liệu, chứng cứ để truy tố và trừng trị các thành phần bất hảo. Các tài liệu sẽ được đúc kết thành hồ sơ chuyển cho chính phủ Mã và Cao ủy Tị nạn. Mặt khác, những hồ sơ này cũng sẽ được cung cấp cho các tòa đại sứ để các nước sẽ không nhận cho các thành phần này định cư.

Đồng bào vừa đến định cư từ các trại có nghe, biết hay chứng kiến các vụ bạo hành của lính địa phương, các băng đảng, xin liên lạc với toà soạn hoặc với Ủy Ban Báo Nguy Cữu

Người Vượt Biển, P.O. Box 2652,
Merrifield, VA 22116, USA. (kt)

ĐI BỘ GÂY QUỸ YẾM TRỢ CHƯƠNG TRÌNH LAVAS

Trong tháng 8.93, cộng đồng người Việt tại Melbourne (Úc châu) tổ chức một cuộc đi bộ gây quỹ nhằm trợ giúp tài chánh cho Chương-trình Trợ-giúp Pháp-lý cho Thuyền-nhân VN (LAVAS).

Hoạt động này nhằm đáp lại lời kêu gọi của LAVAS (xem *Tin Tị Nạn, Làng Văn* số 109, tháng 9.93) về việc gây quỹ gửi luật sư vào các trại tị nạn để giúp bệnh vực những đồng bào bị thanh lọc bất công.

Cần nhắc lại LAVAS được thành lập từ cuối năm 1990, bao gồm một số thiện nguyện viên trẻ, có nhiệt huyết, thuộc nhiều quốc tịch chủ trương dựa trên pháp lý để hướng dẫn, can thiệp, và đấu tranh cho thuyền nhân trong việc lập hồ sơ thanh lọc hay kiện các trường hợp bị thanh lọc bất công. LAVAS do Tiến sĩ Nguyễn Đình Thắng làm giám đốc, đã đưa được một số luật sư vào các trại tị nạn ở Phi-luật-tân và Hương-cảng. Theo LAVAS, mặc dầu có những khó khăn về tài chánh và đụng chạm một hàng rào trở ngại do các thế lực quốc tế dựng lên để ngăn trở, tổ chức đã giúp được trên một ngàn đồng bào trong các trại, kết quả đã đem lại quyền tị nạn cho vài trăm thuyền nhân đồng thời đã đem đến một vài cải thiện trong lễ lối thanh lọc.

Ngân quỹ của LAVAS có đến 90% do đóng góp của cộng đồng, là dự án chung của 10 hội đoàn hải ngoại. (kt)

THANH LỌC : CÀNG LÚC CÀNG TỆ HẠI

Các kết quả thanh lọc cuối cùng vừa được công bố tại các trại tị nạn đã cho thấy thái độ bất công và vô nhân đạo của các nước tạm dung và Cao ủy Tị-nạn Liên-hiệp-quốc.

Trong tất cả các trại, thành phần

cựu quân nhân, công chức, những người đã từng tham gia các tổ chức chống Cộng ở trong nước sau 75 và bị VC lên án ... đã bị từ chối quyền tị nạn với những lý do rất tùy tiện và mơ hồ.

Tin tức từ các trại tị nạn gửi ra đều nói lên những trường hợp thanh lọc bất công đến độ vô lý. Dưới đây là những trường hợp điển hình:

Phi luật tân: Ở Palawan còn 3800 thuyền nhân, một phần tư là cựu quân nhân và gia đình, 70% có thân nhân tại Hoa Kỳ. Tất cả đều bị từ chối ngay trong đợt đầu thanh lọc.

Nam Dương: ông Nguyễn Văn Minh, cựu quân nhân đã treo cổ tự tử vì ông được hưởng qui chế tị nạn, còn con ông thì không.

Thái Lan:

- Ông Nguyễn T.P., cựu thông dịch viên cho người Úc, sau 75 bị bắt tù, buộc tội là CIA, nhà cửa bị tịch thu, gia đình bị đuổi đi kinh tế mới cũng không được coi là tị nạn chính trị.

- Thượng Tọa Thích Trí Lãng (trại Sikiew), chánh đại diện Giáo hội Phật giáo VN Thống Nhất, người bị VC lùng bắt từ năm 1982, vượt biên năm 90 sang Cam bốt bị lính Miên vây bắt phải trốn sang Thái Lan, đã từng được bộ Nội vụ Thái Lan phỏng vấn về tình hình Phật giáo trong nước, bị bác đơn cùng với 5 đệ tử đều là tu sĩ, và sau đó còn bị bắt dẫn đi mất tích.

Mã Lai: Linh mục Trương Minh Chánh, người VN đầu tiên được thụ phong linh mục tại Sungei Besi, bị từ chối tư cách tị nạn. Khi còn ở VN, Linh mục Chánh (lúc đó còn là một chủng sinh) đã bị VC trục xuất khỏi chủng viện, quản chế và lùng bắt vì chống nhà nước.

Hương Cảng:

- Nhà báo Đặng Hoàng Hà, nhân vật *phản động* trong vụ án *Hồ Con Rùa* năm 76 tại Sài gòn, bị VC bắt giam cho đến 87, năm 90 lại bị công an CS truy lùng vì tội liên lạc gián điệp với ký giả Michael Morrow, bị đánh rớt thanh lọc.

- Một nhóm gần 40 người ở

Hương cảng gửi thư từ, tên tuổi liên lạc với kháng chiến để xin gia nhập, thư của họ bị gửi lộn về VN, đến khi trở lại Hương cảng chỉ còn phong bì không, họ cũng không được coi là tị nạn dù hiển nhiên họ không còn đất sống nếu bị buộc hồi hương

Theo quy định của Cao ủy Tị Nạn, những nạn nhân của hải tặc và bạo hành, những trẻ em không thân nhân, trên nguyên tắc được chăm sóc đặc biệt và được thanh lọc ưu tiên, nhưng thực tế cũng bị không hơn gì những thuyền nhân khác. Số đồng bào này có khoảng 300 người, đông nhất là ở Thái Lan, khoảng vài chục ở Nam Dương, Mã Lai. Họ là những người đã bị khủng hoảng nặng vì đã bị hăm hiếp nhiều lần, hoặc chứng kiến thân nhân bị hải tặc sát hại ... rất cần được giúp đỡ, chữa trị nhưng đã bị bỏ quên không được chăm sóc và đến khi có kết quả thanh lọc, họ cũng bị đánh rớt một cách vô nhân đạo. Mặc dù do kết quả của các cuộc tranh đấu của Ủy Ban Báo Nguy Cứu Người Vượt Biển và cơ quan Refugees International, Cao ủy Tị-nạn Liên-hiệp-quốc đã phải mở văn phòng đặc biệt để cứu xét hồ sơ các nạn nhân bạo hành, những thuyền nhân đau khổ này vẫn bị bỏ rơi.

Ủy Ban Báo Nguy Cứu Người Vượt Biển đã đề nghị một kế hoạch tích cực để người Việt và các hội đoàn hải ngoại thực hiện nhằm tạo áp lực với Cao ủy Tị-nạn Liên-hiệp-quốc hầu cứu giúp những thuyền nhân nạn nhân của bạo hành. Kế hoạch gồm các bước:

1. Thu thập dữ kiện để làm chứng cứ trong cuộc vận động:

a. Lập danh sách và hồ sơ các nạn nhân bạo hành. Danh sách này Cao Ủy giấu kín nên sẽ phải bỏ công điều tra bằng đường dây riêng.

b. Thu thập các xác minh thư của những người có thẩm quyền, hiểu chuyện và các nhân chứng.

c. Thu thập tài liệu về chính sách quốc tế đối với nạn nhân hải tặc và bạo hành.

2. Vận động Quốc hội và Hành

pháp:

a. Đặc biệt ở Hoa Kỳ, Quốc Hội có quyền đặt vấn đề 3.5 triệu mỹ kim mà một phần dành cho nạn nhân bạo hành (thời gian hiện nay là lý tưởng vì Quốc-hội Hoa kỳ đang duyệt xét ngân quỹ cho Cao ủy Tị-nạn Liên-hiệp-quốc cho hai tài khóa 94-95.)

b. Kêu gọi các chính phủ (đặc biệt là chính phủ Pháp, Gia nã đại và Hoa kỳ) lên tiếng mạnh mẽ đòi Cao ủy Tị-nạn Liên-hiệp-quốc nhanh chóng tái xét các trường hợp nạn nhân của hải tặc và bạo hành.

c. Làm việc chặt chẽ với các dân biểu, nghị sĩ để tạo áp lực lên Cao ủy Tị-nạn Liên-hiệp-quốc.

d. Yêu cầu các chính phủ Thái lan, Nam dương và Mã lai trực tiếp can thiệp cho những nạn nhân bạo hành trên nguyên tắc nhân đạo, qua mặt Cao ủy Tị-nạn Liên-hiệp-quốc nếu cần.

3. Vận động các hội đoàn quốc tế:

a. Tranh thủ sự đồng loạt lên tiếng của các cơ quan quốc tế như USCC, US Committee for Refugees, Refugees International ... để tạo thêm áp lực với các chính phủ và Cao ủy Tị-nạn Liên-hiệp-quốc.

b. Trực tiếp đặt vấn đề với Cao ủy Tị-nạn Liên-hiệp-quốc, đòi hỏi phải giải quyết lập tức tình trạng của các nạn nhân hải tặc và bạo hành.

c. Đưa vấn đề ra trước dư luận quốc tế qua các phương tiện truyền thông đại chúng.

Nỗ lực này cần phải được thực hiện ngay để tạo ảnh hưởng tại cuộc họp quốc tế về chính sách tị nạn VN vào cuối năm nay. (kt tổng hợp)

ỦY BAN CỨU NGƯỜI VƯỢT BIỂN CẦN SỰ GIÚP ĐỖ CỦA CÁC THUYỀN NHÂN MỚI ĐI ĐỊNH CƯ

Nhằm thu thập tài liệu, tin tức từ các trại tị nạn trong tình hình thư tín, báo chí ra và vào các trại bị hạn chế, tịch thu, người trong trại e ngại bị trả thù hay làm khó để không dám tiết lộ với bên ngoài; Ủy Ban Báo Ngụy

Giúp Người Vượt Biển nhờ *Làng Vãn* gửi đến các thuyền nhân mới đi định cư thông báo sau đây:

Ủy ban Giúp Người Vượt Biển đang rất cần biết về tình trạng của các trại tị nạn Đông Nam Á và Hồng Kông để kịp thời lên tiếng bênh vực cho các thuyền nhân. Chúng tôi rất cần biết về tình trạng thực phẩm, giáo dục, đời sống, các vụ bạo hành bởi du dân hay lính địa phương, và về các chính sách bóp nghẹt đời sống khác hiện

đang diễn ra trong các trại.

Chúng tôi khẩn khoản kêu gọi những thuyền nhân nào vừa đi định cư từ một hay hai năm trở lại hãy liên lạc gấp với chúng tôi theo địa chỉ sau đây. Xin quý vị cho chúng tôi biết tên họ, địa chỉ và số điện thoại. Chúng tôi sẽ liên lạc với quý vị lại để hỏi han về tình hình trong các trại. Xin chân thành cảm ơn.

Ủy Ban Giúp Người Vượt Biển
P.O. Box 2652

Merrifield, VA 22116

USA

ĐT: (703) 204-2662



Hàng chục ngàn trẻ tị-nạn Việt-nam sống lây-lắt trong các trại tù ở Hương-cảng, trong đó có nhiều em ra đời và lớn lên trong tù, chưa từng được hưởng một phút tự-do.



Đồng-bào tị-nạn tại Mã-lai đấu-tranh chống thanh-lọc bất-công, chống lệnh cấm lửa, chống lệnh cấm sách báo hải-ngoại. Cuộc đấu-tranh đã được chính-phủ Mã-lai chú ý và các yêu-cầu chính-đảng được tôn-trọng.

Mùa Thu Xứ Cúc

Vi An

Khi đám sen mọc bên mé nước các bờ hồ thơ mộng bắt đầu tàn, những cây hồng sai trái ửng vàng, hàng phong ven đường lá đổi màu, gió phương bắc thổi về xào xạc trên những đôi thông và dưới hiên nhà ai, những khóm cúc đang rộ nở thì xứ Cúc cũng vừa bước vào thu.

Ngoài mỹ danh xứ Hoa Anh Đào, Nhật Bản còn được gọi là xứ Cúc. Tên này do người Tây phương đặt hồi họ mới đến Phù Tang tam đảo thế kỷ 15, 16. Qui tụ đây nơi đây họ hàng nhà cúc đủ màu đủ loại; lại hạp đất nên rất dễ trồng, chỉ cần ngắt một cành nhỏ cắm bừa xuống đất, ít bữa sau cúc đã bén rễ ra lá xanh tươi. Tuy mãi khai xuân thu nhị kỳ, nhưng dịp đầu thu, cúc mới được ưa chuộng nhờ các loài hoa khác chịu lạnh kém nên đều sầu héo, chỉ riêng nàng cúc là mơn mớn, độc quyền tô điểm cho cảnh đời vàng úa. Nếu là người yêu thu cúc, mời bạn ghé mấy gian triển lãm cúc kiểng để thưởng lãm thân hình nàng cúc do bàn tay các nghệ nhân uốn nắn mang nhiều hình dạng lạ kỳ như long, ly, qui, phượng... Ở siêu thị, nơi quầy rau, hoa cúc được bày bán, quý bà nội trợ khéo tay mua về tẩm bột chiên hay xào nấu để tẩm bổ... ruột cho các đấng phu quân. Hoa cúc ăn có vị hơi đắng nhưng công dụng trừ giun tiêu sán rất thần tình. Vì lẽ này nên cúc cũng thường dùng ăn sống kèm với món cá sống thái mỏng sashimi chấm nước xì dầu

đặng bảo đảm an toàn cho bụng dạ. Còn các tay nuôi gà lấy trứng khi thấy bộ vó mỹ miều của nàng cúc vàng thì họ lợi dụng liền: bông cúc vàng xay nát hoà với thực phẩm chế biến đem cho gà mái ăn, lòng đỏ trứng gà thêm màu tươi vàng, bắt mắt...

Ngon Phú Sĩ bạc đầu cũng là một trong những biểu hiệu của nước Nhật vào thu. Tuy có độ cao 3776 m nhưng suốt ba tháng hè nắng gắt, trên đỉnh Phú Sĩ chỉ nằm trơ ra đám nham thạch đen sì. Chừng cuối tháng 9 đầu tháng 10, tuyết trắng khởi rơi lất phất đọng trên đầu ngọn núi. Đối với dân Nhật, núi Phú Sĩ chẳng những là biểu tượng của quốc gia mà còn là một vị thần sống mỗi giờ mỗi phút không ngừng biến đổi. Nếu bên trời Tây có câu: "Không ai tắm hai lần trong cùng một dòng sông" thì ở Nhật cũng có câu tương tự: "Đời người, ai chưa từng trèo núi Phú Sĩ một lần là kẻ ngu, nhưng ai trèo Phú Sĩ sơn hai lần là kẻ... khùng khùng mát mát". Không muốn bị mang tiếng ngu, hàng năm, theo thống kê của Hội Leo Núi, có khoảng 300 ngàn người quyết tâm chinh phục núi Phú Sĩ. Kể cả các cụ già, dù đã ở lứa tuổi mỗi gối chồn chân phải chống gậy rồi cũng còn muốn trèo. Càng lên cao, sạn đạo càng vòng càng dốc khiến các cụ mệt đừ đừ, chóng mặt vì thiếu dưỡng khí, hơi thở hỗn hển, tim đập bình bịch rồi...

lăn đùng ra đất. Chứng "thượng sơn phong" đã lấy đi cái mạng già của một số cụ ham vui nên Hội đã phải khuyến cáo quý cụ tuổi trên 50, nếu chưa muốn đi thăm ông sáu tằm xin đừng trèo núi Phú Sĩ. Ngại leo mỗi giò ư? Đã có sẵn bày ngựa cho thuê dưới chân núi để bạn thượng mã du sơn. Nhưng cưỡi ngựa leo núi thì bị giới hạn ở độ cao 500 mét. Bạn chỉ có thể ngưng vó ngựa nơi lữ quán ven đường, ghé vào làm một ly bia hay ly trà đá rồi phải trở xuống. Cái thú lên tận đỉnh Phú Sĩ sơn, ngồi dựa lưng vào tảng đá đen lạnh, giờ bầu rượu saké ra nốc rồi móc túi thơ lấy giấy bút ra thảo dăm vắn thơ say quảng xuống đầu lữ người ngợm nhân gian chen chúc trong cuộc sống nhỏ bé hèn mọn bên dưới; cái thú... lên tiên ấy mà chỉ đơn giản bỏ tiền ra thuê bốn cái giò ngựa, dứt khoát không thể nào hưởng được. Muốn lên tiên, phải tự trèo bằng chính đôi chân của bạn.

Tả cảnh Phú Sĩ sơn cho người ở xa nghe là một điều khó khăn gay cấn nhất trên đời. Tại sao à? Cách đây bốn thế kỷ, tướng "độc nhãn long" Masamune (1565-1636), vị lãnh chúa nổi danh của vùng đông bắc Nhật đã làm thơ giải thích:

Mỗi lần nhìn Phú Sĩ,
Lại thấy núi biến đổi!
Như mình nhìn Phú Sĩ
Lần đầu tiên trong đời.
Làm sao mình tả nổi,
Cho người chưa thấy núi?
Chẳng ai thấy hai lần,
Cùng ngọn Phú Sĩ đâu!

Tạm rời Phú Sĩ, ta hãy đi thăm những cánh đồng lúa bé con con dọc theo vùng đồng bằng Quan Đông.

Vụ lúa hè thu đang chín tới. Khắp mọi nơi vang tiếng máy xe gặt lúa chạy xình xịch. Là xứ lạnh, ngày xưa nước Nhật rất ít trâu bò. Họ cày bằng sức người hay dùng ngựa. Ngựa, con vật bị dùng nhiều trong thời chiến và bị bóc lột sức lao động tận tình để cày ruộng trong thời bình, nhờ nền văn minh cơ khí đã được "giải phóng". Ngựa hiên ngang đi vào trường đua, nạn đánh cá ngựa

khiến lắm kẻ bán nhà. Ngựa hùng dũng đi vào... siêu thị. Đắt hơn cả món thịt bò là món sashimi thịt ngựa sống. Tập tục ăn thịt ngựa, ngoài món protein chính là món cá, đã cố tự ngàn xưa với quan niệm ăn gì bổ nấy. Ăn nhiều thịt ngựa, chắc sẽ dai phồng như ngựa nên dù giá hơi cao, 6 đến 10 đô mỹ 100 gram, vẫn là món bán chạy hàng đầu.

Kể cũng tài thật bạn ạ. Đắt chát người đông, có tí tẹo đất trồng lúa, mỗi năm chỉ thu hoạch được một vụ, thế mà mức sản xuất 10 triệu tấn gạo cho hơn 120 triệu con người hàng năm vẫn đủ dùng. Trước sự đòi hỏi phải mở rộng cửa thị trường gạo của Mỹ từ nhiều năm nay, hồi còn cầm quyền, một yếu nhân trong chính phủ Nhật thuộc đảng Tự Dân đã tuyên bố một câu xanh rờn: "Giữ vững thị trường gạo là lập trường sống chết của Nhật Bản". Dĩ nhiên là một dân tộc Á Đông, người Nhật đã hiểu rành lắm rồi cái chuyện lệ thuộc miếng ăn là... lệ thuộc tất cả. Nhưng mùa hè ngắn ngủi và nhiệt độ quá thấp của năm 93 đã khiến cho vụ lúa thất thu đến 15% (lạnh quá nên không trổ bông, lúa bị lép). Thế có nghĩa Nhật Bản sẽ thiếu cỡ một triệu tấn rưỡi gạo từ đây cho đến hè năm tới. Có lẽ trời đã khiến xui cho chính phủ mới của Nhật tạm thời thỏa mãn cơn khát vọng bán gạo của người Mỹ. Một triệu tấn rưỡi yêu sách nhập cảng gạo của Mỹ mỗi năm tính ra có thấm thía gì đâu so với con số thặng dư mậu dịch khổng lồ US - Japan là 50 tỉ đô la Mỹ? Đằng sau vấn đề này ắt phải có những mưu đồ đen tối nào đó.

Với máy móc hiện đại, một cánh đồng lúa tương tự như các thửa ruộng bé nhỏ ở Việt Nam, người nông dân Nhật chỉ cần lấy xe đi vài đường là xong: gặt, đập, vô bao cùng một lúc. Trông họ gặt, thấy khoẻ lắm thân thiết nhưng tiếng máy gặt đã át tiếng hát hò trên đồng năm xưa năm xưa. Điệu hò câu hát mùa cấy mùa gặt ở Nhật không phải là không có, nhưng giờ đây đã thất truyền cả rồi.

Con người hai mặt

Tân thủ tướng Nhật, ông Hosokawa (Tế Xuyên) khi vừa chễm chệ trên ghế danh vọng đã làm một việc coi được: Nhân dịp kỷ niệm ngày "Chung chiến", trong một bài diễn văn, ông đã lớn tiếng nói rằng, cuộc chiến trước đây là "một cuộc chiến tranh xâm lăng của Nhật đối với các nước Á châu khác". Ông cũng ngỏ lời phân ưu cùng các nạn nhân những nước đã bị Nhật chiếm đóng. Chỉ ít ngày sau, không rõ chịu áp lực bởi những phe phái nào, ông đã tự sửa đổi ý trên khi đọc báo cáo trước quốc hội. Danh từ "xâm lăng" trở thành "gây hấn" (nhẹ tội hơn), đồng thời ông tỏ lòng ngưỡng mộ những "liệt sĩ" Nhật đã hy sinh trong thời chiến, và nhấn mạnh đến việc Nhật sẽ không bồi thường chiến tranh gì cả cho các quốc gia nạn nhân. Chuyện trở giọng của tân thủ tướng đã khiến các sắc dân Á đông khác bất mãn. Hàng ngàn sinh viên Đại Hàn biểu tình trước dinh thủ tướng Nhật, trưng những tấm bảng mang hàng chữ: "Hosokawa là con người hai mặt". Đại Hàn là dân tộc bị người Nhật bức hiếp nhất trong cuộc chiến 45: hàng chục năm đô hộ, cả triệu người bị cưỡng bách lao động phục vụ tiền tuyến, trên 200 ngàn phụ nữ kể cả gái vị thành niên bị sung vào đoàn quân "hộ lý", chuyên "ủng hộ sinh lý" cho các chiến sĩ "anh hùng" Nhật Bản! Những nạn nhân của trò tàn tệ đó đã nhiều lần ra mặt tố cáo tội ác tày trời của Phát xít Nhật và đòi bồi thường nhân phẩm. Nhưng những cuộc tranh đấu đòi hỏi hợp lý đó đã không hề được đáp ứng. Cho đến nay, chính phủ Nhật vẫn khăng khăng không chịu bồi thường thiệt hại cho đám phụ nữ xưa bị cưỡng ép phục vụ sinh lý. Không cứ gì Đại Hàn; Mã Lai, Tân gia ba, Phi luật tân cũng bị tai nạn "hộ lý". Hiệp hội nhân quyền thế giới đã đưa đơn lên đến Liên Hiệp Quốc đòi phải xét xử vụ đốn mạt này.

Về phía dân Nhật, tân chính

quyền của ông Hosokawa được lòng tin cậy của khá đông quần chúng: trên 70% dân chúng tỏ ra ủng hộ nội các mới khi được phỏng vấn. Vì những khó khăn do tàn tích 38 năm cầm quyền của đảng Tự Dân để lại với những tệ nạn tham nhũng, tệ nạn xài băng đảng anh chị trong chính giới, nội các của tân thủ tướng cần phải đối mặt giải quyết hai vấn nạn quan trọng trong mùa thu-đông năm nay: Một là cải cách chính trị, trong sạch hoá hàng ngũ cán bộ cao cấp trong chính quyền. Hai là san bằng cán cân mậu dịch chênh lệch, không những giữa Nhật và Mỹ mà còn đối với các quốc gia khác nữa. Nhưng nội bộ liên đảng gồm 8 đảng của chính quyền mới lại tự thành ba phe, mỗi phe có từ hai đảng trở lên toan tính chuyện ăn đời ở kiếp với nhau để tạo thành một lực lượng mạnh hơn, đáng gờm hơn, "cư an tư nguy" cho lần... bầu cử sau. Té ra lo cho dân cho nước chưa phải là trọng tâm của họ bạn ạ. Họ đương mắc lo củng cố việc bắt ốc, thắt dây an toàn cho chặt vào cái ghế ngon lành của mình. Xem ra, nền chính trị bốn chữ T (tình, tiền, tù, tội) của chính trường Phù Tang khó mà cải tổ nổi trong thập niên cuối thế kỷ 20.

Thơm hơn rác Mỹ

Thời đại quân Mỹ còn đóng ở Nam Việt Nam, trúng mảnh thầu rác Mỹ là trúng bạc triệu đối với những tay có đầu óc tư lợi. Còn nhớ mỗi lần một chiếc xe thầu rác Mỹ chạy vào xóm nghèo, xóm nhà lá, bàn dân đồ xô ra bu đông đen. Rác Mỹ lúc ấy là một loại rác tạp nham, không thiếu món chi trên đời kể cả thức ăn thừa, xà bông thơm, khăn tắm, thịt nguội, thịt hộp, tạp chí *Playboy* ở trường, thuốc lá thơm, đồ hộp B3, B4.... Nổi nghề đàn anh xưa, một số người Việt tị nạn sang Nhật ít năm bèn xoay ra nghề thầu rác Nhật. Họ thuê những bãi đất trống ở những địa điểm rẻ tiền, chuyên mua rác với giá rẻ và "chuyển rác về quê hương" với giá cắt cổ.

Dân Nhật liệng ra bãi rác hai loại đồ vào những ngày qui định: loại rác sống ném hai ngày một lần. Món này xài không được vì toàn cơm thừa canh cặn, hơi thúi bần thiêu. Loại rác thứ hai là loại không đốt được, gồm lon nhôm, vỏ chai, vật dụng máy móc các loại... Lon nhôm, vỏ chai thì đã có mấy hành khất đại hiệp Nhật nhét bét cả rồi. Còn chừa lại ti-vi, tủ lạnh, máy lạnh, cát-sét, máy chữ, xe gắn máy.v.v.. Những thứ rác này vô giá trị dưới mắt người Nhật vì toàn là đồ hư, đồ phế thải, đồ quá hạn. Đôi lúc cũng có những người ném toàn đồ mới vì họ dọn nhà, cần đi tay không cho gọn. Thế là dân phe phẩy, chuyên lượm rác

sau giờ làm việc trong dòng Việt tộc lượm liên, gom lại thành từng đồng chất lên xe chở thẳng tới bãi chứa bán lấy tiền. Hiện nay, một người lanh lẹ trong nghề, chỉ làm thêm vài tiếng mò rác sau giờ làm việc chính ở công xưởng có thể kiếm ra cỡ 600 đến 700 đô một tháng. Món rác thơm nhất là xe gắn máy cũ, bán có thể được cả ngàn đô một chiếc nếu phân khối cao. Thứ này khó lượm, phải lòng mua rẻ nơi các bãi xe phế thải hoặc tiệm sửa xe Honda cũ. Xe vận tải cũ, xe hơi phế thải cũng được xếp hàng đầu trong danh sách rác thơm. Nhưng phần lớn dân lượm rác tập trung vào loại rác hạng trung bình, dễ kiếm nơi các bãi rác qui

định: máy lạnh, tủ lạnh, ti-vi, cát-sét. Vào các dịp lễ lớn của Nhật như nghỉ Tết, nghỉ hè, nghỉ xuân, dân Nhật lo quét dọn, vất đồ cũ nên trong những dịp ấy dân ve chai lượm một nghỉ.

Tất cả các loại rác trên đều được các tay chủ thầu gom thành từng đồng, phân loại chờ tàu buôn Việt Nam tới sẽ bốc lên chở về nước. Chịu thuế xong, rác sẽ được đưa vào các lò "hấp" lại cho đẹp và tái sử dụng. Giá bán rác Nhật ở thị trường Việt Nam chẳng rẻ hơn mấy móc, xe cộ nhập cảng mới là mấy vì phải chịu quá nhiều tay ăn chia trong đó. Đến tay người sử dụng, rác Nhật đã trở thành giá cắt cổ. Điều kệt là, chính quyền cộng sản Việt Nam chỉ lo bóp chẹt con dân và lo bỏ túi riêng mình nên hàng tiêu dùng ở Việt Nam vẫn vô cùng khan hiếm, nhất là đồ nhập cảng đóng mác US, Japan, v.v... do đó rác Nhật vẫn được nồng nhiệt đón nhận. Chẳng cứ gì Việt Nam, các nước nghèo hơn Nhật khác ở Á Đông như Mã Lai, Thái Lan... cũng vẫn xài rác Nhật.

Mới đây, các chú Ba Lan, Nga cũng tập tễnh nhảy vào cuộc chơi "thơm hơn rác Mỹ" này. Thế nhưng khi các chú Nga mang rác Nhật về đến nước thì bị cấm xài, lý do là xe Nhật có tay lái bên phải trong khi theo luật lệ giao thông Nga, tay lái ở bên trái. Tiếc tiền, các chú thầu rác Nga bèn biểu tình, đòi chính phủ của ông Yeltsin phải cho loại xe ấy chạy đại. Nhưng đâu có được, luật là luật! Phải bỏ thêm tiền ra mà sửa, chuyển hệ tay lái về phía ngược lại mới được phép lưu hành. Riêng Việt Nam là ngon lành, các "lò hấp" chỉ với kèm búa thô sơ mà chỉ trong vài ngày tay lái đã chuyển từ phải sang trái như có phép "đổi mới" thần sầu! Chất lượng của những loại xe thuộc "hệ" rác Nhật như thế đã nằm trong quỹ đạo "hết ý kiến" ở Nhật rồi, vậy xin khuyên kẻ mua người cỡi hãy thấp nhang cúng đầu xe, dặt xe, và cúng luôn cả... tay lái xe nữa rồi hăng leo lên cưỡi để nhát ma bần dân thiên hạ! □



Nguyễn Trãi và Kinh "Cả Blả Ôn Nắng Ná Cực Năng"

Lê Hữu Mục

Ngày lễ Vu Lan, còn gọi là lễ rằm tháng bảy, lễ cô hồn, hay ngày xá tội vong nhân, là một ngày quan trọng. đối với Phật giáo cũng như đối với Lão giáo, Nho giáo, Công giáo, Cao Đài, Hoà Hảo, nghĩa là toàn thể dân tộc. Đây không phải là một ngày lễ quần chúng. Nó đã đi sâu vào văn hoá Việt Nam; vào các cơ chế hành chánh, chính trị; là nguồn cảm hứng của các tác phẩm văn học lớn như *Thập giới cô hồn quốc ngữ văn* của Lê Thánh Tôn, *Chiêu hồn ca* cũng gọi là *Văn tế Thập loại chúng sinh* của Nguyễn Du. Trong tinh thần này và giữa không khí náo nhiệt chuẩn bị lễ Vu Lan 2537, tôi mạnh dạn công bố bản kinh *Cả Blả Ôn Nắng Ná Cực Năng*, tức bản dịch nôm *Đại báo phụ mẫu ân trọng kinh* mà các Phật tử thường tụng vào ngày lễ Vu Lan để cầu nguyện cho các bậc sinh thành được siêu sinh tịnh độ.

Lai lịch bản kinh

Bản kinh hiện nay tôi có là bản của giáo sư Tạ Trọng Hiệp chụp cho tôi từ bản gốc mà giáo sư phát hiện được trong thư viện của học giả P. Demiéville, nay thuộc tài sản của Hội Á Châu Paris. Sách không có bìa, không có trang đầu, từ trang 2a đến trang 6a là phần nghi thức chuẩn bị khóa lễ; phần chính của kinh bắt đầu từ trang 6b, gồm 10 dòng, 5

dòng lễ dành cho chữ nôm, 5 dòng chẵn là những dòng chính dành cho chữ hán, chữ viết lớn và rất đẹp. Dòng 2 ghi: *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh*. Dòng 1 dịch là: Kinh này *Bụt thốt cả blouse nắng cực năng*. Dòng 4 ghi: Điều-tần(1) tam-tạng sa-môn Cưu-ma-la-thập(2) phụng chiếu dịch. Dòng 3 dịch: Tam-tạng sa-môn đời Điều-tần ốc là Cưu-ma-la-thập bằng mười chiếu mà dịch kinh. Như vậy nguyên bản kinh này được viết bằng chữ Phạn, Tam tạng pháp sư Cưu-ma-la-thập dịch sang chữ hán, và bây giờ được một người nào đó dịch ra chữ nôm.

Xét chữ nôm ghi trong bản kinh, ta thấy mặt chữ nhỏ hơn chữ hán rất nhiều, có nhiều chỗ viết đẹp nhưng cũng có nhiều chỗ viết xấu, viết nguệch ngoạc như cho xong chuyện. Thậm chí có nhiều chữ viết sai, viết xong lại bôi đi, trông như bản nháp của một người học trò, tuyệt nhiên không trang nghiêm, cụ túc như trong bản chữ hán.

Một cuốn sách thiếu nhan, không có tên tác giả, không ghi rõ soạn niên, thế mà tôi lại khẳng định là tác phẩm của Nguyễn Trãi! Tôi đã mắc bệnh Vũ Hoat(3) chăng? Tôi đã bị hội chứng Minh Mạng(4) chăng? Chắc là không, bởi vì nếu cuốn sách này có mang tên tác giả là Nguyễn Trãi thì chưa chắc tôi đã tin. Cuốn *Gia huấn ca* trang trọng ghi tên Lê

triều tướng công gia huấn, có bao giờ tôi tin là của Nguyễn Trãi đâu? Sở dĩ có cái tên quái gở ấy là do lòng độc ác của loài người, do sự độc tài vô nhân đạo của Minh Mạng trong chủ ý tái lập kỉ cương Nho giáo đã bị dân chúng kết án là lạc hậu. Nếu cuốn sách ấy có nhan đề hẳn hoi, tôi lại càng không tin, vì các sách của tôi mang sang được miền đất tự do này đều bị xé bìa và hai trang đầu mới qua mặt được việc kiểm soát gắt gao tàn nhẫn của cộng sản. Về phụ quyền tác phẩm, tôi sẽ chứng thực ở những trang sau; ở đây, tôi chỉ muốn nói ngay là những ai đã đọc kĩ các tác phẩm của Nguyễn Trãi, nhất là cuốn *Quốc âm thi tập* thì tôi quả quyết rằng những người ấy sẽ phải công nhận cuốn kinh *Cả blouse nắng cực năng* (viết tắt là CBL) là của nhà văn tài ba, nhà nôm học kiệt xuất Nguyễn Trãi.

Các bản dịch

Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh:

Bản kinh dịch ra chữ hán của ngài Cưu-ma-la-thập đã được nhiều người dịch ra tiếng Việt, hình như cứ mỗi chùa là có một bản riêng. Hiện tôi có bốn bản dịch ra chữ quốc ngữ: bản dịch *Kinh Vu Lan* và *Kinh báo ân phụ mẫu* theo thể song thất lục bát của Hoà thượng Huệ Đăng do chùa Khánh Anh, Ba lê in trong dịp lễ Vu Lan Tân Dậu (1981); bản dịch *Kinh Đại báo phụ mẫu ân trọng* theo thể văn xuôi do Niệm Phật đường Quan Âm ấn tống vào mùa Vu Lan 2527 tại Montreal; bản dịch *Kinh Báo hiếu và Vu Lan* cũng theo thể song thất lục bát do thành hội Phật giáo Sài Gòn ấn hành năm 1991, và sau cùng là bản khoá lễ *Kinh Vu Lan* theo thể tứ tự, in trong *Chư kinh nhật tụng*, do giáo hội Phật giáo Việt Nam in năm 1992.

Phật lịch 2537, tôi công bố hai bản dịch nôm kinh *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng*. Bản nôm thứ nhất từ trang 2a đến 32b gồm các nghi thức hành lễ và bản kinh. Bản

nôm thứ hai là một bản lược dịch, cũng nhan đề là *Kinh Bụt thốt blả ơn áng ná cực nặng*(5) từ trang 33a đến 46b, gồm có bản kinh, một số chân ngôn bổ khuyết và phần nghi thức sám hối.

Những từ cổ trong CBL

Từ cổ là những từ đã xuất hiện lâu đời trong ngôn ngữ của một tập thể xã hội mà sự sử dụng về ý nghĩa cũng như về cách phát âm càng ngày càng tỏ ra ít thích hợp với tập thể xã hội ấy.

Tùy trình độ nội dung ý nghĩa và tình trạng phát âm mà một từ được coi là cổ ít hay cổ nhiều. Miền đất xuất phát là nơi ít có tiếng cổ nhất, tỉ dụ Hà Nội, nơi mà những sinh hoạt văn hoá, chính trị, kinh tế, ngoại giao hàng ngày tạo ra những nếp suy nghĩ mới, những nhu cầu vừa xuất hiện, và do đó phải tạo ra những từ phù hợp với đời sống mới, phải đào

thải những từ đã trở nên già nua vì đã lỗi thời, vì đã sử dụng quá nhiều, hoặc không chịu nổi sự cạnh tranh của những từ mới.

Những từ này tuy bị thực tế đào thải nhưng chưa rút lui hẳn; có thể vì lý do sinh tồn, nó tạm biến nghĩa đi một chút, biến đổi một vài chi tiết để cho người ta có thể dễ dãi chấp nhận; hoặc nhanh chân hơn, nó chịu khó nấu mình về ở thôn quê, trở thành những tiếng địa phương. Cuối cùng, vì bị sức ép tàn nhẫn của những từ ngữ mới, và không thể cạnh tân để thích nghi, chúng bất buộc phải di cư đến những vùng đất mới.

Luồng di cư lần đầu xảy ra vào thế kỷ 15 cùng với chúa Nguyễn Hoàng. Những vùng đất mới là miền Trung hiện nay, nơi còn tồn trữ cả một kho từ cổ vô giá. Luồng di cư thứ hai được phát động vào thế kỷ 17, người điển hình cho luồng di cư này là Đào Duy Từ, đất khai phá là

miền Nam. Nhiều người Bắc mới vào miền Nam đã được nghe lại tiếng nói của cha ông mình mấy thế hệ trước; do đó người Bắc nuôi một cảm tưởng lạ lùng, cho rằng miền Nam là của mình. Trong khi đó, người Nam lại có ý nghĩ tương phản, cho rằng người Bắc không biết nói tiếng Việt và do đó, không phải là người Việt!

Suốt thế kỷ 17 và 18, tiếng nói Bắc Nam vẫn còn duy trì được tính thống nhất và được ghi một cách khá trung thực trong các trước tác của những người ngoại quốc đến Việt Nam vào thời kỳ này, nhất là trong từ điển của các thừa sai Gaspar de Amaral(6), Antonio de Barbosa(7), Alexandra de Rhodes(8), và Taberd(9) hay Génibrel(10) về giai đoạn hậu kỳ.

Căn cứ trên mức độ sử dụng và tình trạng phát âm, ta có thể phân bố các loại từ cổ như sau:

1. Còn sử dụng trong các tác phẩm nôm phổ thông:

- hoặc ở tình trạng nguyên vẹn, như: máng (nghe)(11), náng (lòng bàn tay), đòi (theo), dẫu (yêu), no (đủ), nghỉ (hắn, ông ta), nhẩn (đến), âu (lo).v.v..

- hoặc chỉ còn giữ một phần của từ, như: han (hỏi han), lệ (e lệ), xác (xa xác).

2. Không gặp trong các tác phẩm phổ thông, nhưng:

- còn thấy dấu vết trong tiếng địa phương như: nác (nước), dưới (dưới), ngân (gần), dẹ (nhẹ), dà (nhà), dư (như)...

- còn thấy trong kinh sách tôn giáo, đặc biệt là Công giáo, như: là-đã (đá), min (ta), phồ bay (quí vị), chữa (cứu, giải thoát), bèn (tức thì).

- còn thấy trong các từ điển của các vị thừa sai Âu châu, từ điển Alexandre de Rhodes, như: phải la (đúng thực), vi la (đúng như vậy), áng ná (cha mẹ), thám (bồng bế); và các loại từ có tổ hợp phụ âm đầu: blả (trả), blai (trai), blăng (trăng), blời (trời), mlời (nhời, lời), mlớn (lớn, nhớn), tlái (trái); các loại âm thanh hầu hoá, như dểa (da), dểe (dê), dểừng (dừng), dểoi (dối), blui (vui),



bội (vội), bợ (vợ), beào (vào)...

3. Gặp trong *Quốc âm thi tập* (viết tắt là QA):

- những từ thông thường: mưa (chớ), hoà (và), hết (cả), hể (tất cả), mỗ (một), ghe (nhiều), anh tam (anh em), bượp (thiếu).

- những từ đọc theo âm cổ: chìn chữ (gìn giữ), thám thúu (trám trứ, ôm ấp).

- những từ có tổ hợp phụ âm đầu đọc dính nhau: blời, mlời, búi, v.v.. như trong tự điển Alexandre de Rhodes (viết tắt là ADR).

4. Những từ chỉ có trong *Cả bảng ơn ảng ná cực nặng*:

- những từ có âm tiền thanh hầu hoá đọc rời: a-bội (vội), a-bỡ (vỡ), a-phả a-phê (vả vè), a-dư (như), bà-dục (vực).

- những từ có tổ hợp phụ âm đầu kép đọc rời: bà-lời, mà-lời, mà lờ (lờ), kà-rung (sung), kà-rữa (sữa), ba-lợn (blợn, tron), v.v.. các tổ hợp phụ âm đầu này đọc tách hay dính là tùy theo mặt chữ Nôm.

5. Những từ tuy có mặt trong CBL, nhưng đã mất hẳn trong ngôn ngữ và sách vở:

- những từ có trong CBL, nhưng chỉ thấy lại trong ADR:

CBL: klám (ôm ấp) = ADR: tlám.

- những từ có trong CBL nhưng chỉ thấy lại trong QA: kiến (cao), sòng vạt (tư nghiệp, gia nghiệp, dịch chữ *cơ cừu*), la-ngàn (dịch chữ *thiên*), no (dịch chữ *thi* nghĩa là khi, lúc), nừng mỗ (dịch chữ *duy* nghĩa là chỉ có), vính vít (dịch chữ *vi* nhiều)...

- những từ chỉ có trong CBL: mỗ (bèn), dâm (đen).v.v..

Chữ nôm trong CBL

Chữ nôm chủ trương một nguyên tắc cơ bản là không bao giờ cố định, chữ viết phải tùy thuộc vào giọng nói. Giọng nói thay đổi thì dĩ nhiên chữ viết cũng thay đổi. Người nghiên cứu chữ nôm phải hiểu rành rẽ tiếng Việt, biết rõ nguồn gốc, những chặng đường phát triển, cách ghi chép của các nhà nghiên cứu về chữ viết, cũng như phương pháp và kỹ thuật

chỉ phối tinh thần sáng tạo văn tự... Từ trước đến nay đã có nhiều học giả nghiên cứu về nguồn gốc và những chặng đường phát triển của chữ nôm nhưng không một ai nghiên cứu chữ nôm đầy đủ và hữu hiệu bằng tác giả *Cả bảng ơn ảng ná cực nặng*. Không dựng lên một lý thuyết nào, không đề cập tới một nguyên tắc nào chỉ phối sự sáng chế chữ nôm, tác giả CBL đã để lại cho hậu thế một tác phẩm nghiên cứu giá trị.

Chữ nôm chú trọng về phương pháp ghi âm, khác với chữ hán chú trọng vào việc ghi nghĩa (do đó mới có nhiều bộ thủ chỉ các loài trong thiên nhiên), hay nói đúng hơn là, nếu chữ hán để ý đến việc ghi nghĩa hơn ghi âm thì chữ nôm tuy chú ý đến âm hơn, nhưng về sau cũng trân trọng việc chú nghĩa. Khi các dấu âm cổ đã bị bóc đi vào thế kỷ 18, các nhà nôm học mới bắt đầu tìm cách lấy các bộ chữ hán trám vào chỗ của các dấu âm, tỉ dụ chữ *vợ*:

x - x ¹¹¹	x ¹⁴ - x ¹⁴¹¹	x ¹⁴¹¹	x ¹⁴ x
陀備	司番	番	婦
đã-bị	bợ	bợ	vợ
dấu+bị	dấu+bợ	bợ+dấu	nữ+bợ

Khi đọc một tác phẩm từ thế kỷ 17 trở về trước, vấn đề đầu tiên đặt ra cho người nghiên cứu là tìm xem đâu là chữ, đâu là âm. Không phân biệt các chữ dùng làm dấu âm, ta sẽ lẫn lộn âm và chữ, và từ đó dễ mắc hội chứng Đào Duy Anh, nghĩa là ở đâu ta cũng chỉ thấy lộn thành và lộn thành. Ta thử đọc câu đầu của CLB: 是故車攀皇孝... Một *no xa-mãng* chưng Bụt... Chữ *xa* đứng trước chữ *mãng* là dấu âm, có nhiệm vụ biến *văn* của chữ *mãng* là *ãng* thành *ẩng* để ta có chữ *mẩng* (nghĩa là nghe). Chữ *mãng* đứng một mình chỉ là chữ *mãng*, muốn cho nó thành một từ có nghĩa, phải có dấu âm. Trường hợp này, dấu âm là chữ *xa* đứng trước; nếu nó đứng sau, nhiệm vụ của nó lại khác, tỉ dụ 驛 xa-long = t.long, tức *tlông* (CLB, 43b) dịch chữ *chiêm* 瞻 nghĩa là trông. Chữ *trông* viết như trên rất đúng qui cách, và là chữ mà Nguyễn Trãi

dùng để viết từ *trông*. Sau này, dấu âm bị bóc, còn lại *long* 龍, người ta thêm bộ *mục* vào, tức 驛, thế là ta có một chữ *trông* rất đẹp, rất hợp lý vào cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19. Vào cuối thế kỷ 19, vì muốn cho chữ nôm chú trọng đến nghĩa hơn, vua Tự Đức đã cho viết thêm cả một chữ hán nguyên vẹn vào chữ nôm, thành ra người Trung Hoa rất thích thú khi gặp những chữ ấy mà họ có thể hiểu ngay nhờ có chữ hán chừa ở bên cạnh. Tỉ dụ chữ *trông* 驛 đẹp và gọn biết bao bị đổi thành 驛 long + vọng, nội dung muốn nói đến sự trông mong có tính cách chờ đợi và hy vọng, nhưng ai cũng dùng để chỉ chữ *trông* nghĩa là nhìn thấy.

Về phần phân tích và phân loại các dấu âm trong chữ nôm, xin quý vị độc giả đọc thêm cuốn *Chìa khoá để mở lều thơ Nguyễn Trãi* sẽ xuất bản.

Tóm lại, về mặt ngôn ngữ học, cuốn CBL chứng thực rằng những tổ hợp phụ âm đầu nhận thấy trong các ngôn ngữ Nam Á (như các loại tiếng Mường, nhất là các tiếng Chứt), là những sự kiện lịch sử có thật. Tiếng Việt cổ còn lưu trữ một tỉ suất quan trọng về các loại từ song âm tiết mà ta thấy đầy rẫy trong CBL, được ghi âm hết sức thận trọng bằng nhiều ký hiệu đa dạng và phong phú. Các từ song tiết này được rõ ràng chỉ định phải đọc tách rời như *mlời* là *mà-lời*, *xa* là *a-xa*, *blời* là *bà-lời*, v.v...

Như vậy, đọc nôm theo sự phát giác của tác giả CBL, ta phải chú trọng đến những từ song tiết cổ và đồng thời, nhờ CBL, ta được biết không hề có thể thơ nào là thể thất ngôn xen lục ngôn. Ngoài ra, kinh nghiệm đọc CBL còn chứng thực được một điều, là cách viết nôm trong CBL giống hệt như trong QATT. Cũng một chủ trương ghi đầy đủ các tổ hợp phụ âm đầu, các âm đầu tiền thanh-hầu hoá, các âm tiền-trùng nguyên-âm, cùng sử dụng một loạt những âm phù giống nhau, cùng chung ý chí bảo tồn những từ tối cổ, cùng một phương pháp phiên dịch các từ hán ra nôm. Nếu đã công nhận QATT là của Nguyễn Trãi thì phải

công nhận CBL cũng là của ông, xét về phương diện cấu tạo chữ nôm.

Về mặt văn học, CBL là tác phẩm văn xuôi đầu tiên của Việt Nam. Đây là điểm cần ghi nhớ trước hết. Văn xuôi là một thể văn rất hiếm hoi trong lịch sử văn học của chúng ta. Giữa một khu rừng văn vần như vậy mà tìm được một cây cổ thụ về văn xuôi có giá trị, thật đáng quý biết bao! Mở đầu văn học Việt về môn thi ca là những bài thơ thiền đời Lý; mở đầu văn xuôi Việt Nam là một tác phẩm có nội dung Phật giáo, đó là một điểm son cho giới Phật giáo và là một hãnh diện chung cho tất cả chúng ta.

Nội dung của bài văn là nội dung tư tưởng của đức Phật về chữ hiếu. Kinh sách có ghi nhiều lời giáo huấn của Phật về đức hiếu thảo, tỉ dụ những bài giảng thuyết của Phật trong *Phật thuyết báo ân phụng bồn kinh*, *Phật thuyết hiếu tử kinh*, *Phật thuyết chư đức phúc điển kinh*, nhưng không có bài giảng nào đầy đủ về chữ hiếu hơn là cuốn *Phật thuyết Vu lan bồn kinh* và đi song song với tác phẩm này là *Phật thuyết phụ mẫu ân nan báo kinh*, do Tam tạng nước An Tức tên là An Thế Cao dịch từ chữ phạn ra chữ Hán. Nhưng dài hơn, đầy đủ hơn, khúc chiết hơn, cảm động tha thiết hơn cả vẫn là cuốn *Phật thuyết đại báo phụ mẫu ân trọng kinh* mà pháp sư Tam tạng Cưu-ma-la-thập dịch từ chữ phạn ra chữ Hán và Nguyễn Trãi dịch từ chữ Hán ra chữ nôm.

Bản kinh kể lại ngày đức Phật từ thành Xá-vệ đi về miền nam, nơi có núi Kỳ-xà-quật, nơi có Linh-thứ sơn và những đồng xương người chôn cất. Phật chỉ cho A-nan xem những khúc xương rỉ đen và nhẹ, bảo đó là xương của người đàn bà, của những người mẹ đã sinh ra con và đau khổ vì sinh con. Đức Phật mô tả sự thành hình của thai nhi trong lòng mẹ, từ tháng thứ nhất đến tháng thứ mười và những đau khổ của người mẹ suốt trong chín tháng cưu mang nặng nhọc. Không một danh tướng nào, dù mặt trận gay cán đến đâu, lo lắng

đau buồn bằng người mẹ khi mang con trong lòng. Nhưng nỗi đau đớn thực sự chỉ đến với người mẹ sau ngày sinh, thời thì lúc ấy người mẹ chẳng khác gì một con dê con lợn bị chọc tiết, máu me lênh láng đỏ lôm, rồi phải cực nhọc lo lắng cho con, nào phải rửa cứt dái, phải kiêng cử cho con bú mớm, phải nằm chỗ ướt dành chỗ khô ráo cho con... Nhưng đấy mới chỉ là những nỗi cực khổ về vật chất; về tinh thần, người mẹ phải chịu đau khổ gấp nhiều lần để giáo dục con khi con còn ở nhà, lo cho con yên ổn khi vì miếng cơm manh áo phải sống xa quê. Nếu gặp phải người con không nghe lời, người mẹ càng lo lắng gấp bội vì sợ con gặp bước khó khăn, bị người nay lừa mai lộc. Sau đấy đức Phật mô tả công ơn to lớn của cha mẹ đối với con cái và những việc người con phải làm để báo đền công cha nghĩa mẹ.

Những tư tưởng thâm trầm này được trình bày bằng một lối văn sáng sủa, những từ ngữ hoàn toàn có tính Việt Nam, thoát xa ảnh hưởng của các ngôn từ Hán văn trừu tượng. Dịch giả đã gắng hết sức để dịch mọi từ Hán văn ra văn Việt, tỉ dụ từ *nam mô* dịch là *kính lạy*, *phiên dịch* hoá thành *trở dịch*. Cuộc đàm thoại giữa đức Phật và A-nan đã diễn ra một cách thân mật. Đức Phật tự xưng là *tao*, gọi A-nan là *mày*; hai từ rất cổ này chứa đựng một nội dung thân thiết gần gũi hơn ý nghĩa của chúng trong hiện tại. Đoạn nói về mười công ơn của người mẹ được diễn đạt bằng những từ ngữ bình dân, ai nghe cũng hiểu. Đoạn mô tả sự bất hiếu của người con đã làm cho người đọc giật mình về những nhận xét đơn sơ nhưng sâu sắc về tác phong tâm lý của thanh niên. Đoạn văn mô tả sự cao cả của tình mẹ đã đạt tới mức cao của tài hùng biện. Mỗi khúc của đoạn văn này đều được bắt đầu bằng nhóm chữ: *Như cho có người, như cho có người...* Mỗi lần nhắc đến nhóm từ ấy, câu văn lại khởi sắc hơn, ý văn dào dạt hơn, mạch văn đi mạnh hơn và cao hơn, làm cho độc giả bị lôi cuốn vào làn sóng hùng

biện của diễn giả. Đoạn mô tả hoả ngục với những hình phạt khủng khiếp có tác dụng làm cho người đọc rợn tóc gáy như đang đụng tới những khí cụ tra tấn nóng bỏng. Cuối cùng, đoạn bắt đầu những câu được nhắc đi nhắc lại: *thà nạo thân ra cho bằng vì trần, thà trăm ngàn kiếp tự lói lưỡi ra, thà lấy trăm ngàn luân đao găm trong thân thể, thà lấy lưỡi sắt, v.v...* cả đoạn văn đã tạo cho người đọc một xác quyết là sẽ không bao giờ ăn ở bất hiếu với cha mẹ, không bao giờ, vì đức Phật đã dạy như thế.

Từ ngữ đã phục vụ đắc lực cho sự hình thành của câu văn. Ngoài những từ cổ như *no* ấy là *lúc ấy*, *mắng* *But* là nghe *Phật nói pháp*, những từ mà ta phải hiểu mới thấy được cái hay, bản văn dịch còn dùng những từ ngữ rất cụ thể, như *rẽ rồi*, ngũ tạng lục phủ *sổ ra*, những động từ linh động như *bợ tay*, *chấp nắng*, *bầy rách* hết bọc chữa, *tay vịn xoay* làm gan ná, *chân xĩa* trong xương cùng ná, v.v.. Có những câu văn rất giàu hình ảnh đối chiếu, tỉ dụ: *ngồi dậy chẳng yên, bằng người gồng gánh nặng*; những câu văn có tiểu đối: *nuốt đắng, nhả ngọt*; những hình ảnh vô cùng linh động như: *gió thổi, mặt trời đốt, xương bạc tan tác trong quê nước người!*

Nói về việc người mẹ sốt ruột không được tin tức của con, dịch giả viết: *"lìa rồi áng ná, lòng chẳng cảm mến, đứt mất sác nơi dẳng mõ, tiệt tin chẳng đin, khiến cho áng ná trôi ruột mắc lòng"*. *Sác* nơi, theo Huỳnh Tịnh Của, nghĩa là *"không nhớ của mình để chỗ nào"*. *Đứt mất* dịch chữ *đoạn tuyệt*; *sác* nơi *dẳng mõ* dịch chữ *tiêu tức*; *dẳng mõ* là đánh mõ lớn tiếng để cho biết tin tức. Cả câu *"đứt mất sác nơi dẳng mõ"* nghĩa là tin tức đã bị đoạn tuyệt, người con đã không còn liên lạc gì với mẹ nữa, đã quên dẳng mõ cho mẹ hay mình còn sống hay chết. Câu văn tuy phải giải ra mới hiểu rõ, nhưng một khi đã hiểu thì thấy dịch giả đã sử dụng một lối viết hoàn toàn Việt Nam, và do đấy, rất gần gũi

với người đọc. Câu "*tiết tin chẳng dẫn*" cũng là một câu văn rất Việt Nam. Câu này dịch hán văn: âm tín bất thông, nghĩa là không báo được tin tức cho nhau nữa. Chữ *dẫn* là chữ khó hiểu, ADR dịch ra la-tinh là *nuncio, as*, tức là thông báo cho, đưa tin cho ai biết. *Chẳng dẫn* dịch chữ *bất thông*, tức là không thông báo, không cho biết tin. Người con xa mẹ, đặt mẹ vào một hoàn cảnh bi đát vì đã cắt hết tin tức không cho mẹ hay, đẩy mẹ vào một tình trạng lo lắng tối tăm không có cách nào thoát ra được, đó là *tiết tin chẳng dẫn*.

Nghiên cứu bản kinh CBL, đọc bản văn dịch cổ kính trang nghiêm, ta không thể không liên tưởng đến Nguyễn Trãi, nhà văn hoá tài năng lỗi lạc đã không bằng lòng chỉ chiến thắng quân Minh về quân sự mà còn muốn đặt quốc gia mình ngang hàng với Trung Hoa về phương diện văn hoá. Trong *Bình Ngô đại cáo*, ngay trong mấy câu mở đầu, ông đã tuyên bố như thế với Trung Hoa và với thế giới mà ai đọc cũng phải bái phục là một bản hùng văn. Trong công việc bảo vệ văn hoá dân tộc, ông đã nghiên cứu thâm viển về phương pháp sáng chế một văn tự diễn đạt được tiếng nói của mọi người Việt Nam. Công việc này hẳn không dễ vì ông phải đối diện với một tiếng nói có tần số biến chuyển thường xuyên. Ta đã thấy một phần thành công của ông khi viết *Quốc âm thi tập*, đó là lúc ông đã tìm được con đường sáng chế, nhưng trước khi tìm ra, ông đã mò mẫm, tìm kiếm, thí nghiệm để kiểm soát lại phương pháp của mình.

Nguyễn Trãi là một nho sĩ, nhưng không muốn là một nho sĩ Trung Hoa

Từ đời Lý, nho học đã xuất hiện và cộng tác chặt chẽ với Phật giáo trong những hoạt động chính trị, kinh tế, ngoại giao, văn học, xã hội. Suốt triều đại nhà Lý, Nho và Phật đã phân công một cách minh bạch. Cả hai đã tạo được một sự hoà đồng

nhịp nhàng, một lực lượng tinh thần to lớn, sẵn sàng tạo thành một sức mạnh vật chất khổng lồ mỗi khi phải đối diện với những cuộc ngoại xâm.

Từ đầu thế kỷ 14, những trí thức xuất thân từ những khoá thi cấp cao được tổ chức đều đặn đã thúc đẩy thành lập một đội ngũ trí thức mới, được giáo dục triệt để theo mô thức Trung Hoa, lúc nào cũng ao ước đưa xã hội Việt Nam vào quỹ đạo Trung Hoa đời thái cổ. Tình thế ấy không khỏi bị công kích. Đội ngũ trí thức thực sự từ chương trình giáo dục Tống nho bắt đầu quay mũi nhọn vào phía tầng lớp của mình. Theo gương Hồ Quý Ly, họ tỏ ra nghi ngờ tác phong đạo đức của Khổng Tử, chê Chu Hy là một người cóp nhặt, tức là nương nhờ vào Phật giáo để giải thích những nguyên lý siêu hình của Nho giáo, nhưng chính các triết gia trong trường phái Tống nho lại phê bình Phật giáo rất nghiêm ngặt, sắp hạng tôn giáo lớn này của Á châu dưới cả Dương Mặc. Trình Tử nói: Dương Chu và Mặc Dịch độc hại hơn cả Thân Bất Hại và Hàn Phi Tử; nhà Phật còn độc hại hơn Dương Chu và Mặc Dịch nữa. So với Dương Mặc, lời nói của Phật cận lý hơn, do đó sự độc hại càng ghê gớm hơn (*Mạnh Tử, Đằng Văn công thượng*, 9.3, ch.2).

Hồ Quý Ly đã chống lại Nho giáo cũng vì ông chống lại thái độ hẹp hòi của nho gia. Trần Nguyên Đán, con rể là Nguyễn Phi Khanh, cháu ngoại là Nguyễn Trãi, tất cả những nhà trí thức hiểu thời vụ của nhà Trần đã đồng ý với Hồ Quý Ly trong chương trình chế ngự khuynh hướng độc tôn của Nho giáo về mặt lý thuyết và khuynh hướng độc tài về mặt chính trị. Hồ Quý Ly đã chết vì không chống nổi lực lượng quân sự của Trung Hoa. Nguyễn Phi Khanh bị cầm tù và bị vô hiệu hoá. Nguyễn Trãi đã chết thảm khốc, không phải vì một người đàn bà như người ta rêu rao để bôi xấu ông, ông chết vì đã đơn thương độc mã chống lại Nho giáo và Trung Hoa đứng ở đằng sau

Nho giáo.

Nguyễn Trãi xét lại Nho giáo như thế nào?

Nguyễn Trãi suốt đời là một nho sĩ, một nho sĩ chân chính. Nếu ông phê bình Nho giáo, thì đó là vì ông muốn tôn giáo của ông cởi mở hơn, không gọi những học thuyết chống lại Nho giáo là dị đoan, không kết án những tôn giáo khác là tà thuyết. Nhiều bài thơ của ông đã nói lên được giá trị cao cả của nhân nghĩa, của lòng hiếu trung. Nếu ông có điều gì phải thắc mắc, thì đó chính là vì lúc nào ông cũng ân hận chưa làm được một cái gì cho giáo dục quần chúng, cho văn hoá quốc gia, cho lợi ích của đồng bào và dân tộc:

Bằng tôi nào thuở ích chung dân (QÁ)

Nếu ông triệt để tôn sùng Nho giáo về phương diện lý thuyết, thì về phương diện thực hành, ông lại chống Nho giáo kịch liệt. Ông không công nhận cái *sàng vật*(12) tức là những quyền lợi dành riêng cho nho sĩ và quý tộc:

Sàng vật có nhiều, dân có khó,

Cửa nhà càng rộng, thế càng phiền.

Ông thấy sự sụp đổ của Nho giáo ngày càng bức thiết, ông cảnh cáo:

Văn này găm thể mỗ thon von.(QÁ 49)

Đồng thời ông kêu gào mọi nho sĩ đứng lên bảo vệ nho học:

Phù trì mưa khá để thon von (QÁ 87)

Trước mắt ông, nho sĩ không biết gì đến *tư vấn* (văn này), tức là không nghĩ gì đến chế độ. Họ chỉ chăm chú mưu đồ quyền lợi, mua nhà, sắm xe. Họ đi nói xấu nhau cũng vì không đồng quyền lợi. Họ tiêu diệt lẫn nhau cũng chỉ là để bảo toàn cho cá nhân và gia đình mình. Bởi vậy, đứng trước những cảnh xấu xé kịch liệt như thế, Nguyễn Trãi đã bắt buộc phải tuyên bố ly khai truyền thống nho học của triều đại. Ông nói như gào lên:

Phải tu thân khác, mặc Thi Thu (QÁ)

Đào Duy Anh đã hiểu câu thơ này rất đúng: "Lui về mà tu lấy thân khác, làm ông lão nhà quê, mặc kệ không thiết đến thi thư nữa" (Đào Duy Anh, *Nguyễn Trãi toàn tập*, Hà

Nội 1976, tr. 726). Trong câu thơ kết thúc bài thơ số 34, từ *mặc* với âm môi của nó rung lên như một dây đàn, diễn tả một sự dứt khoát tuyệt đối của tác giả trong mọi liên hệ với Nho giáo, ý thức hệ của ông, nền tảng tư tưởng của giai cấp nho sĩ.

Nguyễn Trãi thiên sư?(13)

Ta đã đồng ý với nhau rằng, trước sau Nguyễn Trãi vẫn là nho sĩ và chỉ là nho sĩ; nhưng trong khi các bạn đồng nghiệp của ông chỉ muốn là một nho sĩ thuần túy, chỉ biết có Nho giáo, coi lời dạy của Khổng Mạnh là những giáo điều bất di bất dịch; Nguyễn Trãi thông minh và đa năng hơn, đã thấy những giới hạn của Nho giáo và sự bất lực của nó trong việc giải quyết những vấn đề thời đại. Trong nếp suy tư của ông, lúc nào Nho giáo cũng đi song song với Lão giáo và Phật giáo. Nho giáo tượng trưng cho lý trí, Lão giáo cho tự nhiên, và Phật giáo cho từ bi. Trong đời sống xã hội, lý trí là quan trọng, nhưng trong đời sống cá nhân, trong liên hệ giữa người và người, từ bi là thiết yếu, và từ bi không phải

chỉ trải rộng trong xã hội mà thôi, nó phải tỏa ra trong thiên nhiên và bao trùm thế giới. Con người lý trí là con người-con người, con người từ bi là con người vũ trụ. Mỗi lần có vấn đề gì phải giải quyết là Nguyễn Trãi lên núi thăm chùa:

A-giữ bao nhiêu bụi bụi lăm,

A-xa tay áo đến từng lăm (QẢ 5).

Tiếng suối có khả năng làm cho ông tỉnh thức và lòng ông trong sạch:

Tào khe ra rả ngàn tầm xối,

A-sạch chẳng còn một chút phàm (QẢ).

Có khi ông thức suốt đêm chỉ để nghe thời gian trôi qua và nghe tiếng chuông:

Đêm đêm thức nhẩn nếu sơ chuông (QẢ).

Đối lập với sự thực dụng của Nho giáo, ông chỉ biết có tính không trong mọi vật:

Mọi sự đều nên thuận-nhã-ta (QẢ 114)

Bởi vậy, ông bỏ rơi tất cả bạn bè, ông chỉ tâm sự với một nhà sư:

Nừng mõ sơn tăng làm bạn ngâm (QẢ 5)

Chữ *nừng mõ* ở đây nổ lên như một tiếng bom ném vào giữa chốn

rừng sâu u tịch. *Nừng mõ* nghĩa là chỉ có một, tức là chỉ có một thầy tăng trên núi là đáng làm bạn thơ của tôi mà thôi. Tôi không đi lại thân mật với giới nho sĩ nữa, giới này không còn người nào làm thơ hay, nếu có thì họ cũng chết cả rồi, cho nên chỉ có nhà sư ở chốn rừng thâm lâm hẻo lánh kia là bạn của tôi! Người bạn duy nhất này của Nguyễn Trãi là thiên sư Đạo Khiêm.

Qua bài *Tống tăng Đạo Khiêm qui sơn (UT, 85)*, Nguyễn Trãi cho biết ông đã giữ sạch bụi trần, ông lên núi là để nói chuyện với bạn về tiền duyên. Sau khi từ biệt người bạn thân, ông cũng tiếp tục sống như bạn là tu làm sao cho đến thượng thừa. Như vậy, Nguyễn Trãi đã tiết lộ sự liên quan khá sâu của ông vào thế giới Phật. Ông đã trước tác rất nhiều để phục vụ văn hoá và xã hội, ông đã làm nhiều bài thơ nêu cao những nguyên lý của Nho giáo về chính trị và về cuộc sống. Đối với Phật giáo, chẳng lẽ ông chỉ nói mà chưa làm gì cho nhà Phật hay sao, nhất là khi ông đến với Phật giáo chẳng những là nhân danh tinh thần hoà đồng tôn giáo mà còn là vì ông thất vọng với Nho giáo nữa! Bản dịch CBL là một đóng góp của Nguyễn Trãi vào kho tàng tư tưởng Phật giáo.

Nguyễn Trãi viết CBL để làm gì?

Đạo Nho được định nghĩa là đạo trung hiếu (hoặc nhân nghĩa) và nhà nho tự phong cho họ cái chức vô địch về lòng hiếu. Khổng Tử nói: "Dựng lòng ái khởi đầu từ cha mẹ, là dạy dân hoà mục" (*Lễ Ký: Tế Nghĩa, XXIV*). Đạo hiếu dần dần trở thành một tôn giáo, có đầy đủ lễ nghi phức tạp, rồi vì câu nệ những hình thức bề ngoài mà bày ra những cảnh phiền toái, đúng như Trần Trọng Kim đã nói (*Nho giáo I, tr. 109*). Nguyễn Trãi đã thấy trước những cảnh đó. Vì muốn giới hạn sự độc quyền của Nho giáo trong sinh hoạt xã hội, đồng thời muốn chứng

秋暮

日斜雲水暈
山寂石呼煙
故園情忽起
秋雁過江邊

thu mộ 高翥

Nhật tà, vân thủy ế
Sơn tịch, thạch hô yên
Cố viên tình hốt khởi
Thu nhạn quá giang biên.

cao tiêu

Chieu Thau
Âm u nước chiều tà
Như im
Đã thỏ nhợt nhòa
Khí sống
Tình ruột vẫn sống
lòng chết
nhân thu mưa cánh
về đường qua sông.
Cao Tiêu

tỏ cho giới nho sĩ biết rằng đạo Phật cũng có một quan niệm về hiếu rất rõ ràng, chú trọng về tình cảm hơn là lý trí, về việc thi hành những bốn phận thực tế hàng ngày hơn là chỉ chú ý đến việc kế thừa sự nghiệp của tổ tiên, do đó, trong nhiều kinh của đức Phật nói về lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ, Nguyễn Trãi đã chọn một bản kinh hay nhất, mô tả tình mẹ một cách nồng nàn, với những chi tiết độc lên phải cảm động đến rơi nước mắt, đó là *Đại báo phụ mẫu ân trọng kinh*.

Dịch kinh này, Nguyễn Trãi đã làm được nhiều việc công ích cùng một lúc. Ông đã làm tròn bốn phận của một Phật tử, của một thiền gia. Với tính cách nho sĩ, ông đã bày tỏ được tinh thần đoàn kết đối với Phật giáo. Giữa hai tôn giáo lớn của Việt Nam, ông không muốn thấy bùng nổ những va chạm, những chống đối, những cạnh tranh phiêu lưu nguy hiểm. Ông ước mơ gây được một tinh thần hoà đồng, một không khí khoan dung cởi mở, tạo cho các tôn giáo cơ hội tiếp xúc với nhau, lắng nghe tiếng nói của nhau, học hỏi lẫn nhau để bồi bổ kinh nghiệm tâm linh và hướng thượng. Là một nho sĩ uyên bác và chú trọng đến đời sống, ông luôn luôn mong muốn cho Nho giáo cởi bỏ được những hình thức cứng nhắc nặng nề để có thể dễ dàng hội nhập với quần chúng, sinh hoạt với xã hội; không bị kết án là giáo điều, là độc tôn, chỉ phù hợp với chính trị và hành chánh hơn là với cá nhân và tâm linh. Giới nho sĩ đã không hiểu thiện chí hoà bình của ông, cho là ông đi với Phật giáo để chống lại họ, phải bội những quyền lợi của giai cấp quan liêu. Chính vì nghĩ như vậy mà họ coi Nguyễn Trãi như một ung nhọt cần phải chữa trị, một cái đinh cần phải nhổ, một cái gai trước mắt phải bẻ gãy. Cái chết của vua Lê Thái Tông chỉ là cái cớ để họ giải quyết nỗi lo âu của họ. Chính Nguyễn Trãi, trong tinh thần hoà đồng cởi mở, mới là một nho sĩ đích thực, dấn thân, và cao hơn nữa, nhập cuộc. Còn họ, những người đã

giết Nguyễn Trãi, chỉ là một loài sâu bọ, càng ngày càng sa đoạ trong cái vô chủ quan, độc tài, tham danh trục lợi và vô nhân, để cuối cùng rồi cũng bị lịch sử dân tộc đào thải.

Kết luận

Thiên hạ chung quanh tôi đang rộn rịp chào mừng lễ Vu Lan. Các chùa đang chuẩn bị một bộ mặt mới. Tôi nhìn ra ban-công: cây hoa hồng của tôi bùng nở một đóa đỏ rực, khiến tôi liên tưởng đến câu thơ trong *Quốc Âm thi tập*: "*Kiến tiền mùi hương để động người*". Và tôi lại chợt nghĩ đến đoạn văn mô tả sự đau khổ của người mẹ khi sinh con: "*Người mẹ lúc ấy chẳng khác gì một con dê con lợn bị thọc tiết, máu me lênh láng đỏ lôm*". Tôi xúc động thực sự. Tư tưởng của đức Phật đã được Nguyễn Trãi phát huy trong một câu văn Việt, đơn sơ nhưng khiêu động biết bao! và tôi hiểu rằng tại sao ngày lễ Vu Lan lại được dân chúng hưởng ứng tham dự đông như thế. □

Chú thích:

1. Diêu Tân (hay Dao Tân): Kutsha, Koutcha nay thuộc Tân Cương. Diêu Tân ở giữa Trung Hoa và Ấn Độ, nhờ vậy mà từ khi mới sinh, Cư-ma-la-thập có môi trường để nói nhiều thứ tiếng.

2. Cư-ma-la-thập: Kumarajiva (344-413) đến Tràng An năm 1401 và tiến hành dịch nhiều kinh Phật. Năm 402 được vinh danh là Quốc sư. Đã dịch nhiều kinh lớn như kinh A Di Đà (402), kinh Liên Hoa (406), kinh Bát Nhã Ba-la-mật (412). Cách dịch của Cư-ma-la-thập là không dịch đối chiếu, chỉ dịch lấy ý, và đôi khi rút gọn bản văn lại, hoặc diễn dịch theo thị hiếu của người Trung Hoa.

3. Vũ Hoạt là một anh lái gà, sau người Pháp cho làm tri huyện, gọi là Huyện Gà. Thích xuất bản sách kiếm tiền và tự đặt tên hiệu là Thiên Khẩu Thủy Vũ (tức Vũ Hoạt), bịa đặt tên tác giả Phan Trần là Liên Am tiên sinh, hay Liên Am hưu tẩu. Liên am là do đọc sai hai chữ nằm trên am. Tôi gọi bệnh Vũ Hoạt là bệnh của người ít học mà thích nghiên cứu văn học để in sách kiếm lời, rồi khi có tiền là hội họp bạn bè nhậu nhẹt, đua

nhau đề xuất những dự án, những chương trình nghiên cứu quái đản.

4. Hội chứng Minh Mạng: Minh Mạng đã tuyên bố chính sách văn hoá nhà Nguyễn năm 1834, đề cao Nho giáo, phát động phong trào văn học tân cổ điển. Năm 1838, ra đạo dụ đốt yêu thư và cấm tàng trữ các yêu thư đó. Cuốn *Gia huấn ca* gán cho Nguyễn Trãi không phải Minh Mạng thì Vũ Hoạt, chỉ có hai nhân vật ấy là thích gây náo loạn trong lịch sử.

5. Cả blả: dịch chữ đại báo. *Cả* là lớn, như sóng cả; *báo* là trả. *Cả blả* là trả ơn lớn. *Áng ná*: dịch chữ phụ mẫu = cha mẹ. *Cực nặng*: rất nặng, dịch chữ trọng.

6. Tác giả một cuốn tự điển Việt Bồ (chưa in).

7. Tác giả một cuốn tự điển Bồ Việt (chưa in).

8. Tác giả cuốn *Dictionarium Annamiticum, Lusitanum et. Latinum* (1651): một tác phẩm quan trọng, chứng nhân của tiếng Việt thế kỷ 17, nhờ cách ghi âm rất khoa học, có thể giúp người đọc:

- nhận diện được những biến thể của tiếng Việt thế kỷ 16-17.

- ghi được những âm cổ có tổ hợp phụ âm đầu: pl, kl, bl, ml, tl...

- những âm cổ tiền-thanh hầu hoá: de,...

- những nghĩa cổ của từ.

- những tiếng nói tục cổ.

9. Taberd, tác giả cuốn *Dictionarium Anamitico-Latinum* (1838).

10. Génibrel, tác giả cuốn *Dictionnaire Annamite-Français* (1898).

11. Từ *mãng* này, các nhà nôm cộng sản đều đọc sai là *mãng*.

12. *Sàng vạt*: từ này đã là đề tài tranh luận sôi nổi ở Việt Nam từ 1973. Khi ở Việt Nam, tôi đã chủ trương đọc hai chữ là *song viết*, hiểu *song* là *ruộng*, *viết* là *thuế*, trong khi các học giả cộng sản đọc là *rông vát* (Nguyễn Tài Cẩn), *song kiết*, *song biết*, v.v... Sang Montreal tôi suy nghĩ lại và đọc dứt khoát *song viết* là *sông vạt*. *Sông* dịch chữ *cơ* là cái sàng, cái rổ, *cừu* là vạt, áo lông của người miền Bắc. Phát kiến của tôi được giáo sư Nguyễn Đình Hoà tán thành, coi như là cách đọc đúng nhất từ trước đến nay. Bây giờ từ *sông vạt* được tìm thấy trong CBL với nghĩa chữ hán là *tư nghiệp* (x. CBL, 18b) hiểu là tài sản và truyền thống nghề nghiệp của gia đình, dòng họ để lại.

13. Võ Văn Ái, *Nguyễn Trãi sinh thức và hành động*, Quê Mẹ, Paris in lần thứ ba 1992. Theo nghĩa riêng của tác giả thì *thiền sư* đồng nghĩa với *trí thức*. Có lẽ nên dùng từ *thiền gia*.

Dưới Bóng Quang Lang

Trần Văn Tích

Bài toán thực phẩm luôn luôn là một thực tế phũ phàng sừng sững trước bước tiến của dân tộc Việt Nam. Thực tế đó dân ta đã đối diện nó từ những ngày viễn cổ lập quốc, xuyên qua các huyền thoại và truyền thuyết dân tộc như chuyện quả dưa đỏ của An Tiêm thời Hùng Vương, chuyện quả bầu mẹ của nhiều sắc dân thiểu số, chuyện bánh dày bánh chưng trong *Lĩnh Nam chích quái*.

Chúng ta ngày nay biết rằng quần chúng ở bất kỳ nước nào cũng vậy, lúc còn phải sống trong tình trạng kinh tế lạc hậu, với trí óc chưa được mở mang, thì những con người nguyên sơ ấy chỉ có thể vận dụng các yếu tố quái dị, thần linh để giải thích các hiện tượng thiên nhiên có liên quan đến đời sống của họ hoặc bước thêm bước nữa, để nói lên ý chí nguyện vọng của họ muốn chi phối thiên nhiên, phát triển sản xuất, làm cho đời sống mỗi ngày mỗi đỡ vất vả. Cuộc đời của tổ tiên chúng ta, từ thời thượng cổ và cả đến thời trung, cận cổ cũng vậy, là một cuộc sống đen tối mà bủa vây chung quanh là khối lực lượng thiên nhiên huyền bí, kết thành một mạng lưới vô tình, tàn nhẫn, với những mưa, nắng, gió, bão, lụt, hạn hán, sâu keo, sốt rét, ôn dịch, thổ tả, đậu mùa, chiến tranh giữa các thị tộc, các bộ lạc, giữa các lực lượng phong kiến và cát cứ, v.v.. Tất cả những tai ương đó, mà con người chưa giải thích được, làm cho họ thấy số phận mình mỏng manh,

nhỏ bé, không biết bám víu vào đâu, ngoại trừ vào những quyền năng hoang đường mà họ ước mơ có thể thông cảm cùng nỗi lo âu cơ cực của họ.

Câu chuyện An Tiêm được con chim lạ từ phương tây cho hạt dưa hấu mà trở nên giàu có mặc dầu bị vua đày ra hoang đảo với gia đình, câu chuyện hai anh em ruột thoát nạn hồng thủy lấy nhau sinh ra một quả bầu để rồi từ quả bầu chui ra mọi sắc dân kinh thượng, câu chuyện

Lang Lèo chỉ có bánh chưng bánh dày mà thắng vẻ vang cuộc thi tìm thức ngon vật lạ dưới đời Hùng Vương thứ sáu và còn biết bao nhiêu truyền thuyết khác nữa; cốt lõi chung của tất cả các truyền thuyết đều nói lên một điểm thống nhất: thực phẩm trước hết, thực phẩm trên hết, thực phẩm cho sự bảo tồn nòi giống, thực phẩm cho sự phát triển dân tộc.

Những kiểu truyện như vậy rõ ràng ra đời vào thời kỳ con người đã biết cách trồng trọt để thu hái mùa



màng, ngũ cốc. Ở miền Đông Nam Á, trồng trọt xuất hiện rất sớm. Giới khảo cổ đã tìm thấy vết tích của văn hoá trồng trọt như củ, cây ăn quả, bầu, v.v.. ở một di tích vùng đồng bắc Thái Lan, vào khoảng chín ngàn năm trước Thiên Chúa giáng sinh. Trong một táng đời Thương Ân và lưỡng Hán mới khai quật trong những thập niên gần đây, người ta thường xuyên phát hiện được quả trám hay trầu lúa hoá than. Ở Việt Nam, hạt thóc và vỏ trấu cũng đã đào tìm được ở các di chỉ Đồng Đậu, Gò Mun với niên đại khoảng nửa đầu thiên niên kỷ I trước công nguyên. Hình bông lúa, cánh giã cối cũng thấy khắc họa trên nhiều đồ đồng cổ. *Lĩnh Nam chích quái* chép việc thời Hùng Vương: "Đất sản được nhiều gạo nếp". Gạo nếp đến nay vẫn còn là thức ăn quan trọng của các dân tộc Mường, Tày, Thái... Người kinh khi cúng giỗ hội hè (với thực chất và ý nghĩa là gọi lại và bảo lưu sự tích cổ) nhất thiết phải dùng gạo nếp; điều đó cho thấy thoát đầu, thời xưa, nếp là thức ăn quan trọng. Nhưng trước khi biết trồng lúa thì con người đã thuần hoá được các loại cây rễ củ hay thân củ và bầu bí. Điều suy diễn này dựa vào các cứ liệu dân tộc học. Có thể nói một cách khái quát rằng khối cư dân Đông Nam Á đã bước từ giai đoạn văn hoá củ và văn hoá bầu bí qua văn hoá lúa. Văn hoá bầu bí muộn nhất thì có lẽ cũng tương ứng với thời kỳ đồ đá mới. Ở những thời viễn cổ, bầu bí chiếm một chỗ đứng quan trọng trong kho tàng thực phẩm của con người trên dải đất chữ S. Bầu bí mang đến cho tiền nhân chúng ta thêm lương thực, thêm vụ mùa; con người no đủ hơn, sức vật gia tăng thêm; các tổ hợp quần cư càng ổn cố, càng mật thiết.

Thế rồi vượt một đại dương thời gian bao la, khi vì vận nước mà con cháu Lạc Hồng phải lìa xứ ra đi, sống phân tán khắp mặt địa cầu, chẳng còn dịp ngày lại ngày nấu nướng những món ăn quen thuộc, thì trong hoài niệm, bầu càng là một món ăn nhiều hương vị thích khẩu:

*Râu tôm nấu với ruột bầu,
Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.*
hay:

*Cá trê mà nấu canh bầu,
Chồng chan vợ húp, gật đầu khen ngon.*
Bởi vậy nên bầu được trồng rất phổ biến:

*Trời mưa trời gió dùng dùng
Cha con ông Sùng đi gánh củt trầu.*
*Gánh về trồng bí trồng bầu,
Trồng hoa trồng quả trồng trầu trồng cau.*

Truyền thuyết về trầu cau thì đã có từ trước Thiên Chúa giáng sinh. Trong thực tế, ăn trầu cau là một trong những tục lệ cổ truyền Việt Nam. Còn quả bầu, cây bầu thì đã gia nhập kho tàng văn học dân gian có lẽ từ rất lâu:

*Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.*

(Ca dao)

Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.

(Tục ngữ)

Những chiếc nồi nấu nước đầu tiên thuở trần thân đóng khố là vỏ quả bầu phơi khô bên cạnh ống tre, lóng nứa. Dụng cụ chứa nước mang theo khi cày ruộng, cấy lúa hay đựng rượu cũng là vỏ quả bầu khô. Vả lại, hình dáng nồi đồng, ấm đất của nồi giống chúng ta rất gần gũi với đường nét quả bầu. Từ rất xa xưa, trồng đồng cũng được đúc luyện mô phỏng quả bầu. Nồi, trống có chung một thần thái biểu tượng phỏng sinh học: hình dáng người phụ nữ mang con, nuôi con. Cho đến nay, chúng ta vẫn còn gọi người mẹ có thai là *mang bầu*, *vác trống*.

Cho nên quả bầu đã là mẫu đề của nhiều truyện thần thoại vào loại cổ nhất của lăm dân tộc kinh, thượng ở Việt Nam.

*

* *

Nhưng trước khi tổ tiên biết canh tác, thực phẩm thời viễn cổ chỉ có thể do nguồn hái lượm cung cấp. Và thức ăn quan trọng thuở bấy giờ là cây quang lang, theo *Lĩnh Nam chích quái*. Tuy nhiên nếu tác phẩm của Trần Thế Pháp, Vũ Quỳnh, về

phương diện văn bản học, có gây lúng túng cho chúng ta ngày nay về một số chi tiết do tình hình sao chép nhầm lẫn, thì tất cả các bản *Lĩnh Nam chích quái* hiện chúng ta có đều thống nhất đan cử cây quang lang.

Theo từ điển *Từ Hải*, quang lang có tên khoa học là *Arenga pinnata*. Ghi tính danh La-tinh một loài thực vật mà không có tên tác giả kèm theo là một thiếu sót. Nhiều tài liệu khác cho biết quang lang còn có tên *Arenga saccharifera* Labill., *Saguerus rumphii* Roxb., *Borassus gomutus* Lour. thuộc họ *Arecaeae*. Đồng bào chúng ta quen gọi là cây báng, cây đoác. Đó là một loài cây vốc dáng tương tự như cây dừa, cây cau; thân cột cao từ 7 đến 10 mét, đường kính thân cây khoảng 30cm. Thân cây có những bó sợi to đen bao phủ giống như cước, do cuống lá khô còn lại. Lá xẻ lông chim, cuống lá to và dài, mặt trên lục, mặt dưới trắng nhạt. Bông mo dài từ 90 đến 120cm, phân nhánh nhiều, rủ xuống từng buồng. Quả hình cầu to bằng quả táo màu vàng nâu nhạt. Cây báng mọc nhiều ở vùng đông Ấn Độ, Nam Dương, Mã Lai. Trên đất nước Việt Nam, cây mọc hoang ở các chân núi vùng Cao Bằng, Lạng Sơn, Lai Châu. Có thể do đặc điểm địa phương phân bố này mà sử cũ - ví dụ *Việt sử lược* - từng gọi vùng Ôn Châu tỉnh Lạng Sơn là châu Quang Lang. Ở châu Âu, thỉnh thoảng thấy cây được trồng nơi công viên.

Đối với người hiện đại, cây quang lang chủ yếu cho sợi và nhất là cho đường báng, rượu báng, nước cốt báng, thu hoạch từ bông mo đục hay cái, cho một chất dịch rất ngọt. Chất nước này rất giàu đường saccharose nên cây báng mới có tên khoa học *Arenga saccharifera* vì *saccharifera* ám chỉ đặc tính ngọt, đường.

Tổ tiên chúng ta thời Hùng Vương sử dụng cây báng theo cách khác. Thuở mông muội đó, cư dân vùng xuất phát nòi Việt chờ cây báng ra hoa thì đốn cây rồi lấy từ ruột thân một thứ tinh bột màu hồng nhạt.

Muốn được thứ tinh bột đó, phải giã nhỏ lõi thân cây, lọc lấy tinh bột rồi phơi khô. Một cây có thể cho từ 20 đến 100 kí lô tinh bột. Ngày nay, đồng bào chúng ta vẫn còn thưởng thức bột báng bán ở các chợ.

Thực ra, con người thời tiền sử không chỉ giã có thân cây báng. Để lấy thực phẩm từ các loài thân cây và hạt cây có bột như máng, móc, lúa hoang, thời bấy giờ chỉ có biện pháp giã bằng chày và cối. Những chiếc cối nguyên thủy đã được đào thành hố vào lòng đất, đáy lót bằng da thú vật săn bắt được. Chày thì bằng gỗ hay đá đểo thành hình trụ thô sơ. Một trong những đề tài quen thuộc của nghệ thuật vẽ hình trên đồ đồng và đồ gốm thời Hùng Vương là cảnh giã cối, vì đây chẳng những là một sinh hoạt thường ngày mà còn là một tục lệ ngày hội. Từng đôi nam nữ cầm những cây chày dài đứng giã cối tròn.

Chày cối không những là dụng cụ nông nghiệp mà còn là nhạc cụ trình tấu, đồng thời cũng là vật tượng trưng cho sự sinh sôi nảy nở. Tiếng chày giã cối khi mạnh khi nhẹ, nhịp thưa nhịp mau, tiếng trầm tiếng thanh, thậm thịch vang vọng, với tiết tấu nhịp nhàng mà rộn rã, là một điệu nhạc. Nó như nhịp đập trái tim, như nhịp bước chân đi, như nhịp gái trai hoà hợp. Cho nên đó là biểu tượng âm học của mùa màng, làm ăn, no ấm, tình yêu, hạnh phúc... Thường ngày tiếng chày cối vẫn vang lên sớm tối, nhưng nó càng rõ lên vào các dịp hội làng, lúc cộng đồng tập hợp ăn uống, ca hát, vui chơi, nhảy múa, uốn lượn. Tiếng nhạc chày cối lúc này trở thành một cung giai thu hút trai gái, kích thích con người hát múa giao duyên quanh chày cối và theo nhịp chày cối. Tiến lên bước nữa, trong tư duy biểu tượng thô sơ phân hai hợp một của người xưa, chày và cối, một trên một dưới, một lõi một lổm, khi lên khi xuống, khi ra khi vào, nhịp nhàng đều đặn tạo ra nắm bột quang lang hồng tươi hay hạt lúa trắng ngần nuôi sống con người đã trở thành

lá thu

*Lá rụng thêm thu lá rụng vàng
Bầu xanh lơ lửng gió mênh mang
Ai đan tâm sự vào thơ nhỉ
Ta gửi lòng mình mây quá giang.*

*Bay tới non cao vút đỉnh trời
Hay vào đáy biển sóng mù khơi
Hoàng lương nhòa mộng chiều tang hải
Trắng lạnh đôi bờ con nước trôi.*

*Gửi gió viễn phương lòng lữ thứ
Gửi mây lạc phố cánh sầu tư
Không gian trầm lắng thời gian động
Chợt phím đàn tâm động lá thu.*

tuệ nga

cặp biểu tượng cho hai bộ phận đục cái, trai gái, vợ chồng, nòi giống.

Và hạt lúa thoát tiên là hạt lúa hoang. Cho nên nền văn chương truyền khẩu của ta mới kể rằng, ngày xưa lúa tự nhiên mọc rồi tự nhiên bỏ về nhà, người ta chẳng phải cày cấy, gặt hái gì cả; rằng về sau vì có người đàn bà lười biếng nên lúa mới không chịu tìm đường về nhà nữa: cả một quá trình thuần hoá cây lúa phải chăng đã được mô tả một cách thi vị và sinh động qua thần thoại dân gian.

Ngày nay cây lúa đại vẫn còn mọc hoang mà người dân miền Nam gọi là *lúa trôi*, *lúa nổi*; người dân Nghệ Tĩnh gọi là *lúa ma*; còn người dân miền Bắc thì gọi là *lúa ngoi*.

Lịch sử khai thác châu thổ sông Hồng cũng là lịch sử của quá trình lấn biển. Con người từ vùng trung du và các thềm phù sa cổ dần dà tiến xuống vớ hoang đồng bằng lầy trũng và đẩy lùi biển cả để làm nông nghiệp cùng các ngành nghề khác. Tư liệu khảo cổ học và cổ sử học mách cho chúng ta rằng giống lúa và vụ lúa đầu tiên của người nông dân gieo trồng ở đây là loại lúa ưa nước, gieo giống vào vụ mùa, vào khoảng tháng tư gieo mạ thuận hoà mọi nơi

(ca dao). Nhưng rồi dân tăng, đất chật, người cày ruộng đi vào thâm canh tăng vụ, bên cạnh vụ mùa lại có thêm vụ chiêm:

*Lúa chiêm lấp ló đầu bờ
Hễ nghe tiếng sấm phất cờ mà lên.*
(Ca dao)

Kỹ thuật khai phá đất đai để lại vết tích của nhiều công trình kiến trúc thủy lợi cổ xưa, chẳng hạn hệ thống giếng xây bằng đá dùng tưới cho những thửa ruộng bậc thang ở vùng huyện Do Linh, Quảng Trị; hoặc hệ thống sông đào dẫn nước nhỏ giản đơn với các kè đập bằng gỗ và đất như các đập Nha Trinh, Ninh Chu ở Phan Rang; mà M. Colani mô tả trong tạp chí *Đô thành hiếu cổ* (1940, tr. 27-32, 56-60).

Thế đấy: dưới bóng quang lang, ăn bột lõi cây quang lang, những đứa bé chưa có áo quần đắp thân đã lớn lên, đã vật lộn với thiên nhiên thù nghịch để sinh tồn, để tạo nên dòng dõi rồng tiên. Đã có sự góp nhặt kinh nghiệm thích nghi, đồng thời cũng có tài năng sáng tạo và tổ chức.

*

* *

Từ giai đoạn huyền thoại, giai đoạn kết thẳng vì chính (1),



chúng ta bước vào giai đoạn văn hoá thành văn vững chắc. Thư tịch cổ sẽ viết nhiều điều liên hệ đến việc giải quyết bài toán thực phẩm.

Các công trình thủy lợi chẳng hạn. *Việt sử thông giám cương mục*, phần *Chính biên*, kể lại cùng chúng ta rằng:

- năm 983, Lê Hoàn đào sông từ núi Đồng Cổ, Bà Hoà (Thanh Hoá);
- năm 1003, đào sông Đa Cái;
- năm 1029, Lý Thái Tông đào kênh Đan Nãi ở Thanh Hoá;
- năm 1051, Lý Thánh Tông đào sông Lãm ở Thanh Hoá;
- năm 1091, đào dòng Lãn Kênh ở Thái Nguyên;
- năm 1192, vét sông Tô Lịch rồi

về sau còn khơi đào nhiều lần;

- năm 1231, Trần Thái Tông đắp các sông Trầm và Hào ở Thanh Hoá và Diễn Châu.

Những công tác thủy lợi ấy góp sức vào việc chống hạn, chống úng, mở mang giao thông đường thủy, giúp trao đổi vận chuyển hàng hoá thực phẩm và được tiến hành song song với các công tác đắp đê, hộ đê rất qui mô. Ví dụ mùa xuân năm 1108 đời vua Lý Nhân Tông, tổ tiên chúng ta đắp con đê phường Cơ Xá, Hà Nội. Năm 1248, vua Trần Thái Tông hạ lệnh đắp đê Đĩnh Nhĩ. Từ đây về sau, xuyên qua các triều đại, chính quyền áp dụng chính sách linh động *ngụ binh ư nông* (2) nhằm

giải quyết vấn đề nhân lực bảo vệ, trùng tu đê điều. Cương mục ghi nhận: "*Hằng năm, cứ khi nào làm ruộng xong, (các chức quan hà đê) đốc quân đắp sườn đê và khơi các khe cừ để đề phòng khi thủy tai hay đại hạn*".

Vua Gia Long, ngay khi mới lên ngôi, đã lo cuộc trị hà, truyền cho các trấn phải giữ gìn đê điều, chỗ nào chưa có thì đắp thêm, chỗ nào hư hỏng thì phải lo tu sửa. Các đời vua kế tiếp, Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, từng năm bảy lần triệu tập hội nghị hộ đê, hoặc tham khảo ý kiến quan lại địa phương, hoặc đình nghị nơi cung khuyết (*Quốc triều chính biên*). Đã có những tư liệu chuyên bàn về lý luận giữ đê ngừa lụt, chẳng hạn bộ *Hà phòng ngũ thuyết* (năm thuyết phòng đê chống lụt) của Đỗ Xuân Cát (1788-1867).

Để mở rộng diện tích trồng trọt hầu gia tăng sản lượng ngũ cốc, cha ông chúng ta cũng tiến hành quai đắp các đê ngăn nước mặn và tổ chức di dân lập ấp mới. Đê Hồng Đức ở Ninh Bình, một con đê bằng đá chạy suốt từ phía bắc cửa Thần Phù đến phía nam cửa Cờn là một đại biểu. Những danh tính lớn, những khuôn mặt đẹp của Nguyễn Công Trứ, của Thoại Ngọc Hầu trong công cuộc dinh điền khẩn hoang đã đi vào lịch sử, bên cạnh biết bao nhiêu mồ hôi nước mắt đã âm thầm chảy ra từ những bàn tay, gót chân vô danh khác, mà sách sử không ghi chép.

Một chính sách vừa phủ ury vừa răn đe đã được áp dụng dưới mọi thời. Chẳng hạn "(...) *Lệ năm Tự Đức thứ ba mươi định rằng ai mộ được dân dinh từ sáu người đến mười người xin khai khẩn ruộng mười lăm mẫu thì thưởng cho một trật thí sai, nếu đã có hiện hàm rồi thì thăng thụ một trật; mộ dân dinh mười người trở lên, khai khẩn ruộng hai mươi mẫu thì sẽ hưởng thụ hàm thực (...)* Cứ sau ba năm, nếu khám xét ra thực quả dinh điền đúng lệ (...) thì bổ thực thụ, nếu có gia tăng nữa, cứ mỗi mười người dân, mỗi mười mẫu ruộng thì cứ chiếu theo mà tuần tự gia tăng

Ơi ngày mai chờ đợi từng ngày

Ngày mai ta sẽ về
Khi nhân loại bảo ta không còn
là người tị nạn
Khi những đám mây mù cộng sản
Đã thay bằng ánh sáng của tự do.
Khi dân tộc ta không còn âu lo,
về những ngục tù, tương lai đen tối
để phải liều chết bỏ nước ra đi.

Ngày mai ta sẽ về
Khi đồng bào ta từ những trại giam
bình yên trở lại.
Không còn ai tự sát nơi đất Thái.
Chẳng còn người tuyệt thực ở Mã Lai.
Những năm tháng Hồng Kông,
cơ ác mộng dài
vì lẽ phải, tình yêu và sự sống.
Đêm sẽ không còn ai nghe tiếng biển động
Xót xa cho số phận người thân
Những lối mòn qua xứ tự do,
nguy hiểm đến trăm lần
sẽ không còn ai khóc trong lời cầu nguyện.

Ngày mai ta sẽ về, và vĩnh viễn
đoạn tuyệt với kiếp sống lưu đày.
Ơi ngày mai ta chờ đợi từng ngày,
Sao vẫn còn mịt mù trong bóng tối.

kha huyền



một trật. (Ngược lại) nếu không đủ lệ (...) thì luận tội (...): phạt chín mươi trượng (...), phạt một trăm trượng, hàm được thưởng trước kia sẽ bị cách". (Đại Nam điển lệ toát yếu, Lại lệ, Mục 86: Nghi tự thưởng cách, phụ khẩn hoang thưởng lệ).

Đối với quan quân thì vấn đề tham gia nâng cao sản lượng mễ cốc được tiến hành theo phương thức qui định lệ cấp ruộng lương và ruộng khẩu phần, bên cạnh lương tháng. Sắc dụ năm Gia Long nguyên niên cấp cho quan quân thuộc vùng Quảng Đức mỗi người lính một mẫu ruộng lương. Năm 1809, triều đình chia binh lính các dinh, vệ, cơ, đội thuộc các quân trong ngoài làm ba hạng để cấp ruộng lương: hạng nhất mỗi người một mẫu, hạng nhì mỗi người chín sào, hạng ba mỗi người tám sào và đều lấy công điền sở tại để cấp phát. Về ruộng khẩu phần, theo qui định năm 1804, cấm binh được chín phần, tòng cấm binh và tinh binh được tám phần rưỡi, tòng tinh binh được tám phần, con cháu tập ấm được bảy phần, trng khi một dân đinh được năm phần rưỡi.

Để phòng ngừa các tai họa khiếm sản bất ngờ và nguy ngập, nhà nước thường lo thu mua lương thực nhân những năm hay ở những miền phong đăng hoà cốc để tích trữ vào kho lẫm công quản. Chẳng hạn năm Tân Dậu 1741, Sơn Nam và Nghệ An được mùa mấy năm liền, có nhiều nhà giàu chứa thóc, triều đình hạ lệnh đóng thóc ở Sơn Nam 150 vạn bát quan (3), ở Nghệ An 200 vạn bát quan, cứ 50 bát quan thóc trị giá một quan tiền.

Gặp giai đoạn mất mùa đói kém, triều đình thường cúi xuống sát dân, phủ ủy dân và cụ thể hơn, lo tổ chức chẩn cấp cho dân chúng và miễn hoãn thu thuế. Ví dụ năm Đinh Dậu 1777, trấn Nghệ An thất thu lúa gạo, chúa Trịnh Sâm hạ lệnh trích 15.000 quan tiền và 15 vạn bát quan thóc trong kho chia ra phát chẩn. Năm Gia Long thứ mười, hoàng đế xuống chiếu rằng Bắc thành vừa bị lụt và hạn, giá gạo đắt vọt lên quá cao nên

đặc ân cho hoãn thu thuế thóc hai vụ hạ và đông hai phần mười. Năm Gia Long thứ mười lăm định rằng giá gạo ở Nghệ An cao quá, dân gian đói khát cho nên chuẩn xuất kho thóc công để hạ giá bán cho dân. Năm Tự Đức thứ hai mươi chuẩn cấp cho dân đói cứ người già cả và con trai mỗi người một tiền và ba bát gạo, đàn bà và trẻ con được mỗi người ba mươi đồng và hai bát gạo. (Đại Nam điển lệ).

Trong bộ máy công quyền, có những chức quan trực tiếp liên hệ đến bài toán lương thực. Ngay từ đời Trần Thái Tông, năm Thiên Ứng thứ 19 (1250), triều đình đã đặt các chức quan hà đề chánh sứ và phó sứ ở các lộ để trông nom bảo vệ đề điều và kiểm tra thủy lợi. Đời vua Trần Hiến Tông, năm Đinh Sửu 1337, các lộ nhận chiếu chỉ thành lập kho tào thương chứa thóc thuế để chẩn cấp cho dân đói. Đời Trần Dụ Tông, năm Thiệu Phong thứ tư (1344) lại đặt đồn điền sứ và phó sứ ở Khuyến nông ty, đặt Thủy lộ đề hình và Tào ty chuyển vận sứ. Đời Bảo Thái nhà Lê (1720-1728), ở cấp tỉnh thiết lập Tỉnh mễ ty, Lương uẩn ty chuyên về tích trữ lương thực, phân phối gạo thóc, cải thiện nông nghiệp, bên cạnh các sở Đồn điền, Tầm tang, Chủng trà với những chức vụ sở sứ, phó sứ. Tất cả các quan chức lo về điền thổ, kho tàng, ruộng lộc, thuế má, muối sắt ấy đều thuộc bộ Hộ. Đời Lê Gia Tông, năm Dương Đức thứ ba (1674), khi răn bảo quan chức, nhà vua ban chỉ dụ cho các huyện lệnh địa phương "(...) phải lưu tâm vỗ về, săn sóc, khuyến bảo làm ruộng, trồng dâu, chấn hưng việc lợi, trừ bỏ việc hại (...)" (Lịch triều hiến chương loại chí, Quan chế chí).

Những biện pháp và cơ cấu vừa trình bày phản ánh khá trung thực tình trạng chiến đấu chật vật của tiền nhân chống lại hung thần đói.

*

* *

Dẫu vậy, tai họa đói kém vẫn cứ xảy ra, do nhiều lý do. Phương pháp

canh tác tuy có thích ứng với điều kiện địa lý thổ nhưỡng nhưng vẫn còn rất thô sơ. Hạn hán lũ lụt ập đến thường xuyên. Tỷ lệ giữa sản lượng và diện tích không nâng cao được vì không có phân bón tốt, vì không có giống lúa cho năng suất cao. Tuy nhiên thủ phạm gây nạn đói chẳng phải bao giờ cũng dễ vạch mặt chỉ tên như vậy và có khi đói kém là do những tình cầu xa xôi, nhất là Hoả tinh. Sử nước nhà nhiều lần chép sao Huỳnh hoặc - một tên khác của sao Hỏa - phạm vào sao Nam đẩu hay đóng ở phạm sao Tâm, thế là cùng năm đó xảy ra đói to (ví dụ năm Tân Sửu 1181, năm Mậu Thìn 1448). Mà sở dĩ như vậy là vì *Sử ký*, phần *Thiên quan thư*, đã giải thích rằng sao Huỳnh hoặc ở phương nam, thuộc hành hỏa, khi mọc thì có binh lửa, rối loạn, tàn phá, tật bệnh, tang tóc, đói kém!

Chỉ căn cứ vào riêng bộ *Cương mục*, chúng ta đã có thể ghi nhận ít nhất bốn mươi ba lần quốc sử nói trực tiếp đến đói to, lần đầu tiên năm Đinh Sửu 857, thời thuộc Đường "Giao châu luôn luôn đói kém, đến nổi hàng sáu năm không có thuế nộp lên trên, trong quân lính không có khi nào khao thưởng"; lần cuối cùng năm Mậu Thân 1728, "Thanh Nghệ và tứ trấn nhiều lần trải qua lụt lớn và gió bão, dân chúng bị đói. Triều đình trích từ kho nội phủ sáu vạn quan tiền sai các quan chia nhau đi phát chẩn". *Cương mục* chỉ trình bày sử nước nhà đến năm 1789, năm nhà Lê mất. Hơn nữa, rất nhiều lần, tài liệu này không trực tiếp nói đến nạn đói mà chỉ cho biết ở một vùng nào đó, giá gạo lên rất cao. Cho nên con số gần năm mươi lần đói to trong thời gian mười thế kỷ chỉ là một con số rất tương đối, không có giá trị thống kê. Bên kia rặng Ngũ Lĩnh, dựa vào các bộ niên sử, *Nông lâm tân báo*, ấn bản Nam Kinh năm 1924, đã ghi nhận rằng giữa hai thời điểm: năm thứ hai niên hiệu Nguyên Phong đời vua Hán Vũ đế (108 trước TCGS) và năm thứ hai niên hiệu Đồng Trị đời vua Thanh Mục Tông

(1911), dân Trung Hoa đã là nạn nhân của một ngàn tám trăm hai mươi tám trận đói, hay nói cách khác, gần như mỗi năm có một tai họa cơ cận giáng xuống đầu nòi Hán, không ở vùng này thì ở vùng khác!

Mức độ trầm trọng của các trận đói nhiều khi được *Cương mục* mô tả khá chi tiết:

- Năm Giáp Thân 1344 mấy năm mất mùa, đói kém luôn, nhân dân phần nhiều đi làm thầy chùa và gia nô cho các thế gia;

- Năm Đinh Sửu 1517 cả nước bị đói to, nhân dân chết đói thây nằm chồng chất lên nhau.

- Năm Nhâm Thân 1572, Nghệ An đói to và có bệnh dịch, người chết đến quá nửa; dân gian xiêu giạt, hoặc tan tác vào Nam ra Bắc, trong cõi Nghệ An điêu hiu vắng tanh.

- Năm Giáp Ngọ 1594, Hải Dương mất mùa to, người ta ăn thịt lẫn nhau, số người bị chết đói đến một phần ba.

- Năm Ất Mùi 1595, lại đói lớn, thây chết chồng chất với nhau.

- Năm Quý Tị 1713 đã lâu không mưa, giá thóc gạo cao vọt, dân gian có người phải ăn vỏ cây, rễ cỏ, chết đói đầy đường, làng xóm các nơi tiêu điều hiu quạnh.

Năm 1775, khi quân Trịnh, dưới quyền chỉ huy của lão tướng Hoàng Ngũ Phúc, tấn công đợt cuối cùng vào miền đất chúa Nguyễn cát cứ và hạ thành Phú Xuân rồi tiến chiếm Nam Ngãi thì gặp một nạn dịch tả lớn, kèm theo nạn đói, khiến quân Trịnh chết la liệt. Chính Hoàng Ngũ Phúc trong lúc triệt binh về Phú Xuân cũng mắc bệnh và chết ở Huế.

Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ mô tả cảnh bão lụt, mất mùa, chết đói, trộm cướp đe dọa một xã hội ngập chìm trong mưa lũ hỗn loạn triền miên, đến nỗi tùy bút cũng phải viết trong mưa: "*Hồi loạn Canh Thân Tân Dậu* (tức 1800-1801), *tỉnh Hải Dương* ta chịu hại về binh đao đến mười tám năm, ruộng đất đã hầu thành rừng rậm, những giống gấu chó lợn lợn sinh tự đầy cả ngoài

đồng. Những người dân sống sót phải đi bóc vỏ cây, bắt chuột đồng mà ăn. Mỗi mẫu ruộng chỉ bán được một cái bánh nướng..."

Riêng nạn đói năm 1856-1857, có đến hàng chục vạn dân Bắc phần và miền Bắc Trung phần bị chết thảm, theo *Đại Nam thực lục, Chính biên*.

Bùi Dương Lịch qua *Lê quý dật sử* kể rằng năm Đinh Dậu 1777, "*cả nước đói to, gạo một bát nhỏ trị giá một quan tiền, dân gian thậm chí phải lấy củ nâu củ chuối thay cơm, người chết đói đến quá nửa*".

Theo *Hoàng Lê nhất thống chí*, nông thôn mấy năm mất mùa liên, vật giá leo thang vùn vụt, "*trấn Sơn Nam Hạ* vẫn gọi là nơi giàu có, bây giờ dân gian không còn thóc lúa để dành", "*các nhà đều trống như chiếc khánh treo*".

*

* *

Đề tài đói là một nguồn cảm hứng sâu thẳm, bi thương có tính cách khá quen thuộc trong nền văn học nước nhà.

Truyện nôm nhan nhân những người đi ăn xin từ vùng này qua vùng khác, và tất cả các nhân vật nam chính của truyện thơ dân gian bao giờ cũng trải qua cuộc đời hành khất. Lý Công (*Truyện Lý Công*) phải ăn xin để học tập. Tống Trân (*Tống Trân Cúc Hoa*) lên tám thì mồ côi cha, gặp năm đói kém phải dắt mẹ đi ăn mày. Phạm Công (*Phạm Công Cúc Hoa*) cũng vậy và đến đời con, Tiến Lực và Nghi Xuân, cũng phải đi ăn xin luôn. Phạm Tải (*Phạm Tải Ngọc Hoa*) là học trò nghèo, mồ côi cả bố lẫn mẹ, phải sống nhờ thập phương bố thí để ăn học. Nhân vật phụ Tiểu Thanh trong *Truyện Phương Hoa* cũng bơ vơ hành khất đó đây nên được Phương Hoa đem về làm con nuôi. Hiếm có nền văn học bình dân nào khác huy động nhiều bị gây như vậy! Hành trạng ăn mày trong truyện kể dân gian nhiều khi nặng tính chất ảo kỳ, mang dấu vết chuyện cổ tích như trong *Lý Công*, nhiều khi lại khoác dáng dấp một hình tượng

nghệ thuật với nhiều ý nghĩ hiện thực như trong *Tống Trân Cúc Hoa*, qua không những một mà hai vai ăn mày, tuy ăn mày sau là ăn mày giả, nhưng vẫn là ăn mày và tỏ ra có tài cao.

Phần số khất cái phổ cập như thế nên trong *Văn tế thập loại chúng sinh* nhất định cũng có tập thể ăn mày:

*Cũng có kẻ nằm cầu gối đất
Đôi tháng ngày hành khất ngược xuôi.
Thương thay cũng một kiếp người
Sống nhờ hàng xóm, chết vùi đường quan!*

Hành trạng tha phương khất thực cũng được tường thuật bởi tản văn, ví dụ truyện *Hành khất tiên* trong *Kiến văn lục* của Vũ Trinh.

Tống Trân Cúc Hoa gợi lại tình trạng đói kém những năm thất thu thời vụ:

*Gặp cơn đói khổ thâm sâu,
Bốn phương đói kém đầu đầu mất mùa.*

Nguyễn Du làm quan nhưng bản thân vẫn:

*Cơ hàn bất giác thụ nhân liên.
(Đầu nghèo phải đói rét để cho người thương).* (*Khất thực*)

còn các con thì

*Thập khẩu hài nhi thái sắc đồng.
(Nhà mười miệng trẻ đói xanh như rau).* (*Ngẫu hứng*).

hoặc

*Thập khẩu đề cơ Hoành Lĩnh bắc
(Nhà mười miệng ăn đang kêu đói ở phía bắc Hoành sơn).* (*Ngẫu đề*).

Cậu ấm cô chiêu mà còn thế thì con dân lê thứ cơ cận biết chừng nào! Nguyễn Thiếp mô tả cảnh Hoan Châu ở Đàng Ngoài:

*Cùng dân thập ngũ lục
Ngã biểu dữ lưu di.
(Phúc Hiệp trấn Bùi Huy Bích)
(Dân nghèo mười người có tới năm sáu người,*

Chết đói và bỏ đi tha phương).

Trong khi ở Đàng Trong, Phạm Nguyễn Du làm thơ phóng sự:

*Nhân hy bão sắc bán mì sơ.
(Người ít có về no, ăn nửa cháo nửa rau).* (*Cảm dân cư tán lạc*)

Cao Bá Quát đạo phùng ngã phu (4), đã mời một người thầy thuốc kiêm thầy bói thất nghiệp ăn một

bữa cơm nhưng cần thận dặn dò
Mạn dã! Mạc sậu yết,
Bạo doanh phi tráng nhan.
(Thong thả chứ! Đừng nuốt hấp tấp,

No vội quá, không làm cho khoẻ người).

Tuy là y sĩ nhưng khi cơn đói vật vã thì cũng quên cả phép vệ sinh điều dưỡng sơ đẳng! Trong thơ Cao Chu Thần, phường Phúc Lâm thuộc thành Thăng Long

Khứ niên thất cốc kim thất hoà
(Từ năm ngoái đến năm nay thóc lúa mất cả)
cho nên

Đông gia cơ ngộ, tây gia tỷ.
(Nhà xóm đông nằm chịu đói, nhà xóm tây bỏ đi). (Phúc lâm lão).

Ngô Thì Du làm quan thanh bạch, bổng lộc ít ỏi đến nỗi "danh tuy là làm quan, thực vẫn mãi nghèo túng, được mùa mà chẳng no, áo mặc đụp năm lần. (Cảm hoài).

Nguyễn Bình Khiêm cảm cảnh thiên tai trầm trọng:

Nguyên dã hữu cỏ miêu,
Lâm dữu vô dư túc.
(Tặng thử)

(Ngoài đồng chỉ còn nắm lúa khô,

Trong kho chẳng còn hạt thóc thừa).

Nguyễn Thông lại thương xót sâu xa người cày ruộng làm ra hạt lúa mà ăn chẳng hề no:

Thủ tri trực nhi thể đông,
Túc vu trĩ nhi phúc ky.
(Nghĩa trủng phú)

(Tay dệt vải mà thân rét run, Chân đi cày mà bụng đói dài).

Phạm Nguyễn Du dành riêng hẳn một bài thơ để viếng những người chết đói (Điều ngã tử):

Mãn đồ ngã biểu thị hà nhân,
Nguyên thị phiên ly cố nhượng dân.
Cầu hác cánh thành vong quốc tuấn...
(Đầy đường người chết đói, ấy là những người nào?

Vốn là dân chúng miền biên giới đất cũ ta đó.

Ngôi lạch vớt thây, đã thành người chết theo nạn mất nước...)

không còn gì để nhớ

mai, em
khăn gói sang sông
vút dăm kỷ niệm
xuống dòng nước trôi.
tiếc, lời thề thốt đầu môi
lỡ trao rất vội cho người tình si
mai này
cất bước vu qui
em quên luôn cả đường đi lối về.

vạn giả

Các thứ lương thực của chúng ta chủ yếu thuộc loại có chất bột. Gặp buổi thóc cao gạo kém thì trước hết có hoa màu phụ: khoai, sắn, bắp, đậu, rau, quả.

Được mùa chó phụ ngô khoai,
Đến năm Thân Dậu lấy ai bạn cùng.

Ngô nguyên quán ở châu Mỹ chỉ được trồng ở nước ta từ thế kỷ 17. Nhưng cây khoai lang có thể đã mọc từ lâu đời trên những liếp đất quê hương. Phải chăng cư dân nước Văn Lang đã biết trồng loại này? Về cứ liệu thông sử thì cả Toàn thư lẫn Cương mục đều ghi là năm Mậu Dần 1518 vì loạn lạc, vua Lê Chiêu Tông phải đi lánh nạn ở Dương Quang, quá trưa chưa có cơm ăn, dân gian có người đem dâng bánh khoai. Trong thi ca, khoai cũng được Phạm Quí Thích tả như thực phẩm phụ:

Gia gia vu đáng hiểu bô lương.
(Mọi nhà đều ăn khoai trừ bữa sáng chiều). (Tự tứ nguyệt...)
và:

Đình ngọc phần qua lạn,
Bạc văn phanh đậu quả.
Hoàng lương hựu dã vu,
Xuy ổi vô bất khả.

(Hạ nhật điền xá)
(Buổi trưa bỏ quả dưa chín nục, Chiều đến lại nấu hạt đậu. Bắp ngô và khoai lang, Nấu hay nướng đều được cả).

Nhưng khoai, bắp dù thế nào đi nữa cũng vẫn là thực phẩm có hàm lượng tinh bột tương đối cao. Nguồn tinh bột khó tiêu hoá hơn là sắn



cám, mà cũng vẫn Phạm Quí Thích đã chứng kiến đồng bào cố gắng nhai nuốt:

Hoang ốc mại vi tân,
Khang tỷ cam như di.
(Phó Kinh Bắc)

(Nhà bỏ hoang bán làm củi, Ăn tấm cám ngọt như đường).
Gặp thời mất mùa nặng, lúa gạo và hoa màu hết sức hiếm hoi thì phải xoay qua rau, cỏ như ca dao, tục ngữ khuyên:

Đói ăn rau, đau uống thuốc.
Đói bụng ăn rau má.
Đói thì ăn ráy, ăn khoai...
Đói thì ăn khế, ăn sung...
Đói lòng ăn nắm lá sung...
Cô con dâu hiền thực và hiếu thảo Thoại Khanh đã cư xử như thế:
Cơm thì để mẹ ăn riêng,
Nàng ăn rau cỏ, chẳng hề dằn hoi.
(Thoại Khanh, Châu Tuấn)

Khi cọng rau miếng dưa cũng cạn sạch, con người quay trở lại lối sống hái lượm thời thượng cổ. Bột cây quang lang - thường được trồng ở các đền, miếu, theo Lê Quí Đôn trong Vân đài loại ngữ -, bột cây dừa nam, gạo quả vả là những nguồn amidon được nhà bác học đất Diên Hà đan cử.

Túng quẫn hơn nữa, phải ăn củ chuối, củ nâu trong vườn trong nương hay khoai mài, quả trám, cây nhúc trên rừng trên rẫy, thậm chí cả vỏ cây. Lối sống du canh cư tái xuất hiện, các cá nhân và gia đình đi lang thang trên đồi núi tìm thực phẩm:

- "Dân gian thậm chí phải lấy củ nâu củ chuối thay cơm" (Bùi Dương Lịch, *Lê quý dật sử*).

-*Thoại Khanh tìm kiếm lãng xăng
Hái trái nuôi mẹ cầm chừng cho qua.
Trái chín để cho mẹ già,
Trái sống nàng nuốt thật là thảm thương.*

(Thoại Khanh Châu Tuấn)

- "Những người dân sống sót phải đi bóc vỏ cây, bắt chuột đồng mà ăn" (Phạm Đình Hồ, *Vũ trung tùy bút*).

Có những thức ăn khi đói lòng được văn học nêu tên theo cung cách dựa vào ý chứ không phải vào lời, một thủ pháp quen thuộc của ca dao.

Đó là hột chà là:

Đói lòng ăn hột chà là,

Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.

Đó là nửa trái sim:

Đói lòng ăn nửa trái sim

Uống lụng bát nước, đi tìm người thương.

Lực nghiền của hai hàm răng khi nhai không cán nát được hột chà là, ăn có nửa trái sim bé bỏng thì cũng bằng không ăn; nhưng vì chữ hiếu nên dù lương thực có khó nhai đến mấy cũng sẵn sàng tiếp thu để nhường hạt gạo cho mẹ; vì chữ tình nên dầu chỉ có bán phần trái sim cũng đủ lượng kalori cần thiết để đi kiếm cho được người yêu.

Thảm cảnh xảy ra khi con người bị đẩy về lối sống theo bản năng sinh tồn.

Chính sử (*Toàn thư*) chép: năm Giáp Ngọ 1594, "các huyện ở Hải Dương dân gian mất mùa to, đói kém đến ăn thịt lẫn nhau, chết đói đến một phần ba". Còn theo ký sự tư nhân thì: "Ông nho sinh Phạm Diên Bá thường nói chuyện với ta rằng: đương lúc loạn lạc, ông đi đường về tỉnh Đông, có vào nghỉ nhà hàng cơm bên đường, thấy mùi thịt rất tanh, trên mặt nước bát canh thịt nổi sáo lên như hình bán nguyệt. Hỏi người hàng cơm thì họ nói đó là thịt lợn lòi. Khi ăn đến nửa chừng, thấy có con rắn chết ở trên mặt bát, mới biết là thịt người, vội vàng chạy đi móc cổ thổ ra". (Phạm Đình Hồ, *Vũ trung tùy bút*).

Câu văn tường thuật còn mang đủ bình tĩnh của trí tuệ. Nhưng các câu thơ của Phạm Nguyễn Du thì như quay một đoạn phim rừng rợn, sồn gai ốc; khi ống kính thu vào thì ca ngọai cảnh dân gian đói to đến nỗi mẹ con ăn thịt lẫn nhau:

Vạn vật chi sinh nhất viết nhân,

Mạc như mẫu tử tối tương thân.

Lâm cùng bỉ tự di thường tính,

Văn quái thù vô đất đại luân.

(*Văn cùng dân mẫu tử tương thực hữu cảm*).

(Muôn vật sinh ra đứng đầu là người,

Không ai thân thiết hơn là mẹ con.

Lâm đến bước đường cùng, kẻ kia tự đổi mất tính thường,

Nghe việc quái gở, ai không đau đớn cho đạo lớn thiên luân).

May sao cũng còn đậm đà tình người qua cảnh nàng dâu dâng thịt mình cho mẹ chồng:

Thoại Khanh nghe nói ngùi ngùi,

Vái trời xin chứng lòng người thảo ngay:

"Tôi xin cắt thịt cánh tay,

Đặng mà nuôi mẹ tháng ngày cho xuôi..."

(Thoại Khanh Châu Tuấn)

Chất thông báo của hình tượng, mang hơi hướng *Nhị thập tứ hiếu*, dầu gì đi nữa cũng có tác dụng như một chất trung hoà đối với giọng thơ bi thảm của Phạm Nguyễn Du, tuy rằng cả hai sáng tác phẩm đều lấy đề liệu là thịt người như một loại lương thực. Một đối trọng (5) khá cân xứng trong tổ hợp thuật toán phổ thông (6) các xúc động phức tạp dấy lên từ con tim và trào ra từ ngọn bút trước phần số đông chung.

*

* *

Sử liệu nước nhà có một số khái niệm luôn luôn trở lại như những con ranh con lộn: loạn lạc, ly tán, đói kém, mất mùa. Khi khơi dòng mạch đen tối của tình trạng cơ hoang khá thường xuyên đó, một số cây bút lông như bị đè ập bởi những ba động đầy kịch tính của xã hội quanh mình. Cho dù là xã hội nước nhà hay xã hội lân quốc. Cho dù là vị sứ thần hay đáng chí tôn. Vua Tự Đức, khi ra đề thi bài văn sách cho khoa đình thí năm Ất Mùi 1865, đã đề cập sự kiện

tai dị đồn dập, đói khát đến luôn để tham vắn củ tử. Còn cảnh nào thảm thiết hơn cảnh nghệ nhân mù ở thành Thái Bình, Trung Hoa, đàn hát suốt một canh dài, đói sùi bọt mép, chân tay run rẩy, mà chỉ được trả năm sáu đồng tiền chẳng đủ bữa ăn khiến Tố Như cảm khái phần hạn:

*Chỉ đạo Trung Hoa tấn ôn bão,
Trung Hoa diệc hữu như thử nhân!*
(*Thái Bình mại ca giả*)

(Thường nghe nói đất Trung Hoa ai cũng no ấm,

Té ra Trung Hoa cũng có người như thế ấy!)

hoặc cảnh bốn mẹ con ngồi với nhau bên vệ đường, đứa bé thì mẹ ẵm trong lòng, đứa lớn thì xách chiếc giỏ tre, trên lộ trình đến Bắc Kinh:

Không trung hà sở thịnh?

Lé hoặc tạp tỳ khang.

Nhật án bất đắc thực,

Y quần hà khuông nhương!

(*Sở kiến hành*)

(Trong giỏ đựng những gì?

Rau cỏ lẫn tấm cám.

Trưa rồi vẫn chưa có gì ăn,

Áo quần thật lam lũ).

trong khi dân gian Hán tộc

chỉ hữu sáu tích, vô sung phi

(*Phản chiêu hồn*)

(chỉ có những người gầy gò, không ai béo tốt).

Bóng mây ảm đạm của đói ăn thiếu mặc phủ trùm trên đời sống cùng quần của đồng loại đã cung cấp cho nhà thơ những thi tứ tố cáo, đã thúc đẩy hồn thơ chọn một thi phong qui tội.

Quá khứ từng là thế. Còn hiện tại trên quê nhà và "nước anh em"? □

Chú thích:

1. Thắt nút dây để làm việc chính trị (do chưa có chữ viết).

2. Gửi gắm quân lính cho nhà nông: khi cần thì trưng dụng thanh niên vào quân đội, khi không có binh đao thì cho trở về làng làm ruộng.

3. Ương mục cho biết mỗi bát quan đếm được 84.000 hạt thóc.

4. Dọc đường gặp người đói. Đây là đầu đề bài thơ có hai câu thơ trích dẫn.

5. *Counterweight*.

6. *Universal algorithm*.

Cái Đẹp Của Chữ Nho

Lê Văn Lân

Viết để tưởng nhớ phụ thân



Phụ thân tôi hồi sinh tiền có thói quen mỗi khi viếng một ngôi đình, chùa hoặc đền đài lăng tẩm, thường dừng chân rất lâu để ngắm nghía, chiêm ngưỡng những bức trướng, liễn, câu đối, nghi môn, hoành phi... khiến tôi, thuở ấy là một đứa bé, phải sốt ruột và ngạc nhiên.

Bây giờ thì tôi đã hiểu tại sao. Cái hiểu này đi kèm với nỗi nhớ, tiếc, thương, cảm phục. Phụ thân tôi là một trong những nhà nho cuối mùa của đất nước hồi đầu thế kỷ, khi nền học vấn chuyển từ bút lông qua bút sắt. Ân hận, lỡ dở, bơ vơ, lạc loài, cảm nín... thời thì ngón ngang trăm mối trong lòng con người sống ở thế hệ “bản lề” của lịch sử. Tuy tiếc nuối là nền Nho học đã lỗi thời, không giúp ông lập thân như bao thế hệ trước, nhưng trong lòng ông vẫn âm ỉ niềm tôn sùng không lay chuyển về cái đẹp cũ. Cái đẹp mà nhà văn Nguyễn Tuân mô tả là “vang bóng một thời”.

Một trong những sở thích của ông là ngắm những nét chữ Nho đẹp,

đặc biệt là chữ đại tự. Ông bảo rằng, viết chữ Nho cho đẹp đã là một nghệ thuật đòi hỏi công phu luyện tập rồi, huống hồ là viết chữ đại tự! Phụ thân tôi còn giảng nhiều điều lý thú linh tinh khác như muốn trút bao nhiêu tâm sự, cảm nghĩ, ưu tư cho thế hệ kế tiếp nhưng đầu óc ngây thơ của một đứa bé là tôi ngày đó không thể nào hiểu hoặc nhớ hết được! Bây giờ, tra cứu những sách dạy về thư pháp Trung Hoa, bao nhiêu kỷ niệm ấu thơ từ tiềm thức tôi có dịp trôi dạt như đương xem lại một đoạn phim mờ mờ ảo ảo, vì cũ cũng có và cũng vì mất lệ sương sương một màu thương tiếc ngậm ngùi!

Bài bút khảo này chỉ muốn đề cập đến một vài tính chất và kỳ công của kỹ thuật thủ pháp chữ Nho, đặc biệt đi vào kỹ thuật siêu thực chấm nét. Đối với thế hệ trẻ mà nền cổ học Đông phương đã bị đẩy lùi vào viện bảo tàng hay bị rơi vào sự quên lãng tàn nhẫn của thế nhân thì những dòng chữ dưới đây chỉ là một tiếng thở dài ngậm ngùi cho cái dĩ vãng

một thời vang bóng; nhưng đồng thời nó cũng là một đốm lửa nhỏ làm ấm lòng những tâm hồn hoài cổ.

Thủ pháp Trung Hoa hoàn toàn không phải là một kỹ thuật viết chữ máy móc mà là một nghệ thuật siêu đẳng. Người viết chữ Nho là một nghệ nhân qua một quá trình luyện tập lâu dài và liên tục, đem cả tâm huyết, tinh thần mình ký thác trên mặt giấy. Những món vật dùng để viết, do đó, được trân trọng kén chọn và gìn giữ. Văn phòng tứ bảo - như tên gọi - gồm bốn món quý sau: mực, nghiên, giấy, bút. Mỗi món được chế tạo đặc biệt theo nhiều trình độ khác nhau của người sử dụng.

Đại khái, mực tàu màu đen đúc thành từng thanh dẹp nhỏ hay tròn gọi là thoi (hay thỏi). Vật liệu làm mực thường là muội than của gỗ tùng và khói đầu, trộn với chất keo dèo đun lỏng rồi đúc thành thoi để nguội. Mỗi khi sắp viết, người ta mài thỏi mực với một chút nước trong một cái nghiên.

Trong truyện *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân, qua miệng nhân vật Huấn Cao, câu khen: “Thoi mực thầy mua ở đâu tốt và thơm quá? Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?”. Mực sở dĩ thơm là vì lúc chế tạo, nó được trộn với xạ hương, do đó ở Huế, người ta quen gọi là mực xạ.

Nghiên mực là một phiến đá dẹt, trũng lòng. Ở một đầu nghiên có một cái lỗ khá sâu chứa nước. Đá làm nghiên thường là một loại đá đỏ được cắt và mài. Lòng nghiên không mài nhẵn thín, trơn lu nhưng cũng không để thô xám mà phải vừa đủ để mài cho mực ra. Các nghiên đời Hán làm bằng gạch hay ngói nung thường rất quý. Khi mài mực, người ta cầm dụng đứng thoi mực, mài chậm rãi, đều và chắc tay. Thời gian mài là lúc để tâm trí bình thản suy gẫm về kiểu thức những dòng chữ sắp viết. Số lượng mực mài ra chỉ nên vừa đủ viết; mài nhiều để lâu mực sẽ khô đặc và biến màu làm sắc vẽ của các nét chữ không đều. Mực mài đặc quá sẽ quánh lại, ngòi bút khó chạy trên

mặt giấy. Mài lông thì nước thấm vào giấy bản làm nét chữ bị nhoè. Tương truyền loại nghiên làm bằng ngói cung Vi Lương đời Hán có đặc tính kỳ lạ là hãm rất bền các chất mực cũ trong các lỗ nhỏ li ti của đất nung nên khi dùng, chỉ cần hà hơi cho ẩm là có đủ mực để viết một bài... tứ tuyệt.

Về giấy thì có nhiều loại. Thông thường giấy bản dùng để viết và vẽ có thớ hơi xảm và xốp. Sự kén chọn phẩm chất giấy tùy theo kinh nghiệm và sở thích của người viết.

Giấy ngày xưa có hiệu tùy theo gốc sản xuất. Hà Nội có phố Hàng Giấy chuyên bán các loại giấy, bút, mực cho các thầy khoá khi khoa cử còn thịnh. Miền Bắc có hai nơi làm giấy lâu đời là làng Phú Định, tỉnh Hưng Hoá và làng Bưởi gần Hà Nội. "Giấy lịch Bưởi" là loại giấy trắng tốt. Vật liệu làm giấy ở Việt Nam là vỏ cây bồ đề (*Ficus religiosa*), cây dó (*Rhamnoneuron balansae*), cây giương (*Broussonetia papyrifera*).

Ngòi bút lông chỉ dùng để viết chữ Nho. Đó là một chùm lông thú buộc từng bó nhỏ, nhét gắn vào một cái quản tre rỗng ruột. Cán bút có thể khảm vàng, bạc, ngọc, ngà. Lông ở ngòi bút cứng hơn bút lông vẽ tranh nước của Tây phương. Các loại lông có thể dùng làm ngòi bút: trều, nai, chồn, cáo, chuột, thỏ tùy theo loại. Nếu viết chữ nhỏ, mảnh, thì bút lông thỏ tốt hơn cả; còn viết chữ lớn thì dùng lông trều. Theo Nguyễn Tuân, trong truyện *Khoa thi cuối cùng*, thì các thầy khoá thường dùng các loại bút "Song lan, Thanh chi, Nhất chi, Kiều lan, Trúc lan... Tốt nhất là bút Tảo thiên quân lông trắng."

Cách cầm bút là điều tối quan trọng. Như một cung thủ cần định rõ mục tiêu, thân hình vững vàng, tay nắm chắc cây cung, nhắm chính xác thì tên mới trúng đích; người viết chữ phải định thần, thân hình ngay ngắn quân bình, quản bút cầm thẳng, viết chấm nào, nét nào xuống phải đúng nét ấy. Năm ngón tay cầm bút phải đặt thế nào để quản bút chuyển động theo ý muốn là do việc tập

luyện từ nhỏ. Mỗi thư pháp gia có một lối cầm quản bút với các thế ngón riêng. Thông thường, ngọn bút phải dựng đứng, không nghiêng phải nghiêng trái. Ngón cái và ba ngón kế nắm lấy cán bút ở bốn phía, ngót út làm chỗ nâng. Ngón cái và ngón trỏ quan trọng nhất vì nhận sức lực của cổ tay và cả cánh tay để điều hoà áp lực của nét chữ. Ngón giữa và ngón áp út làm công việc xoay, chuyển. Ngón giữa vận cán bút xuống dưới hay quay qua phải; ngón áp út nhắc lên hay quay qua trái. Khi ngón áp út đang nhắc bút lên thì ngón giữa điều chỉnh cho nó. Khi ngón giữa móc ôm lấy bút thì ngón áp út ngăn không cho nó tuột xa. Riêng ngón út thì làm nhiệm vụ của một tài công, khi thì kéo ngón áp út về phải, khi thì đẩy sang trái. Kỹ thuật về các chuyển thế của các ngón gọi là *bát đẳng*. *Đẳng* là cái bàn đạp ngựa; *bát* là chuyển xoay, lái như trong câu "cây, bát thuyền trên nước".

Bút tuy là để viết chữ nhưng không được cầm một cách khinh xuất mà phải được nắm chắc như cầm binh khí. Vương Hiến Chi, người con thứ bảy của thư pháp gia trứ danh Vương Hi Chi, lúc mới lên bảy, ngồi tập viết thì người cha lên đứng sau lưng, chụp lấy cán bút. Nhưng cậu con cầm chắc quá đến nỗi ông cha giằng mạnh cũng không ra. Vương Hi Chi bèn khen: "Thằng này về sau sẽ nổi danh trong giới thư pháp".

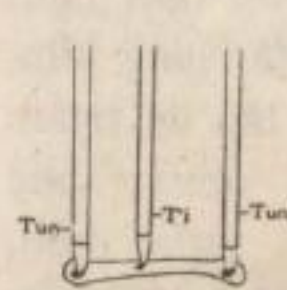
Cầm bút phải theo những kỹ thuật sau: Lòng nắm tay phải trống rỗng (hư quyền); ngón tay phải chắc (thực chỉ); cổ tay phải ngang bằng (bình uyển); cán bút phải thẳng đứng (thụ phong).

Cổ tay cần ngang bằng (bình uyển) là điều tối thiểu phải làm khi viết dù với bất cứ kiểu chữ nào. Khi viết các chữ nhỏ li ti, muốn cho vững chắc, không run, người ta áp dụng lối chắm quyền, nghĩa là để cổ tay phải gối lên bàn tay trái. Khi viết chữ cỡ trung thì áp dụng lối đề uyển, tức là tì khuỷu tay phải trên mặt bàn và để cánh tay nhắc lên với góc độ 25-30 độ. Còn viết đại tự thì bất

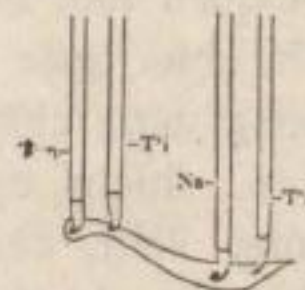
buộc phải theo lối huyền uyển, không có bộ phận nào của tay được chạm mặt bàn mà phải lơ lửng như được treo. Khi viết, nội lực toàn thân truyền qua vai, bắp tay, khuỷu tay, cánh tay, cổ tay và các ngón để dồn vào ngọn bút. Có như vậy nét chữ mới hoàn toàn linh động, vững mạnh. Lối huyền uyển đòi hỏi sự tập luyện lâu năm và liên tục, nếu tập lơ mơ sẽ viết ra những nét run...

Ngọn bút lông tạo ra trên mặt giấy những nét dày mỏng khác nhau tùy theo cách nhấn. Nếu nhấn đập đầu là *đốn*, nhắc nhẹ lên là *đề*, còn đề xuống cho tà đuôi ra thì gọi là *nại*. Nghệ thuật *đốn*, *đề*, *nại* áp dụng tùy theo điệu thủ: nét đề mảnh để dùng cho chữ có nhiều nét; nét nại mập dùng cho chữ ít nét; nét đốn thì dùng để khởi đầu hay chấm dứt một vạch, khi chuyển, hoặc là ở chỗ tiếp nối hai vạch.

Chữ *nhất* là một chữ rất khó viết tuy chỉ có một vạch ngang. Nhìn theo thế bút thì nó khởi sự bằng nét đốn, rồi nét đề và chấm dứt bằng đốn.



nét chữ nhất



nét lười mác

Người ta ví von rằng, một nét vạch phải khởi đầu với sức mạnh chuyển núi mà lúc chấm dứt còn để lại dư hương đồn ở cuối nét thì mới gọi là tuyệt!

Tốc lực của những nét chữ cũng rất quan trọng. Nét nào cũng phải có chỗ viết chậm, chỗ viết mau. Lại còn nghệ thuật "dấu đầu kim trong nắm bông" là một tuyệt kỹ. Ngọn bút gọi là "hở hang" khi nét chữ có cạnh sắc như mỏ chim nhưng lại thiếu nét tim ở giữa do mũi bút lông tạo ra. Gọi là "kín đáo" khi trong nét viết, ở giữa tim có một lần rõ. Muốn biết chữ viết có phải do bậc sư không, người ta soi tờ giấy lên ánh sáng, nếu thấy một lần sẫm chạy đều ở tâm

nét bút, còn mực chung quanh nhạt hơn là đúng.

Người Tàu nói sức mạnh của ngòi bút là “nhập mộc tam phân”, nghĩa là xuyên gỗ sâu đến ba phần, đặc biệt khi viết với ngòi bút thẳng đứng. Tùy theo thể cán bút, người ta phân biệt ra hai lối viết: *viên bút* khi dùng kỹ thuật *đề*; và *phương bút* khi dùng kỹ thuật *đốn*. Viên bút thì mềm, uyển chuyển; còn phương bút thì chắc và vững. Phương bút thích hợp cho kiểu chữ Khải. Viên bút thì hợp với kiểu chữ Hành và Thảo. Tuy nhiên ở các bậc diệu thủ, phương bút và viên bút được sử dụng thích hợp và tài tình, không hẳn theo lệ trên.

Người Trung Hoa tôn sùng các diệu pháp của cổ nhân đến độ trong thư pháp hàng thế kỷ sau người ta vẫn mô phỏng các bậc thầy thuở trước bằng cách lấy mực thoa lên bia đá để chép lại kiểu chữ xưa.



Chữ “thọ” của vua Chu Hi đời Tống (kích-thước 2.95' x 1.75')

Tuy nhiên, “mô phỏng” trong thư pháp Trung Hoa không có nghĩa là bắt chước đến độ hoàn toàn máy móc vì mỗi ngòi bút đều ít nhiều mang cá tính người viết. Một giai thoại lý thú về “bắt chước” chữ viết như sau: Vương Hiến Chi tuy nhỏ

tuổi đã là một danh thủ thư pháp, tài gần bằng cha của mình là Vương Hi Chi. Một hôm Vương Hiến Chi đùa nghịch lấy trộm bức chữ của cha treo trong thư phòng rồi viết một bức thiếp khác hoàn toàn giống như vậy để trám vào. Hôm sau, Vương Hi Chi về nhà, thấy bức thiếp giả, bèn dừng chân ngắm nghía. Cậu con Vương Hiến Chi núp gần đó hồi hộp dò nghe, thấy ông gật gù nói nhỏ nhỏ: “Lạ nhỉ! Khi ta viết bức thiếp này có lẽ ta chuếnh choáng say chăng?”

Cái đẹp của chữ Nho nhiều khi còn tùy thuộc vào sự phối trí thành phần các nét. Thông thường là trong một khoảng vuông tiêu chuẩn như đoạn văn sau của Nguyễn Tuân:

“Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông vốn khoáng, trừ chỗ tri kỷ, ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huấn mà treo, là có một vật báu trên đời”. (Chữ người tử tù).

Tuy nhiên “đẹp mà vuông” không nhất thiết là tiêu chuẩn để nhận định cái đẹp về “thể” của các nét chữ. Mỗi thư pháp gia đều có một phép phối trí riêng, tùy theo tâm trạng từng lúc của người viết, và tùy theo lối viết (Chân, Thảo chẳng hạn).

足



Chữ *túc* của Nhan Chân Khanh, bố trí cân cái, vững chãi như bước chân của một vị hoà thượng đang uy nghi cử bộ.

界



Chữ *giới* của Triệu Chi Khiêm bố trí như một con cú đang cất cánh bay lên.

意



Chữ *ý* của Tô Đông Pha gây ấn tượng về hình ảnh một người ngồi

thoải mái, trầm tư mặc tưởng.

舞



Chữ *tùy* viết theo Thảo thư của Vương Hi Chi tạo ra hình ảnh một nữ vũ công đang múa, xiêm áo xoay chuyển theo nhịp múa.

舞



Chữ *di* (phép tắc) của Trương Di gợi nên hình ảnh một con cò đứng co một chân, trầm ngâm.

Chữ đẹp “vuông” (chân phương) là đẹp tiêu chuẩn, nhưng nhiều thư pháp gia đã phá lệ, viết chữ rất đẹp trong khuôn khổ không cân đối.

知 本 嚴 妒

Cái đẹp của thư pháp Trung Hoa đôi khi không nằm trong sự cân đối (*symetry*) mà nằm trong sự không cân đối đầy động tính (*dynamic asymetry*) như tác giả Trương Di nhận định trong cuốn *Chinese Calligraphy*. Một chữ in thường có nét sắc, gọn, rõ ràng, đầy tính máy móc mà người ta có thể dùng compas, thước, bút chì nhọn để vẽ lại đúng như thế. Nhưng đó là những chữ “chết”. Ngòi bút lông thì khác, nó linh động với cái sống của nó. Sự sống bồi hồi bồi hồi của ngọn bút là làm ra những nét lúc dày lúc mỏng, lúc nhu lúc cương, lúc khoan lúc nhặt, lúc thẳng lúc cong để diễn tả dịch tính rất động của thiên nhiên.

Sự huyền diệu của thiên nhiên thấm nhuần mọi ngành nghệ thuật, truyền cảm vượt ngoài năng lực của ngôn ngữ. Bá Nha đàn mà nghĩ đến núi thì Tử Kỳ khen “Nga nga hồ chí tại cao sơn”; nghĩ đến sông thì Tử Kỳ khen “Dương dương hồ chí tại lưu thủy”. Trong thư pháp, ý tưởng xuất hiện từ đầu ngọn bút.

Trong thư pháp Trung Hoa, các

nét chấm, nét vạch không phải là những đường thuần túy máy móc về kỹ hà học mà là những nét huyền diệu. Có bảy nét chấm và vạch căn bản để viết chữ Nho, gọi là thất diệu:

- Hoàn — (nét vạch ngang): diễn tả như một đám mây trải dài thiên lý rồi ngừng lại.

- Điểm ㇔ (nét chấm): giống như một viên đá rơi toàn lực từ vách núi cao xuống.

- Phiệt ㇚ (nét phết): giống như một cạnh dao bén chém phạt xuống hay giống cái sừng tê giác.

- Trục ㇚ (nét thẳng): như một nhánh dây leo cổ thủ, mạnh vững.

- Loan ㇚ (nét cong): như sợi gân và khớp nối của cánh cung, dẻo và dai.

- Nại ㇚ (nét dề): giống như đợt sóng thỉnh linh trải ra hay một đám mây phát ra tiếng sấm báo cơn dông.

- Thích ㇚ (nét đá): giống như nhánh cây rủ với rễ chắc chắn.

Tuy nhiên, trong lịch sử Trung Hoa, các diệu thủ thư pháp đã chế biến nhiều nét hơn. Một ông vua đời Hậu Hán đã phân biệt ra 14 kiểu nét. Vi phu nhân nhận định 72 kiểu nét. Còn Vương Hi Chi lại gom thành 8 nét căn bản để viết một chữ mà ông cho là cốt tủy: chữ *Vĩnh* trong cuốn *Vĩnh tự bát pháp*. Tám nét là *trắc, lạc, nỗ, dịch, sách, lược, trác, trách*.



Lý thuyết của Vương Hi Chi thâm sâu và khó nên vào đời Thanh,

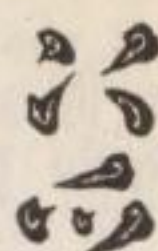
Lý Phổ Quang đem tám nét trên khai triển thành 32 nét. Trương Di, trong cuốn *Chinese Calligraphy*, cho rằng chữ *vĩnh* không bao gồm đủ các nét cần thiết để viết nhiều chữ quan trọng nên ông trình bày kỹ càng hơn, nhiều nét hơn 8 nét của Vương Hi Chi và ít hơn 72 nét của Vi phu nhân. Mỗi chấm hay mỗi vạch cho nét chữ đều in đen nhưng có một lần trắng có mũi tên chỉ hướng chuyển động của đầu ngọn bút. Tất cả gồm 21 điểm và 39 nét vạch.

* Tên và hình các điểm:

1. Hướng tả điểm (giống vuốt cọp).
2. Hướng hữu điểm (giống đầu rùa).
3. Trục điểm (giống mỏ phụng).
4. Trường điểm (chấm dài).
5. Khúc bão điểm (chấm cong ôm).
6. Lưỡng hướng điểm.
7. Tả hữu điểm.
8. Câu điểm (chấm móc).
9. Bình điểm (chấm bằng).
10. Hướng thượng điểm.
11. Vi điểm (chấm bé).
12. Trác điểm (mỏ chim).
13. Hai chấm bằng.
14. Ba chấm thủy.
15. Hai chấm mỏ chim banh ra.
16. Hai chấm mỏ chim túm lại.
17. Ba chấm: hai mỏ chim và một vuốt cọp ở giữa.
18. Ba chấm: hai chấm lưỡng diện và một mỏ chim.
19. Bốn chấm hòa (thường viết phía dưới).

20. Bối diện điểm.

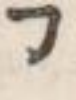
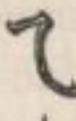
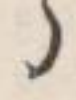
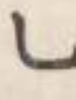
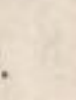
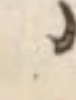
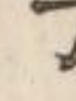
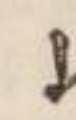
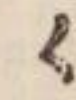
21. Hợp tứ điểm.



Ngoài ra còn nhiều kiểu như lá liễu, cánh hoa lan, trái hạt giẻ... phải chấm thật nhẹ, thật mau với bút lông khi viết.

* Hình các nét:

1. Hoàn họa (nét ngang).
2. Thụ họa (nét sổ).
3. Thùy lộ (giọt sương).
4. Huyền châm (kim treo).
5. Khúc đầu (đầu gãy).
6. Khúc bão phiệt (phết, phảy).
7. Đoản bình phiệt (phảy thẳng ngắn).
8. Trường trục phiệt (phảy thẳng dài).
9. Quyển phiệt (phảy cong).
10. Thụ phiệt (phảy sổ).
11. Khúc đầu phiệt (phảy cong đầu).
12. Trường khúc phiệt.
13. Hồi phong phiệt.
14. Bình phiệt.
15. Lan điệp phiệt.
16. Nại (thụ nại), nét dề.
17. Bình nại (giống con cá lội).
18. Trắc nại.
19. Phản nại (mũi cùn).
20. Khúc đầu nại.
21. Kim đao nại (mũi sắc không tà).
22. Thiên (nét khẩy).
23. Trường thiên (nét khẩy dài).

24. Trường câu (móc). 
25. Bình câu. 
26. Hoành câu. 
27. Qua câu (lưỡi móc). 
28. Nỗ câu. 
29. Phượng sí câu. 
30. Nữu câu. 
31. Long vĩ câu (móc đuôi rồng). 
32. Phù nga câu (móc cổ ngan). 
33. Thác câu (móc câu nâng lên). 
34. Viên câu (móc tròn). 
35. Bao câu (móc ôm). 
36. Hướng hữu câu. 
37. Hí điệp (hình bướm bay). 
38. Bàn long (rồng cuộn khúc). 
39. Ngôn cung. 

Một chữ nho là một tập hợp của nhiều chấm và nét vạch. Khi viết phải tuân theo thứ tự trước sau của từng nét, đồng thời phối trí cho các nét thích hợp trong khuôn khổ của khoảng trống. Nếu viết không đúng thứ tự sẽ bị các cụ mắng là “viết trái cựa”. Để nhận định các chấm, nét, người ta dùng những danh từ: xương, thịt, bắp thịt, huyết.

Vi phu nhân nói: “Người viết biết dồn sức mạnh vào ngòi bút thì nét chữ có xương. Còn lối viết của kẻ kém tài, nét chữ đầy thịt. Viết mà nhiều xương ít thịt thì gọi là ‘gân guốc’. Viết mà nung núc thịt, xương yếu thì gọi là ‘mập như heo’. Chữ viết mạnh và gân guốc là thần bút; viết mà không có lực, chẳng có gân thì cũng giống như một phế nhân” (Trích *Dân tôi, nước tôi* của Lâm Ngữ Đường).

Trong mọi nét chữ phải có “xương”, tạo ra bởi sức mạnh của người viết, cho nên cách cầm cán bút rất quan trọng mà lối huyền uyển là cách viết hiệu quả nhất. “Thịt” của nét chữ tùy thuộc vào chiều dày của ngòi bút và cách đè mạnh hay nhẹ của bàn tay viết. Nó còn tùy thuộc vào số lượng nước trong mực. Thịt sẽ nhão nếu mực chứa nhiều nước, sẽ khô nếu ít nước, sẽ mập nếu nét mực quá dày, và ốm nếu nét quá mảnh. Còn ý niệm “bắp thịt” trong một nét tùy theo sự tưởng tượng. Nếu nét chữ có *xương* và vừa *vận thịt*, thì chữ viết mạnh. Trong các chữ viết đẹp, người ta thấy các *bắp thịt* liên lạc nối nhau từ nét này qua nét kia và chữ này qua chữ khác. “Huyết” dùng để chỉ số lượng nước trộn hoà đều đặn với mực từ đầu đến cuối. Đúng ra phải gọi là *huyết sắc*, nghĩa là màu mực phải tươi nhuận thống nhất.

Dân ta thường vẫn tin rằng học trò chữ Nho không được gặm chân gà vì sợ run tay, viết chữ như “gà bới”. Trong thư pháp Trung Hoa có bát bịnh dùng để chỉ tám tật tiêu biểu các nét chữ xấu là:

- Đầu trâu

- Đuôi chuột

- Nọc ong

- Đốt tre

- Gai ấu

- Nhánh cây gãy

- Chân cò

- Đòn

Học trò xưa đi học cố dùi mài trau luyện sao cho được hai điều căn bản là *văn hay chữ tốt*. Về chữ tốt, ngoài sự luyện tập còn cần có hoa tay. Một người viết chữ đẹp thường rất kiêu hãnh vì được thiên hạ chiều

lụy xin chữ. Mỗi triều đại ở Trung Hoa chỉ sản xuất được vài thư pháp gia danh tiếng mà thôi. Qua *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân, ta có thể thấy niềm kiêu hãnh cũng như sự trọng vọng của xã hội dành cho những tay điệu thủ về thư pháp:

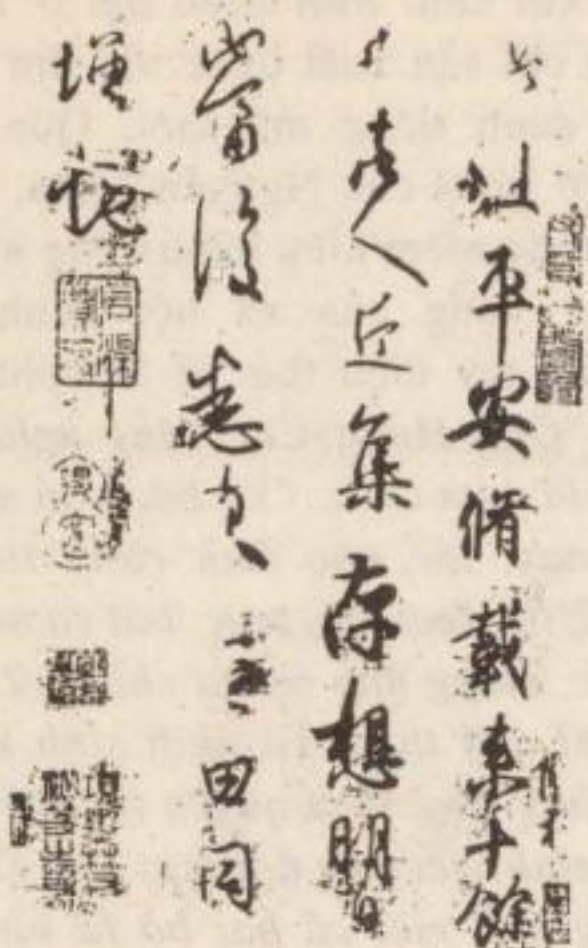
“Ông Huấn Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười: “Về bảo chủ người, tối nay, lúc nào lính canh trại về nghỉ, thì đem lụa, mực, bút và một bó đuốc xuống đây rồi ta cho chữ. Chữ ta thì quý thực. Ta nhất sinh không vì vàng ngọc hay quyền thế mà phải ép mình viết câu đối bao giờ. Đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình và một bức trung đường cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ”.

.....

“Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.

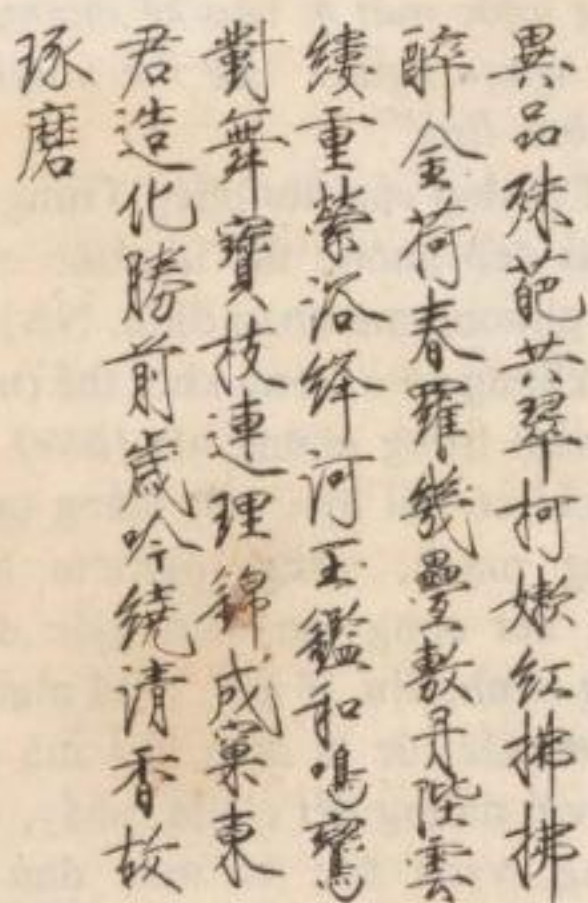
Cái đẹp của thư pháp Trung Hoa là cái đẹp không thể lấy tiêu chuẩn Tây phương mà nhận định. Nó là cái đẹp không nằm trong khối thể (*mass*) mà nằm trong những nét (*line*). Các nét chỉ có hai loại: nét thẳng tạo ấn tượng mạnh, vững, nghiêm khắc, tĩnh; nét cong tạo cảm giác động, bông bênh, dịu, tế nhị. Màu mực chỉ là đơn sắc tức là màu đen mà thôi. Chỉ với những nét chấm, phẩy, vạch ngang, vạch dọc và màu đen của mực mà những điệu thủ của thư pháp Trung Hoa đã cống hiến cho hậu thế nhiều nghệ phẩm. Chúng ta hãy duyệt qua một vài bức thư pháp của những thư pháp gia danh tiếng.

Vương Hi Chi đời Tấn, đã nổi danh với vẻ đẹp toàn bích trong thư pháp. Bức thiếp trên gọi là *Phụng cách thiếp* viết vào thế kỷ thứ tư với kiểu chữ Hành thư cực kỳ linh động. Đây là di vật duy nhất còn sót lại của tay thư pháp điệu thủ nổi danh qua



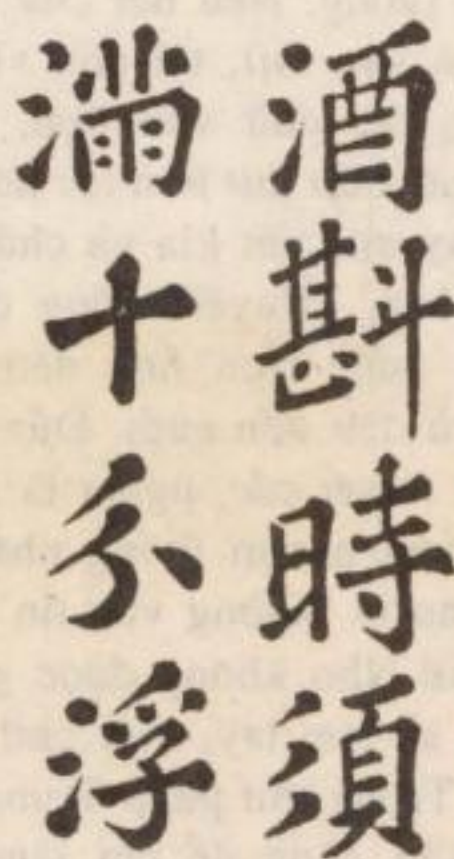
bút pháp Lan Đình.

Thư pháp của vua Tống Huy Tông có vẻ đẹp thanh nhã lạ thường. Nhà vua là một người đa tài: học giả, họa sĩ, thư pháp gia. Nét thư pháp của ông mảnh dẻ và cao quý như châu báu nên được mệnh danh là *Slender gold style*. Cũng như nét chữ, thể chất ông cao, mảnh, tuấn tú.



Tranh của ông cho đến nay vẫn được những tay sưu tập kiếm mua với giá cao. Tiếc thay cái đa tài nghệ sĩ của ông đã bất phùng thời. Một nghệ sĩ tuyệt thế mà bị ép làm vua cho nên mới có cái án Huy Tông làm mất nước và án một trăm lẻ tám anh hùng Lương Sơn Bạc làm giặc. Ông là vị vua của thời mà Thi Nại Am đã chọn làm bối cảnh xã hội cho bộ truyện danh tiếng *Thủy hử*.

Thư pháp của Tô Đông Pha (1036-1011) có một vẻ đẹp lạ lùng. Ông cùng với cha và em được kể là ba đại văn gia đời Tống (Tam Tô). Ông đỗ tiến sĩ năm 20 tuổi, văn phong của ông mạnh mẽ, súc tích, trôi chảy. Qua nét chữ, con người thể chất của ông đã biểu lộ: "nhiều thịt" và dễ dãi hề hà. Tô Đông Pha có tư tưởng rất phóng khoáng. Ông chẳng những không hề gò bó trong Khổng giáo mà còn biết dung nạp các tư tưởng hay, đẹp của Lão giáo, Phật giáo.



Ông cũng nổi danh là có tinh thần hài hước cao độ nên người Trung Hoa thường nói muốn sống lâu nên bắt chước thư pháp của Tô Đông Pha.

Về phái nữ, thư pháp gia danh tiếng là Mễ Phi. Bức thiếp của bà biểu tượng được nét thanh thần, vô tư lự.



Không phải bất cứ ai cũng có khả năng thưởng lãm cái đẹp của thư pháp Trung Hoa. Nó đòi hỏi không những một kiến thức sâu rộng về thư pháp mà còn cả tinh thần mê say nghệ thuật nữa. Nếu câu "*đàn gảy tai trâu*" để chỉ những người không có trình độ thẩm âm khi nghe nhạc, thì một bức thiếp của Vương Hi Chi cũng sẽ chỉ là một tấm giấy viết chữ ngoằn ngoèo, nhăng nhít dưới mắt một người bình thường.

Nhưng với những dân tộc chịu ảnh hưởng nho học lâu đời như Việt Nam thì thư pháp Trung Hoa đã đi vào huyền sử qua nhiều giai thoại, vượt cõi nhân gian để tâm động đến quỷ thần và xúc cảm cả vạn vật.

Cửa bể Thần Phù huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam là nơi sông Đáy chảy ra biển, cực kỳ hiểm ác cho các thuyền bè, đến nỗi ca dao có câu:

*Lênh đênh qua cửa Thần Phù
Khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm.*

Vua Lê Thánh Tông lúc qua cửa biển này trên đường Nam chinh cũng có thơ rằng:

*Thử khừ hải môn tam thập cửu
Kế trình hà nhật đáo Ô châu?*

Trên vách đá cao vọi vọi dựng đứng nơi cửa biển, có hai chữ Nho thật lớn: Thần Phù, kích thước rất vĩ đại để tàu bè đi ngoài biển có thể thấy được. Nhưng chữ Thần 神 không hiểu vì sao lại thiếu nét sổ dọc. Một nho sĩ gan dạ bèn buộc mình vào một sợi dây thừng dài, đầu kia buộc vào một gốc cây trên đỉnh vách. Một tay nho sinh cầm cái chổi lớn, một tay cầm một thùng vôi. Gió biển vù vù thổi mạnh như muốn hất ông ta vào vách đá nhọn nhưng ông vẫn cứ thông người xuống từ từ. Một bên là vách đá lởm chởm, thẳng đứng; dưới chân là sóng đánh ầm ầm. Trong tình trạng nguy hiểm như vậy, nho sinh đã định thần, viết một nét sổ dọc thật dài, thật thẳng, thật mạnh, thật gân cho chữ Thần 神.

Không biết có phải vì phù sa sông Đáy bồi đắp khiến lòng biển cạn dần, hay vì hành động phi thường của người nho sĩ trên đã tâm động

đến quý thần mà từ đó những ngọn
sóng thần trở nên dịu hẳn, không
gây đắm thuyền nữa. Ngày nay, đi
qua cửa Thần Phù, người ta vẫn còn
thấy nét chữ trên đá đổi màu nâu
sẫm.

Một giai thoại khác liên quan đến
thư pháp như sau: Vào đời Ngụy
Minh Đế, thư pháp gia Ngụy Đan
tuân lệnh vua viết chữ trên một cái
đài cao ngất từng mây có tên là Lĩnh
Vân Đài. Ông phải làm một cái giàn

tre cao cả trăm thước để leo lên viết
ba chữ này. Khi viết xong leo
xuống, tương truyền tóc của ông trở
nên bạc phơ như cước. Về sau, trước
khi chết, ông đã trời lại, bảo con
cháu đừng nên làm vào nghiệp dĩ
viết chữ như ông! □

nếu em hiểu được

Nếu em hiểu được nỗi buồn tôi
Đã trở từ khi bật tiếng người
Tiếng khóc thôi nôi, rồi vú mẹ
Tuổi hồng đánh mất nụ cười tươi.

Nếu em hiểu được mộ phần tôi
Góc núi chênh vênh ở cuối trời
Xương cốt hoà trong làn nước bạc
Ngoài trời thoi thóp ánh vàng rơi.

Em thấu hời chuông ở giáo đường?
Cõi lòng quỷ sứ đã hoàn lương
Quy y dưới bóng cây từ mẫu
Mắt Phật hồ như thắm đoan trường.

Nếu em hiểu được sóng trùng dương
Người đã bốn ba khắp nẻo đường
Hội ngộ tình sâu, mờ thủy táng
Núi oằn, thân nhọc bóng thiên lương.

Vọng lại đời nhau tiếng hú hồn
Khi đời leo lắt tự đem chôn
Em ơi, hiểu được điều nhân thế
Sẽ thấy phối pha nổi chán chường.

Môi đã nhạt màu, có nhớ son?
Vòng tay êm ái mất hay còn?
Thịt da âu yếm còn gây nhớ
Em nữ chôn tình giữa đất khôn.

Nếu em hiểu được tiếng thơ tôi
Đã thoát thai từ nỗi đập vui
Là máu, là xương, hoà cốt nhục
Những lần cúi mặt nín trắng soi.

Nếu em hiểu được số phận tôi
Một góc đêm đen lửa chẳng bồi
Hào khí ngất ngậy cơn gió thoảng
Hồ trường rao cạn, chén chưa vơi.

phạm quang ngọc



sơn tây ơi

ba vì tây lĩnh non xanh ngắt
một dải thu giang nước vẫn đầy
Tân Đà

ba vì tây lĩnh
non xanh ngắt
là mắt nhung mà
là tóc em...
anh chép câu thơ
người đã mất
nhắn về em đó,
nhớ anh chăng?

ba vì tây lĩnh
trần biên cương
súng ghech trời xanh
nặng dị thường
em gái Sơn Tây
choàng yếm thắm
đã làm ai đó,
nhớ thương vương...

ba vì tây lĩnh
mây bay trắng
bạc mái đầu ta
vọng tưởng nàng
bất bật lưng đeo
chân ngựa mới
bờm rung chuông rung
dải thu giang...

trần văn lệ

cầu khẩn

Cúi thấp vai người xuống
Che giùm tôi đời sầu
Đoạn trường run chân bước
Đưa tay mà dịu nhau.

Hồn tôi đầy gió bão
Trái tim người bao dung
Che trong tình yêu dấu
Sầu tôi rộng vô cùng.

Trầm hương phiền ngực nồng
Thênh thang niềm nương tựa
Cho tôi ngã vào lòng
Khóc cho vơi đau khổ.

Hãy đắp bằng thân người
Ngăn giùm tôi rét mướt
Bờ môi thơm hương đời
Xin xóa giùm ô nhục.

Hãy cất lên tiếng hát
Ca ngợi nỗi ưu phiền
Giữ giùm tôi trái tim
Một đời còn lưu lạc.

lâm thúy



Nói Chuyện Với Học Giả Lê Văn Lân

Đào Huy Đán

Đào Huy Đán: Xin anh cho đọc giả biết một chút tiểu sử.

Lê Văn Lân: Anh hỏi “một”, tôi trả lời “dăm” chút, không biết có phiến hà hay đáng ghét không? Tôi không rõ mình sinh năm nào. vì thời tôi, sổ bộ đời còn lờ lợ lắm. Trên giấy tờ khai sinh về sau thì là năm 1931. Có thể là tôi sinh vào cuối năm Ngọ, đầu năm Mùi. Tôi nghĩ ngựa hay dê đều hợp với tôi cả, vì tôi khoái hăng mà!

Nếu ai gặp tôi mà nhận xét thì tôi bị ném vào “diện con lai”! Tổ quán đích thực là làng Bát Tràng, Bắc Ninh. Sinh quán là phố Hàng Bát, Nam Định, nơi tụ cư của dân làng Bát Tràng tại tỉnh này, cách phố Hàng Nâu tức làng Vị Xuyên của Tú Xương một phố.

Nhưng mới được có... ba tháng, da còn đỏ hồng thì mẹ tôi ốm vào Huế. Thế là quê hương tuổi thơ và niên thiếu của tôi là đất Thần Kinh. Đến

năm 1952 tôi học xong trung học Quốc Học, vào Nam theo học Y khoa, tốt nghiệp năm 1960 làm ông lang lính và cưới vợ Nam kỳ. Vợ tôi tuy sống ở Sài gòn nhưng gốc Cái Nhum, Vĩnh Long vốn là vừa trái cây và xứ mắm đồng. Do sự kiện thân thế pha trộn trên, lúc nghe tôi nói, không ai rõ tôi nói giọng gì vì lai cả Bắc, Nam, Trung...

Lòng tôi ấp ủ ba quê

Quê Nam Trung Bắc đề huề nhớ thương.

Vẫn chưa hết cái máu “lai” của tôi. Ông thân tôi là nhà nho xoay ra buôn bán. Mẹ tôi thì đi lễ chùa. Cậu ruột tôi theo Tin Lành. Còn vợ tôi là Công giáo ròng. Chính vì thế mà tôi thích viết về đủ thứ vấn đề hay tư tưởng. Nhà văn Võ Phiến đã tình ý khi nói rằng tôi “như con bướm lượn vành mà chơi” trong việc bút khảo là vì vậy.

Về hoạt động y khoa, ngoài việc

khám bệnh, mổ xẻ cho lính, tôi còn giám định mổ tử thi tại nghĩa trang Quân Đội, đỡ đẻ cho vợ lính ở bệnh viện Trưng Vương, dạy sinh viên y khoa Minh Đức về sản phụ khoa.

Về hoạt động văn hoá, ngoài việc dạy môn Việt văn ở một số trường tư thực thời sinh viên trong thập niên 50, tôi còn là thành viên của Ủy ban Quốc gia soạn thảo và dịch thuật danh từ chuyên môn thuộc bộ Văn hoá Quốc vụ khanh từ 1971 đến 1975. Đây là khoảng thời gian tuyệt vời đối với tôi vì được “ngồi kế” các tên tuổi lớn về văn hoá như Nghiêm Toản, Lê Ngọc Trụ, Thu Giang Nguyễn Duy Cần, Bùi Xuân Bào, Phạm Hoàng Hộ, Thuận Phong Ngô Văn Phát, Hùng Lân,... Đặc biệt tôi còn được các giáo sư y khoa Nguyễn Đình Cát, Trần Ngọc Ninh cho cộng tác trong việc soạn thảo bộ tự điển y khoa Việt Nam. Tiếc thay, công trình này chỉ mới đến văn F thì mất nước!

Thời gian đó, tôi học hỏi được rất nhiều từ các vị trên, được dịp “vật lộn”, tra khảo các bộ tự điển Anh, Pháp, Hoa, Nhật... để tự trau dồi về ngôn ngữ, nhất là Hoa ngữ. Các thầy còn giao cho tôi phụ trách soạn phần y học trong cuốn Bách khoa từ điển của Ủy ban Quốc gia nói trên.

Cộng sản chiếm miền Nam năm 1975, tôi bị ở trại tập trung khoảng ba năm rưỡi. Bù lại sự bất hạnh này, tôi có duyên may ở chung trại Suối

Máu với sử gia Phạm Văn Sơn và có dịp hành nghề lang vườn khi bị cán bộ quân giáo bắt đi hái lá thuốc, nấu cao, viên thuốc tể tại trại Bù Gia Mập, Bà Rá, Phước Long. Cải tạo viên ông lang Trần Văn Tích có lần ghé thăm trạm xá của tôi khi tôi đang ngồi... nấu cao Thiên niên kiện.

Vượt biên đến định cư tại Mỹ cuối năm 1980, rồi làm việc trong ngành y tế công cộng tại bộ Y tế tiểu bang New Jersey từ đó đến giờ.

DHĐ: Nếu tôi không lầm, anh là một Đông phương học thuật gia (Orientaliste) chứ không chỉ là một Việt Nam học thuật gia (Vietnamologue), anh nghĩ sao?

LVL: Đây là một địa hạt học thuật uyên áo, hay nói đúng ra, là một khu rừng sâu rộng mà tôi ao ước được bước vào tuy hiện nay khả năng, bản lĩnh, học trình chưa cho phép. Được gọi là một ông lang cầm bút viết văn đã là một vinh dự khiến tôi sung sướng lắm rồi.

Học y khoa, nếu kiên nhẫn và bền chí thì tốt nghiệp. Còn cầm bút viết văn là cả một nghệ thuật, học cho đạt thì cả đời không hết. “Văn” là cái vân gỗ, cái dọn sóng nhỏ, cái đẹp trong tâm tưởng khi nhìn sự vật. Đó chính là cái lý tưởng mà các cụ ta xưa thường dùng để đặt tên đệm cho con trai. Làm một “văn nhân” không những phải biết chữ nghĩa mà còn phải có tâm hồn đẹp tao nhã. Chữ “văn” còn có nghĩa rộng hơn như văn hiến, văn hoá. Bao nhiêu năm tôi làm thầy thuốc âm thầm, bỗng nhiên nhờ viết chút ít mà giao du được với các tâm hồn đẹp bốn phương, thật là hân hạnh chừng nào!

Có lẽ anh thấy tôi hay viết về văn hoá, phong tục cổ truyền của Việt Nam và Á Đông nên gán cho cái nhãn học thuật Đông phương chứ gì? Kỳ thực, tôi viết chỉ vì bị căn bệnh trầm kha “nhung nhớ” khôn nguôi về quê hương Việt Nam nói riêng và bầu trời Đông Nam Á nói chung.

Tha hương trên đất khách, hình như mọi người tị nạn đều bị chứng khủng hoảng về cốt căn (identity crisis). Khi giao tiếp với người bản xứ, ta thấy mình và người khác xa nhau về cái ăn, cái nói, cái chơi... Mình phải tự hiểu mình trước khi tìm hiểu người, nếu không sẽ bị suy thoái vì những kích xúc văn hoá (cultural shock). Tôi thấy bao nhiêu năm sống ở quê nhà, người mình thường hờ hững trước những cái rất tầm thường nhưng cốt tủy của đời sống như ngọn rau, chén mắm, bát tương, tiếng lóng, câu chửi... Sang đến đây mới thấy những điều tầm thường kia trở thành cần thiết. Từ đó, tôi thấy cần tra cứu tài liệu để tìm hiểu chúng (khảo) và mượn bút để ghi chép, giải bày (bút ký), tạo nên những bài bút khảo.

Loạt bài bút khảo của tôi là những bước tập tễnh trong cuộc hành trình trở lại Đông phương hay về Việt Nam, tìm hiểu căn cốt văn hoá của mình. Tiếc rằng tôi chưa được đào tạo, huấn luyện chính thức các phương pháp trong ngành học thuật khảo cứu về Đông phương, nên các bài bút khảo được viết với sự suy luận bằng trực giác mà thôi.

DHĐ: Ngành Đông phương học bao gồm sự nghiên cứu về những nước nào, ngoài Trung-hoa học (Sinology), Nhật-bản học (Nippology), Việt-nam học (Vietnamology)?

LVL: Theo tự điển *Petit Larousse* thì Orientalisme là một ngành học thuật có đối tượng là sự khảo cứu về các nền văn minh Đông phương.

Theo *Tổng hợp Anh Hán tự điển* của Thương vụ Ấn quán thì Orientalisme là Đông phương chi phong tập (phong tục và tập quán), còn hai nghĩa khác là Đông phương ngữ phong và Đông phương học.

Trước đây, Trung Hoa là một quốc gia rộng lớn, lâu đời, có một nền văn minh, văn hoá cổ kính, đặc biệt với lối chữ viết tượng hình và các tư tưởng gia Nho, Lão nên ngành Hoa học (Sinology) phát triển với rất nhiều học giả uyên thâm, cự phách

của Tây phương. Ngành Nhật học (Nippology) tương đối phát triển trễ hơn qua sự nổi tiếng về chính trị và kinh tế của Nhật Bản sau đệ nhị Thế chiến. Riêng ngành Việt học (Vietnamology) thì mới được chú ý và phát triển mạnh sau khi quê hương ta dính liền với các sự can qua chiến tranh trên thế giới. Tên của các nhà Việt học đạo sau này rất nhiều, kể ra không hết. Tôi chỉ xin nêu tên một vài vị có bài viết tôi thường tra cứu như các giáo sư Pierre Huard, Marice Durand, Léopold Cadière... Về phía Việt Nam có các vị Vương Hồng Sển, Úng Hoè Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Văn Khoan; các giáo sư Nghiêm Thẩm, Nguyễn Khắc Ngữ, Lê Hữu Mục, Thái Văn Kiểm...

DHĐ: Để nghiên cứu, anh dùng những sách báo nào? Xin anh nói qua đặc điểm của từng loại.

LVL: Các loại sách báo dùng để tra cứu có rất nhiều, đủ mọi ngôn ngữ. Tiếc là tôi không đọc được chữ Nhật, vì tài liệu bằng Nhật ngữ cũng hé lộ cho ta nhiều điều lý thú qua việc giao thiệp giữa Nhật Bản và Việt Nam trong vài thế kỷ qua. Về các tài liệu bằng chữ Việt thì phải công nhận như ông Nguyễn Hiến Lê nhận xét, sách biên khảo ở miền Bắc có nhiều hơn. Điều này có thể giải thích vì trong nhiều năm trước 75, miền Nam Việt Nam bị cộng sản quấy nhiễu, nông thôn bất ổn nên các học giả không có dịp đi khảo cứu tận nơi.

Tôi nhớ khoảng năm 1960, giáo sư Trần Anh bảo trợ tôi về luận án đo chỉ số thân thể người Chăm. Thời kỳ này tôi được quen với cụ Bố Thuận ở Phan Lý Chàm và muốn khảo sát về ngải Chăm nhưng phải lặn lội vào nơi hẻo lánh hay rừng sâu để tìm ngải là những nơi không có an ninh. Tôi “rét” quá đành thôi. Luận án về dân Chăm của tôi cũng phải bỏ dở.

Tạp chí khảo cổ trữ danh bằng Pháp văn mà tôi thích tra cứu là *Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient* (BEFEO) xuất bản

từ đầu thế kỷ đến mãi gần đây, ta quen gọi là tạp chí của trường Viễn Đông Bác Cổ. Sau này tạp chí của Société des Etudes Indochinoises cũng rất giá trị. Bộ tạp chí *Đô thành Hiếu cổ* hay *Bulletin du Vieux de Hue* (BVAH) cũng là tài liệu quý mà tôi ước ao có được vì nhắc nhiều đến các đền đài, lăng tẩm Huế, quê hương thơ ấu của tôi.

Về Anh ngữ, có ít nhất năm tạp chí đăng nhiều bài khảo cứu về văn minh học thuật Á Đông. *Journal of Asian Studies* đăng các bài vốn là luận án tiến sĩ của các học giả hay sinh viên của các đại học danh tiếng Hoa kỳ. Ngoài ra, còn các bộ sách đồ sộ nghiên cứu về khoa học, văn minh Trung Hoa của Joseph Needham; về địa lý phong thủy có bộ *Ngọc tử Chân kinh*. Về học thuật Trung quốc có bộ *Trung quốc Phương thuật Đại Tự điển* nói về đủ các ngành, từ ẩm thực, bói toán, cúng cấp, phép phù... đến phòng trung thuật.

DHD: Xin anh nói qua về phương pháp làm việc.

LVL: Tôi làm việc rất tài tử. Tài liệu, như anh rõ, phải mò tìm ở các thư viện địa phương. Đặc biệt thư viện Đông Phương Gest của đại học Princeton (Gest Oriental Library) có một sưu tập kinh khủng như sau: Sách Hoa ngữ 370 ngàn bộ, Nhật ngữ khoảng 100 ngàn bộ, sách Triều Tiên trên 90 ngàn bộ, sách ngôn ngữ Tây phương 150 ngàn bộ... chưa kể đến sưu tập sách hiếm là 120 ngàn cuốn. Nhiều lúc mới tra cứu vài cuốn đã thấy chán nản không muốn viết lách mà chỉ muốn cả đời làm con một sách, cả đời gặm nhấm sách vở thôi. Do đó, khi vẽ ra một đề tài gì thì phải biết tự hạn chế, đừng tham lam vì nếu không thì không bao giờ viết xong cả! Đây là nguyên tắc cốt yếu.

Vấn đề thu thập tài liệu nhiều khi rất khổ công. Có khi chỉ cần một chi tiết nhỏ về tên tuổi, năm tháng mà phải mò tìm mất cả ngày. Về các tài liệu sống, phải gọi điện thoại

viễn liên, hỏi các cụ già ở xa.

Nguyên tắc thứ hai là như văn hào Pháp Boileau nói: "*Qui conçoit bien, s'énonce bien*" (có ý niệm rõ thì diễn đạt mới hay). Đọc tài liệu, phải thật hiểu, nghĩa là phải "tiêu hoá" kiến thức trong sách rồi diễn tả theo cách của mình thì bài viết mới là một công trình mới. Có bạn hỏi tôi kiếm đâu ra tài liệu mà viết vui như vậy. Bạn ấy đâu hiểu rằng, tài liệu có mà chỉ làm công việc dịch nguyên con ra trên mặt giấy thì khô khan và gượng ép lắm! Người viết cần đóng góp công sức mình trong việc thuật lại. Đức Khổng Phu Tử đã làm công việc "thuật" một cách trứ danh qua câu nói khiêm nhường là "thuật nhi bất tác" (thuật lại chứ không sáng tác).

Nguyên tắc thứ ba là hệ thống hoá những kiến thức thu thập. Tôi vẫn tự nhủ rằng mình còn dốt, cần đọc rõ nhiều để các kiến thức "chín ngấu" trong óc mình thật lâu, như làm mắm phải lóat cá với muối cho thời gian làm công việc xúc tác thì viết ra mới mạch lạc, rõ ràng.

Tôi có một anh bạn ưa sưu tập tiền cổ, nhân mới mua được một đồng tiền hiếm, bèn tìm đến cụ Vương Hồng Sển lúc đó làm giám đốc Bảo tàng viện Sài Gòn để nhờ cụ nhận định giùm là tiền thật hay giả, vào thời đại nào. Cụ Vương bèn dắt anh bạn tôi đến cửa thư viện của viện bảo tàng, mở cửa ra và nói: "Anh bạn muốn hiểu gì về nó thì xin mời vào đây... tha hồ...", rồi cụ bỏ đi. Anh bạn tôi thầm trách cụ tỏ ra biến lạn việc ban bố kiến thức cho kẻ hậu sinh. Bây giờ nghĩ lại, tôi thấy cụ Vương xử sự đúng. Đã chơi tiền thì phải tự tìm kiếm trước, học trước rồi hỏi sau. Tài liệu, kiến thức vẫn sẵn đó, vấn đề là biết nhìn, lựa chọn nó ra và làm thành của mình qua một quá trình cá nhân.

Đối với các bài biên khảo thuần túy thì cách viết đương nhiên phải tuân theo một phương pháp hay khuôn khổ định lệ có tính bác học, cần nhất là rõ ràng, tách bạch và đi đến một kết luận chính xác. Các bài

viết loại này thường khô khan đối với độc giả bình thường.

Với các bài biên khảo có tính cách giới thiệu, trình bày trên mặt báo cho đại chúng hiểu thì các tư liệu, thuật ngữ khoa học cần được giản dị hoá hay đại chúng hoá.

Tôi chỉ là kẻ biên khảo nghiệp dư tài tử, vì anh hỏi nên tôi mạo muội thổ lộ cách làm việc của riêng tôi chứ không dám lên lớp.

DHD: Anh là một bác sĩ Tây y, vậy anh nghĩ gì về phương pháp tân dưỡng sinh Oshawa, và anh có tin vào tính chất âm dương trong thực phẩm không?

LVL: Thú thực là tôi không có kinh nghiệm về tân dưỡng sinh Oshawa, nhưng tôi thiết nghĩ mỗi phương pháp ẩm thực đều có một triết lý căn bản dùng làm nòng cốt. Sự tiết thực đôi khi là một phương pháp trị liệu bên cạnh nhiều phương pháp khác, cần nhất phải tham bác nhiều để bổ sung lẫn nhau. Con người thường lấy răng cạp đất tự đào huyệt cho mình qua hành động ăn như câu nói: Bệnh tòng khẩu nhập.

Tính chất âm dương, nóng lạnh trong các thực phẩm là sự tin tưởng không những của Đông y mà còn ở vài dân tộc khác, chẳng hạn như dân Haiti. Đặc biệt trong Đông y, vấn đề phân loại nóng lạnh cực kỳ uyên áo. Ví dụ, theo cuốn *Đường bản thảo*, cùng một thực liệu mà cách chế biến làm nó trở nên nóng lạnh khác nhau. Đậu nành rang nấu nước uống rất ấm, nhưng đậu nành tươi xay ra nấu như sữa đậu nành thì lại lạnh; làm thành đậu-xị (đậu chi) hay tương hột thì rất mát, nhưng đem làm xì-dầu hay nước tương hoặc chao thì tính bình cân.

DHD: Anh khảo cứu nhiều về văn học như trường hợp bác sĩ Trần Văn Tích. Ở hải ngoại, anh tìm đâu ra nhiều sách vở và tài liệu như vậy?

LVL: Ông lang Trần Văn Tích khi qua Đức nghe đâu không chở theo tài sản gì ngoài các rương sách từ bên nhà. Ông đã gửi lại rai từ lâu,

trước khi ông lên máy bay nên ông có nhiều tài liệu. Ngày xưa, người có nhiều sách, lúc dọn nhà dùng trâu chở nhiều đến nỗi trâu phải vã mồ hôi nên danh từ “hãn ngữ” được dùng để áp dụng cho các vị có nhiều tài liệu. Bác Bút Chì, cụ Nghè Thái Văn Kiểm và bác sĩ Trần Văn Tích là những Hãn ngữ gia!

Còn tôi thì chỉ mò tìm tài liệu ở vài thư viện hay mượn bè bạn như các ông Lê Hữu Mục, Nguyễn Văn Sâm, Trần Quán Niệm, Đoàn Quí Khoách, v.v....

ĐHĐ: Ở hải ngoại có những ai làm công việc như anh? Giao tình giữa anh và họ ra sao?

LVL: Việc biên khảo về Việt Nam có nhiều người làm vì đó là một nhu cầu cho cả người viết lẫn người đọc, tiếc rằng tôi không được đọc hết các tạp chí Việt ngữ, lâu lâu vớ được vài tờ như *Văn Lang* của Nguyễn Mộng Giác, *Đại học* của nhóm đại học Huế cũng có nhiều bài viết giá trị.

Về các tác giả thì phần lớn tôi chỉ nghe tên chứ chưa có dịp làm quen. Tuy nhiên, nhờ viết lách mà tôi đã được kết giao với những người bạn quý như Hứa Hoàn, Nguyễn Cúc, Huỳnh Hữu Cừ, Trung Nhân, Phạm Thăng, Nguyễn Văn Ba, Võ Văn Tùng... Về Võ Phiến và Thái Văn Kiểm thì khỏi nói, hai vị đã gây trong lòng tôi sự khâm phục về kiến thức, văn phong cũng như kinh nghiệm trường đời. Riêng đối với ông lang Trần Văn Tích, chúng tôi ngoài cái nghĩa đồng môn, còn nhiều sự san sẻ cho nhau về quan niệm, kiến thức. Các vị như bác sĩ Hoàng văn Đức, dược sĩ Nguyễn Phúc Bửu Tập, cụ Mai Ngọc Liệu, Hoàng Liên Nguyễn Văn Đãi là những huynh trưởng của tôi về kiến thức quê hương.

ĐHĐ: Anh sinh ở Bắc, lớn lên ở Huế và cưới vợ Nam kỳ, đã nếm đủ món ăn ba miền. Xin anh cho biết đặc tính món ăn từng vùng.

LVL: Theo tôi, thức ăn “mỗi miền một vẻ mười phân vẹn mười”.

Món ăn Bắc có tính cổ điển, hợp trong những ngày kỵ giỗ, đám tiệc, khao vọng. Món Huế cảnh vẻ hơn, dọn trong những chén kiêu. Những quà vật của Huế như bún bò, bánh bèo, bánh bột lọc, cơm hến... ngon ời là ngon với vị cay nồng của tỏi, ớt kích thích vị giác. Món ăn miền Nam thì phong phú, ề hề, ăn với rất nhiều loại rau sống và nước mắm pha loãng... để húp.

Có hai người ảnh hưởng đậm đà trên ngòi bút của tôi là mẹ tôi, người đã cho tôi ăn những miếng ngon đầu đời; và bà vợ gốc Cái Nhum của tôi, đã cung chiêu tôi với các món ăn gia đình đơn sơ nhưng tuyệt hảo.

ĐHĐ: Trước khi xuất bản “Bút khảo về ăn”, anh có nhận được ý kiến nào của văn giới và độc giả về tác phẩm này không? Nếu có, xin cho biết.

LVL: Cách đây vài năm, sau khi đăng một vài bài như *Trầu cau* và *Tinh thuốc bắc* trên báo *Làng Văn* thì Nguyễn Hương nhắn tin rằng: “Bài viết của ông hợp ý các cụ lắm, xin tiếp tục”. Đó chính là mũi thuốc khích lệ tôi viết hoài. Sau đó, qua cuộc tham-khảo ý kiến độc giả *Làng Văn*, tôi vui mừng thấy mình được độc giả yêu mến, từ đó lại càng hăng viết. “Lăn” múa vì pháo mà! Bạn bè có người giục tôi ra sách, gom các bài viết tản mát lại thành tập cho dễ tìm, khỏi phải cất ra lưu trữ. Cụ Võ Phiến khi thấy tôi ngưng viết thì viết thư thúc giục, hứa hẹn để cụ giới thiệu cho... Thật là khích lệ và cảm động. Xin cảm ơn tạp chí *Làng Văn*, các độc giả và thân hữu xa gần đã cho tôi phương pháp trị liệu tâm thần vô giá.

Bài viết của tôi trước ra sao thì nay để nguyên in lại. Nếu tái bản, tôi sẽ cố gắng cập nhật hoá với các kiến thức mới.

ĐHĐ: Sau “Bút khảo về Ăn”, anh dự định sẽ xuất bản các tập “Bút khảo về Nói”, “Bút khảo về Chơi”... Vậy việc chọn lọc, sắp xếp ra sao? Cuộc mưu sinh của anh có

bị ảnh hưởng về những hoạt động văn hoá đó không?

LVL: Ăn, nói, chơi... là những sinh hoạt hạ tầng của con người trong địa hạt văn hóa. Sau ăn là nói, tức là vẫn dùng đến miệng. Ăn thì đớp vô, nói thì thổ lộ ra. Có ở nước ngoài, không được thường xuyên nói tiếng mẹ đẻ trong mọi sinh hoạt mới thấy sự nói là quan trọng. Nói đây là diễn tả tâm trạng, tình cảm từ những tiếng văn hoa cho đến nói lóng, nói lái, nói tục, chửi bới, v.v.. Về chơi thì đây là một nhu cầu giải trí cần thiết cho con người. Nó có thể thanh nhã như chơi chữ, chơi cờ... hoặc bị luân lý lên án như chơi bậy.

Công việc của tôi trong ngành chuyên môn đương nhiên khá bận, nhưng viết lách đối với tôi bây giờ đã trở thành một nhu cầu tinh thần cho nên dù tốn thì giờ vẫn thích làm.

ĐHĐ: Ở hải ngoại, theo anh những tờ báo nào chú trọng tới Việt Nam học thuật nhất? Muốn thực hiện một tập san như vậy cần phải có những điều kiện nào?

LVL: Thật sự là tôi không được đọc nhiều tạp chí nên không rõ tờ báo nào chú trọng đến ngành Việt học nhất. Giáo sư Huỳnh Sanh Thông có ra tờ *Vietnam Forum* rất hay. Tờ *Thế kỷ 21* cũng có nhiều bài biên khảo giá trị.

Hiện nay, vì tôi chủ lực hợp tác với tạp chí *Làng Văn* nên ít nhiều đánh giá cao công trình của tạp chí này qua các bài biên khảo của Trần Văn Tích, Thái Văn Kiểm và vài vị khác... Các bài biên khảo trên báo này có tính chất “bút khảo” nên nhẹ nhàng thoải mái, dễ hấp thụ, thích hợp cho tầng lớp độc giả Việt Nam bậc trung còn lưu luyến đến Việt ngữ. Việc gia công vun xới và chịu khó tra cứu của *Làng Văn* là một ưu điểm khiến nhiều học giả muốn hợp tác.

ĐHĐ: Anh có thích du lịch không? Nếu có, việc du lịch có giúp anh về việc biên khảo không?

LVL: Tuổi tôi là dít ngựa đầu dê

nên hiếu động, khoẻ chạy lang bang lắm dù tuổi đã xế, chân mỏi gối chồn. Đương nhiên đi nhiều thì thấy nhiều. Trăm nghe, trăm đọc không bằng một thấy!

DHĐ: Nếu Việt Nam và Tàu không còn cộng sản, anh có thích đi Tàu hay về Việt Nam nghiên cứu không?

LVL: Thích lắm chứ! Tôi có mộng là được lái chiếc xe con cóc đi khắp các nẻo đường Việt Nam với cái máy quay video để thu hình và được ăn các món quà địa phương. Còn đi Tàu thì tôi muốn đến viếng ba cái làng của những người Việt trôi giạt trên đất Tàu kể từ năm 1513 đời vua Lê Tương Dực. Ba làng này là ba hòn đảo thuộc huyện Giang Bình tỉnh Quảng Tây, phía trên Đông Hưng khoảng 50 dặm. Dân Việt ở đây vẫn nói tiếng Việt, ca hát dân ca Việt

Nam, chơi đàn bầu và viết chữ Nôm. Tên ba làng Việt này là Ô Vĩ, Vu Thực và Sơn Tam, dân số khoảng 12.000 người, tổ tiên từ bãi biển Đồ Sơn kéo qua (theo *Dân tộc tri thức thủ sách*). Qua tài liệu của Vũ Quân (Vũ Hữu San), vùng huyện Giang Bình có thể thuộc lãnh thổ Việt Nam trước 1885, nhưng sau đó vì hoà ước Thiên Tân giữa Pháp và Trung Hoa nên vùng này bị lọt vào lãnh thổ Tàu.

DHĐ: Anh thích khảo cổ không? Tương quan giữa nhà khảo cổ và nhà học thuật ra sao?

LVL: Cũng rất thích vì ngành khảo cổ cung cấp nhiều dữ kiện cho ngành Đông phương học. Chẳng hạn khi khai quật các hang động tiền sử thời đại đồ đá, thấy có nhiều xương chó hoang (dingo) thì người ta biết rằng thịt chó là một trong những thứ

thịt được nhân loại chiếu cố đến trước tiên. Việc khai quật các ngôi mộ cổ đời Hán cung cấp cho ta nhiều dữ liệu như các thẻ tre chép các kỹ thuật ăn uống trong phòng the. Những hột dưa hương qua tìm thấy trong xác ướp của vợ một lãnh chúa thời Hán; các vò chứa cốc loại, rẽ củ khai quật được cũng cho biết lề lối sinh hoạt của nhân loại cách đây mấy ngàn năm.

Tuy nhiên, ngành khảo cổ chỉ là một trong nhiều ngành giúp cho sự khảo cứu về văn minh nhân loại. Ngoài ra, các ngành như Nhân chủng học (Anthropologie), Nhân chủng học Văn hoá (Anthropologie Culturelle) và Nhân chủng học Ngôn ngữ (Ethnolinguistique) đều rất cần. Khi viết về mắm, dưa chua, rượu hay các thức ăn Việt Nam, tôi đều phải tra cứu thêm các tài liệu của các ngành khoa học khác như Vi sinh học (Microbiologie), Tâm sinh lý học (Psychobiologie) để hiểu về cơ chế lên men và tâm lý con người khi lựa chọn thực liệu, ví dụ ớt cay mà tại sao người ta lại thích ăn. Khi viết về sao, về tử vi... tôi phải đọc thiên văn, chiêm tinh học...

DHĐ: Xin anh cho biết những dự định về việc biên khảo của anh?

LVL: Dự tính thì rất nhiều, miễn còn đủ sức khoẻ, còn đọc được, còn minh mẫn thì còn viết.... Viết chính là một cách "làm bài" sau khi đọc sách để các độc giả bốn phương làm giám khảo chấm bài đó.

DHĐ: Anh muốn nói gì với độc giả Làng Văn không?

LVL: Tạp chí Làng Văn với chủ trương bảo tồn văn hoá quê hương đã qui tụ được một số độc giả chọn lọc, có chung một thao thức là tìm về phương trời cũ để tìm hiểu những nét đặc thù về văn hoá, lịch sử dân tộc. Có chung niềm thao thức đó, tôi muốn gửi đến quý độc giả chút tâm tình, cảm mến, tri ân về sự khích lệ, ưu ái mà họ thường xuyên dành cho qua việc đón nhận những bài viết của tôi.

DHĐ: Xin cảm ơn ông. □

thơ đông vũ

trăng thơ ấu

câu chuyện cổ tích ngày xưa
bà ru cháu ngủ tuổi thơ năm nào
vườn khuya lá động xôn xao
vàng trắng huyền thoại đi vào giấc mơ.

trăng mới lớn

trăng theo chân kẻ thất tình
phố phường say ngủ một mình lang thang
trăng treo con mắt võ vàng
nhìn tôi chia sẻ chút ngang trái đời.

trăng trong mưa

mưa em mắt lệ nhạt nhoà
trăng trong mưa đẹp xót xa vô ngần
từ khi đời nhuộm phong trần
màu trăng biến đổi âm thầm đâu hay

trăng tà

trung niên ngồi nghĩ chuyện đời
rưng rưng nhớ tới một thời dọc ngang
vàng trắng ngày đó huy hoàng
trăng bây giờ ẩn chứa chan u tình.



Kiểm và Người

Nguyễn Đức Lập

Có một lần, nàng nỉ non với chàng rằng:

- Phải chi mà anh thương em cho được bằng một phần mười tình thương mà anh dành cho mấy cái cây kiểng của anh, đời em sẽ đỡ khổ biết bao nhiêu.

Nàng nói bằng một giọng an phận, cam chịu. Mặt nàng nghiêng nghiêng cúi xuống. Mũi nàng đỏ đỏ phập phồng. Mắt nàng chớp chớp làm như sắp rơi lệ tới nơi. Điều bộ của nàng coi bộ ăn đứt các diễn xuất của cô Thanh Thanh Hoa, trong vai tì nữ Thu Yến, đang than thở cùng anh chàng hoàng tử mù hai mắt Kim Bình Út Trà Ôn, bằng một câu vọng cổ, của tuồng *Sầu quan ải* thuở nào:

- ... Tôi muốn nói đời hoa ấy là tôi, là một Thu Yến, đã hơn ba năm nay hầu hạ dưới chơn ngài. Nó từng thức thâu đêm nghe gió lạnh thổi dài, nghe lá rụng, nghe tâm tình thốn thức và để buồn vui theo ánh mắt của người yêu... Ngài ôi, tôi đã yêu nhưng tôi không có quyền thổ lộ tình yêu...

Hồi đó, coi Thanh Thanh Hoa trình diễn, chàng đã từng cảm động bồi hồi, chửi thầm anh chàng hoàng tử Kim Bình, "Đúng là cái thứ dui, được một người đẹp dễ như vậy, nỡ nường như vậy yêu say yêu đắm mà không biết, cái mặt cứ trơ trơ như tấm thốt me của thành chệt bán thịt ngoài chợ".

Rồi bây giờ, nhìn nàng diễn

xuất, tuy không có đèn reo trống đỏ, không có phụt đèn màu, còn linh động hơn cả cô đào chánh gánh Thủ Đô nữa, làm sao lòng dạ chàng không xúc động bồi hồi? Chút xíu nữa, chàng đã bắt chước Tống Chơn Tôn Thành Tôn vượt ve năn nỉ Bằng quý phi Ba Út, trong lớp *Công Đồng xử án*, chạy lại ôm nàng mà can dứt rằng: "Thôi, thôi, yếm lụy đi ái khanh ôi..."

Chàng đã khựng lại kịp vì chợt nhớ tới cái tài đóng kịch thần sầu quỷ khốc của nàng và cũng chợt nhớ kịp cái tánh cứng rắn của nàng. Để đầu gì mà nàng khóc! Bạn bè chung của hai đứa đã không từng khen đi khen lại hoài, rằng nàng là gái "có chí khí" hay sao?

Chàng vội lui một bước, cũng nghiêng nghiêng cúi đầu, không phải bắt chước nàng chuẩn bị cho một lớp diễn xuất, mà để suy nghĩ về cái câu than thở của nàng.

Ở về thời đại này, trên cái xứ sở Hoa kỳ này, ở cái lứa tuổi vừa quá tuần "nhị lập" mà mê thú chơi cây kiểng, mê lân mê lộc, có lẽ chàng cũng đáng được sắp vào hàng đầu.

Ai đời, chỗ ở thì nhỏ xú, cái sân thì tum hùm, mà chàng bày biện cây kiểng làng khang, cây trong cây ngoài, cây cao cây thấp, cây trên kệ cây dưới đất. Chàng không biết rằng tại sao chàng lại mê cây kiểng và cái thú mê chơi này đã làm chàng say đắm

từ lúc nào. Có thể, sở thích này chàng đã có từ lúc nhỏ, khi còn ở với bà ngoại và đã ăn sâu vào tiềm thức.

Bạn bè chàng vẫn tỏ ra bức tức, hoặc thường chế giễu, mỗi khi họ có dịp tặng quà cho chàng. Nhận được một cái áo sơ-mi lụa, đúng thời trang, mặt chàng dửng dưng. Cảm lấy một máy cạo râu hiệu Remington mới tinh, chàng không lộ vẻ xúc động. Vậy mà khi có ai đó đưa cho một cái cây gì lạ lạ, cho dù là đang cần cỗi héo queo, lở sống lở chết,



chàng mừng rỡ, hí hửng còn hơn là đương không mà bắt được vàng thoi bạc nén. Còn nhìn chàng ngồi hàng giờ bên cạnh đóa hoa quỳnh, từ hồi hé cánh cho tới lúc mãn khai hả? Trời ơi, say đắm còn hơn là bên cạnh tiên nga ngọc dạng. Chàng ngồi bên hoa mà còn hơn là bợm nhậu đa tình kề cận người yêu, "cầm tay em như bìn nem, gối cuốn; dựa lưng nàng như uống chén rượu ngon".

Chàng mê cây mê kiểng như vậy, nhưng đừng tưởng rằng chàng có một kiến thức dồi dào về khoa thực vật học. Đối với khoa này, chàng không biết gì ráo! Chỉ vào một cái cây, hỏi chàng cái tên khoa học hay tên La-tinh của nó, hỏi nó thuộc nhóm nào, họ nào, miệng chàng như ngậm hột thị. Bởi, chàng có biết gì đâu mà trả lời.

Chàng yêu những cái cây mà chàng trồng, chỉ vì mỗi cây như gợi lại cho chàng những mẩu đời xưa cũ, làm phẳng phất đâu đây những khuôn mặt cũ, những kỷ niệm cũ. Mới tuổi sồn sồn mà chàng đã đắm mình trong quá khứ và những cái cây, làm như, là những kẻ dẫn đường, đưa chàng đi lùi về phía sau lưng.

Nội cái chữ "kiểng" không thôi, cũng nhắc cho chàng nhiều điều thích thú. Một bữa nhậu tại cù lao Cỏ, Biên Hoà, không biết chén rượu đầy chén cạn, cạn chén đầy lèo lái ra sao mà đang từ chuyện chiến tranh leo thang, bỗng xoay qua đề tài cây kiểng. Một người nào đó vọt miệng đặt câu hỏi: "Tại sao không gọi là cây cảnh cho đúng, mà lại gọi là cây kiểng?" Câu trả lời dễ ợt: "Tại kiểng tên hoàng tử Nguyễn Phúc Cảnh, con đầu của vua Gia Long, nên mới phải đọc trại ra như vậy. Từ sự đọc trại đó mới dẫn ra tới mấy câu thơ tả cảnh thiên hạ thái bình: *Hãy hãy phong kiểng, rõ rõ phong quang, bá tánh an nhàn, vạn dân ca võ...* Rồi ảnh hưởng luôn tới mấy câu thành ngữ, ca dao 'một kiểng hai quê' để chỉ người đồn ông hai vợ; 'thương cha nhớ mẹ thì về, nhứt bả thương kiểng nhớ quê thì đừng'; 'Kiểng xa bôn kiểng lại không xanh,

từ tui xa người ngãi, cơm canh tui bỏ liêu".

Giải nghĩa như vậy là đúng quá rồi chứ còn cái gì nữa, đúng sách đúng vở. Nhưng bác Năm Đạo lại nói khác, sau khi bác trề môi dài nhằng cả thước:

- Cát nghĩa như vậy là chỉ biết sự gần mà không biết sự xa. Cũ tên hoàng tử Cảnh là chuyện sau này. Muốn cát nghĩa cho đúng, phải nói rằng sở dĩ mà "cảnh" đọc trại thành "kiểng" là để cử tên Lê Tài Hậu Nguyễn Hữu Cảnh.

Cuộc trà du tửu hậu đang tron

tru, như những ly rượu nồng rót vào cổ họng, bỗng xôn xao ba đào sóng dậy. "Đã ngon nói chuyện gần chuyện xa, thì phải giải nghĩa cho rành".

Bác Năm Đạo nhớn nhọc:

- Dĩ nhiên là phải rành chứ! Mà trước tiên, có biết Nguyễn Hữu Cảnh là ai không cái đã... Không biết hả? Không biết thì chịu khó ngồi yên mà nghe... Ông Nguyễn Hữu Cảnh này là một tay danh tướng dưới thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Ông nắm quyền đại tướng đầu dưới thời Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu, xứ Đàng

mùa thu tây bắc

Cũng ánh tà huy nhuộm bụi hồng
Heo may se hắt hiu bên sông
Cũng cây cỏ ối vàng cô quạnh
Dáng liễu mềm soi đáy lạch trong.

Cũng dải mây tơ phớt cuối trời
Nửa vành trăng khuyết lửng lơ trôi
Cũng sương mưa tỏa mờ hư thực
Lãng đãng hoang vu giữa cuộc đời.

Như cũng lòng ta tự chốn này
Cố tìm trong nắng chút men say
Qua hơi gió thoảng hương Đông bộ
Trên lối phong tàn chiếc lá bay.

Để ngỡ rằng đâu cũng nước non
Mùa thu đổi sắc tiết xoay tròn
Nhân sinh cũng vẫn đường thiên lý
Cho tấm tình đâu cũng sắt son.

Nhưng tự thâm thâm thoát ngậm ngùi
Núi cao đất rộng bể trùng khơi
Bao la kia vẫn chưa tìm được
Sợi khói hoàng hôn mấy ngọt bùi.

Như giấc mơ xưa khách lữ hành
Trên đường phiêu bạc chiều mộng mênh
Dừng chân đình tạ thu Tây Bắc
Thoáng ngọn lửa buồn dưới mái tranh.

cao hoàng nhân



trong. Nói về công lao mở mang lục tỉnh Nam kỳ, phải nói công của ông là công đầu...

Làm một hơi trọn ly ngon lành cho miệng lưỡi thêm trơn, bác Năm Đạo lên mặt song tâng, nói tiếp:

- Dân Nam kỳ mà không biết ông Nguyễn Hữu Cảnh, thiệt là dở ẹt. Hồi đó, đất này là của người Miên mà, một tay ông sắp đặt, khai phá, khẩn hoang, tụ dân lập ấp, mới thành ra Sài gòn, Gia Định, Biên Hoà này đó chớ! Triều đình phong ông là Lễ Tài Hầu. Dân gọi ông là Hắc Hồ, vừa thương, vừa sợ, lại vừa kính ông, coi ông như thần, nên mới tránh chữ "cảnh" là tên của ông, đọc trại thành "kiểng".

Giọng bác Năm Đạo buồn buồn:

- Mà rồi, đầu được dân kính trọng tới đâu, ông cũng chỉ là tướng. Còn hoàng tử Cảnh là con vua, nên sau này, khi chép vào sách vở, tên của ông cũng phải sửa, để tránh phạm húy, thành ra Nguyễn Hữu Kính.

Bác Năm Đạo nói, trúng trật gì không biết, nhưng nghe cũng "nghĩa lý" quá chừng. Mỗi người thưởng cho bác một ly rượu. Bầy ly chớ ít ỏi gì sao! Ly nào bác cũng chỉ làm có một hơi. Xong xuôi, bác tuyên bố:

- Hồi này là tui nói. Còn từ rày sắp sau là rượu nói à ghen, lỡ có điều gì nghịch nhĩ xin đừng chấp.

Chú Bảy Tích cười khà khà:

- Anh nói chuyện "nghĩa lý" nghe hay lắm. Thằng em này phải học. Đầu, anh cất nghĩa giùm cái câu "Một bồn, một kiểng tươi xanh; một chàng hai thiếp, khổ anh nhiều bề" cho thằng em này nghe coi!

Bác Năm Đạo làm thỉnh. Cái cảnh "một bồn hai kiểng" là cái cảnh của bác mà. Bác đã khổ trần thân vì phải ăn ở làm sao để khỏi bị "trách lòng quân tử không công, có chùa bên bắc bỏ miếu bên đông tời tàn". Đây là Bảy Tích kiểm chuyện cả khía, chớ có phải là thắc mắc gì đâu!

Đó, nội cái chữ "kiểng" không thôi mà đã rối rắm lằng quằng làm vậy, còn nói chi tới ba cái cây!

Nhìn vào tiểu huê viên của chàng, người sơ tâm tới đâu cũng biết chàng thích hoa quỳnh. Trong đám bạn, có người gọi chàng là "quỳnh vương", căn cứ trên số loại và số lượng những chậu quỳnh mà chàng có. Về số loại, chàng có ít nhất cũng trên hai chục. Chàng không biết tên từng loại. Chàng không thích, hoặc không đủ khả năng đặt tên cho từng loại. Khi giới thiệu những chậu hoa quỳnh với bạn, chàng chỉ phân biệt: Đây là quỳnh Việt Nam, chỉ nở về đêm, đời hoa chỉ kéo dài được mấy tiếng đồng hồ, nhưng thơm tho, trang nhã và sang trọng ăn đứt tất cả các loại hoa khác. Đó là quỳnh Nhật, màu đỏ thắm, đời hoa kéo dài được ba ngày, không có vẻ sang và gần như là hữu sắc vô hương. Còn kia hả? Là các loại quỳnh Mỹ, vàng có, đỏ có, lờn lợt hột gà cũng có, nở cũng được mấy ngày. Cái cây có lá màu hồng đó hả? Ô, đặc biệt lắm, sẽ nở ra hoa màu tím.

Không biết căn cứ trên cái gì mà chàng lại có lối phân biệt như vậy. Chàng đang sống trên đất Mỹ mà. Cây nào lại không phải là quỳnh Hợp Chúng Quốc. Thường thường, những người bạn hỏi han về quỳnh không phải là để nghe chàng phân loại, mà là để được hào hứng theo dõi khi chàng nói về gốc tích của từng cây. Đây nè, chậu này nè, đã făm năm rồi đó và là chậu đầu tiên. Nói về thâm niên thì nó đứng hàng số một, gian nan lắm mới có chớ không dễ dàng gì đâu! Hồi bà Mỹ Linh cho, nó mới có ba lá nhỏ, chớ đâu có được sum sê như bây giờ. Phải bỏ nó trong va-ly, xách một lều từ bờ biển miền đông sang tới tận bờ miền tây, nó đã từng đi xuyên đại lục rồi chớ không phải giỡn chơi đâu... Còn chậu này nè, chị Hà bỏ ra hai chục đồng mua nửa mảnh lá bằng bàn tay về gây giống, chia cho bạn bè; vậy mà bây giờ, chậu mẹ đẻ chậu con, sinh sôi nảy nở tới cháu nội cháu ngoại. Chậu quỳnh đỏ Nhật bốn này hả? Của chị Chung cho đó ghen, rước từ San Francisco về, chỉ mất cả năm để gây giống đó... Còn

chậu này nữa hả...

Chưa già mà in tuồng như chàng đã lắm cảm mất rồi. Thỉnh thoảng chàng cũng nói về lý do tại sao chàng thích quỳnh. Ngày xưa, mẹ chàng có một chậu quỳnh để ở hàng ba. Bà gọi là "vương quỳnh". Bà tung tiu săn sóc hàng ngày. Xưa hơn nữa, hồi học lớp tư (tức lớp hai sau này), chàng thuộc lòng bài nói về sự tích hoa quỳnh, trong cuốn *Tập đọc vui lớp tư* do một nhóm giáo viên biên soạn công phu. "*Vì cái lệnh cha, không chịu lấy Võ Hầu là một hoàng tử kiêu căng, công chúa Quỳnh Hoa bị đẩy đến một nơi hoang vu. Ở đây, không quen với rừng sâu nước độc, công chúa kiệt sức ốm nặng rồi chết...*" Bài tập đọc còn kể thêm rằng, nơi thi thể của nàng công chúa bạc mệnh kia bỗng mọc lên một loài cây, nở bông trắng, tỏa hương thơm ngát. Và một hôm, Võ Hầu tình cờ đi ngang qua, thấy hoa đẹp, đưa tay toan hái, hoa bỗng ụp rũ héo xau. Từ đó, hoa chỉ nở trong một khoảng thời gian ngắn ngủi. Người đời lấy tên nàng công chúa đặt cho hoa, từ đó mới có hoa quỳnh.

Sau này, đọc sách vở, chàng còn được biết thêm một sự tích về hoa quỳnh nữa. Đời nhà Tùy, Tùy Dạng Đế vô đạo, giết cha, giết mẹ, giết anh để cướp ngôi. Dạng Đế có một bà cô rất trẻ, rất đẹp. Một hôm Dạng Đế gặp bà ta đang thơ thẩn trên nhà thủy tạ giữa hồ. Lòng dâm phát động, Dạng Đế xông vào định hiếp người cô ruột. Bà hoàng xấu số này đã nhảy xuống hồ tự vận để bảo toàn trinh tiết. Từ đó, loài hoa quỳnh xuất hiện. Dạng Đế bắt phải đào Đại Vận hà để cho y đi xem hoa quỳnh, nhưng khi tới nơi, thì hoa đã úa tàn... Cái vụ đào Đại Vận hà này đã khiến nên cái loạn bát vương, xô ngã nhà Tùy và tạo cơ hội cho Thái Nguyên Hầu Lý Uyên khai sáng ra nhà Đường, trở thành Đường Cao Tổ, để cho Lý Thế Dân có cơ hội tung hoành và để cho đám hào kiệt đương thời Tàn Thúc Bảo, Tư Mậu Công, Trình Giáo Kim, La Thành, v.v... có cơ hội xuất đầu lộ diện, thi thố tài năng với đời.

Chàng cũng kể lại rằng chàng đã được chú Ba Bửu, một tín đồ thuần thành của đạo Cao Đài, cho biết rằng hoa quỳnh chính là do Quỳnh Hoa tiên nữ nơi thượng giới mắc họa, đầu thai xuống phàm trần và sau khi hết hạn lưu đầy, tiên nữ trở về cõi tiên, đã từng giáng bút cho biết thân phận của mình. Chú nói bài thơ hay lắm, nhưng khi nhờ chú đọc để ghi lại thì chú cười cười làm lơ, in tuồng như muốn giữ bí mật...

Nội chỉ có một loài quỳnh không thôi, chàng đã có không biết bao nhiêu chuyện để nói, kể chi đến hàng chục loại cây khác nữa.

Nàng đã từng thắc mắc rằng cái cây nhỏ nhỏ đó, lá như tàu thơm đó, màu tím rím đó, là cái cây gì, trông hoài không lớn, mà chàng lại mất công tưng tiu chăm sóc quá chừng. Thắc mắc rồi, nàng mới biết là đại. Nàng đã phải ngồi hàng giờ để nghe chàng “diễn thuyết” về cái cây nửa sống nửa chết, mang màu tím buồn thiu đó.

Chàng cho biết tên cây là “lẻ bạn”. Nội cái tên không thôi nghe cũng đã buồn rồi. Chàng kể rằng, ở quê nhà, người ta thường trồng cây lẻ bạn ở trước mộ của những người bạn đời vắng số. Cây lẻ bạn nằm ở trước mộ luôn luôn nhắc tới cảnh phân ly, âm dương đôi ngả, kẻ ở cõi âm đã yên phận nghỉ ngơi, để buồn để đau, để thương để nhớ cho người dương thế lẻ loi chích bóng. Rồi, chàng nhắc lại bà Bang biện Thánh ở kinh Thầy Phó, miệt Vũng Liêm. Hồi thời khói lửa, ông Bang biện đi theo phong trào những người làm “quốc sự”. Ông thường ngâm nga những bài thơ của ông Nguyễn Thần Hiến, gốc người Hà Tiên hay của ông Nguyễn Quang Diêu, gốc ở Cao Lãnh. Ông bị Tây bắt, xử tử hình, xác bêu ở chợ Văng. Lúc đó, bà Bang biện chưa đầy ba chục. Một tay bà bồng con nhỏ, một tay dắt con lớn, bà lặn lội ra chợ Vĩnh Long, xin lãnh xác chồng. Bà chôn chồng ở mé sau vườn. Bà trồng ở trước mộ chồng, hai bên hai cây lẻ bạn. Đêm đêm, hàng xóm nghe bà

hát ru con:

*Chim lẻ bạn khó về nơi non dành
Cảnh nhớ thương là tình cảnh mặn nồng*

*Dấu ai kia có lỗi đạo thờ chồng
Em đây chỉ quyết một lòng như chị Nguyệt Nga.*

Chàng khoe rằng chàng đã được thầy Hai Viện, làm giáo viên ở Càn Long, là con của ông bà Bang biện Thánh, dắt ra tận hai ngôi mộ của cha mẹ, nằm song song bên nhau. Trước mộ của ông, hai cây lẻ bạn đã mọc lan thành hai bụi sùm sê. Trước mộ của bà trống trơn. Thầy Hai Viện cho biết mẹ thầy đã trời lại, không cho trồng cây lẻ bạn trước mộ bà. Bà về sum họp với chồng, đâu có còn “lẻ bạn” nữa. Thầy Hai Viện tự hào đã có một người mẹ vĩ đại, tuy đối với cuộc đời, bà chỉ là một kẻ vô danh âm thầm. Thầy Hai Viện gật gù bên chén rượu:

- Có những người đồn bà cũng bắt chước Kiều Nguyệt Nga ôm bức tượng Lục Vân Tiên, nhưng “*vai mang bức tượng thờ chồng, thấy trai nhan sắc, nước mắt hồng tuôn rơi*”. Hay tệ hơn nữa là “*bước lên xe kiếng, đi viếng mã chồng; mã chưa mọc cỏ, trong lòng thọ thai*”.

Về hai câu ca dao này, nàng sùng sộ:

- Hồng có thầy Hai Viện nào đọc hai câu này hết. Đây là tự anh bắt chuyện nọ xọ qua chuyện kia, để thỏa mãn cái tật hay móc méo của anh thôi.

Chàng cười cười lảng qua chuyện khác:

- Em có biết, cây lẻ bạn này, phải dày công lắm, anh mới có được đó. Anh phải năn nỉ xin ở vườn ương cây thí nghiệm của viện đại học Washington, ở tận Seattle. Sở dĩ mà anh rán chăm sóc cho nó là để, rủi mà anh có theo ông theo bà sớm, em còn có cái mà trồng trước mộ anh.

Nàng “xì” một tiếng dài có đuôi, rồi giọng chua còn hơn là dấm tiêu:

- Đừng có hồng mà tui bắt chước cái bà Bang biện gì đó của anh! Anh mà chết hả? Chưa mở cửa mà, tui đã

có người khác rồi, nói cho anh hay.

Nói thì nói vậy đó, nói cho đã nư, nhưng kể từ khi nghe được chuyện bà Bang biện Thánh và cây lẻ bạn, mỗi lần tới thăm chàng, nàng đều bỏ thời giờ ra để tưới nước, vun phân cho cây hoa tím ngắt buồn thiu này.

Chàng cũng hay khoe với nàng về hai cây nguyệt quế, nhứt là những lúc cây trở hoa trắng muốt, lớn chỉ bằng ngón tay út mà thơm lừng. Không biết lắm cảm tới cỡ nào mà lần nào, chàng cũng bắt đầu bằng:

- Hai cây này mua ở vườn ương của thằng cha Mỹ già ở Anaheim. Thiệt là cái thằng cha này bán cây bán kiếng già đời mà không biết cái gì hết! Hai cái cây quý giá như vậy mà thằng cha bỏ lăn bỏ lóc. Hồi tới, thằng cha chỉ đòi có chưa đầy hai đồng một cây. Mình mua được, mừng hí hửng, ôm khư khư như sợ chúng giành. Còn thằng cha hả? Thằng cha trở mặt ra nhìn. Chắc thằng cha tưởng mình điên...

Nội cái tên không thôi, chàng nói, nghe cũng phát mết:

- Người bình dân thì kêu là “nguyệt quối”, chắc cũng là vì sợ phạm húy, phạm thượng chi đây! Còn người có chữ có nghĩa thì viết là “nguyệt quế”... Nhưng hồi đó, ông Mười Kiếng ở miệt Đất Đỏ, Bà Rịa lại nói khác. Ông nói một cách tự tin: “Nguyệt quối mà viết là nguyệt quế thì thiệt là trật lất. Phải nói là nguyệt quí mới đúng. Như, phú quí nổi trại thành phú quối. Hồi xưa, viết trên giấy tờ bằng chữ nho, rõ ràng là tổng Vĩng Quí, nhưng đọc ra miệng là Vĩnh Quối. Như vậy thì nguyệt quối làm sao lại nói là nguyệt quế cho được! Mà tại sao lại kêu là nguyệt quí?”

Ông Mười Kiếng hỏi cho có chuyện thôi. Hồi đó, vừa hỏi xong, chính ông đã trả lời liền:

- Hồi xưa, người ta dùng ba chữ *manh, trọng, quí* để phân biệt lớn nhỏ, trước sau. Con trai lớn thì gọi là “manh”, con trai thứ thì gọi là

“trọng”. Tháng đầu mùa xuân thì gọi là “mạnh xuân”, tháng cuối thì gọi là “quí xuân”. Tại không ai để ý nên không biết loại bông này thường trổ nhầm cuối mùa trăng, nên mới có tên là nguyệt quí.

Những điều giải thích của ông Mười Kiểng, chàng nhớ hoài. Chàng cố ý tìm tòi trong sách vở, để xem có nhà chuyên môn nào, có nhà thông thái nào viết những điều tương tự như vậy không. Nhưng chàng chưa gặp. Có thể là chàng đọc chưa hết sách. Ông Mười Kiểng nói như vậy, trúng hay trật, chàng không dám đánh giá. Tuy chữ nghĩa của ông gom lại không đầy một chiếc rổ quào - theo ông nói - nhưng những điều ông phát biểu thuộc về kiến thức của nhân gian, mà đã là kiến thức của nhân gian, làm sao dám khinh thường!

Chàng có cái tật lớn là hay đọc về đọc thiệu mỗi khi nói về một cái cây. Cái tật này đôi khi làm cho nàng thích thú, mà cũng không ít khi làm cho nàng bực mình.

Phải chi mà chàng chỉ đọc những câu ca dao liên quan tới cây cỏ, một cách vô tâm, thì nàng sẽ cảm ơn biết mấy. Đâu phải là gỗ đá vô tri mà nàng không thần thờ rung động khi nghe lại những câu êm đềm xưa cũ. Nàng đã gần rót nước mát, thiết tình chớ không phải đóng kịch, khi chàng đứng bên một loài cây, giống như giống huệ, nhưng thân lớn bằng cổ chũn, mà chàng gọi là “cửu lý hương”, ngậm ngùi đọc câu: “*Gió đưa cây cửu lý hương, từ xa cha mẹ thất thường bữa ăn*”. Đó là cái cảnh của chàng, và cái cảnh này, găm cho cùng, đôi khi thấm thiết biết chừng nào. Hay, nàng đã xốn xang bởi hồi biết mấy khi chàng ngắt một bông cúc vàng, trao cho nàng và đọc: “*Cúc mọc bờ giếng cheo leo; lâm nguy có bậu, hiểm nghèo có qua!*”

Nàng bực mình vì chàng hay mượn những câu hát liên quan tới cây cỏ để khêu mồi. Dĩ nhiên, đối tượng bao giờ cũng là nàng. Đứng bên cây bông lài, chàng đọc câu: “*Anh mê cái bông quế, anh bỏ phé*

tình thu

*Hương xưa còn phảng phất
Trên mấy tờ thu phong
Tai lần theo tiếng gió
Nghe hồn sầu mênh mông.*

*Thời gian không ngừng đợi
Tình nào sẽ phôi pha
Tóc xưa giờ đã bạc
Đời người rồi cũng qua.*

*Nắng chiều thu tàn tạ
Đàn chi khúc tình ca
Gợi chi niềm nhung nhớ
Khi đời vẫn chia xa!*

đông vi

bông lài; Một mai quế rụng, bông lài thơm lâu”. Nàng nghe xong, trong bụng vui vui. Niềm vui chưa trọn, chàng đã để thêm liền: “*Trách con gái khôn mà lấy thằng chồng dại; cũng tỉ như bông lài cắm bãi cứt trâu*”. Nàng nghe câu sau mà bất ứa gan. Nàng đã lẹ miệng khoe rằng có một anh chàng kỹ sư, nghề nghiệp vững chắc, có nhà bốn phòng ngủ, hai phòng tắm, ở khu sang trọng Laguna Hill, chạy xe BMW mới tinh, một hai muốn xin bàn tay của nàng. Nàng đã nhận xét rằng anh chàng này đủ tiêu chuẩn mơ ước của mấy cô: nhà giàu, đẹp trai, học giỏi, nhưng tối ngày chỉ biết cắm đầu kiếm tiền, không biết trời trăng mây nước, hay nhơn tình ấm lạnh ra sao hết. Chuyện chỉ có vậy, nàng đâu có nói là nàng định gặt đầu, đưa tay cho anh kỹ sư kia nắm lấy. Vậy mà chàng đã xiên xẹo rồi!

Cũng như một lần đi dạo với chàng trong một công viên. Vừa thấy một cây sậy gãy gục bên lề đường, chàng nhay miệng đọc liền:

- *Gió đưa cây sậy nằm dài*

Ai làm em bậu buồn hoài không vui?

Bất được cơ hội bằng vàng, nàng làm ra vẻ mặt phụng phịu, cong cong vênh vênh cặp môi, định lên tiếng: “thì còn ai trồng khoai đất



này nữa mà hỏi”, nhưng chàng đã tiếp theo liền:

- *Ai về giếng Dứa qua truông*

Gió lay bông sậy bỏ buồn cho em.

Nàng tức muốn bẻ phổi, ước sức muốn vả vô cái “miệng không vành méo mó tứ tung” kia mấy cái, rồi ra sao thì ra! Thì mới cách đó mấy phút, nàng tỉ tê rằng cái anh kỹ sư đang đeo đuổi nàng đó, vừa về Việt Nam, thăm cha mẹ ở Mỹ Tho và nàng chợt nhớ ra một câu hát ở Mỹ Tho: “*Nước ngã ba chảy ra giếng Dứa, nghe giọng anh hò em ứa giọt lụy...*”

Chàng cười hề hề trả lời nàng rằng:

- Phải chi mà em dễ thương bằng một phần mười mấy cái cây kiểng của anh thì đời anh cũng sẽ đỡ khổ biết bao nhiêu.

Bộ mặt nham nhở của chàng bỗng đổi mau, trở thành thộn ra vài giây, rồi ngẩn ngơ. Nàng ngắt một cái bông vạn thọ vàng tươi, gắn lên khuy áo của chàng. Đường “hồi mã tam thương” của nàng tung ra mau hơn là điện xẹt. Nàng đưa tay vuốt má chàng. Nàng sửa sửa cổ áo của chàng. Nàng đọc câu:

- *Trên thiên dưới thủy*

Lòng em tu bi ở vậy chờ anh

*Chờng nào cây vạn thọ trổ bông xanh
Em đây mới tính bỏ anh, lấy chồng.* □

Người Mang Ô

Roald Dahls
(The Umbrella Man)

Tự Tình
phỏng dịch

LDG: Roald Dahl gốc người Na Uy nhưng sinh tại Glamorgan, tây nam nước Anh, năm 1916.

Lúc trẻ, ông là hoa tiêu khu trục, phục vụ trong không lực hoàng gia Anh, đã tham dự nhiều chiến trận ở Bắc Phi, Hy Lạp và bị trọng thương khi đang thi hành một phi vụ trên không phận Libya. Năm 1942, được chỉ định là tùy viên không quân tại Hoa Thịnh Đốn, Roald Dahl trở thành điệp viên và cũng bắt đầu viết văn từ đó.

Ngay lúc khởi đầu, những truyện ngắn nói về kinh nghiệm chiến đấu của ông đăng trên các tạp chí đương thời đã được hoan nghênh nhiệt liệt. Những truyện này sau được xuất bản thành sách, mang tựa đề "Over to you".

Văn Roald Dahl gọn, trong sáng và rất sinh động. Ông giàu óc tưởng tượng, có khiếu hài hước nhẹ nhàng, đa số truyện thường được kết cấu bất ngờ nên dễ lôi cuốn độc giả đủ các lứa tuổi. Truyện ngắn đã in thành sách của Roald Dahl có thể kể: "Someone like you" (Một người như bạn), "Kiss kiss" (Hôn hôn), "Tales of the unexpected" (Những truyện bất ngờ). Ông còn viết một

truyện dài "My uncle Oswald" (Chú Oswald) và gần đây, năm 1986, nhà Viking đã cho xuất bản cuốn "Two fables" (Hai truyện ngụ ngôn) để kỷ niệm sinh nhật thứ 70 của ông.

Ngoài những truyện trên, Roald Dahl còn viết rất nhiều sách cho trẻ em và được coi như một nhà văn hiện còn sống có biệt tài và thành công nhất trong thể loại này. Có thể kể một vài cuốn tiêu biểu: "James and the giant peach" (James và quả đào khổng lồ), "Charlie and the chocolate factory" (Charlie và xưởng sô-cô-la), "The magic finger" (Ngón tay kỳ ảo), "The witches" (Những nhà phù thủy)...

Tối qua, mẹ tôi và tôi gặp một chuyện kỳ lạ, xin kể ông nghe.

Tôi là con gái, mười hai tuổi. Mẹ tôi ba mươi tư, nhưng so với vóc dáng, bà cũng chẳng cao hơn tôi mấy. Chiều qua, bà dẫn tôi ra phố Luân Đôn chữa răng. Nha sĩ trám răng cũng không lấy gì làm đau lắm. Khi xong, chúng tôi vào một tiệm giải khát. Mẹ tôi gọi cho tôi một ly kem chuối, còn bà uống cà phê.

Lúc ở tiệm ra, trời đã 6 giờ chiều, lại bắt đầu mưa. Chúng tôi không mang áo mưa, chỉ có mũ và áo khoác thường ngày, mà mưa thì hình như mỗi lúc một thêm nặng hạt. Mẹ tôi bảo:

- Có lẽ phải gọi taxi về.
- Sao mình không trở lại tiệm lúc này ngồi chờ mưa tạnh? Tôi nói. Con muốn ăn ly kem nữa. Kem chuối ở tiệm ấy ngon quá!
- Trời này mưa không tạnh đâu. Tối rồi, phải về chứ!

Mẹ tôi đáp và nắm tay tôi đứng trên lề đường đưa mắt đảo dáo tìm taxi. Taxi chạy qua thì nhiều nhưng



xe nào cũng có khách. Đợi mãi không thấy xe trống, mẹ tôi ước:

- Giá mình có cái xe riêng với tài xế thì hay quá!

Lúc ấy một người đàn ông đến gần chúng tôi. Ông này đã già, có lẽ bảy chục tuổi hay hơn nữa, dáng người nhỏ bé. Ông giở mũ, lễ phép chào mẹ tôi, miệng ấp úng:

- Xin lỗi bà... Xin lỗi bà...

Mặt ông già có nhiều vết nhăn, nhưng sắc diện còn hồng hào, ria mép bạc trắng, đôi lông mày rậm cũng đã bạc. Ông cầm chiếc ô giơ cao trên đầu để che mưa.

- Không dám! Ông hỏi gì? Mẹ tôi đáp, giọng lạnh nhạt và khinh bạc.

- Xin bà vui lòng ban cho một ân huệ nhỏ...

Mẹ tôi nhìn ông già, nghi kỵ. Mẹ tôi có tính đa nghi, đặc biệt bà nghi hai thứ: người lạ và trứng luộc chưa kỹ, thứ trứng luộc người Pháp vẫn gọi là trứng la coóc (oeuf à la coque).

Ăn trứng la coóc, bà thường dùng thìa nhỏ gõ xung quanh và khuấy bên trong quả trứng như sợ có chuột hoặc con vật gì khác trong ấy. Còn đối với người lạ thì bà có một câu nói mà bà coi như phương châm để theo đó mà xử sự: "Người nào càng trông lịch sự thì càng đáng nghi lắm". Mà ông già này thì lại quá ư lịch sự rồi còn gì: ông nói năng nhã nhặn, phong cách lễ độ, quần áo bảnh bao, rõ ra một người thuộc hàng quý tộc.

Tôi đoán thế nhờ nhìn đôi giày ông đi. Chả là mẹ tôi thường bảo: muốn biết ai thuộc dòng quý tộc hay không, cứ trông đôi giày của họ thì rõ. Ông già này có đôi giày da màu nâu thật là đẹp!

- Thưa bà... Giọng ông kể lễ... Tôi chẳng may gặp chuyện xui, xin bà giúp đỡ... Cũng chẳng nhiều gì, xin bà cứ yên tâm, nhưng quả thật tôi cần, cần lắm. Những người già cả như tôi vốn lơ đãng...

Mẹ tôi hất cằm lên, đưa mắt lạnh lùng nhìn ông già từ đầu đến chân. Thật đáng sợ cái nhìn lạnh lùng ấy. Nó như tảng băng làm nguội hết nhiệt tình của người đối thoại. Nhiều

kẻ chịu không nổi, hờn vía lên mây cả. Có lần tôi đã thấy chính bà hiệu trưởng của tôi gặp cái nhìn ghê gớm ấy cũng đâm ra bối rối, chỉ biết cười gượng, lắp bắp nói chẳng nên lời. Thế mà ông già bé nhỏ kia đứng trước mặt chúng tôi không hề chớp mắt. Ông còn cười dả lả:

- Thưa bà, xin bà cứ tin ở tôi. Tôi không phải là hạng người có thói quen giữ phụ nữ ở lại ven đường để kể lể những điều bất hạnh của mình đâu!

Mẹ tôi sảng giọng:

- Thế à? Tôi cũng mong thế!

Thấy mẹ độc miệng, tôi ngượng quá, muốn bảo: "Trời ơi! Ông ấy già cả, lễ độ và nhã nhặn, gặp chuyện rủi ro, sao mẹ nỡ tàn nhẫn vậy?" Nhưng tôi chẳng thể nói ra.

Ông già đổi tay cầm ô:

- Thật chưa bao giờ tôi đăng trí bỏ quên như thế!

Ngạc nhiên, mẹ tôi hỏi:

- Ông bỏ quên cái gì?

- Cái ví, thưa bà. Có lẽ tôi quên nó trong túi áo kia rồi. Lúc đi tôi mặc áo này, cái áo có ví lại để ở nhà... Thật lơ đãng quá!

- Vậy ông muốn xin tiền tôi phải không?

- Không! Không! Ông vội chữa. Không bao giờ tôi có ý định ấy.

- Thế ông muốn gì thì nói nhanh lên chứ, mưa ướt hết chúng tôi bây giờ.

- Dạ, tôi biết! Mưa làm ướt bà và cô, cho nên tôi xin tặng chiếc ô này để bà và cô che cho đỡ ướt. Xin bà cứ giữ lấy nó và nếu được, xin... xin...

- Xin cái gì? Mẹ tôi hỏi, giọng sốt ruột. Ông này dài dòng quá.

- Xin bà trả cho một bảng thời, để tôi lấy tiền đi taxi về nhà.

Mẹ tôi hãy còn nghi:

- Ông nói quên tiền, vậy sao ông đến đây được?

- Tôi đi bộ. Ngày nào tôi cũng có lệ cuộc bộ một quãng xa rồi mới gọi taxi về nhà.

- Thế sao bây giờ ông không cuộc bộ về luôn?

- Dạ cũng muốn thế nhưng không

được. Tôi già rồi, chân yếu mà hôm nay lại trót đi xa quá.

Mẹ tôi cần mồi suy nghĩ. Bà có vẻ xiêu lòng, chắc ý muốn lúc này có được cái ô để che mưa cho đỡ ướt đã xúi bà.

Ông già lại nói tiếp:

- Cái ô thật đẹp, thưa bà.

Mẹ tôi gật đầu:

- Tôi cũng thấy thế.

- Thưa bà, bằng lựa đấy ạ.

- Phải, tôi biết!

Ông già hỏi:

- Vậy sao bà không lấy? Tôi đã phải trả tới những 20 bảng cơ đấy. Nhưng bây giờ tôi chẳng cần đến nó nữa, chỉ mong chóng về đến nhà nghỉ chân cho đỡ mỏi.

Mẹ tôi giơ tay định mở ví. Bà nhìn tôi. Tôi cũng nhìn lại, ánh mắt lạnh như băng. Cái nhìn lạnh băng ấy lần này là của tôi và bà hiểu ngay. Nó ngầm bảo: "Mẹ ơi, mẹ chẳng nên lợi dụng sự xui xẻo của một ông già mệt mỏi như thế. Xấu lắm!"

Mẹ tôi buông tay, nhìn lại tôi một lần nữa và nói với ông già:

- Tôi nghĩ lấy cái ô lựa đáng giá 20 bảng này của ông thì không phải chút nào. Thôi, để tôi tặng ông tiền taxi về nhà.

- Không! Không! Không! Bà đừng làm thế! Ông già vội gạt đi. Không bao giờ tôi nhận tiền như thế đâu! Xin bà cứ cầm cái ô này để che cho nước mưa khỏi làm ướt đôi vai đẹp!

Mẹ tôi liếc xéo tôi ra vẻ đắc thắng: "Đấy, đã bảo mà! Cô sai rồi nhé! Ông ấy muốn tôi giữ cái ô mà!"

Bà rút trong ví ra tám giấy một bảng anh đưa cho ông già. Ông cầm ngay lấy, trao cái ô cho mẹ tôi, cúi đầu thật thấp nói cảm ơn, ngả mũ chào chúng tôi rồi bỏ đi tức khắc.

- Đứng gần lại đây cho đỡ ướt. Mẹ tôi bảo. Hôm nay mình may mắn. Chưa bao giờ mình có một cái ô lựa đẹp như thế này! Mẹ tiền đâu mà mua!

- Thế sao lúc này mẹ xử tệ với ông ấy vậy?

- Thì cũng muốn thử xem ông ta có phải kẻ đi lừa không. Nhưng không phải. Ông ta là người ngay

thẳng đứng đấy, có lẽ thuộc hàng quý tộc. Mẹ vui lòng đã giúp được người như thế.

- Vâng.

- Đích thực hàng quý tộc, lại vào loại phú gia, nếu không sao dám mua cái ô lụa những 20 bảng. Bà xoay xoay cái ô. Mẹ không ngạc nhiên nếu biết ông ấy có chức tước, thí dụ Goldworthy bá tước hay một tước gì đại loại như vậy.

- Vâng, chắc thế.

- Bài học này con nên nhớ: chờ bao giờ hấp tấp. Cứ từ tốn mà quan sát thì xét người sẽ không bao giờ nhầm lẫn.

Bỗng tôi thoáng thấy bóng ông già lúc nãy:

- Mẹ ơi, ông ấy kia kìa!

- Đâu?

- Đằng kia! Đấy, cái ông đang băng qua đường đấy! Trông ông có vẻ vội lắm.

Mẹ tôi nhìn ông già nhanh nhẹn len lỏi tránh những hàng xe cộ rộn rịp trên lộ. Sang đến lề đường bên kia, ông rẽ trái rồi rảo bước rất nhanh.



- Trông ông ấy không có vẻ gì mệt mỏi cả phải không mẹ?

Mẹ tôi lặng thinh. Tôi lại nói:

- Mà hình như cũng không có ý gọi taxi nữa.

Bà vẫn không đáp, đứng sững chăm chú nhìn theo ông già nhỏ bé. Tuy mưa, chúng tôi vẫn thấy rõ ông rảo bước vượt qua nhiều khách bộ hành đi cùng chiều trên lề đường, hai tay vung vẩy như lính tập diễn hành. Mặt mẹ tôi đan lại. Bà lẩm bẩm:

- Chắc ông ta đang có việc cần.

- Việc gì hả mẹ?

- Ai biết được! Bà gắt. Nhưng để xem! Mình sẽ tìm ra.

Bà kéo tay tôi băng qua đường rồi cũng rẽ trái.

- Con còn thấy ông ta không?

- Thấy! Ông ta rẽ vào đường ngang bên phải.

Chúng tôi rẽ theo sang phải, rảo bước nhanh hơn, chỉ cách ông già một quãng chừng hai chục thước. Trông ông tất tả, tội nghiệp như con thỏ chạy trốn thợ săn.

Trời bỗng mưa lớn. Nước mưa từ vành mũ đổ xuống vai ông thành từng vệt dài, nhưng chúng tôi nhờ có cái ô lụa, may mắn đỡ hơn, không đến nỗi ướt quá.

- Không biết ông ta đang tìm gì? Mẹ tôi lẩm bẩm tự hỏi.

- Nhớ ông ấy quay lại thấy mình thế nào? Tôi lo lắng hỏi mẹ.

- Thì đã sao? Ông ấy nói láo, bảo mệt không đi bộ được nữa mà bây giờ chạy nhanh như ngựa thế kia! Đồ dối trá! Quên là đảo!

- Thế ông ấy không phải đồng quý tộc hả mẹ?

Mẹ tôi quay lại lườm tôi:

- Im mồm!

Đến ngã tư, ông già rẽ phải, quay trái rồi lại rẽ phải nữa. Loanh quanh mãi khiến mẹ tôi tức giận:

- Tao nhất định không chịu bỏ cuộc!

Bỗng nhiên không thấy bóng ông già đâu nữa.

- Mất rồi! Tôi kêu lên. Ông biến mất rồi!

Cả hai chúng tôi khựng lại, nhưng

chỉ phút sau, mẹ tôi reo lên mừng rỡ:

- Tao thấy ông ta rồi! Vào cái nhà kia kìa!

Và liền sau đó:

- Ô! Mà đấy là quán rượu mà!

Quán rượu thật! Vì tôi thấy trước cửa treo tấm biển đề hàng chữ lớn: "Quán rượu Con Sư Tử Đỏ"

- Mẹ vào không?

- Không. Mình đứng ngoài coi cũng được.

Mặt tiền quán có một cửa sổ lớn gắn kính chạy dài suốt chiều ngang, phía bên trong tuy bị hơi nước làm mờ nhưng đến gần nhìn qua cũng vẫn rõ.

Đứng sát bên cửa, tôi nắm chặt cánh tay mẹ tôi. Tiếng mưa rơi trên nóc ô lộp độp.

Phòng đầy chật người, khói thuốc mù mịt. Ông già bây giờ đã cởi áo khoác ngoài và bỏ mũ, đang len lỏi trong đám đông tiến đến quầy rượu.

Tới nơi, ông để cả hai tay lên mặt quầy, không biết nói gì với người bán, chỉ thấy người đó quay đi, lát sau mang lại một cốc lớn đựng thứ nước màu nâu nhạt đầy đến tận miệng. Ông bỏ tay ra, để lộ tấm giấy một bảng anh trên mặt quầy.

- Chúa ơi! Đồng bảng của tôi! Mẹ tôi rít lên. Lão dám làm vậy hả?

- Cốc đựng gì thế mẹ?

- Whisky chứ còn gì nữa!

Không thấy người bán rượu thối lại tiền cho ông già, mẹ tôi nói:

- Chắc phải là cốc vại ba.

- Cốc vại ba là thế nào?

- Là cốc đựng rượu gấp ba lần cốc thường.

Ông già cầm cốc rượu đưa lên môi, nghiêng dần, nghiêng dần, đầy cốc mỗi lúc một cao hơn cho đến khi tất cả rượu trôi tuột vào cổ họng ông trong một hơi dài. Tôi buột miệng:

- Cốc rượu đắt quá há mẹ?

- Chứ còn gì nữa! Thật quá lắm, uống một hơi hết một bảng.

- Đâu phải một bảng! 20 bảng chứ, giá tiền của cái ô lụa cơ mà!

- Ô! Mẹ tôi ngơ ngẩn. Ông già khùng thật rồi!

Bên quầy rượu, ông già cầm cái cốc không trong tay, miệng hơi mỉm

cười, bộ mặt hồng hào tươi rói vì thỏa mãn. Ông thè lưỡi ra liếm hàng ria bạc như để tìm những giọt rượu quý báu cuối cùng còn đọng lại ở đó.

Rồi thông thả, sau khi đặt cái cốc không lên mặt quày, ông lặng lẽ quay đi, rẽ đám đông ra hành lang, chỗ để mũ và áo mưa. Ông đội mũ, từ tốn khoác áo, và với một dáng điệu hết sức điềm tĩnh và tự nhiên ông làm ai chú ý, ông nhắc một chiếc ô treo trên giá, đi ra ngoài.

Mẹ tôi rít lên giữa hai hàm răng:

- Thấy không? Mày thấy lão vừa làm gì không?

- Suyt! Ông ấy ra kìa!

Tôi vội hạ thấp ô xuống che mặt và hé mắt nhìn. Nhưng ông già không quay về phía chúng tôi. Ông khoan thai giương ô bước xuống đường rồi đi ngược lại phía lúc nãy.

- À! Thế ra đó là mảnh của lão. Mẹ tôi nói.

- Gọn quá há mẹ!

Chúng tôi lầm lũi đi theo chân ông già thì lại thấy ông quay lại gần nơi tiệm lúc nãy. Lần này, chỉ nhấp nháy, ông đã bán được cái ô cho một

người đàn ông vừa gầy vừa cao, chẳng có áo khoác mà cũng chẳng có mũ. Và chúng tôi lại thấy ông lẩn trong đám đông giữa những người qua lại trên hè phố, nhưng khác với lần trước, lần này ông đi ngược về phía bắc. Mẹ tôi khẽ lắc đầu:

- Lão khôn quá mạng, đại gì đến một quán rượu hai lần!

Tôi bảo mẹ:

- Ông ấy cứ làm như thế thì cả đêm cũng được khá đấy, mẹ nhỉ?

- Hẳn rồi, nhưng chắc lão phải cầu mưa đủ lắm! □

nhớ cây đa chùa viên giác

Tôi chưa kịp trở về thăm Viên Giác
Mười hai năm bèo giạt bến sông đời
Cây đa cũ chắc đã già hơn trước
Biết có còn rụng lá xuống sân tôi?

Đời lưu lạc tôi đi hoài không nghĩ
Để niềm đau chảy suốt những mùa thu
Thời thơ ấu cây đa già tri kỷ
Vẫn còn đây trong ký ức xa mù.

Tôi khổ cực từ khi cha mất sớm
Nên bà con thân thuộc cũng xa dần.
Khi tôi khóc, đa đau từng cuống lá,
Khi tôi cười, xào xạc tiếng quen thân.

Đa làm mẹ vỗ về tôi giấc ngủ,
Đa làm cha che mát những trưa hè.
Đa làm bạn quây quần khi rảnh rỗi,
Đa làm người chân thật chẳng khen chê.

Mỗi buổi sáng tôi một mình ôm chồi,
Quét lát vàng như quét nỗi cô đơn.
Lá vẫn rụng khi mỗi mùa thu tới,
Như đời tôi tiếp nối chuyện đau buồn.

Chùa thanh tịnh chẳng dung hồn lũ thú
Một chiều thu tôi bỏ Phật ra đi.
Bỏ lại tiếng chuông chùa vang khuya sớm
Cây đa già đứng lặng khóc chia ly.

Đường tôi qua đã không còn bóng mát,
Ngày nhọc nhằn, mưa lũ xuống đêm khuya.
Đa ở lại âm thầm ru khúc hát,
Ngâm ngùi buồn theo mỗi tiếng chuông về.



Đa thân mến dấu có vàng thương nhớ,
Cũng xin đừng gục xuống dưới hiên tôi.
Xin cố đứng để chờ nghe tôi kể,
Chuyện trăm luân của một kiếp con người.

Tôi sẽ đến ngôi chùa xưa Viên Giác
Nhặt mảnh đời rơi rớt ở quanh đây,
Ôi thằng bé nghèo nàn xưa đã lớn,
Đi làm người du thực ở phương tây.

Tôi viết nốt những bài thơ dang dở,
Vá tình người rách nát thuở hoa niên.
Đa sẽ hát bài đồng dao muôn thuở,
Nhạc thu buồn nước mắt chảy trong đêm.

trần trung đạo

Sao Băng

Hựu Nguyên

Người ta cứ quả-quyết rằng ông chủ của tôi tự-tử, nhưng tôi không tin.

Đã đành khi bà chủ tôi bỏ đi, ông chủ tôi buồn lắm. Ông vẫn cho tôi ăn, dù thường khi trễ nãi, phải đợi tôi kêu meo-meo và cọ vào chân ông để nhắc-nhở.

Tôi thấy ông thường ngồi chống tay nơi cửa sổ, nhìn xuống con dốc nhỏ dẫn ra đường. Bất cứ ai muốn ra vào nhà chúng tôi đều phải đi con con dốc này. Nếu bà chủ tôi hồi tâm trở về, ông chủ tôi sẽ thấy - không - sẽ nghe tiếng giày của bà gõ trên nền nhựa đường đen thẫm trước khi hình-dáng quý-phái của bà xuất-hiện sau rặng bạch-dương.

Ông ngồi chăm lắm. Hình như mắt ông không bao giờ nhắm chớp. Làm như ông sợ không kịp nhìn thấy bóng-dáng của bà trong khoảnh-khắc ngắn-ngủi giữa cái chớp mắt.

Thỉnh-thoảng tôi cũng thấy ông khóc. Đàn ông mà khóc nhều-nhảo trông thảm-hại đến độ tức cười. May mà ông không khóc lâu, không thì tôi cũng đến sanh bệnh mà chết! Những lúc ông xúc-động mãnh-liệt như vậy, tôi cũng chưa xót trong lòng lắm, nhưng tôi phải lảng ra xa. Có lần, khi tôi còn nhỏ xíu mới được mang từ tiệm gia-súc về nhà, ông chủ đã ném tôi qua cửa sổ lúc tôi đến quần bên chân đồi ăn, khi ông bà vừa cãi nhau một trận ra gì. May mà khi ấy nhờ còn bé loét-choát và nhẹ tênh nên tôi chỉ bị một mẻ điếng hồn, không thương-tích hay đau-

đớn gì lắm.

Ông chủ tôi là người tốt bụng, yêu vợ, nhưng nóng tánh và hay ghen. Những cơn ghen vô-lý như những bình át-xít tưới lên hạnh-phúc êm-đềm của ông bà. Bà chủ tôi cảm thấy mình bị khinh rẻ, coi thường, khi ông chủ gán ghép nghi-ngờ bà với người này, người nọ.

Có vài lần bà đã giận-dỗi bỏ đi. Ông hối-hận ngay và đi tìm đón bà về. Tình-yêu đã giữ họ bên nhau, ít nhất là trong mấy chục năm dài. Không hiểu sao lần này bà chủ tôi lại đi biệt. Trước đó ông bà có cãi nhau, nhưng không to như các lần trước. Bà không khóc, ông cũng không to tiếng. Vậy mà...

Ông chủ tôi bỏ ăn, bỏ ngủ, bỏ cả sở làm, gọi điện-thoại hỏi thăm tất cả mọi người, bạn bè, gia-đình bên bà chủ, bên ông, bạn bè, hãng xe đồ, hãng xe lửa, hãng máy bay, hãng du-lich, v.v. Ông còn lái xe chầm-chậm đi qua tất cả mọi ngã đường trong thành-phố, từ giờ này qua giờ khác, từ ngày này qua ngày khác, cho đến khi thân ông võ-vàng hốc-hác, thần-trí đờ-đẫn như người mất hết tri-giác.

Nhưng ông không tự tử. Tôi quả-quyết là không. Ông rất yêu bà. Ông sợ bà buồn và cảm thấy tội-lỗi khi biết tin ông tự tử vì bà. Ông không bao giờ tự-tử. Tôi dám chắc như vậy, nhưng tôi không nói được để cãi cho ông.

Tối hôm đó, ông chủ tôi leo lên mái nhà và bế tôi theo.

Tôi sợ lắm, vì nếu tôi ngã theo ông, hay ông ném tôi xuống, chắc tôi gãy hết xương sườn mà chết. Nhưng không. Ông đặt tôi xuống trên mái nhà ngói ảm. Ông nằm ngửa trên mái dốc thoải-thoải, hai tay lót dưới ót làm gối, chăm-bắm nhìn lên nền trời đầy sao.

Ông bảo tôi:

- Miêu-miêu, con nhìn sao và cầu-nguyện cùng ông mỗi khi thấy sao băng vụt qua. Nếu cầu nguyện của con bắt đầu từ sao băng và kịp dứt trước sao tắt, lời cầu ấy sẽ được chứng thành sự thật. Đêm nay, ta và con cần cầu một trăm lần như vậy. Ta biết, trong một đêm, có ít nhất vài ba trăm cái sao băng. Rán nhé con, đừng để lỡ cái nào!...

Ông không dặn rõ rằng tôi phải cầu điều gì. Tôi chỉ nhớ rằng ông nằm đó, lâu lắm, mắt chăm chăm nhìn trời như muốn rách khoé, mồm thỉnh-thoảng lẩm-nhẩm điều gì đó rất thành-khẩn.

Sương khuya càng lúc càng thấm lạnh. Tôi nhìn thấy những hạt nước li-ti bám trên tóc ông. Thỉnh-thoảng ông trở mình cho đỡ mỏi. Tôi biết ông lạnh, vì tôi cũng bắt đầu run. Không hiểu tại sao ông không vào nhà mặc thêm áo, chỉ vài phút thôi mà. Ông cứ nằm đó, nhìn sao và cầu-nguyện. Tôi nằm bên cạnh ông, rừ rừ nhè-nhẹ trong cổ ra điều thông-cảm.

Trời đã khuya lắm. Bầu trời như sáng thêm ra để chuẩn-bị đón một ngày mới. Tôi bắt đầu thiú-thiú ngủ...

Đột-nhiên tôi giật bắn người lên vì một loạt tiếng động như có người lăn trên mái nhà rồi rơi đánh "bục" xuống nền gạch xa tầm-tấp mấy tầng lầu bên dưới. Tôi hoảng-hốt đứng lên và không nhìn thấy ông chủ tôi đâu nữa. Đàng cuối mái nhà có mấy miếng ngói bị bong lên như có tay người bầu vào, cố bám-víu lấy sự sống.

Tôi biết ông chủ tôi trải qua nhiều ngày buồn đau làm kiệt lực và sau một đêm thức trắng nhìn sao, ông đã chìm vào giấc ngủ và mất thăng bằng rơi xuống... □

xóm cũ

LTS.—Để gọi lại, chia-sẻ và giữ-gìn những kỷ-niệm của đời người bên cạnh nét đẹp quê-hương, tòa-soạn xin mở mục "Xóm Cũ" để chào-đón các bài viết về phong-thổ, con người, phong-tục tập-quán, đất nước quê-hương. Hãy ghi-chép lại, trước khi kỷ-niệm chìm

sâu. Hãy phơi trải, trước khi lớp bụi thời-gian phủ mờ kỷ-ức. Viết về một lượm lúa, một cánh vạc, một câu hò, một ngôi miếu, một cảnh chùa, một dòng sông, một trái núi, một bờ kênh nơi bạn đã ra đời, lớn lên hay đã thất chặt một mối tình đậm-thắm. Hãy sốt chia, để được gìn-giữ. Các bài viết trong mục này sẽ được chọn-lọc và lần-lượt in thành sách, lưu lại đời sau.

Xin mời bạn lên đường, đưa ngòi bút trở về Xóm Cũ...



Đường Xưa Lối Cũ

Hứa Hoàn

Mượn tựa một bản nhạc ngày xưa, tôi muốn gọi lại hình ảnh thân thương, truy tìm sự tích về những con đường mà trong thời cấp sách, tôi quen đi lại không biết bao nhiêu

lần.

Năm 1954, hiệp định Genève được ký kết, bắt đầu cuộc đình chiến, chấm dứt cuộc giao tranh quá lâu trên quê hương. Năm đó cũng là mốc thời gian đáng ghi nhớ trong

đời vì tôi từ thôn quê được cha mẹ cho lên tỉnh tiếp tục học. Chiến tranh, nơi nào cũng đổ nát, tiêu điều, hoang phế. Cũng như nhiều bạn ở nông thôn, khi bắt đầu lên bậc trung học ở trường tỉnh, tôi đã lớn tuổi so với nhiều người khác và so với số tuổi ghi trong khai sanh. Nhờ đó chúng tôi hiểu biết sớm, nhận xét được những biến chuyển sự vật, thời cuộc xung quanh mình. Từ một dòng sông quen thuộc, từ một góc phố thân thương, từ một con đường cây cao bóng mát vang lên những tiếng guốc lộc cộc của đám học trò nhà quê ra tỉnh, cho đến chiếc cầu sắt cũ kỹ hoen rỉ, mỗi lần xe qua vang lên những tiếng động âm âm, chát chúa... tất cả đã cất giữ trong tâm tôi như một gia sản quý báu.

Thành lập cách nay non 200 năm, Vĩnh Long là một tỉnh cổ cự trong Nam kỳ lục tỉnh, hiền hoà, cổ kính, nép mình bên dòng sông Cổ Chiên cuộn cuộn phù sa, xuôi về biển cả. Dù nay xa cách ngàn trùng, tôi vẫn không quên được dòng sông của những ngày thơ ấu đó. Nỗi nhớ ấy nằm yên trong ký ức. Xa quê mười năm, mỗi khi bất chợt bắt gặp một hình bóng cũ, một dáng đi, một tà áo, một giọng nói, tiếng cười... kỷ niệm cũ lại cuộn cuộn hiện về như sóng nước Cổ Chiên ngày hè. Ở lớp tuổi cao, kỷ niệm như những con thuyền bồng bênh, chập chờn trên sóng nước, trôi trành, trần trờ không yên. Nó thôi thúc, cho tôi cảm hứng viết lại những kỷ niệm ấy, và tìm kiếm tài liệu để tìm hiểu những sự tích, địa danh xưa mà nay đã đi dần vào quên lãng.

Sau khi hạ thành Vĩnh Long do cụ Phan Thanh Giản chống giữ, người Pháp ra lệnh san bằng. Họ lập một đồ án cho tỉnh lỵ mới hình dáng như một bàn cờ, đường phố ngang dọc, dinh thự, nhà cửa khang trang mọc lên. Hồi đầu thế kỷ 20, theo nhiều vị bỏ lão cư ngụ lâu đời ở đây, phía dưới mé sông Cổ Chiên có con đường trải đá, chạy vòng qua nhà thờ Chánh Toà, trường Lycéum Nguyễn Trường Tộ. Con sông Cái Cá

bây giờ chỉ là một rạch nhỏ. Đường này trước gọi là đường Citadel, còn gọi là đường mé sông, nối liền với đường Hưng Đạo Vương chạy ngang nhà bưu điện. Nhờ có bến tàu lục tỉnh, Nam Vang, đường Citadel sầm uất rộn rịp, cây cao bóng mát, chiều chiều khách thừa lương nhân nhả dạo chơi. Đây cũng là nơi chứng kiến những cuộc tao ngộ biệt ly mỗi khi tàu rời bến. Cuộc thủy phá vĩ đại năm 1925, bấy giờ gọi là “đất lở”, đã cướp mất quang cảnh thanh lịch của thành phố này. Vào những ngày lễ lớn, nơi đây có tổ chức đua thuyền, giăng đèn kết hoa, là một chốn phồn hoa đô hội miền lục tỉnh.

Bờ sông Long Hồ tức sông Thiềng Đức từ năm 1925 trở về trước, bắt đầu từ vị trí Bungalow chạy dài theo mé sông, qua sở Trường Tiền (ty Công chánh), kế đến là nhà Đoan (tức Quan thuế và Công quản). Phần lớn khu này còn trống trải, chưa có phố xá sầm uất như trước năm 1975. Dọc theo bờ sông Thiềng Đức là cầu tàu bằng gỗ do chú Hỉ, chủ hãng tàu lục tỉnh xây cất cho tàu cập bến. Ở lục tỉnh, những người lớn tuổi thường có câu: “Đi tàu chú Hỉ, ở phố chú Hòa”. Muốn qua bên kia sông Thiềng Đức, ngày ấy chưa có cầu sắt như bây giờ mà phải đi đò chèo, bến ở phía sau nhà việc (công sở) Long Châu. Chỗ đó hồi 60 năm trước cũng có một ngôi chợ nhỏ, gọi là chợ Trường Xuân. Con đường Gia Long hồi đó là đường Salicetti, tên của một viên đại úy Pháp, tham biện đầu tiên của Vĩnh Long bị quân khởi nghĩa giết tại Cầu Vòng gần Giồng Ké. Nơi đây có bến xe ngựa, xe song mã.

Phía bên kia sông Thiềng Đức, chỗ hai nhà văn Hồ Trường An và Nguyễn Thị Thụy Vũ trọ học nhiều năm, có hai con lộ đá giao nhau: đường Lê Minh Thiệp và đường Công Thần.

Đường Lê Minh Thiệp chạy từ bến đò ngoài Cầu Dài, song song với sông Thiềng Đức (còn gọi là sông Long Hồ) vô chùa Long Phước, qua Long Thạnh, Long Mỹ, tới chợ Ngã

Tư. Thuở còn cấp sách đến trường, dù đi muốn mòn con lộ đá nhưng chưa bao giờ tôi thắc mắc tìm hiểu xem Lê Minh Thiệp là ai, có công trạng gì cho đến khi tôi đọc được tiểu sử cụ trong cuốn *Vĩnh Long nhân vật chí*, sách viết tay của ông Nguyễn Văn Dân, thân phụ người bạn tôi, quê ở Sa Đéc.

Theo những điều tôi còn nhớ, thì cụ Lê Minh Thiệp là một thân hào nhân sĩ quê tại Thiềng Đức, sinh năm 1866. Thuở nhỏ, cụ theo học chữ Hán và chữ Pháp. Năm 1885, cụ là một trong những người đầu tiên ở Nam kỳ tốt nghiệp bằng Brevet Elémentaire, trở thành nhà giáo, dạy trường tỉnh Vĩnh Long sớm nhất. Trong suốt cuộc đời dạy học, cụ Lê Minh Thiệp thăng dần lên chức đốc học (1904), rồi giám đốc (1912), coi cả ngành giáo dục của tỉnh nhà. Năm 1921, xét công lao cụ, chính quyền thuộc địa đã ân thưởng cụ chức huyện hàm. Qua năm sau cụ về hưu. Suốt 37 năm làm việc trong ngành giáo dục, cụ Lê Minh Thiệp là một nhà giáo cần mẫn, thanh liêm, tận tụy, được chính phủ Nam kỳ tặng nhiều mề đay: Khuê bài Hàn lâm viện Pháp, Ngân khánh Bội tinh, Đệ ngũ đẳng Bội tinh của Cao Miên... Theo lời một nhà giáo kể lại, ngày cụ Thiệp hồi hưu, học trò cụ các nơi về tề tựu đông đủ, chung góp tổ chức một bữa tiệc, mua quà tặng thầy, đồng thời còn đặt một bài ca Bình bán nhắc lại công lao thầy đã đào tạo nhiều thế hệ. Vì lẽ đó, nhà chức trách Vĩnh Long đã lấy tên cụ đặt cho con đường của quê cụ: đường Lê Minh Thiệp, cho đến năm 1975 vẫn còn.

Con đường Công Thần chạy từ đốc cầu Thiềng Đức xuống bến đò Đình Khao, Cái Sơn Bé, Cái Sơn Lớn, Mỹ An, An Phước... là một con đường lịch sử.

Bến đò Đình Khao, người Vĩnh Long quen gọi là bến Bắc Cổ Chiên, có phà cho xe hơi xuống Chợ Lách, Cái Mơn, Mỏ Cày, tới Bến Tre. Đình Khao nguyên là cái bến để khao quân của chúa Nguyễn Ánh mỗi lần

thắng quân Tây Sơn. Đình Khao cũng là pháp trường, đã chứng kiến cái chết của cha Philippe Phan Văn Minh (Thánh Minh) vào năm 1853. Hồi trước, nơi đây có đồn phòng thủ của cổ thành Vĩnh Long, cây cao bóng mát. Về sau, khi vua Gia Long lên ngôi, Đình Khao còn một ngôi đình cổ nhưng bị nước soi mòn dần, lở mất không còn dấu vết. Vào năm 1966, hàng ngày có xe đò Hoa Nam chạy đường Chợ Lách, Vĩnh Long và Cái Mơn. Sau năm 1975, Việt cộng không tu bổ, bến đò mỗi ngày một lở nhiều hơn, không còn sử dụng được. Đến nay, con đường từ Vĩnh Long đi Chợ Lách qua đò Đình Khao đã hoang phế như thời chiến tranh tuy cuộc chiến đã chấm dứt gần 20 năm. Các đường từ Vĩnh Long đi Tam Bình, Trà Ôn, Minh Đức bây giờ cũng chịu chung số phận: điêu tàn, vắng vẻ.

Trường thi An Giang, Văn Thánh miếu Vĩnh Long, mồ cụ Võ Trường Toản ở Bến Tre, ngoài giá trị lịch sử, còn biểu hiệu cái di sản văn hoá của vùng Gia Định, Bến Nghé. Mất ba tỉnh miền đông rồi, cụ Phan Thanh Giản được lệnh củng cố ba tỉnh miền tây. Cụ tái lập, dời những cơ sở văn hoá và di tích ấy xuống ba tỉnh còn lại, biểu lộ thái độ bất hợp tác. Khi ngôi đền Hiến Trung thờ các công thần ở Gia Định bị Pháp phá hoại, thì bài vị các vị ấy được cụ Phan cho chuyển về một đền thờ mới lập tại ấp Thành Mỹ, xã Long Đức, nằm phía bên trái đường Công Thần ngày nay. Phía trước miếu Công Thần còn một cây sùng thần công bằng đồng, giống như kiểu sùng đặt trước đền thờ cụ Phan Thanh Giản và Văn Thánh miếu.

Ban đầu ngôi miếu Công Thần làm bằng gỗ, lợp lá, cất theo kiểu các đình làng ngày xưa, có bài vị của 85 trung hưng công thần nhà Nguyễn. Sau vài mươi năm, ngôi miếu đổ nát. Năm 1915, ngậm ngùi trước cảnh hoang phế của ngôi miếu, ông phủ Phạm Văn Tươi, chủ quận Châu thành Vĩnh Long, đứng ra mở cuộc lạc quyền, kêu gọi đồng bào hảo tâm

đóng góp. Bà phủ Y, tên Trương Thị Loan, con gái ông bá hộ Nộn, là một đại diện chủ trọng nghĩa khinh tài, đã cúng một số tiền lớn trị giá bằng một ngàn năm trăm gia lúa. Ngoài ra, bà cùng với bà Lê Thị Danh, vợ ông phủ Tươi, đứng ra xin phép Tham biện Pháp Petillot để trùng tu miếu. Nhờ đó mới có ngôi miếu khang trang, tường cao, cổ kính như bây giờ. Người hiến cho miếng đất lập miếu là ông Nguyễn Văn Kỷ ở Thiềng Đức. Ông Kỷ cũng cúng thêm mấy mẫu ruộng làm của hương hoả, nhang khói cúng tế xuân thu nhị kỳ. Sau thế chiến thứ nhứt, nhiều lính tập Việt Nam qua Âu châu tòng chinh từ trận, cũng được thờ chung trong miếu. Trong một lần đến thăm miếu, tôi được biết cái hộp sơn son thếp vàng để trên án thư là bài vị của 158 vị, với đầy đủ tên tuổi, quê quán, chức tước, đã theo phò tá chúa Nguyễn Ánh trong những ngày lưu lạc ở miền Nam.

Gần Cầu Lộ có một con đường nhỏ chạy từ thánh thất Cao Đài, ngang qua hông toà giám mục, phía sau rạp hát Lạc Thành (sau đổi là Lê Thanh), được gọi là đường Cổ Trì. Con đường này còn có tên là đường Lò Tương vì nó cũng chạy ngang lò tương ở phía sau nhà được sĩ Hà Hồng Lạc và nhà bác sĩ Cổ Quốc Gia. Truy tìm trong lịch sử và sự tích địa phương, tôi không thấy có một nhân vật nào tên là Cổ Trì cả. Có người cho rằng, đường này vốn tên là Phấn Cổ Trì, lâu ngày gọi tắt là Cổ Trì rồi sai lạc dần thành Cổ Trì.

Phấn Cổ Trì là danh hiệu của Trương Phúc Phấn, một danh tướng thời Trịnh Nguyễn phân tranh. Ông quê ở Thanh Hoá, theo chúa Nguyễn vào Nam. Năm 1648, quân Trịnh kéo đại quân vượt sông Gianh, bao vây lũy Trường Dục do Trương Phúc Phấn chống giữ. Sau nhiều ngày bắn

phá, chiến lũy bị chọc thủng vài nơi, sắp bị quân Trịnh tràn ngập. Trước tình thế nguy ngập, ông lên mặt thành, che lọng ngồi chỉ huy trận địa. Tên đạn của quân Trịnh bay vào nhưng ông không sợ hãi, bình tĩnh ra lệnh khiến quân sĩ cảm kích, hết lòng giữ thành. Phía quân Trịnh thấy Trương Phúc Phấn ung dung, oai vệ như một vị thần thì nao núng, mất tinh thần chiến đấu. Cuối cùng quân Nguyễn đã chuyển bại thành thắng. Từ đó, Trương Phúc Phấn được tôn là “Phấn cố trì”, có nghĩa là tướng “Phấn gan lì”.

Từ ngã ba rẽ đi Cầu Thơ có một con đường chạy về phía cầu Cái Cá, mang tên Trần Công Lại. Dùng tên một quan đại thần theo đạo Thiên Chúa đặt cho một con đường ở xóm đạo thì thật là hợp lý. Có rất ít tài liệu nói về công nghiệp của ông. Sau năm 1975, nhiều lần tôi đi chợ Cái Nhum Rau Má. Chợ nằm trệtch con lộ đá dẫn xuống Cái Mơn, Mỏ Cày nên không được sung túc mặc dầu người Cái Nhum khá giàu. Từ ngoài lộ, một con đường đất dẫn qua khu nhà đồng, ngang khu đất thánh với nhiều ngôi mộ xưa trên trăm năm xây bằng đá xanh. Bên cạnh là hàng sao cao vút, gió vi vu tạo nên một cảm giác lạnh lẽo, thê lương. Đi chợ hót tóc nhiều lần, tôi tò mò đến gần các ngôi mộ cổ ấy để đọc những hàng chữ trên mộ bia. Ngạc nhiên đến sững sờ khi tôi đọc được trên bia một ngôi mộ cổ bằng đá xanh: “Nicolas Trần Công Lại”. Mộ xây trên một nền cao, bề thế như lăng của các đại thần. Phía trước có ba trụ xây bằng gạch thẻ trổ ô đước, dưới chân rộng, lên trên hẹp dần. Nơi các kẽ hở, cây cối mọc đầy khiến ngôi mộ càng thêm đìu hiu, hoang phế.

Truy tìm sự tích, Trần Công Lại quê ở Thanh Hoá, gia đình dời vào dinh Long Hồ, ban đầu sống về nghề buôn bán trái cây. Vì thường lui tới xứ đạo Cái Nhum, Cái Mơn, giồng Bông, giồng Giá nên gia đình ông cải đạo, theo Thiên Chúa giáo. Khi chúa Nguyễn Ánh lưu lạc vào Nam, Trần Công Lại nghe tin, tìm đến đầu

quân. Tuy là một thanh niên ít học nhưng ông tỏ ra thông minh, trung thành, can đảm. Ban đầu ông được phong làm cai đội, dưới quyền của Châu Văn Tiếp. Giao tranh nhiều lần với quân Tây Sơn, Trần Công Lại tỏ ra gan dạ, có mưu lược, biết điều binh, lập được nhiều công trạng nên chỉ 10 năm sau được phong làm Đô thống, dự vào hàng võ quan cao cấp. Khi vua Gia Long lên ngôi, ông được cử ra Bắc phụ giúp Tổng trấn Bắc thành Lê Chất trong việc tiêu trừ giặc giã, phủ dụ những cuộc nổi dậy vì hoài niệm nhà Lê. Năm 1813, Trần Công Lại được phong làm Trấn thủ Thanh Hoá, quê hương ông. Thời gian này ông phạm lỗi nên bị huyền chức, đến đời Minh Mạng mới được phục chức cũ rồi đổi làm Vệ úy coi trấn Vĩnh Thanh. Hai triều vua đầu tiên nhà Nguyễn tuy tỏ ra lạnh nhạt với người Công giáo nhưng chưa bài xích gắt gao nên ông vẫn chu toàn được bổn phận của một tín đồ Thiên Chúa giáo và của một võ quan. Năm 1824, sau một cơn bệnh, Trần Công Lại từ trần ở Vĩnh Long. Thi hài ông được đưa về họ đạo Cái Nhum chôn cất và xây lăng mộ khang trang.

Phía ngoài châu thành Vĩnh Long ngày trước là nơi cư trú của dân lao động, những người làm nghề thủ công, chài lưới, ruộng rẫy. Các thợ thủ công thường sống thành phường xóm như xóm Bún, xóm Chài, xóm Đập, xóm Lò Rèn...

Xóm Lò Rèn nằm bên bờ rạch Cá Trê, tức con sông Cầu Lầu ngày nay. Hồi đó xóm này chuyên nghề rèn dao, mác, lưỡi hái, phảng phát cò, đồ binh khí cho quân lính trong thành. Khi Pháp phá hủy cố thành Vĩnh Long, xóm Lò Rèn cũng bị triệt hạ, chỉ còn sản xuất các nông cụ và vật dụng hàng ngày mà thôi. Con sông Cầu Cái Cá rộng lớn bây giờ, trước kia chỉ là con rạch nhỏ đổ ra sông Cổ Chiên. Phía trên là xóm Bún, xóm Chài, nhà cửa trù mật, vườn tược cây trái xanh um, chưa ai cất nhà sàn như hiện nay. Bây giờ nơi này bị nước soi mòn, lở từng mảng lớn, khiến ngôi đình Tân Giai nguyên thủy ở



đây phải dời về phía bên kia cầu Kinh Cụt vào năm 1926.

Đất xóm Bún, Cái Cá có nhà ông Phán Nuôi, một cự phú đất Vĩnh. Gia đình ông có nhiều người làm quan lớn. Trước Thế chiến thứ hai, ông Phán Nuôi lập một hãng tàu đồ chạy lục tỉnh, cạnh tranh với hãng tàu chú Hỉ (A Hỉ) và hãng tàu lục tỉnh Nam Vang của Pháp (Compagnie des Messageries Fluviales de Cochinchine). Ông cũng là người chơi đồ cổ có hạng ở Nam kỳ. Theo lời kể, nhà ông Phán Nuôi có hai độc bình cổ, cao 1m8, trên khắc bài phú *Đăng Vương Các* của Vương Bột, một thi sĩ Trung Hoa nổi danh. Ngoài ra, ông còn có một cái cây bằng vàng, lá là cảm thạch mài mỏng, cao 6 tấc, gọi là “cành vàng lá ngọc”, rất ít ai được chiêm ngưỡng.

Cuối đường Lê Minh Thiệp phía bờ sông Cổ Chiên là xóm Đáy gồm vài chục nóc gia, chuyên sống bằng nghề đóng đáy. Hàng ngày, vào buổi chiều họ đều đem tôm cá tươi ra bán tại chợ cá Vĩnh Long.

Xóm Đáy, xóm Cầu Dài muốn qua chợ phải đi đò. Dưới bến đò có nhiều nhà chuyên sống về nghề đục đá làm mộ bia, làm cối xay bột và tán kê cột nhà, nhiều năm qua vẫn giữ được bí quyết, sản xuất nhiều sản phẩm đẹp, tốt.

Mới đây nhân được xem cuốn video *Đường về quê hương*, tôi thấy lại những hình ảnh tiêu tụy của quê nhà thân thương thời thơ ấu. Hai mươi năm qua, cảnh cũ vẫn không có gì thay đổi. Có chăng là tiêu tụy hơn, nghiền nản hơn. Theo thời gian, sự đổ nát, hoang tàn cứ mỗi ngày gặm nhấm dần mảnh đất hiền hoà. Khung cảnh xưa còn đó, nhưng giống như kẻ mất linh hồn, nó không làm cho tôi bồi hồi cảm động nữa. Từ đó tôi nghĩ đến lời một người bạn kháng chiến lâu năm trong hàng ngũ cộng sản, nay đã phản tỉnh, nói: “Cộng sản tới đâu phá nát đất nước tới đó. Họ phá hoại các công trình vật chất, di sản văn hoá lẫn tâm hồn con người”. Theo tôi, nhận xét đó khó mà phủ nhận. □

xóm măng



CÁC EM SÁNG-TÁC:

Trung Thu Ở Nhà

Phạm H. Minh

(13 tuổi, WA, Hoa-kỳ)

Mỗi năm khi mùa thu đến, Trung Thu cũng tới. Có một Trung Thu tôi nhớ rất rõ. Năm đó ngày nào cũng mưa cho nên đến Trung Thu gia đình tôi không đi chơi mừng lễ được.

Hai đứa em ba tuổi của tôi, mỗi đứa cầm một cái đèn giấy hình chim, cá. Chúng nó đã chuẩn bị đi rước đèn Trung Thu. Ba tôi từ ngoài đường bước vào, áo ướt nhẹp. Ba nói mưa lớn quá, đi chơi không vui đâu, ở nhà cho rồi. Nghe ba nói vậy, hai đứa em tôi, thành Tâm và thành Trí, bực tức vứt đèn xuống đất và dẫm nát.

Tôi đề nghị ở nhà chơi cũng được vậy, đâu cần phải đi xa mới vui. Tâm vui vẻ đồng ý nhưng Trí thì mặt buồn hiu vì lồng đèn của nó đã bị nó dẫm rách. Ba mẹ tôi bật cười, bảo tôi chạy lên lầu lấy cho Trí một cái đèn mới. Khi trở xuống, tôi nghe những tiếng cười thật lớn. Thì ra ba đã lấy đèn tròn đầu, giả làm lân

nhảy múa khiến hai đứa em tôi thích thú cười dòn.

Tôi chạy vào bếp lấy một cái nồi và cái muông lớn để đánh nhịp cho lân nhảy. Ba tôi nhảy theo nhịp gõ của tôi, còn hai đứa em tôi vừa bắt chước nhảy nhót, vừa cười toe toét, giống như hai ông đĩa con. Mẹ tôi và tôi cũng cười vì thấy hai bàn chân khổng lồ của ba lộ ra dưới mền.

Đến khi mọi người đều mệt, ngồi nghỉ xả hơi thì mẹ tôi cất tiếng hát: “Tết Trung Thu rước đèn đi chơi...” Ba tôi chạy đi tắt hết đèn, chỉ còn lại ánh sáng từ ba cái đèn giấy của ba anh em chúng tôi. Những cây đèn cây nhỏ giữa đèn giấy long lanh như sao trên trời. Chúng tôi đi quanh nhà, vừa đi vừa hát.

Trung Thu năm đó không đi chơi được và dù ngoài đường có mưa cách mấy đi nữa, gia đình tôi vẫn ấm cúng và hạnh phúc. Ngày đó vẫn là một kỷ niệm mà tôi nhớ mãi □

Chuyến Phiêu Lưu Ngày Trung Thu

Trần Nữ Anh

(12 tuổi, Seattle, Hoa-kỳ)

Trung thu sắp tới. Mỗi tối ba mẹ em đem về nhiều món ngon. Có bưởi, có bánh dẻo, bánh nướng...

Quên, em chưa tự giới thiệu mình. Tên em là Tí. Cả nhà em là gia đình chuột duy nhất ở nhà ông bà Tuấn.

Trong nhà ông bà Tuấn, em thích nhất bé Tú, con gái ông Tuấn. Cô bé này hay ăn vặt nên em được nhấm nháp nhiều món ngon do cô ăn làm rơi vãi ra. Nhưng mấy bữa nay em không thấy Tú. Nhân cả nhà đi vắng, em len vào phòng Tú xem cô bé làm gì.

Giữa phòng cô có cái gì vàng vàng hình khối. Chắc là phô-mai! Em lại gần định cắn một miếng thì chợt nhận ra đó chỉ là một khối giấy. Em lùi lại ngấm kỹ. Thì ra đây là một cái lồng đèn hình chiếc xe hơi màu vàng, cửa sổ bằng giấy trắng mỏng, bánh xe màu đen. Trên nóc xe là một lỗ hồng lớn, ngay dưới lỗ là một cây đèn cầy lớn gần bằng em. Em nhảy vào lỗ, khéo léo tránh cây đèn, nhìn chung quanh. Tú thật là khéo tay! Trong lồng đèn này có bốn cái ghế xinh xắn. Trước ghế tài xế còn có tay lái nhỏ ngộ nghĩnh. Em bèn leo lên ghế tài xế ngồi chơi.

Thình lình có tiếng chân người vào phòng. Cả nhà về rồi à? Chiếc lồng đèn bỗng rung chuyển mạnh. Tú xách lồng đèn đi đâu đây?

Em ngồi trong đèn, bị Tú cầm lắc qua lắc lại nên chóng mặt muốn xỉu. Tú vừa đi vừa hát, nhảy lên xe đi cùng với cả nhà ông bà Tuấn. Họ đi đâu đây? Chừng nào em về? Em có

về được hay không? Ở nhà chắc mẹ em mong em lắm!

Em len lén thò đầu ra khỏi lồng đèn. Mọi người đang nói chuyện vui vẻ. Bên ngoài trời đã tối. Những đốm sao lấp lánh trong đêm. Mặt trăng tròn, toả sáng dịu dàng làm em tạm quên những lo phiền.

Một lát sau, xe ngừng. Chiếc đèn lại rung chuyển. Em cắn chặt tay lái, chỉ sợ lọt ra khỏi đèn. Nơi cả nhà Tú đến là một toà nhà rất lớn. Bên trong, hàng trăm người nói chuyện ồn ào. Em thụt đầu vô, ngồi yên, lỡ có người thấy em thì sao? Tú đặt chiếc đèn lên bàn rồi đi mất.

Ngồi yên trong đèn một lát, em lại khe khẽ thò đầu ra nhìn chung quanh. Trên bàn là nhiều lồng đèn màu sắc hình dạng khác nhau. Rồi một người đọc một bài gì đó dài lắm. Sau đó là ca hát và phát quà bánh cho trẻ em.

Thình lình, một bàn tay thò vào lồng đèn đốt đèn cầy. Em biết mọi

người đang nhìn em nên em ngồi im không dám nhúc nhích. Có tiếng nói: "Lồng đèn này dễ thương quá..." Một người nhấc cao chiếc lồng đèn lên và nói lớn:

- Lồng đèn ngộ nghĩnh nhất về tay em Nguyễn Ngọc Tú. Đây là chiếc taxi, tài xế là chú chuột...

Em nghe Tú kêu lên:

- Tài xế chuột? Con đâu có bỏ chú chuột nào vào đó đâu!

Trời ơi, thế là bại lộ rồi! Chỉ còn một cách: chạy! Em phóng qua lỗ đèn, nhảy xuống đất, ba chân bốn cẳng chạy về phía cửa. Mấy bà hét lên rùng rợn, còn lũ trẻ xúm lại rượt bắt em.

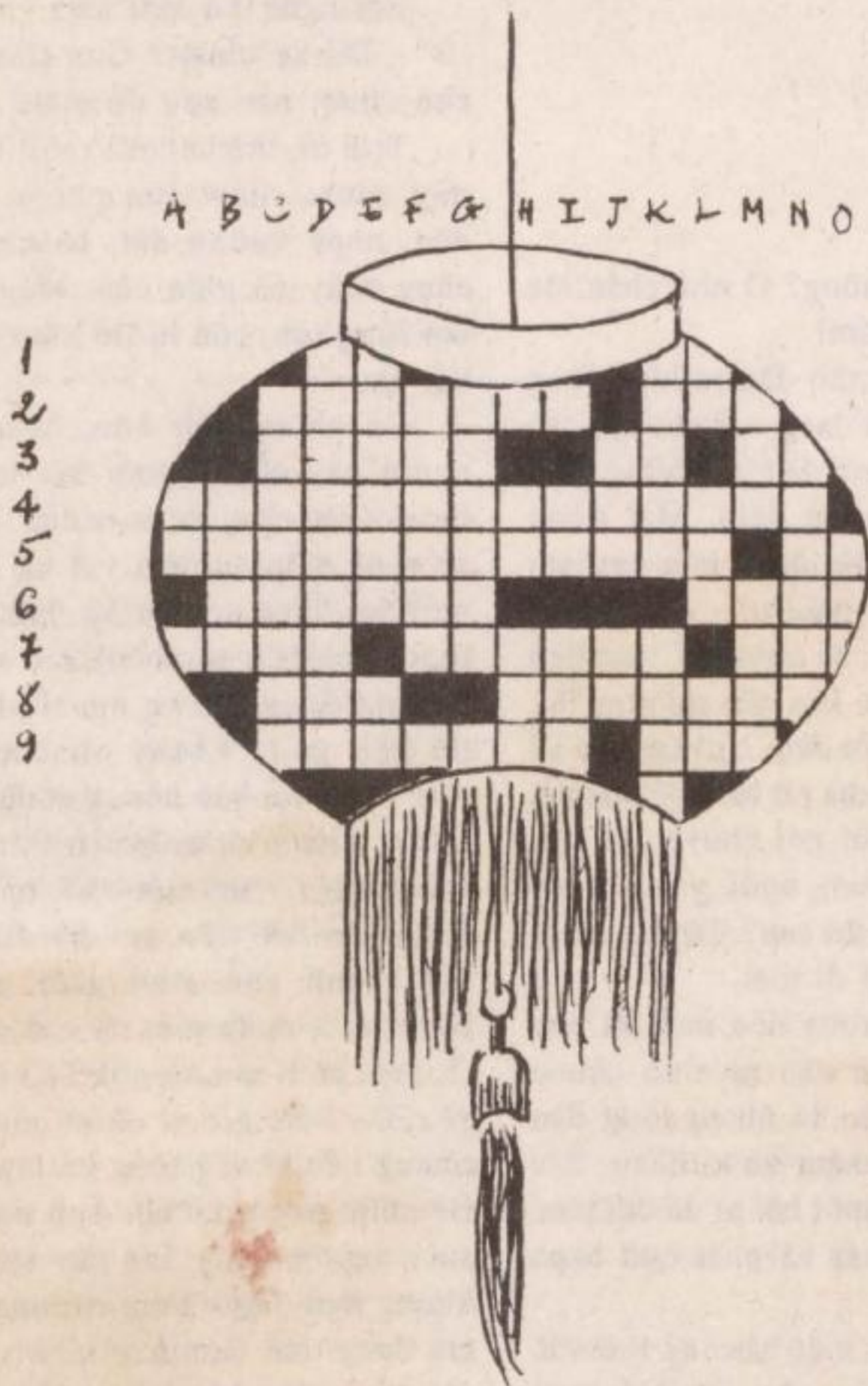
Cả phòng lộn xộn, hoảng hốt, người này chạy người kia la. Thừa lúc đó, em chạy thoát ra cửa. Bãi đậu xe rộng mênh mông, vất vả lắm em mới tìm được xe của Tú. Em đã mệt lả, chỉ còn đủ sức chui vào khe cửa sổ quên đóng. Vô xe, em còn nghe lũ trẻ kêu gọi: "Chuột ơi, chuột đâu rồi?" Em thở hào hển, tim đập thình thình. Tiếng chân lũ trẻ đi xa dần. Em mừng rỡ biết mình đã thoát nạn. May mắn hơn nữa, em còn tìm được mẩu bánh vụn dưới gầm ghế. Vị bánh ngọt ngào mát cả căn cổ.

Vài phút sau, cả nhà Tú vào xe ra về. Tú hớn hờ vì đoạt giải nhứt nhưng tiếc rẻ vì không bắt được em. Em nhìn ra cửa kiếng. Ánh trăng vẫn soi sáng dịu dàng. Em rất mệt nhưng không ngủ được: lòng em nồn nóng; em đang trên đường về nhà sau một chuyến phiêu lưu nguy hiểm. □



Ô chữ Đèn Lồng

Phan Khương Thái



Ngang:

1. Tên một sông lớn ở Nam Việt (viết tắt) - Cây thần của chú Cuội.
2. Nản lòng, tuyệt vọng - Giá gỗ ở cổ trâu, bò.
3. Đông đúc, rùm beng - Tên nước ta đời các vua Hùng (viết tắt) - Một trong năm châu.
4. Tháng bảy mưa ngâu, quạ bắc cầu cho đôi vợ chồng này gặp nhau.
5. Không mới mẻ, lặp đi lặp lại bài bản cũ - Nói mẽ.
6. Ghiền - Hung dữ, du côn.
7. Môn thể thao cần sức bấp tay - Sông trên trời - Đồ dùng để chứa

nước.

8. Cây kiểng, núi giả ở sân nhà (viết tắt) - Phần dưới của nhà.
9. Đi tòng quân (viết đảo ngược) - Thanh tịnh, lặng lẽ.
10. Sau em.

Dọc:

- a. Tên một khúc nhạc cổ miền Trung (viết tắt) - Ký hiệu hoá học chất than.
- b. Một loại cây có màu nâu bóng.
- c. Đêm hội mùa thu.
- d. Tương cận với ếch nhái.
- e. Cắm cúi mà đi - Tên một loại bánh trung thu (viết tắt).

- f. Một thức uống nóng ướp hoa - Ký hiệu hoá học của chất lân.
- g. Một loại côn trùng sống hợp quần - Nguyên âm đầu.
- h. Ca - Bến xe lửa - Sinh ngữ thông dụng nhất trên thế giới.
- i. Một La-mã - Cự nữ, trách móc dai dẳng (viết tắt) - Đè, ém cho chặt.
- j. Vịnh thắng cảnh nổi tiếng ở Bắc Việt (viết tắt) - Đảo lớn của Trung Hoa (viết tắt).
- k. Hộp quạt cần có nó - Tiếng kết thúc khi đọc kinh cầu nguyện.
- l. Không hiền - Tên cơ quan phản gián của Hoa kỳ (viết tắt) - Rau nộm canh chua.
- m. Bỏ vốn chung - Người Mỹ rất thích chơi banh này.
- n. Tên một ngọn đèo ở Bình Định.
- o. Trên cha.

GIẢI ĐÁP:

- o. Ong (nội).
 n. Củ Mông.
 m. Hùn - Cà na.
 l. Ac - CIA - Om.
 k. Đà lư - Amen.
 Nam).
 j. VHL (vịnh Hà Long) - HN (Hải).
 i. I - CN (cần nhân) - Nén.
 h. H (hát) - Ga - Anh.
 g. Con ong - A.
 f. Trà sen - P (phosphat).
 e. Lăm lúi - BN (bánh nướng).
 d. Châu chấu.
 c. Trung thu.
 b. Gõ nu.
 a. NB (Nam Bình) - CB (carbon).
 Dọc:
 10. N (anh).
 9. UGNPAHN (nhập ngữ) - Em a.
 8. HNB (hòn non bộ) - Nền móng.
 7. Cừ tá - Ngạn hà - Àng.
 6. Nghiện - Ac ôn.
 5. Bón củ soạn lại - Mò.
 4. Ngưu lang Chức nữ.
 3. Rằm rỏ - VL (Vân Lang) - Ưc.
 2. Thất chí - Ách.
 1. CL (Cửu Long) - Da hay da

Niềm Tin

Trích

"A Message from Arunachala"

của Paul Brunton

Nguyễn Phong

dịch

LDG: Paul Brunton là một ký giả nổi tiếng của Anh quốc đã giới thiệu nền minh triết Á Đông cho các độc giả Tây phương. Năm 1930 ông qua Ấn Độ, Tây Tạng, Ai Cập và sống trong rừng Hy Mã Lạp Sơn nhiều năm. Ông là ký giả Tây phương duy nhất đã tiếp xúc và phỏng vấn rất nhiều đạo sư Đông phương.

Sau đây là cuộc tiếp xúc giữa ông và Đạo sư Shankara tại miền nam xứ Ấn. Mặc dù theo thời gian, nhiều biến cố, thay đổi đã xảy ra nhưng giá trị của cuộc phỏng vấn vẫn còn đáng cho chúng ta phải suy gẫm.

Tôi bước chân vào một căn phòng nhỏ, trang hoàng giản dị. Đạo sư Shankara ngồi trên một tấm thảm nhỏ, vóc người nhỏ bé, da ngăm đen bánh mật. Trông ngài không có điểm gì đặc biệt khác thường, ngoại trừ đôi mắt hết sức sáng. Nhờ sống tại Đông phương đã lâu nên tôi cung kính chấp tay vái chào theo đúng phong tục nơi đây:

- Thưa ngài, thật là một hân hạnh lớn khi ngài chấp thuận cho chúng tôi tiếp xúc với ngài hôm nay.

Đạo sư Shankara quay qua người bạn tôi và nói bằng một thứ tiếng mà tôi không hiểu. Bạn tôi, Venkaratami,

dịch:

- Ngài hiểu tiếng Anh nhưng vì nói không trôi chảy nên muốn nhờ tôi thông dịch.

Tôi vẫn nghe người ta kể rằng Sri Shankara có thể biết được quá khứ vị lai nên hỏi ngài về tương lai thế giới:

- Theo ý ngài, chừng nào tình hình chính trị và kinh tế thế giới sẽ được cải thiện?

- Tôi thấy còn khá lâu. Làm sao người ta có thể cải thiện khi quốc gia nào cũng dành một ngân khoản rất lớn để mua sắm vũ khí!

- Nhưng người ta đang nói đến sự giải giới. Liệu sự kiện này có thực hiện được không?

- Dù các anh có phá hủy chiến hạm, dẹp bỏ súng đạn, chiến tranh vẫn tiếp diễn. Người ta sẽ tiếp tục đánh nhau bằng gậy gộc, chân tay nếu không có súng đạn.

- Nếu vậy thì phải làm sao?

- Phải chuyển hoá tâm hồn. Đó là phương pháp duy nhất để liên kết các quốc gia, các giai cấp để tạo dựng một niềm tin mới. Chỉ khi nào con người thay đổi được tâm hồn thì nền hoà bình thế giới mới có thể thực hiện được.

- Nhưng... như vậy thì chắc còn lâu lắm. Người ta đang bàn tán về triển vọng của một cuộc thế chiến.

Đại sư Shankara không trả lời,

ngài nhắm mắt dường như suy nghĩ một lúc rồi mới chậm rãi:

- Nay anh bạn, còn có Thượng đế.

- Nhưng Thượng đế ở xa quá.

- Ngài rất thương nhân loại.

Câu trả lời rất dịu dàng nhưng nghe có vẻ mỉa mai làm sao! Tôi buột miệng:

- Nếu chúng ta căn cứ trên sự đau khổ của nhân loại hiện nay và triển vọng một cuộc chiến sắp thành hình thì có lẽ Thượng đế rất thờ ơ đối với số phận của nhân loại.

Đạo sư Shankara im lặng nhìn tôi như trách móc. Tôi hối hận đã thốt ra những lời sỗ sàng bất kính đối với một tu sĩ như vậy nhưng ngài mỉm cười:

- Nay anh bạn, anh cần biết kiên nhẫn. Đến một lúc nào đó, khi thời điểm đã định, Ôn Trên sẽ tái lập trật tự. Khi đó sẽ có những thánh nhân xuất hiện để điều dắt nhân loại. Mỗi thế kỷ đều có những người như vậy. Có khi họ là những nhà bác học, hiền triết, học giả nhưng cũng có khi họ là một nhà chính trị hay một người cầm đầu một thế lực hùng mạnh nào đó. Trước khi điều này xảy ra, anh không nên trách móc vì anh chưa biết được các tác động màu nhiệm của Hoá công. Bất cứ sự kiện gì xảy ra cũng đều có nhưng lý do của nó. Vì không hiểu và thiếu một cái nhìn tổng quát nên con người cứ than van, trách móc. Tôi biết rằng thuyết Duy Vật và chủ trương Quốc gia Cực đoan hiện nay sẽ gây nhiều đau khổ cho nhân loại, nhưng càng đau khổ bao nhiêu thì những người cứu khổ lại càng xuất hiện nhiều bấy nhiêu.

- Như thế thì khi nào những người này mới xuất hiện?

- Đã có những bậc thánh nhân, hiền triết ra đời từ lâu rồi, mỗi người có một nhiệm vụ riêng mà ta không biết đấy thôi! Dĩ nhiên họ đều hoạt động âm thầm, không mấy ai biết đến, mặc dù tất cả đều có sứ mạng xoa dịu nỗi đau khổ của nhân loại.

- Theo ý ngài thì phải chăng vì nhân loại ngày nay quá xấu xa, hư đốn nên Thượng đế mới phải làm

như thế?

- Không đâu, tôi không bao giờ nghĩ như vậy. Mọi người, dù xấu xa hư hỏng đến đâu, cũng có một điểm linh quang của Thượng đế, và điểm linh quang này sớm muộn gì cũng hướng dẫn họ trở về với ngài.

- Có lẽ điều này chỉ đúng ở Á châu thôi. Ở Tây phương, có những thành phần xấu xa hư hỏng đến nỗi ai cũng cho rằng quỷ Satan đã lấy mất hồn của họ.

- Chẳng phải tại Tây phương mới có những kẻ xấu, cũng chẳng phải tại Đông phương mới có người tốt. Thật ra bất cứ đâu cũng có những người không ý thức gì về hành động của họ, nhưng họ đâu đáng trách. Điều đáng trách là cái xã hội đã tạo ra những người như thế. Họ hư hỏng xấu xa vì hoàn cảnh xã hội xấu xa. Hoàn cảnh xã hội xấu xa vì những người có trách nhiệm điều hành guồng máy quốc gia quá tham lam, chỉ biết vơ vét của cải đầy túi chứ không biết mở rộng cõi lòng đến những người thiếu may mắn hơn. Nếu những người có thể thay đổi được xã hội chỉ quan tâm đến họ, đến quyền lợi và quyền lực của cá nhân họ, của phe nhóm họ, thì dù họ nhân danh thế lực nào hay lý thuyết gì họ cũng không thể đứng vững mãi được! Hiển nhiên vì điều họ nói và việc họ làm hoàn toàn khác hẳn nhau. Chính sự mâu thuẫn này đã tạo ra khổ đau cho kẻ khác. Sự ích kỷ, tham lam đó, dù là của cải vật chất hay quyền lực tinh thần, thì cũng đều là tham lam; và tham lam là mầm mống của chủ nghĩa Duy Vật. Do đó, đến cuối thế kỷ này chủ nghĩa Duy Vật sẽ không còn nữa. Giải pháp cho tình trạng này thực ra đã được thai nghén từ lâu rồi. Chỉ trong đau khổ con người mới cố gắng tìm lối thoát. Chỉ trong tuyệt vọng họ mới chịu thay đổi. Khi nào một số đông người đã chán ngấy các ảo vọng, các lời hứa hẹn suông mà chủ nghĩa Duy Vật đem lại thì họ sẽ tìm về đời sống tinh thần, và khi đó sự thay đổi sẽ xảy ra. Dĩ nhiên trước khi điều này xảy ra, thế giới sẽ phải trải qua nhiều

tai biến lớn để cảnh tỉnh mọi người.

- Nếu tôi hiểu đúng, có lẽ ngài muốn nói rằng nhân loại phải lấy nguyên lý đạo đức làm nền tảng cho chính trị và xã hội?

- Đúng thế và điều này sẽ xảy ra. Không thể có một giải pháp nào khác hơn được. Hiện nay điều nhân loại cần là những người đã khám phá được ánh sáng tâm linh trong lòng họ, và sẵn sàng phát huy ánh sáng đó cho những người khác. Xứ Ấn Độ sở dĩ có được những bậc hiền triết vì môi trường, truyền thống nơi đây kính ngưỡng những người như vậy. Hiển nhiên nhìn vào quá trình lịch sử, người ta thấy Trung Hoa, Hy Lạp cũng đã có những thời mà các hiền triết được coi trọng và khi đó cả hai quốc gia đều sống trong thời thái bình thịnh trị. Theo tôi biết thì các xứ khác cũng sẽ có các hiền triết của họ khi nhận thức được giá trị của những người đó. Khi quốc gia nào biết quay về với giá trị tinh thần thì xứ đó sẽ được thịnh vượng vì các bậc thánh nhân thường tìm đến những môi trường thích hợp để làm việc. Ngược lại một quốc gia mà giá trị vật chất được đề cao sẽ thu hút những phần tử xấu xa, những kẻ tham lam, những kẻ hung ác ích kỷ, và những kẻ này sẽ phá hoại, làm sụp đổ quốc gia đó. Đây là định luật về vật lý "đồng thanh tương ứng" mà thôi chứ không có gì lạ.

- Liệu ngài có tin rằng một thế giới mới sẽ được xây dựng trong thời gian gần đây không?

- Dĩ nhiên. Nhưng trước hết con người cần phải biết thay đổi chính họ đã. Khi nào họ nhận thức được giá trị tinh thần, ý thức được tính cách thiêng liêng nơi mình cũng như nơi mọi người khác. Khi họ biết rằng Thượng đế vốn ngự ở bên trong chứ không phải bên ngoài. Làm sao để đời sống mỗi người đều biểu hiện được cái phần thiêng liêng đó xuyên qua hành động, cử chỉ, lời nói, ý nghĩ, vì sự sống thiêng liêng luôn luôn hướng thượng. Phận sự con người là kêu gọi, khêu gợi những gì tốt đẹp nhất ở người khác chứ không

phải những cái xấu xa, làm lạc. Phải biết tha thứ cho nhau, bỏ qua những lỗi lầm của nhau vì chỉ khi vượt qua được những chấp trước tâm thường nhỏ hẹp này thì mỗi người mới hiện ra một cách tốt đẹp. Mục đích đời người không phải là lo cho cá nhân mình mà quên hẳn kẻ khác, lý tưởng thanh cao vốn không có tính cách cá nhân mà phải là một lý tưởng phụng sự con người, tất cả con người nói chung. Căn bản cần thiết của nó ở chỗ con người cần biết nhìn vào những điều cao cả, tốt đẹp chứ không phải những gì xấu xa, tồi tệ. Vì tham lam ích kỷ mà con người tranh giành, cấu xé lẫn nhau và tạo ra chiến tranh. Nhưng nếu họ biết hướng thượng, làm lành một cách tích cực thì họ có thể tránh được hậu quả tai hại này. Con người cần biết tu sửa nội tâm để bước vào chỗ tối tăm và biến nó thành ánh sáng, biết làm sao để mỗi phần của sự sống thiêng liêng ý thức được tánh cách thiêng liêng của nó và trở nên thiêng liêng thật sự. Khi đã làm được như vậy thì dù có bước vào sa mạc họ cũng sẽ làm cho sa mạc trở hoa, và thế giới này sẽ trở thành một cõi thiên đàng thật sự.

Tôi thấy Sri Shankara không hề ca tụng xứ Ấn Độ của ông hay chê bai các quốc gia Tây phương như nhiều người khác. Theo ông, nền văn minh Tây phương và truyền thống tâm linh Đông phương đều có những điểm ưu việt. Ông tin tưởng rằng thế hệ tương lai sẽ dung hoà được các giá trị ấy và bổ túc cho nhau để xây dựng được một nền hoà bình lâu dài cho nhân loại. Ông tin tưởng mãnh liệt rằng, điều đó chắc chắn sẽ xảy ra trong một thời gian nữa. □

CÁO LỖI

Vì tác-giả bận công-tác xa, truyện dài *Ngọc sáng trong hoa sen* tạm gián-đoạn một kỳ, xin tạ lỗi cùng quý độc-giả.



Con Suối Mất Ngủ

Ngô Nguyên Dũng

Trời sắp sang thu. Sau vài cơn đông chuyển mùa, nhiệt độ giảm dần. Rừng cây thưa ngoài kia thấp thỏm mất sự sống. Cây không đủ sức truyền sinh lực cho lá. Nắng cuối năm rắc yếu ớt lên chòm lá thiếu diệp lục tố. Vòm Hollunder thưa thớt như đỉnh đầu hói.

Lúc này, giữa khuya, lá và cây đang ngủ yên. Hay biết đâu chừng, cũng như tôi dạo sau này, chúng cũng đang mất ngủ vì những suy tư ngổn ngang. Tôi tắt đèn, vén màn để nhìn rõ hơn đám lá ngoài kia. Chỉ thấy lập lờ vài mảng đậm màu. Thời tiết đang từ từ vỡ ra từng mảnh khô quéo rồi lao chao rơi xuống. Tôi bỗng nhớ lại đêm ấu thơ năm xưa trên đoạn đường ra Nha trang, lần đầu tiên tôi chứng kiến cảnh cháy rừng. Hai bên con đường ồm là những bó đuốc phục cháy rờn rợn. Lửa leo luông tuồng lên những thân cây cao vót, trườn đi lúu rú như bày hoả xà. Nhựa cây bốc khét lẹt. Tiếng lá tươi cháy quéo nghe như tiếng nước bắn vào chảo dầu nóng. Đám trẻ con chúng tôi thắc mắc hỏi cha tại sao rừng cháy? Cha đáp, có lẽ do người Thượng đốt rừng làm rẫy rồi

Nhiều khi, nửa đêm, tôi bỗng giật mình tỉnh giấc. Trong im vắng của bóng tối bình nguyên, tôi nghe vẳng lại tiếng suối tuôn róc rách. Mơ hồ, sẽ sàng, ngại ngủ như sợ khuấy vỡ cái tĩnh lặng của thiên nhiên chưa thức. Âm thanh lén lút chợt tới, chợt mất. Tôi bật ngồi dậy, ngơ ngác vài giây. Từ dạo dọn về đây, chúng tôi chưa hề thấy có con suối nào. Cách nhà vài cây số, chỉ có một hồ nước nhân tạo. Mùa hè, một đoạn được rào kín dành cho hội khoả thân. Vào những mùa đông khắc nghiệt, hôm nào đẹp trời chúng

tôi ra đấy trượt băng và mớm mồi bày thiên nga đôi. Tuyệt nhiên, không có dòng suối nào.

Tôi bước xuống giường, xỏ dép, lê chân tới đứng cạnh khung kính mở hé.

Từ ngày bắt đầu nghiệp văn, một chiều tôi nhờ Nhuận phụ tôi dời bàn viết tới cạnh cửa sổ. Nhuận ghẹo: "Bày đặt." Tôi cười nhẹ: "Tao yêu khung cửa này. Nhìn coi, không thi vị sao?" Có lẽ Nhuận cũng vừa cảm nhận nét quyến rũ của khung cảnh từ ô kính phòng tôi nhìn ra, nên anh im lặng đứng ngắm một hồi khá lâu.

bất cần gây ra, cũng có thể vì trời nóng quá. Mùa hè năm ấy, quả có nóng thật. Từ Sài Gòn ra Nha Trang, phải đi ngang Phan Rang, Phan Rí, Phan Thiết. Trưa đứng bóng, con đường nhựa vắng hoe, trông như loáng nước. Nhưng tôi vẫn không hiểu tại sao thời tiết lại có thể tạo nên những đám cháy khủng khiếp như thế... Rồi đêm cháy rừng trong trí óc trẻ thơ tôi, không đợi tới mùa mưa, sang sáng hôm sau được dập tắt ngay bởi tiếng sóng khua bờ và tiếng gió vờn trên hàng phi lao Đại Lãnh.

Mãi cho tới đêm nay, tại một nơi xa quê hương vạn lý, những con rắn lửa bỗng loằng ngoằng từ ngách sâu ký ức tôi túa ra. Hơi nóng phà rạo rực trên da thịt còn đậm dấu hình ảnh cũ. Kỷ niệm như thương tích chưa lành, vào những khuya mất ngủ, lại loét ra nhức nhối. Tôi nhận ra đôi mắt mình phản chiếu trong tấm kính đêm, long lanh loé lên hai đốm lửa dĩ vãng. Tôi bước lại bàn, ngồi

xuống, bật đèn, lấy giấy viết bày ra trước mặt. Trên trang giấy trắng ngầy ngất, mạch suối trong tôi làm li chuyển động.

*

* *

Tiếng chim léo nhéo đầu ngày khiến tôi choàng tỉnh. Thì ra tôi đã gục đầu ngủ quên trên tập bản thảo lúc nào không hay. Tôi vuốt lại tóc rối, nhìn ra vườn cây đục lỗ sương sớm. Chỉ mới hơn bảy giờ. Tôi cúi nhìn những trang giấy chỉ chít chữ nằm vô trật tự trên mặt bàn viết. Tôi dịu dàng xếp chúng lại ngay ngắn, cất vào ngăn kéo, lòng khô cạn như lòng suối mùa nắng hạn. Vừa lúc vắng lại từ phòng ngoài tiếng chuông điện thoại. Tôi hấp tấp chạy ra nhắc máy, nghe giọng Marie nôn nóng cuối đường dây bên kia:

- Mà và Nhuận tới ngay được không?

Tôi linh cảm chuyện bất thường, hỏi dồn:

- Chuyện gì vậy? Mà đang ở

đâu, làm gì mà không về nhà?

- Trong nhà thương. Đêm qua Barbara chuyển bụng sớm, tao phải đưa nó vô bệnh viện. Phải mổ chúng mày a...

Ngưng một hồi để lấy hơi, Marie tiếp lời, nghe như pha nụ cười:

- Con trai, Trung ơi! Mày nghe rõ chứ, một đứa con trai nhỏ như trái dưa gang, kháu khỉnh vô cùng. Tụi mày vào ngay chớ?

- Ừ, ở bệnh viện nào vậy?

- Bệnh viện thành phố, khu hộ sinh, tầng 4, phòng 416.

Nói chỉ bấy nhiêu, Marie đã gác máy. Tôi hối hả vào phòng Nhuận, đánh thức anh dậy. Chưa lần nào chúng tôi làm vệ sinh sáng mau như hôm nay. Trong khi chờ Nhuận, tôi pha cà-phê và nướng vội hai lát bánh mì. Nhuận chỉ uống cà-phê, bảo tôi đem bánh mì theo ăn trong xe, kéo trẻ. Con Bóp-bi đòi đi theo. Tôi bẻ miếng bánh mì ném cho, nó mới thôi. Vào ngồi trong xe, ngắm lại mới thấy chúng tôi hấp tấp là cả một điều vô lý. Barbara chuyển bụng sớm, sinh khó, bị giải phẫu, mọi chuyện đã xong, mẹ tròn con vuông, cứ sao tôi và Nhuận lại nóng nảy vội vàng như vậy? Tôi nói điều đó cho Nhuận nghe. Anh gật đầu cười:

- Nhưng không hiểu tại sao tao vẫn lo lắng.

- Cho ai?

- Cho cả hai.

Tôi sức nhớ lại dòng suối rì rào tí tê trong tịch mịch đêm qua, nói:

- Dường như gần đây có một con suối Nhuận a!

Nhuận ngơ ngác:

- Làm gì có.

- Có mà, tối qua tao nghe tiếng suối reo.

- Vô lý quá.

- Tao cũng thấy vô lý. Hôm nào chúng mình vào rừng sức sạo thêm lần nữa coi sao.

Nhuận vẫn lác đầu:

- Đời nào có chuyện đó. Nhớ lại đi, nếu có thì dòng suối phải thật gần, mày mới nghe được tiếng nước chảy.

Tôi lẩm bẩm:

những ngày tựa cửa

tặng người bạn tao khang

Mới khoá cửa, anh vừa đi ngủ,
Em về khuya, có nhớ anh không?
Tay có mỏi vì đưa tấm vải,
Lưng có còng, vì nổi long đong?

Em có giận vì đời lam lũ
Hay vẫn vui trong cảnh cơ hàn.
Thôi hãy rón cùng anh cảnh ngộ,
Lìa quê hương, xây ghé tan đàn!

Đời đã xé như đèn bấc lụn,
Bản thảo ngàn trang, vẫn chất đầy.
Mong có dịp được nhà xuất bản,
In hộ giùm cho bớt sầu tây!

Nhìn bạn ngọc đôi môi thâm tím,
Lòng anh buồn như hạn trên đồng.
Ôi cái lạnh giữa dòng thế sự
Em có buồn, và trách anh không?

Thơ anh viết như hồn cỏ dại,
Biết có nuôi đủ lớn đàn bò?

Mà ngày tháng mỗi mòn nắng hạ,
Nông dân nghèo cứ mãi âu lo!

Nhìn bạn ngọc tuổi già lụi cụp,
Đã cùng anh đi nửa đường trần,
Hãy thương nốt
chuỗi ngày bệnh hoạn,
Mà đời người như áng phù vân!

Anh cảm thấy đời mòn một chút,
Khi chiều qua chợt chớm cơn đau
Ôi ngọn bấc vừa qua cơn bão
Và mỗi ngày thêm nổi xanh xao!

Anh chỉ tiếc chưa tròn hoài bão,
Để viết xong "Vàm đất Cả Cao"
Mà ở đó ông bà, tiên tổ
Đã một thời bình lửa lao đao!

Cầm cây viết đầu màng danh lợi,
Nhưng đời anh
chẳng được phùng thời,
Còn em nữa cũng đành bạc phận,
Nhè lấy anh nghèo rách một đời.

phùng nhân

- Ừ nhỉ.

Rồi nhủ thầm, hay con suốt chỉ có thật trong tâm tưởng tôi? Tôi đưa mắt ngó cảnh trời ban mai còn đắm sương. Lâu lâu một chiếc xe chạy ngược chiều, vệt đèn sương quét qua lao chao. Tôi im lặng bẻ bánh mì bỏ vào miệng, nhai lờ đờ. Những nhân vật trong câu chuyện dở dang đêm qua trôi ra trong trí tôi như những bóng ma giờ mười ngón khắng khiu lên mặt đất văn chương. Tôi thấy cặp mắt mình mở trừng mắt ngủ, thao láo trong đêm như hai mắt thú. Con quốc lộ ấu thơ nằm phơi xương giữa cánh rừng cháy, lửa tấp như lưỡi liếm trên ngàn cánh tay cây. Giọng nói cha tôi trầm trầm giải thích như đang thuyết pháp. Cảm xúc ngôn ngữ rục lên hừng hực, bén lửa, cháy dần, rồi hoá thành những dòng chữ sôi nổi hiện trên mênh mông giấy trắng.

Tôi bận bịu với những suy tư còn tươi màu, tới bệnh viện lúc nào không hay; đợi Nhuận nhắc, tôi mới mở cửa bước ra. Marie chờ chúng tôi với điệu bộ nôn nóng trong phòng khách tầng bốn. Màu mặt cô sau một đêm thức trắng tái nhợt mệt mỏi, nhưng ánh mắt long lanh hạnh phúc. Cô liền thoáng dẫn tôi và Nhuận vào phòng nuôi trẻ sơ sinh, chỉ đứa bé nằm rúm ró trong lồng kiếng đặt nơi góc phòng, nói khẽ:

- Florian.

Tôi và Nhuận cùng lướt lặp lại cái tên mới mẻ mà như đã thân thuộc từ bao giờ. Chúng tôi tới gần quan sát kỹ hơn. Giữa mớ dây nhợ nối chằng chịt từ ngực, mũi và hai thái dương với giàn máy kênh cang bên ngoài là một khối thịt hon hỏn quần tã nằm co quắp trên tấm chăn trắng. Tóc râu bấp loe hoe trên đỉnh đầu. Hai mắt nhắm nghiền, trán nhăn lại như đang suy nghĩ điều gì. Tôi đùa:

- Chắc sau này thằng nhỏ sẽ thành triết gia. Mới chào đời mà đã ưu tư nhân cả trần thế kia.

Nhuận thủ thỉ:

- Tao thấy nó giống con khi mới đẻ.

Marie cười khì:

- Một con khi đáng yêu.

Tôi giờ một ngón tay lên trời:

- Tội mình đặt cho nó cái hỏn danh là “khi con”, chịu không?

Nhuận gật đầu. Marie ngăn ngữ:

- Phải hỏi lại Barbara cái đã.

Bây giờ chúng tôi mới sực nhớ tới người mẹ, hỏi đồn:

- Barbara nằm phòng nào, để tao vào thăm.

Nhuận kêu lên:

- Chết, quên mua hoa.

Marie nhỏ giọng:

- Nó chưa tỉnh hẳn. Bác sĩ bảo, mai mới được vào thăm.

Vừa lúc ấy, người nữ y tá bước vào mời chúng tôi ra ngoài, đã đến giờ kiểm soát lại y cụ. Chúng tôi nấn nán không mục đích thêm một lát ngoài hành lang nồng mùi thuốc sát trùng, rồi rủ nhau ra về. Marie than mệt, cô ngã dài ra nệm ghế phía sau, nhắm mắt. Tôi bảo:

- Ừ, ngủ đi!

*

* *

Giữa đêm tôi lại tỉnh giấc. Vẫn tiếng suối ảo tưởng lay tôi dậy. Vẫn đêm cháy rừng nóng rất xa xưa làm tôi bồn chồn, cả người rịn mồ hôi ảm. Có nỗi thôi thúc nào bắt tôi thay áo quần, xỏ giày, khoác áo choàng, đẩy cửa bước ra trời đêm. Con chó nhỏ quẩn quýt dưới chân, hỏn hỏ theo sau. Đêm trăng khuyết nhạt màu. Tiếng côn trùng thỏn thức quanh quất. Ngọn đèn đường tó vàng mặt lộ mê ngủ. Tôi bước khẽ, sợ phá vỡ giấc mơ hoang đàng của đường khuya. Tiếng suối trong tai tôi chợt tan chợt hiện, hoà với tiếng không gian chuyển động trong dòng sinh hoá cuồn cuộn mãnh liệt. Tôi bước nhẹ theo bóng mình chỏn vỏn đỏi thay dưới dãy đèn yếu ngọn. Tiếng suối nghe gần hơn. Hiện ra rõ rệt trong trí tôi là làn nước xối lách chách vào những gỏp đá. Bọt nước trắng xoá tung toé. Tôi rẽ vào lộ đất, men theo tiếng gọi của ảo thính. Không, không phải ảo thính, cũng không phải ảo tưởng. Trái rộng trước mặt tôi là một con suối hẹp, lấp lánh như vẩy rắn dưới ánh sáng thỏi thỏp

đêm tháng mười. Con Bỏp-bi kêu lúu quúu dưới chân tôi. Sừng sỏ lúc lâu, tôi dò dỏm ngồi xuống phiến đá ven bờ, bung cỏm ngỏm nghía tỏm thân trần truồng uyển chuyển của con suốt đã dan díu cùng tôi bấy lâu nay. Tôi nghĩ tới cái nhú mảy khó hiểu của đứa trẻ mới ra đời sáng này. Tôi nhớ lại những dòng thư chân tình của Tường Vân. Tôi mất hút trong vỏm tình tú mùa hè năm nào, xa vỏi mà hấp dẫn gần gũi như một thân thể gợi cảm. Tôi ve vuốt ngỏn cổ con Bỏp-bi, yên tâm nhận ra hơi ảm quen thuộc. Chợt giây phút này, tôi nhận thực điều lạ lùng của đời sống. Lý do nào đã khiến tôi lưu lạc sang đây? Tại sao tôi đã gặp Nhuận, lại còn quen thêm Marie? Dun rỏi nào đã bắt chúng tôi đồng ý nhận nuôi Florian, dỏ biết rằng đứa bé ấy sẽ có một thời niên thiếu không lành lỏn, suỏn sẻ? Đó là chưa kể những bận tâm và nghi hoặc khác. Tôi ỏm đầu, nhắm mắt lại, không dám nhìn thẳng vào dòng nước luân lưu triền miên kia nữa. Có khi nào suốt ngủ? Ồi, đáng thương biết chừng nào cho những con suốt suốt đời mất ngủ.

*

* *

Tôi quả quyết với Nhuận rằng trưa qua chính mắt tôi đã trông thấy con suốt ấy. Nhuận ngỏ tôi, giọng nghi ngờ:

- Mảy chỉ khéo mơ.

Tôi lỏc đầu, bào chữa yếu ớt:

- Không, đời nào có chuyện mơ mộng kỳ cục vậy.

Tôi chắc lưỡi gọi Bỏp-by tới. Con chó vẩy đuôi chạy lại, ngỏng đầu nhìn, tia mắt háo hức. Tôi chán nản bất chợt, xoa đầu nó rồi đẩy ra, thều thào:

- Chỉ có mình mảy tin tao thôi, phải không?

Nhuận phì cười:

- Tao thấy mảy càng lúc càng ngỏ ngỏn, Trung ạ.

Tôi dang tay phân trần:

- Nhưng tao biết làm thế nào để mảy tin tao bây giờ? Tối qua chỉ có mình nó với tao tìm thấy dòng suối.

Nhuận xô ghế đứng dậy, ra lệnh:

- Nếu thật vậy, mày dẫn tao ra đó, ngay lập tức!

Tôi láu táu rất trẻ con, xô cửa xông xáo đi trước dẫn đường. Trưa nắng dịu phủ ánh sáng chan hoà lên những chòm cây nhạt màu, không còn những vòm bóng tối đầy bất trắc của đêm qua. Những trụ đèn tắt ngóm, cong mình lẻ loi. Con đường phơi bày trọn vẹn những lỗ loét mấp mô, trông lạ hẳn. Tôi đứng lại, định hướng giấy lát. Tiếng động ngày át mất tiếng thầm thì của suối. Đoạn đường chừng hơn trăm thước mà tôi phải dừng chân định lối mất ba lần. Có rào ngăn nào choán mờ trí nhớ tôi. Nhuận cứ nhìn tôi rồi lắc đầu. Ánh mắt nửa tra vấn, nửa thương hại. May thay, con Bóp-bi đã nhanh chân chạy trước mở lối. Tôi nhận ra loáng thoáng nét quen thuộc của lối đất nhiều sỏi này. Khi con chó nhỏ dừng lại bên phiến đá con, tôi thấy mình đứng trước một trũng đất lõm ngoằn ngoèo dựng đầy sỏi đá. Nơi đây, khi vừa dọn tới, đã có lần chúng tôi ra nhặt sỏi đem về trang trí bồn hoa ngoài vườn cỏ.

Tôi nhún vai ngó tìm quanh quất. Chỉ thấy đất, đá và cỏ cây động dậy rì rào theo gió nhẹ. Không đợi Nhuận hỏi, tôi đã vụng về lên tiếng:

- Mới một đêm mà đã khô cạn rồi.

Bỗng nhiên Nhuận phá lên cười. Tôi ngơ ngác nhìn anh vài giây, rồi cũng bật cười theo, nước mắt ràn rụa. Chúng tôi ngồi xuống, mỗi người một phiến đá con, dưới bóng mát tàn cây thưa. Tôi kể cho Nhuận nghe cảnh rừng đêm tuổi thơ bốc lửa sáng ngời. Nhuận nhắc lại những dục cảm thời thơ ấu khi tò mò bắc ghế, khuôn quyền tự điển Larousse đầy cộm của cha xuống, nằm chống cằm lật từng trang ngắm nghía những tấm ảnh chụp tranh tượng nam nữ loã thể thời cổ La-Hy.

- ...Tao nằm sấp dưới sàn nhà lát gạch bông mát lạnh, một tay chống cằm, một tay lật sách, nhú mắt chăm chú ngắm những tấm hình chụp đàn bà, đàn ông khoả thân tuyệt đẹp. Cả người tao chột rung động. Lần đầu tiên tao cảm nhận một cảm giác thật

kỳ lạ. Một chút ngáy ngất, một chút ngứa ngáy chen lẫn với một chút khoan khoái. Ừ, mà lúc đó tao nào biết diễn tả cảm xúc bằng những trạng từ rắc rối như vậy, chỉ biết rằng mình đang sướng khoái. Từ đó, cứ mỗi lần rảnh rang là tao lại khệ nệ khiêng cuốn tự điển xuống, để hưởng lại cảm giác lạ lùng lôi cuốn ấy. Sau này mới biết những hình chụp tranh và tượng điêu khắc ấy là thần Vệ-nữ, Adonis, Apollo... trích từ thần thoại Hy-lạp.

Nhuận ngừng nói, đứng dậy rảo bước tiến lên ngọn đồi thấp. Anh bẻ một cành cây, quất trót trót vào những vòm lá chắn lối, mở đường. Đỉnh đồi này, từ hiên nhà trông ra, chúng tôi vẫn thấy hàng bữa, nhưng chỉ trèo lên mỗi một lần lúc mới tới. Không có gì ngoạn mục ngoài cảm giác hun hút trơ trọi giữa đất trời hiên lộng. Trời trưa nay giăng nhiều mây. Chúng tôi đứng lặng lẽ bên nhau trông xuống bình nguyên vàng lá, dõi theo ánh nắng và bóng mây lướt theo gió như chơi trò đuổi bắt. Tiếng nói tôi bật đi:

- Lần đầu của mày khi nào? Với ai?

Nhuận đáp không nhìn tôi:

- Rất muộn, năm hai mươi tuổi, với một con diêm.

- Ở đâu?

- Tại thành phố trọ học đầu tiên nơi đây.

- Mày thấy thế nào?

- Không thoải mái, vì bị thúc hối quá.

Chúng tôi cùng bật cười, cảm thấy vô tư như nắng và mây bốn cột đuổi nhau trên mặt đất hoang dại. Tâm hồn tôi rộng rang trong suốt như một lọ thủy tinh. Không có khuôn mặt trẻ sơ sinh chau mày. Không có tiếng suối thầm thì mê hoàng. Không có những vòm mát trũng trũng trong đêm náu tôi lên từ biển mộng tối... Nhưng chỉ một lát, định tâm lại, tôi nhận ra đáy lòng mình vẫn còn đầy đặn một khối đam mê, với ngôn ngữ, với văn chương, với những hệ lụy của cuộc đời cần được chia sẻ. Tôi dự định khuya nay

sẽ thức dậy hoàn tất câu chuyện đã khởi sự từ mấy đêm rồi để sáng mai gửi ngay, trước khi tôi đổi ý.

*

* *

Từ ty bưu điện, tôi đi bằng xe buýt tới bệnh viện thành phố. Người nữ y tá trưởng khu cách ly hỏi tôi có liên hệ gì với Barbara. Tôi nhỏ giọng bối rối:

- Một người bạn.

Người đàn bà nghiêm mặt:

- Trong trường hợp này, bạn bè không được vào thăm.

Tôi cao giọng:

- Nhưng cô ấy không còn ai là bà con cả.

Ánh mắt nghiêm khắc của người nữ y tá dịu xuống, giọng mềm lại:

- Thôi được, nhưng chỉ mười lăm phút thôi, vì cô ta còn yếu lắm.

Tôi cảm ơn bà ta bằng nụ cười tươi, theo chân bước vào phòng bệnh. Phòng rộng, kê sáu chiếc giường đối nhau. Giường nào cũng có người nằm. Những khuôn mặt ốm và những cánh tay lỏng không phơi ra chân nệm trắng. Những tia nhìn dật dờ vô định như trôi nơi cõi ngoài.

Giường Barbara nằm kề cạnh cửa sổ. Nàng ốm thấy rõ. Gương mặt chỉ còn hai trũng mắt sâu. Tóc thưa sợi, rớt mỏng trên trán. Màu da xanh mướt như lá non. Thấy tôi, hai trũng mắt nhen lên, miệng nhoẻn cười yếu. Tôi mở giấy bọc bó hoa cẩm chướng đỏ, nhờ người y tá đem cắm vào bình, rồi cúi xuống áp má lên mặt Barbara. Nàng thều thào vào tai tôi:

- Gặp lại mày, tao mừng lắm.

Thịt da Barbara truyền cảm giác lạnh sang da thịt tôi. Tôi buông nàng ra, ngồi xuống cạnh giường, ngẩng nhìn chai nước biển nhều từng giọt, từng giọt như rót thêm thời gian vào mạch máu nàng. Tôi giữ bàn tay Barbara trong tay tôi. Chúng tôi im lặng nhìn nhau hồi lâu. Dáng điệu lơ lửng của người thiếu phụ ngoài vườn cây hôm nào trở về ngả đầu vào vai tôi; tôi nghiêng mặt tránh nụ hôn bất ngờ. Một tiếng chim nhón hoắt chọc vào mảng không

gian tẻ điếng lặng lẽ. Tôi quay mặt trông ra, chỉ kịp thấy đôi cánh đập xoạt, một đốm nâu bắn lên không rồi biến mất phía trên khung kính.

Tôi quay lại, vỗ nhẹ lên mu bàn tay nổi gân xanh của Barbara, hỏi:

- Mày khoẻ chứ?

Barbara lắc đầu:

- Không khoẻ lắm.

- Mày thấy mặt Florian chưa?

Barbara lại lắc đầu:

- Họ bảo đang nuôi nó trong lồng kiếng. Phần tao, vì đuối sức quá, chưa đi đâu được.

- Thằng bé trông đáng yêu lắm.

- Mày thấy nó giống tao không?

Tôi thành thật đáp:

- Tao không nhận ra, nó còn bé quá.

Chợt Barbara chép miệng than:

- Tội nghiệp!

Tôi mỉm cười an ủi:

- Mày đừng lo, tụi tao hứa sẽ chăm sóc nó đàng hoàng, may ra... Tôi lấp lửng bỏ ngang. Barbara cười gượng:

- Ủ, may ra.

Tôi cất giọng vui vẻ:

- Tao tin vào phép lạ, Barbara ạ!

- Có khi nào tao tin vào thượng đế đâu, nói chi tới phép lạ. Nhưng lúc này, tao tin. Tao biết mày không phải là người theo Thiên Chúa giáo, nhưng nếu mày có đọc kinh, nhớ cầu nguyện cho tao và xin ơn trên ban phúc cho Florian.

Tôi cảm động, chỉ gật đầu, không thốt nên lời. Vừa lúc người nữ y tá đem vào bình hoa đặt lên bệ cửa sổ và cất tiếng nhắc tôi đã hết giờ thăm bệnh. Tôi đứng dậy, áp má hôn từ giã Barbara, thấy hai mắt nàng rục lên long lanh. Tôi rút ra từ túi áo choàng quyển sách mỏng sưu tập những chuyện cổ tích của dân da đỏ, trong đó có cả truyện *Người đàn ông bướm*. Barbara nháy mắt, mỉm cười cảm ơn tôi. Tôi ngó ý cùng người nữ y tá, muốn qua phòng nuôi trẻ thăm Florian. Bà ta bảo nó vẫn còn nằm trong lồng kiếng, cứ tự nhiên vào xem.

Da dẻ đứa trẻ trông tươi tắn hơn hôm kia. Không còn nét chau mày

nắng lụa

*Em ngồi xõa tóc buông lơ,
Nghe chiều rót rụng trên đôi cổ tranh.
Ngoài kia, nắng lụa vàng hanh,
Trong này, nước mắt cũng dành rưng rưng.
Quê em, xa lắc nghìn trùng
Nỗi thương, nỗi nhớ, chờ mong một ngày.
Rồi mai, em bỏ nơi này,
Lấy ai nhìn nắng chiều phai trên đời?*

nguyên tư

nhân nhú. Dáng nằm bết co rúm. Nhưng hai mắt vẫn nhắm nghiền như còn đắm đuối trong chuỗi mộng dài. Đáng yêu nhất là hai bàn tay với mười ngón mảnh mai xinh xắn. Làn da mỏng tới nỗi thấy cả những huyết mạch mấp mề li ti. Tôi kê đầu sát lớp kính ngăn, ngắm kỹ cái sinh vật vừa góp mặt vào cuộc sống này. Nó có nhận thức được điều ấy? Nó đã là một con người toàn vẹn chưa, hay vẫn còn thiếu sót một bản năng nào đó? Ý thức? Tôi không biết phải mù quáng chấp nhận hay lặng lẽ phản đối những gì thuộc về tâm linh không thể giải thích và chứng minh được. Nhưng tôi cũng không thể lãnh đạm như con cuốn chiếu suốt đời không hề bận tâm tới những ưu tư của cặp chân sau cùng.

Khi rời bệnh viện, lòng tôi phân vân giữa hai cảm tính buồn vui, khổ đau và hạnh phúc. Tôi thông thả đi ngược về phố chính. Bầu trời mới nãy còn ngập nắng sáng, chợt loé mây mù, đổi màu bầm dập. Tôi vào trú mưa dưới mái hiên một văn phòng du lịch. Thỉnh thoảng nền trời nứt ra đường loé, tiếp theo là tiếng gầm gừ rồi nổ ầm chát chúa. Tôi hồi tưởng lại những cơn mưa ầm què nhà. Mưa sáng và mưa chiều đều buồn như nhau. Tôi với trái tim thanh xuân và khối óc phẳng phiu đứng trú mưa dưới gốc cây cổ thụ chờ cha đi làm về ghé đón. Có nhiều buổi chiều, đường phố đã lên đèn mà tôi vẫn còn cô quạnh đứng trông. Mỗi một chiếc xe sơn trắng trườn tới

là tôi lại thấp thỏm hy vọng. Cuối cùng tôi đành ngoắc một chiếc xích-lô, nhớ lời má dạy cách trả giá, bắt đầu chỉ phân nửa rồi từ từ tăng lên. Thuở nhỏ, tôi rất thích đi xe xích-lô, nhất là những khi trời mưa, phải ngồi chùm nhúm cùng chị hay bên cạnh má trong một diện tích chật, căng bạt ba bề, vô cùng ấm áp. Chiều mưa hôm ấy, chỉ mình tôi ngồi trong lòng xe. Tôi lẩm nhẩm hát theo tiếng mưa rơi rào rạt trên mái vại. Tôi hồn nhiên vô tư như con châu chấu nhảy nhót trong cánh đồng ngan ngát cỏ mới, chỉ biết múa hát vui chơi và phản ứng hoàn toàn theo bản năng.

Những mùa mưa quá vắng theo cơn mưa sáng nay đột ngột trở về. Bên ngoài và bên trong hồn tôi trút ào ạt hai cơn mưa dĩ vãng và hiện tại. Cái ấm áp sinh quán không đủ sức xua đuổi nỗi băng lạnh tha hương. Tôi rợn người quay lưng nhìn lơ lảo mấy mẩu quảng cáo du lịch dán trên cửa kính. La Palma, Gran Canaria, Mallorca, Malta... Những địa danh đầy âm nhạc tính ấy gợi thức trong tôi nỗi thèm khát đi xa. Đã nhiều năm qua tôi chỉ lui tới quần quanh thành phố này như con kiến đánh vòng ngớ ngẩn đầy chén hẹp. Đã lắm khi tôi bỗng sợ hãi lòng xe điện tù túng hơi người và những ô kính khép chặt ám hơi nước mùa đông. Tôi sợ màu tuyết trắng thê lương phủ lên đỉnh đồi xa xa khi tôi vén màn cửa sổ trông ra. Tôi sợ dấu chân thú lạ để lại trên vườn tuyết khi tôi khoác áo, quần khăn quàng, băng



qua vườn vào nhà kho cho thú ăn. Không biết rồi những mùa đông tới, cái chân tình nồng nàn của Marie, của Nhuận có đủ sưởi ấm những bản khoăn càng lúc càng lớn dần trong tôi?

Ngần ngừ một lát, tôi đẩy cửa bước vào hỏi thăm giá cả vài chuyến du lịch trong mùa đông tới. Tôi xin hết các tờ quảng cáo, lòng nhen nhúm lửa khi nhìn cảnh biển xanh và hàng dừa nghiêng cành trên bãi vắng. Ngoài kia trời còn lác rác thưa hạt. Tôi cắm cúi len lỏi dưới những mái hiên che, tìm đến trạm xe điện quen.

*

* *

Lúc nào Marie cũng hấp tấp ăn buổi chiều cho kịp giờ đi làm. Vào mùa đông, trời tối sớm, và nhằm những hôm thời tiết xấu, Nhuận lái xe chở Marie đến quán rượu. Bằng không, cô đi xe buýt.

Marie để tôi toàn quyền nấu nướng, chỉ dặn tôi, vào những ngày cô làm việc đừng bỏ tôi khi pha nước mắm. Đã có lần cô bị khách phàn nàn vì mùi tỏi. Từ từ tôi quen với cá tính của hai người bạn sống chung. Marie thích ăn rau trái và ưa ăn vặt. Nhuận hảo các món chiên, món nước và đặc biệt là mấy món cuốn bánh tráng chấm nước mắm hoặc tương đen. May mắn thay, khẩu vị của tôi là tổng hợp của sở thích hai người.

Bữa cơm chiều nay có canh cải chua nấu với sườn heo non và cá chim chiên đậm nước mắm không tỏi. Marie chỉ sử dụng dưa lúc thối thả. Ngày thường cô dùng muống mứt cơm như một đứa trẻ. Trời đã hết ấm, đã qua những bữa điểm tâm, bữa trưa, bữa chiều dọn ăn ngoài hàng ba. Chỉ còn lại cái không gian chật chội nhưng ấm cúng thân tình trong nhà bếp.

Nhuận bảo tôi chiên cá hơi già lửa. Tôi đáp, đã cố ý chiên như vậy vì tôi thích vị và đuôi cá giòn rụm, nhai cho sượng miệng. Marie không có ý kiến, lẳng lặng lấy muống mứt cải chua cho vào chén, rưới nước mắm lên rồi múc ăn ngon lành. Xong vài muống, nàng nói nhanh như sợ quên:

- Phải có một đứa trong bọn mình đi học cách nuôi con nít.

Tôi và Nhuận đưa mắt nhìn nhau. Chưa ai lên tiếng thì Marie đã tiếp lời:

- Tốt nhất là cả ba đều phải biết, nhưng chỉ một đứa đi học thôi, sau đó về dạy lại hai đứa kia.

Nhuận nhún vai:

- Tao phải đi làm cả ngày.

Marie phụ họa:

- Tao cũng vậy.

Rồi cả hai qua nhìn tôi, chờ đợi. Tôi buông chén dưa, đầu gật gật:

- Ủ, tao tối ngày ở nhà không làm gì, phải đi học cách thay tã, cho trẻ sơ sinh bú... Có phải tụi mày muốn như vậy không?

Marie nở nụ cười khuyến khích:

- Không có cái học nào vô ích cả, mày vẫn nói thế mà.

Nhuận thêm vào:

- Mày đã đảm nhận chuyện cơm nước, dọn dẹp nhà cửa, bây giờ thêm việc nuôi trẻ, đầy đủ công dung ngôn hạnh, còn muốn gì nữa?

Tôi phì cười, chỉ còn cách pha trò:

- Tụi mày làm quá, có ngày tao biến thành đàn bà, thì đừng có... tiếc.

Marie lắc đầu bốn cọt:

- Mày thành cái gì cũng được, miễn đừng... cực đoan thôi.

Nhuận càng cười lớn:

- Nữ tính cực đoan là như thế nào?

Marie đáp ngay:

- Là chỉ biết đi chợ và lo chuyện loanh quanh trong nhà, các chuyện khác thì mù cảm.

Tôi hỏi các cố:

- Còn nam tính cực đoan?

Marie vọt miệng:

- Tao cũng chống luôn. Mầu

dấu yêu

Ta còn lại
chút mùi hương
Bâng khuâng
gởi gió
ngập đường tung bay
Mênh mông
sóng vỗ
trắng đầy
Cho em
giọt mật ngọt
hoài
vội trăng
Ấp chần ử gối em nằm
Đem yêu dấu
quyên
duyên đắm thắm
trao
Em ơi
sông chảy về đâu?
Cuối dòng thác đổ
có vào
biển khơi?

t.t. mây trên ngàn



người lý tưởng của tao là phải biết thực hành nhiều chuyện, càng nhiều càng hay.

Nói xong cô ngược nhìn đồng hồ treo trên vách, rồi làm bầm than thờ:

- Thượng đế ơi, sắp tới giờ xe chạy rồi. Mê nói chuyện, ăn chưa xong chén cơm.

Nhuận lên tiếng đề nghị:

- Hôm nay tao chở mày đi làm. Nói nữa đi!

Marie cười hồn nhiên:

- Hết hứng rồi.

Và cầm cúi múc cơm ăn tiếp. Một khắc im lặng ủa vào căn bếp chật. Trong chốc lát ngán ngủi, tôi bắt được tiếng muống thiếc chạm lạnh canh vào chén sứ của Marie, tiếng húp canh xì xụp nhỏ nhỏ của Nhuận và tiếng nhai thức ăn trệu trạo của chính mình. Khi ngược nhìn ra ô cửa, tôi thấy vệt nắng chiều vàng nghệ đậu trên hàng chậu trồng hành và vài thứ rau thơm kê trên kệ. Một cảm giác bình an mới mẻ theo mẫu nắng đi lạc dấy lên trong lòng tôi. Tôi bỗng độ lượng không ngờ, thấy mình yêu cả những an bài khát khe của số mệnh. Khuôn mặt héo hon của Barbara và giấc ngủ đầu đời tỉnh khời của Florian hiện ra cùng lượt trong trí tôi, loè nhoè nhập thành một. Cũng là hai mắt nhắm, mà một khai sinh và một ra đi vĩnh viễn.

Tôi thử người nghĩ ngợi mông lung đôi lâu, miệng vẫn nhai mà đầu óc trôi tạt nơi đâu. Khi Nhuận và Marie xô ghế đứng dậy, lao xao rời nhà bếp, tôi mới rùng mình trở về với thực tại. Tôi múc canh vào chén, nâng lên miệng bằng hai tay như uống trà. Xong, tôi đứng lên, chậm rãi dọn dẹp chén đĩa. Tôi cho một băng nhạc đàn tranh vào máy cát-sét đặt trên kệ gỗ, thư thả rửa chén. Tim tôi réo rắt theo cung điệu *Thu hồ*. Không biết từ bao giờ tôi chợt mê đắm dân ca và nhạc cổ truyền Việt nam. Mỗi lần nghe đào thương ni non câu vọng cổ, tôi lại ứa nước mắt. Và tôi bàng hoàng nhận ra cảm xúc mình cũng dao động tương tự khi nghe khúc giao hưởng số 6 *Pathétique* của Tchaikovsky. Nhuận bảo tôi có

một đời sống tinh thần rất phong phú. Tôi mỉm cười cho rằng tôi là người có cái nhìn rộng thoáng, dễ chấp nhận các tư tưởng khác.

Tôi rửa tay, cầm khăn đến cạnh cửa sổ, vừa lau tay vừa tần ngần ngắm màu nắng đục dần ngoài vườn cây. Lũ chim hoàng hôn rộn lên léo nhéo trong lùm bụi. Nắng hắt một mảnh vàng hực lên nóc nhà kho như nấn nấn trao gởi niềm hoan lạc sau cùng. Ngôi nhà buổi chiều vắng lặng mệt mỏi. Nhưng trong cái tịch mịch ấy, tôi mới thật sự nhận ra chính mình. Tiếng kêu nội tâm tôi rung lên âm ì như cơn chấn động của núi đá. Thoắt cái, những mộng tưởng những đam mê những phiền toái cùng lúc trở về theo màu chiều tàn tạ ngoài kia và bóng tối lơ lửng tràn lan trong này. Tôi rã rượi nghĩ tới mơ ước thanh xuân: sống giản dị trong một ngôi nhà ven biển với một người bạn hiểu mình tuyệt đối. Marie vẫn bảo, sự tuyệt đối nào cũng cực đoan. Nhưng ai cấm tôi cực đoan trong mộng tưởng mình? Tôi hình dung ra ngôi nhà sơn trắng, ngói đỏ rêu bám, nằm lưng chừng ngọn đồi thấp trông xuống đại dương xanh. Cổng vào trồng một giàn bông giấy màu san hô. Tối mùa trăng hàng tháng, chúng tôi sẽ bắc ghế ra sân ngồi ngắm vàng nguyệt soi trên biển. Và sau khi cạn vài chung rượu, sẽ thấy chòm bông giấy rực lên như thấp sao, sẽ thấy bày đóm đóm miền biển lập loè trên cỏ như hồ nước lênh đênh nển sen mùa Phật đàn, sẽ thấy tâm hồn mình là bóng ma dạo chơi cùng thiên nhiên vô cùng vô tận, sẽ thấy đời sống vô biên thành thời biết chừng nào.

Bóng tối tới nhanh hơn tôi tưởng. Thoáng cái đã lấp đầy. Tôi lười lười vắt khăn lên lưng ghế, vào phòng bật đèn xem xét lại mọi nơi, thấy vẫn còn chỗ để một chiếc nôi và một chiếc bàn con. Vừa lúc trí tôi loé lên một ý nghĩ đẹp, tôi sẽ viết một câu chuyện nói về tính khác biệt của thế giới tâm linh muôn màu với đời sống thực tế đồng dạng vô sắc.

*
* *

Hai tuần sau ngày gởi truyện ngắn đầu tay cho nguyệt san *Ngôi Bút*, tôi nhận được đôi dòng trả lời của ông chủ bút:

Thưa anh Nguyễn Trung,

Chúng tôi đã nhận được bài viết của anh. Tôi thích lắm, nhất là cái không khí truyện. Tôi sẽ cho đi trong số tới. Truyện đầu tay mà viết được như vậy, tôi tin rằng anh sẽ còn tiến xa hơn nữa, chỉ hy vọng anh đủ hăng say và đam mê để đi cùng chúng tôi đoạn đường văn chương. Xin anh cứ tiếp tục cho những sáng tác mới. Có dịp sang đây, mời anh ghé lại toà soạn, sẽ trò chuyện nhiều hơn.

Thân kính,

Lê Ngọc Định

Tôi đưa thư cho Nhuận đọc. Anh gật gù, giọng treu ghẹo trịch thượng: "Khá lắm, khá lắm." Tôi bực bội giật lá thư lại. Đó cũng là lời phê bình của anh khi tôi rụt rè nhờ anh xem lại bản thảo truyện ngắn đầu tiên. Tôi ngấm lại cái không khí trong truyện ấy. Nhiều đêm hơn ngày. Nhiều bóng tối hơn ánh sáng. Mông lung ảo tưởng và rất ít thực chất. Tôi nhớ mình đã viết nó vào những đêm mất ngủ vì bị tiếng suối mê hoang đánh thức. Có lẽ vì vậy mà tôi đã tạo nên nhân vật người vợ, tuy đang sống hạnh phúc với chồng nơi đất khách, vẫn khác khoải vọng tưởng về một điều gì không rõ. Dường như là nỗi mất mát lớn góp lại từ những mảnh vụn đánh rơi vì thời gian trôi quá mau và không gian thay đổi quá nhanh chóng. Chợt trong chốc lát thanh thoi, tôi hồi tưởng lại, mới hay những mộng mơ hoa niên đã héo úa, màu rực rỡ của đoá hoa không tưởng ấy đã nhạt phai, bị lớp mù sương mê vọng của cuộc nhân sinh phủ lấp. Nghĩ thế, nhưng khi đặt viết ghi lại, tôi thấy từ ngữ mình vẫn còn tính giản dị, trong sáng. Tôi nhập vào tâm hồn rạo rực khó tả của người vợ khi đứng tựa vai chồng ngắm đất trời thao thức trong đêm trăng tròn. Tôi nhập vào tia mắt

bối rối khó hiểu của người chồng khi nhìn ra vẻ thất thần nhợt nhạt trên gương mặt vợ. Tôi hoá thân thành cái móng tay đàn bà bầu vào phần lưng đàn ông rịn mồ hôi đêm hè trong cơn ái bất loạn. Tôi là đứa trẻ vô tư nhảy nhót giữa những dòng mực chưa ráo lệ cảm xúc. Và rõ ràng hơn cả, khi viết, tôi cảm thấy mình cô đơn cùng cực. Dòng sinh lực lẽ bạn sôi sục trong người, dâng nước lớn, rồi toé nghìn giọt chữ đê vỡ tràn ra giấy trắng.

Tôi ngồi trước tập giấy mở toang, nghe tiếng gõ cửa nhẹ nhàng quen thuộc của Nhuận, quay lại. Nhuận kêu lên:

- Trung!

Tiếng gọi lay tôi tỉnh dậy từ giấc mê văn chương. Tôi ngó Nhuận, không nói. Anh tới cạnh, đặt tay lên vai tôi, nghiêng đầu tới trước nhìn vào trang giấy. Chỉ một màu trắng toang hoác.

Anh hỏi nhỏ:

- Sao không thấy gì cả?

Tôi nói như phân trần:

- Định viết thì mảy vào, mất hứng bất chợt.

Nhuận vỗ vai xin lỗi tôi, buông người ngồi xuống giường kê cạnh. Chụp đèn soi không đủ sáng, khuôn mặt anh ẩn trong bóng tối nhạt. Tôi xoay ghế, duỗi dài thoải mái, hai tay đan chéo trên bụng. Tôi ngó chăm chăm vào mắt Nhuận, thấy rục lên hai chấm sao không bao giờ gặp gỡ trên trời đêm năm nào. Tôi buông tiếng:

- Mày đi làm về rồi ghé đâu?

Nhuận cười khoả lấp:

- Ghé ngang bệnh viện thăm Barbara và thằng nhỏ.

lửa thu

*Hồng lên đi rừng thu
Vàng se gió gọi về
Lòng mong chừng chín đủ
Tàn hơi một cơn mê...*

cung vũ

- Chỉ có vậy mà mắt hơn ba tiếng đồng hồ sao?

- Tao trò chuyện khá lâu với Barbara.

Nói xong, anh nghiêng người rút từ túi quần ra xâu chìa khoá giờ trước mặt tôi, rung lách cách. Tôi lắc đầu tỏ ý không hiểu. Nhuận ném chìa khoá về hướng tôi. Tôi xoè tay bắt lấy, đây thấy mắc. Nhuận khom lưng, hai tay chống trên gối, bung mặt, cất giọng chậm rãi:

- Chìa khoá nhà Barbara. Nó biết tao có xe nên nhờ tao thỉnh thoảng ghé ngang nhà lấy thư, tưới cây giùm. Đáng ngạc nhiên, phải không Trung? Nó tâm sự, từ lúc mang bệnh liệt kháng, bị bạn bè xa lánh dần, kể cả những người bạn mà nó vẫn tưởng sẽ cùng nó chia sẻ mọi điều. Giờ đây, hầu hết đều ngoảnh mặt. Lâu lâu mới có đứa tới thăm, lại là những người quen phát phơ qua đường. Chỉ có bọn mình là vẫn giữ tình thân cũ, trước sau y vậy.

Tôi xúc động, mân mê xâu chìa khoá trong tay. Hơi kim loại gây gây lạnh. Tôi phá vỡ bầu không khí ảm đạm, nói:

- Rồi bây giờ mày muốn "bán cái" cho tao chuyện tưới cây chứ gì?

Nhuận cười chống chế:

- Suốt ngày tao lu bu lo chuyện giấy tờ cho người đồng hương, thì giờ đâu... À, Barbara còn dặn tao nhắn mày chuyện này, nó có một quyển nhật ký cất trong ngăn kéo khoá kín; một khi nó qua đời, mày đem về đọc, nếu thích thì cứ sử dụng làm đề tài sáng tác.

Tôi hỏi như trách:

- Tại sao nó không nói thẳng với tao?

Nhuận nhún vai:

- Không biết.

Tôi cất chìa khoá vào học bàn, có cảm giác mình là người vợ tò mò của con yêu râu xanh, bật cười khẽ. Nhuận hỏi tại sao. Tôi đáp:

- Không đáng cười sao, vì chỉ với một thôi sát con, người ta có thể biết được trọn vẹn thăng trầm của một đời người.

Nhuận thở ra:

- Mày lại so sánh văn vợ nữa rồi. Nếu mày có đem Barbara vào văn chương, cố đừng gieo rắc những suy tư bi quan. Lãng mạn thì được, nhưng không nên yếm thế thái quá, vì đời sống không phải chỉ bao nhiêu đó.

Tôi lắc đầu, ngó Nhuận đắm đuối:

- Tao sẽ không đem Barbara vào văn chương, vì văn chương coi vậy chứ chật hẹp lắm, không thể chứa trọn giấc mộng muôn màu muôn vẻ của Barbara đâu.

Vừa nói, trong trí tôi vừa hiện lên ngàn cánh bướm chấp chới, lập loè phấn rắc, xúi giục phạm tội. Chỉ một khắc thôi, tôi thông cảm toàn vẹn quá khứ buông thả của Barbara. Nếu tôi là người đàn bà đa đoan trong câu chuyện cổ tích kia, tôi cũng sẽ hành động y như vậy. Sẽ mù loà đuổi theo bầy bướm đa tình. Sẽ dùng cảm tính giải quyết lý lẽ tình cảm. Sẽ quyết định mọi chuyện theo bản năng, không toan tính dự dự khắc giây nào. Và tôi sẽ sẵn sàng chấp nhận hậu quả.

Nghĩ vậy, nhưng khi Nhuận rời phòng, trả tôi lại với con sóng văn chương không tưởng chấp chới mê man vỡ vào bờ cát còn ảm cảm hứng, tôi lưỡng lự phân tích những ý nghĩ rối loạn mới nãy. Có tiếng đàn tây ban cầm từ phòng Nhuận vọng sang. Âm thanh nặng nề, ươn ướt, đầm đìa. Tôi nghiêng đầu chờ tiếng hát anh cất lên. Không nghe. Đột ngột, tiếng đàn nấc lên uất nghẹn rồi ngưng bật. Tôi hình dung ra những sợi dây sắt đứt lìa tả tơi như bị kéo cắt. Nốt nhạc rời khung, bắn lên không, bật ra tiếng sừng sốt. Tôi mất hứng bất chợt, ném viết xuống bàn, gấp lại tập bản thảo chưa bị ý nghĩ tôi cưỡng bức, mù mờ nhận ra tính vô nghĩa của từ ngữ. Tất cả đều do nông nổi mà ra. Nhưng đã mấy khi tôi suy nghĩ lại như tối nay? Bao giờ con suối trong tôi sẽ khô cạn? Tôi thêm khát sẽ có lần tận mắt nhìn thấy hồ nước lớn trên đỉnh núi trời đã chia xuống đời những dòng suối rì rào chảy hoài, không bao giờ ngủ. □



Con Của Người, Con Của Vật

(Do seek their meat from God)

Charles G. D. Roberts

Hồng Huy
dịch

LDG: Sir Charles G.D. Roberts (1860-1943) sinh ở New Brunswick và tốt nghiệp đại học ở đây. Năm 20 tuổi, ông đã xuất bản một tập thơ và nổi tiếng ngay. Sau 10 năm dạy học tại Nova Scotia, ông ra ngoài quốc sống bằng nghề viết văn trong gần ba mươi năm ở Mỹ, ở Anh và ở các nước Âu châu khác. Ông đã phục vụ trong quân đội Anh hồi Thế chiến I. Từ 1927 cho đến khi qua đời, ông trở

về sống tại Toronto. Ông được phong tước năm 1935.

Văn tài của Roberts rất đa dạng. Ông viết đủ thể loại: thơ, tiểu thuyết, sử, hồi ký chiến tranh.... nhưng nổi tiếng nhất là trong lãnh vực truyện viết về các loài thú. Ông đã có gần 20 cuốn thuộc loại này được xuất bản. Truyện ngắn dịch dưới đây là truyện đầu tiên của ông về loại này, đăng trên tạp chí Harper's số tháng 12.1892. Truyện nêu lên sự nghiệt ngã trong kiếp sinh tồn của muôn

loài.

Một bên của hẻm núi khuất trong bóng tối, thứ bóng tối mịn và dày, khiến người ta liên tưởng đến những tàn lá rậm. Dọc theo chóp núi có những cây nhọn, những cây thông to và những cây độc cần của rừng hoang hiện lên trên vùng sáng của mặt trăng vừa mọc, tròn đầy như một cái đĩa màu cam. Những tia sáng thấp chiếu xiên qua những ngọn cây

bất động, làm cho phần trên của vách đá phía đối diện sáng lên một cách huyền ảo.

Khác với vách bên kia, vách phía tây của hẻm núi trông khô cằn, có những khối đá to nhô ra, và những cây bách hình thù thô kệch, cằn cỗi. Vượt ra ngoài bóng tối uể oải nằm dọc theo hẻm núi như lọt vào chỗ lõm của hai đợt sóng, nổi lên tiếng rì rầm của một dòng suối bị dồn ứ lại.

Từ một chỗ lõm khuất sau tảng đá dài màu trắng ở chỗ rìa thấp của phía vách đá được ánh trăng chiếu sáng, một con beo to nhẹ nhàng xuất hiện. Trong ánh sáng bình thường ban ngày, lông nó màu nâu đậm, nhưng bây giờ, dưới những tia sáng biến màu của mặt trăng khuất nửa, sắc lông của nó là màu xám ma quái. Nó ngược cái đầu tròn mịn màng lên nhìn trắng, rồi găm lên rền vang, như để chào đón ánh trăng càng lúc càng tỏ rạng. Tiếng găm khủng khiếp đó, nghe náo nùng và đe dọa, rền rĩ như tiếng lưỡi cửa bị giũa. Đó là tiếng gọi con cái của nó, bảo đã đến giờ đi săn mồi. Từ cái hang phía sau tảng đá, nơi con beo mẹ đang cho con bú, không có tiếng trả lời ngay. Chỉ có đôi quạ làm tổ trên một cây linh sam khổng lồ bên kia bờ vực giật mình thức giấc, cất tiếng kêu tức giận. Đã ba mùa hè, chúng làm tổ nơi ấy, và đêm đêm bị đánh thức để tuôn ra cho hết những lời phàn nàn bức bối.

Con beo bòn chồn đi tới đi lui dọc theo rìa bóng tối, đôi mắt xanh mở to nhìn mặt trăng đang lên, cái đuôi ngắn và mạnh quất qua quất lại liên hồi nhưng không hề gây ra một tiếng động. Bây giờ, vùng ánh sáng mơ hồ lan rộng, chân tảng đá trắng hiện rõ cùng với những khúc xương, những chiếc sừng của một con nai đã bị xé xác ở đó.

Lúc này những con beo con đã bú đủ bữa. Beo mẹ đang đói dữ dội, hi vọng kiếm được một cái gì đó làm cơn đói dịu đi. Nó nhẹ nhàng trườn vào vùng ánh sáng, ngẩng đầu nhìn trăng rồi găm một tiếng cũng dữ dội không kém tiếng găm của con beo đực. Mấy con quạ lại giật mình, kêu

“quạ quạ” âm ỉ. Hai con thú lặng lẽ trèo lên vách đá, nhẹ nhàng đi vào vùng bóng tối của cánh rừng phủ kín cả vùng cao.

Vì đói, hai con beo trở nên rất hung hăng. Hai ngày qua, những cuộc săn mồi của chúng gần như không có kết quả gì. Kiếm được một con mồi hiếm hoi nhỏ mọn nào, beo đực nhường cho vợ ăn hết, nếu không thì không đủ sữa cho những con beo con chưa mở mắt ở nhà. Chúng đã phải đi sâu vào rừng già, săn đuổi nai, hoẵng và những con thú nhỏ. Gần đây, con người lần chiếm rừng rú, đuổi hươu nai, chồn cáo chạy trốn hết cả. Vì thế đôi beo đói dữ. Đêm nay đi săn chung, chúng dự tính lên vào những khu định cư của người để bắt gia súc.

Trong bóng tối của rừng rậm, đôi chỗ có ánh trăng xuyên xuống, hai con beo di chuyển thật nhanh nhưng lặng lẽ. Thỉnh thoảng một cành khô gãy rắc dưới những bước chân êm và thận trọng. Có khi chúng chạy qua dưới một cành cây thấp khiến mấy con chim nhỏ giật mình kêu chiêm chiếp.

Cuộc hành trình gần như không tiếng động diễn ra đã gần một giờ đồng hồ. Thỉnh thoảng hai cái bóng xám uốn lượn hiện ra dưới bóng trăng. Trăng đã lên cao. Đột nhiên, hai con beo dừng lại, ngẩng đầu lắng nghe. Một âm thanh từ xa vọng tới, không mạnh lắm, nhưng nổi rõ trong cái tĩnh mịch của khu rừng. Đó là tiếng khóc của một đứa bé, to và dài, thảm thiết, dường như không có ai bên cạnh để dỗ nó. Hai con beo bỏ lộ trình cũ, hướng về phía tiếng khóc. Chúng chưa tới khu người ở, nhưng biết có một căn lều lẻ nằm trong rừng rậm, cách khu định cư hơn một dặm. Chúng quẹo theo hướng đó, hăng hái với niềm hy vọng mãnh liệt rằng sẽ sớm hết đói.

Cho đến trưa ngày hôm trước, căn lều trơ trọi đó còn có người ở. Người chủ, một gã lưỡi biếng, gần như ngày nào cũng la cà ở một quán rượu cách đó ba dặm, bỗng tự nhiên thấy ghê tởm cái nơi mà ai nấy đều

phải làm việc để sống, đã dẫn đứa con trai bảy tuổi đi tìm một miền nhàn hạ hơn. Trong lúc người cha ở quán rượu, thằng nhỏ cô độc thường đến một nhà hàng xóm chơi với một thằng bé năm tuổi. Người hàng xóm ấy là một người khai khẩn thành công, có một căn nhà gỗ rất lớn nằm giữa một vùng khai quang thật rộng đã có nhiều hoa lợi. Ảnh hưởng cách ăn nói thô tục của thằng kia, thằng bé năm tuổi bị cha cấm, không cho chơi với bạn nữa; nhưng thỉnh thoảng cũng len lén lẩn mò theo con đường rừng gập ghềnh, tìm đến thằng bạn nghèo.

Vì đã nhiều ngày không gặp nhau, thằng bé năm tuổi không biết bạn nó đã đi nơi khác. Lúc chiều, không cưỡng được lòng mong gặp bạn, nó lén ra đi, lòng đầy lo âu trên suốt đoạn đường rừng vắng vẻ. Nhưng khi đến chỗ bạn thì nó thấy căn lều trống không. Cánh cửa lưỡi biếng du đưa trên những bản lề bằng da. Căn phòng duy nhất không còn đồ đạc gì. Nó nhìn vào bên trong, vừa lúc hai con gà rừng chạy vụt ra. Thằng bé ngồi bệt xuống ngưỡng cửa làm bằng thân cây rừng dẻo sơ, thốn thớt thảm thiết. Nó cảm thấy khổ sở quá mà không hiểu tại sao. Rồi khi bóng chiều lan ra gần kín khoảng đất trống nhỏ, nó không dám đi về nhà nữa. Nó run rẩy bò vào lều. Khi trời sụp tối, nó cuộn mình trong góc xa nhất của căn lều. Tuyệt vọng với sự cô độc và sợ hãi, nó cất tiếng kêu ai oán. Thỉnh thoảng tiếng khóc của nó bị nghẹn lại vì nấc hoặc hụt hơi. Và trong khi nín khóc, sự im lặng càng làm cho nó sợ hơn. Nó lắng nghe xem có ai hoặc có gì đi tới không. Rồi tiếng rền rĩ the the của đứa bé lại cất lên, làm rung động bóng đêm, xuyên thủng rừng sâu, bay thấu đến tai hai con đã thú đang tìm bữa ăn mà thượng đế đã dành cho.

Túp lều lẻ này nằm cách con đường chính dẫn đến khu định cư khoảng một phần tư dặm. Một người đàn ông đang mệt nhọc lê bước trên đường. Ông ta đã đi suốt ngày, bây

giờ về gần tới nhà, sắp được nghỉ ngơi nên cố bước nhanh hơn. Vai ông ta đeo một khẩu súng săn hai nòng, một túi đựng đầy các thứ cần thiết mà ông vừa mua ở thành phố hồi sáng. Ông ta chính là chủ nhân ngôi nhà gỗ. Con ngựa cái của ông ta đang có mang nên ông phải làm một chuyến lợi bộ buồn chán.

Người đàn ông đi qua chỗ đầu con đường rừng dẫn vào túp lều. Có lẽ ông ta đã đi qua chỗ ấy chừng vài trăm bước thì giật mình, nghe tiếng trẻ con khóc trong rừng. Ông ta dừng lại, đặt các thứ trên vai xuống đất, hướng mắt và tai về phía tiếng khóc. Cũng đúng vào lúc đó, hai con beo dừng lại, ngẩng đầu lắng nghe. Tai chúng thính hơn tai người, nên chúng nghe được từ khoảng cách xa hơn.

Bây giờ thì người đàn ông đã nhận ra được tiếng khóc từ đâu tới. Ông ta nhớ ra túp lều, nhưng không biết người chủ đã bỏ đi. Ông vốn coi thường con người đi khai phá mà lúc nào cũng say sưa ấy, nhưng đối với đứa trẻ con của hắn ta, ông lại có chút lòng thương hại. Dù sao, nó cũng là bạn chơi của con ông, và ông ngần ngừ trước khi đi tiếp.

Ông ta làm bầm, trong lòng bức bối: "Tội nghiệp thằng nhóc! Có lẽ thằng bố say sưa của nó lại ra quán rượu, bỏ nó một mình ở nhà nên nó khóc". Vác đồ lên vai, ông làm lui rảo bước.

Nhưng tiếng đứa trẻ lại cất lên, to hơn, the thé, nghe có vẻ tuyệt vọng và khẩn cầu hơn. Người đàn ông lại dừng bước, trong lòng vừa phân vân vừa tức giận. Ông đã hình dung ra bữa cơm tối nóng sốt mà vợ ông đã làm sẵn chờ ông. Ông căm ghét cái ý tưởng phải trở lại, để rồi vấp té trên mấy trăm thước đường rừng đầy gốc cây đổ và vũng lầy. Chân thì đau, bụng thì đói, ông ta nặng lời nguyện rửa tên lêu lổng. Nhưng tiếng rên rĩ trở thành một nỗi khủng khiếp, nó không để ông đi nữa. Ông ta liền tưởng đến con ông trong hoàn cảnh ấy, và cảm thấy mềm lòng. Ông ta quay trở lại, giấu gói đồ vào bụi rậm, cầm lấy khẩu

súng và đi vội về phía túp lều. "Cái thằng cha say sưa ngu xuẩn này dám bỏ đứa con nhỏ trong cái chòi khốn nạn ấy mà không để cho nó một miếng gì ăn được. Cũng có thể hắn khoá cửa nhốt làm thằng nhỏ quá sức lo sợ. Nghe như nó kinh hãi lắm!" Nghĩ như vậy, người đàn ông càng rảo bước.

Khi hai con beo chạy đến gần túp lều, tiếng khóc của đứa bé cô đơn càng nghe rõ. Chúng cố sức chạy nhanh hơn, đôi mắt mở lớn ngời ánh lửa xanh, háo hức săn mồi. Chúng hăng lên vì đói, không vì hung ác, độc dữ, không chỉ vì riêng chúng mà còn vì sự sống của mấy con beo con chưa mở mắt, đang nằm rên rĩ trong cái hang trên triền dốc ở bên hẻm núi đầy ánh trăng kia.

Hai con beo bò qua một bụi cây ướt, nhẹ nhàng nhảy qua hàng rào bụi rậm lờm chờm, rồi dừng lại thăm dò ở rìa mảnh đất khai quang, lúc ấy đã tràn ngập ánh trăng. Cùng một lúc, người đàn ông cũng vừa nhô ra khỏi bóng tối của con đường rừng, phía bên kia khu đất. Ông ta kịp trông thấy hai con beo đầu cúi xuống, mõm lui về phía trước, đang lướt về khung cửa đang mở.

Đứa bé đã nín khóc được một lúc, bây giờ lại cất tiếng, thảm thiết khẩn cầu, ngất ngây sợ hãi vì bị bỏ một mình. Tiếng khóc có một âm hưởng xúc động tâm hồn người đàn ông. Ông ta hình dung ra đứa con trai của mình đang ở nhà với mẹ nó, được che chở đầy đủ, dù một ý tưởng nguy hiểm cũng không thể có chứ đừng nói là nguy hiểm thực sự. Còn ở đây, đứa bé này bị bỏ mặc cho dã thú. Cảm ơn Thượng đế, cảm ơn Thượng đế, con đã đến kịp! Người đàn ông vừa thì thầm vừa quì một gối xuống để nhắm cho chắc. Một tiếng nổ vang dội. Con beo cái bị bắn xuyên sườn, ngã nhào xuống, găm gừ diên loạn, hai chân trước cào cào tứ tung.

Con beo đực bước quanh con cái, vẻ vừa hung dữ, vừa lo lắng ngạc nhiên. Làn khói súng tan đi, nó nhận ra người đàn ông đang quì để

bắn phát thứ hai. Gầm lên một tiếng giận dữ, con dã thú phóng tới, lãnh viên đạn vào thẳng ngực mà không biết mình trúng đạn. Người đàn ông chưa kịp lắp viên đạn khác thì con beo đã chụp ông ta, vật ngã xuống đất, cầm những chiếc nanh nhọn vào vai ông. Ông ta lập tức liều mạng bấu những ngón tay cứng như thép của mình vào cổ họng con thú, xoay người để thoát ra và cố đứng lên. Cùng lúc đó, xác con vật rũ xuống người ông. Con thú đã chết nên ông hất nó sang một bên dễ dàng. Viên đạn đã phát tác đúng lúc.

Vẫn còn run sau cuộc so tài chớp nhoáng và khủng khiếp, máu vẫn chảy đầm đề ở bên vai rách nát, người đàn ông đi về phía cửa lều, nhìn vào trong. Tiếng thốn thục vọng ra trong bóng tối.

Ông ta nói, giọng dõ dành:

- Dừng sợ, bé! Bác sẽ dẫn mày về với bác, thằng cu tội nghiệp! Tao sẽ chăm sóc mày nếu cha mẹ mày không ngó ngàng tới mày.

Từ trong bóng tối, bật lên một tiếng kêu mừng rỡ, rồi giọng nói làm tim người đàn ông ngừng đập:

- Ba, ba! Con biết ba sẽ đến... Khi trời tối, con sợ quá chừng!

Một hình hài bé bỏng a vào vòng tay người đàn ông, bám vào ông, run rẩy. Ông ta ngồi xuống ngưỡng cửa, ôm con vào lòng. Ông nhớ lại, chỉ mới lúc nãy đây thôi, ông đã không bận tâm đến tiếng khóc vọng lại từ xa. Và trán ông rịn mồ hôi hột.

Vài tuần sau đó, người đàn ông theo dấu một con gấu vừa mới tới trại giết cừu của ông. Cuối cùng, dấu vết dẫn ông đi dọc theo triền dốc của một hẻm núi sâu, mà từ dưới đáy vọng lên tiếng rì rầm của một dòng suối bị chặn nghẽn. Trong hẻm núi, ông ta thấy một cái hốc cạn khuất sau một tảng đá lớn màu trắng. Cái hốc rõ ràng là hang của loài dã thú. Ông thận trọng bước vào. Những khúc xương nằm rải rác. Và ở cuối hang, chỗ có một ít cỏ khô, ông ta thấy hai cái xác đã thối rữa của hai con beo con. □

quay trong con lốc

TRUYỆN DÀI
Nguyễn Ngọc Ngạn



(tiếp theo)

CHƯƠNG 10

Sau mấy tiếng đồng hồ lang thang qua vài con phố đông người, Hoàng Tiến mệt mỏi dừng chân, ngồi nghỉ dưới gốc một gốc dừa trước cửa khu thương xá. Ông không biết mình sẽ ở đâu đêm nay. Khách bộ hành nườm nượp qua lại trước mặt, hình như ai cũng tò mò liếc mắt nhìn ông dò xét, bởi thấy ông xách va-ly xiêu vẹo bước đi giữa trưa nắng chói chang. Mặc cảm của một kẻ thất thế đè nặng trong lòng khiến ông ngượng ngùng, chỉ sợ gặp người quen. Lúc từ nhà Cồn bước ra, ông đã cố ý đi thật chậm, mong manh hy vọng rằng Cồn sẽ rượt theo, mời ông quay lại. Nhưng dĩ nhiên ông lầm. Bởi Cồn chỉ mong ông đi, và đi càng xa càng tốt. Ông

chớp mắt thờ dài, giận Cồn cư xử bạc bẽo, quên hết tất cả những ân huệ mà ông đã ban phát cho gã những ngày trước đây. Hơn lúc nào hết, ông cay đắng cảm nhận một cách sâu sắc cái qui luật lớn nhất của xã hội, là người ta chỉ phù thịnh chứ không bao giờ phù suy!

Hoàng Tiến lục trong trí nhớ, cố moi ra hết địa chỉ những người quen biết. Nhưng ông không thấy ai đủ thân để ông có thể thoải mái mở miệng xin tá túc. Trong một lúc yếu lòng ông đã thoáng nghĩ đến Hồng và thấy chỉ còn con đường duy nhất là quay về nhà, bởi ông vừa tìm được cái lý do vững chắc nhất để biện hộ cho hành vi ấy là Khang không còn ở đó nữa. Hơn một tháng trước, ông bỏ đi chỉ vì Khang dọn vào. Bây giờ thằng học trò đã biết hối lỗi và buông tha vợ ông, tại sao ông không đường hoàng trở về? Ông toan đứng

dậy xách va-li bước đi, nhưng rồi lại thôi, bởi vẫn mơ hồ cảm thấy có cái gì vướng mắc chưa giải quyết xong. Đã chắc gì Khang bỏ Hồng thật? Và đã chắc gì Hồng bằng lòng cho ông về? Chút tự trọng còn sót lại không cho phép ông hạ mình van nài lòng thương hại của người vợ phản bội. Dù lâm vào đường cùng, ông vẫn tự dặn lòng rằng, ông sẽ chỉ trở về khi nào có lời mời gọi chính thức của Hồng.

Nghĩ đến Hồng, Hoàng Tiến liên tưởng tới đứa con gái đầu lòng đang nội trú trong cư xá đại học và ông chợt thấy lòng vui đi một chút sâu muộn. Con Dung đã đứng hẳn về phía ông, chống lại Hồng. Tuần trước, nó đã đến thăm ông tại nhà Cồn và nghe ông trình bày tất cả mọi uẩn khúc trong gia đình. Để thuyết phục con, ông đã khôn khéo tự nhận lỗi, bày tỏ sự ân hận sâu xa vì đã thiếu trách nhiệm đối với vợ con lúc còn ở quê nhà. Mà điều này thì ông nói rất thật lòng, bởi những năm độc thân tại chỗ, hầu như ông đã quên hẳn mẹ con Hồng để chỉ nghĩ đến cuộc sống hiện tại bên cạnh một người đàn bà khác. Dĩ nhiên ông không kể cho con nghe điều ấy, chỉ tự trách mình vì dồn hết nỗ lực vào việc học lại, cho nên lơ là bốn phận với người ở quê nhà. Giọng ông run run, đầu hơi cúi xuống, nước mắt có lúc sắp trào ra. Đứa con gái cảm động lắm, lại thấy ông phải ăn đậu ở nhờ, giang sơn thu hẹp trên chiếc sofa sờn nát của Cồn, nó đâm ra oán Hồng chỉ vì mê trai mà đuổi bố nó ra đường. Hoàng Tiến ở bên này dạn dĩ với ai, nó không biết. Nhưng rõ ràng mẹ nó đã công khai sống với Khang ngay trước mắt chị em nó, từ ngày chưa qua đoàn tụ. Như vậy, Hồng mới chính là người tội lỗi đáng đuổi ra khỏi nhà!

Nói chuyện với Hoàng Tiến hơn hai tiếng đồng hồ, biết bố không còn đồng bạc dính túi, con Dung móc bóp tặng bố một trăm. Hoàng Tiến nhất định không lấy, nhưng con bé cứ quăng đại lên mặt bàn rồi chạy thẳng về nhà, gay gắt lên án mẹ

và thẳng thắn yêu cầu Khang dọn ra.

Cầm mấy tờ giấy bạc của con trong tay, Hoàng Tiến thực sự rơi nước mắt. Ông không ngờ có ngày ông phải lấy của con gái món tiền ít ỏi như thế này! Ông cất kỹ hai chục bạc vào bóp, phòng khi... tối lửa tắt đèn! Phần còn lại, ông ra chợ, mua thức ăn mang về, bỏ vào tủ lạnh của Cồn. Cồn nuôi ông không tốn bao nhiêu, nhưng ở cương vị đàn anh, ông vẫn cảm thấy áy náy đêm ngày và chỉ mong có lúc trời cho khá giả như xưa để trả ơn Cồn.

Hoàng Tiến ngược mắt nhìn xiên sang phía bên kia đường. Dãy nhà motel loại bình dân nằm kế cận cây xăng Esso thấp thoáng vài bóng dáng Á đông đi lại trên hành lang. Hoàng Tiến cần năm chục đồng để vào trọ một đêm, nghỉ ngơi cho thoải mái, nhưng không có cách nào tìm ra món tiền nhỏ nhoi ấy. Ngay trong khu thương xá trước mặt cũng có vài cửa tiệm ông quen biết, nhưng ông không đủ can đảm xông vào vay tiền. Ông đau nhói nhớ lại những ngày vàng son tiêu tiền như rác trong những khách sạn đắt giá nhất tại Sài Gòn cách đây chưa đầy một năm. Ông không thể tưởng tượng nổi đời ông lại có ngày hôm nay, chỉ cần vài chục bạc mà không thể nào xoay sở nổi! Ông khẽ nghiêng người, vòng tay ra phía sau lấy cái bóp trong túi quần. Ông mở phanh ra, lục lọi từng ngăn. Dĩ nhiên chẳng có gì ngoài mấy mảnh giấy tùy thân. Ông gấp lại, cất ví vào vị trí cũ, mắt chớp mau như sắp khóc. Hoàng Tiến đứng dậy, tần ngần một lúc rồi quyết định bước vào thương xá. Nhưng cái va-ly làm ông hết sức đắn đo. Đi phố, ai lại xách va-ly theo làm gì! Ông lại tần ngần ngồi xuống. Rồi thấy chẳng còn cách nào khác, mấy phút sau ông lại đứng lên, cúi đầu bước nhanh vào thương xá, đến thẳng tiệm rửa hình *one hour photo* mà chủ nhân vốn là người hàng xóm cũ khá thân ở Việt Nam ngày trước, xin cho gửi tạm cái va-ly. Tiệm đang có khách. Bà chủ đứng sau quầy tủ kính, chỉ khẽ gật đầu chào, chỉ cho

ông chỗ để va-ly rồi bỏ ông đứng đó, tiếp tục nói chuyện với khách. Hoàng Tiến bước ra cửa, đưa mắt nhìn hai bên rồi đi lang thang một vòng quanh thương xá, dù chẳng biết mình đi để làm gì!

Ngang qua cái quán nhậu quen thuộc mà ông vẫn thường dùng làm nơi hẹn hò tán dóc với Cồn, Hoàng Tiến liếc mắt vào trong và bắt gặp ngay một nhóm nhà văn nhà báo đang ồn ào chúc tụng nhau ở chiếc bàn dài sát góc bên trong. Họ là những khuôn mặt làm ít ăn nhiều, thường xuyên họp mặt để thù tạc, định ngôi thứ cho nhau trên mảnh chiếu văn học và rồi ai cũng thấy mình lớn cả. Thuở còn chi tiền làm báo, còn hăm hở lao vào con đường chính trị, Hoàng Tiến cũng đã có lúc ngồi chung với họ qua trung gian môi giới của Cồn, và vì thế Hoàng Tiến hiểu rõ những người này còn hơn chính họ hiểu họ! Giao tiếp vài lần, Hoàng Tiến thấy họ lúc nào cũng có cái tự hào là những người cầm bút ở thủ đô tị nạn, dù rằng kiến thức chẳng bao nhiêu, sách không đọc, báo không xem, quanh năm không bước chân ra khỏi khu Bolsa, suốt ngày khệnh khạng trong cái vòng nhỏ hẹp gà què ăn quần cối xay, sống giữa nước Mỹ gần 20 năm mà lẽ lối tác phong vẫn hoàn toàn như mới vừa ở Việt Nam qua. Dĩ nhiên họ chỉ là bạn trước mặt, là tri kỷ khi đối diện. Còn sau lưng thì dè bủ, tìm cách hạ nhau xuống đất đen. Nhưng họ vẫn cần nhau, tay bắt mặt mừng vì vẫn thường xuyên có nhu cầu tán dóc.

Hoàng Tiến đứng nép sau một bên cửa, đắn đo suy nghĩ xem có nên bước vào hay không! Ông hồi hộp mừng rỡ vì không ngờ trong đám nhà văn nhà báo đang ăn nhậu kia có cả Vũ Luân là người mà ông đang mong gặp. Mới lúc nãy ngồi dưới gốc cây trước cửa thương xá, ông đã nghĩ đến Vũ Luân, muốn liên lạc nhưng không có số điện thoại. May quá lại gặp ở đây. Nhìn qua cửa, ông thấy Vũ Luân vừa đứng dậy, hai tay chống xuống mặt bàn, nét mặt hết

sức rạng rỡ, nói vài lời gì đó rồi nâng ly bia uống cạn. Gần mười người trên bàn tiệc cũng hơn hờ nâng ly, nhưng có người uống, có người chỉ nâng lên rồi lại đặt xuống ngay. Ngồi bên cạnh Vũ Luân là một nhà văn nữ tuổi khoảng trên dưới bốn mươi, mái tóc cắt ngắn, lớp phấn đánh khá dày trên mặt vẫn không che hết làn da vừa nám vừa mụn, tay cầm điếu thuốc, ngược mắt ngó lên trần, ra vẻ đang đắm chiêu suy nghĩ, không thèm bận tâm đến những lời phát biểu tha thiết của Vũ Luân. Nhà văn Phan Trúc ngồi đối diện, trầm ngâm với nét mặt khinh bạc cố hữu của một đàn anh đứng vào hàng cổ thụ. Ông chưa nói gì, bởi rượu chưa tới cỡ, chưa thấy cần phải chửi đời. Chai Hennessy trước mặt ông chỉ mới với đi một chút. Hoàng Tiến thấy nên gặp Vũ Luân ngay lúc này, khi tiệc vừa mở màn, mọi người còn tỉnh táo. Ông thở mạnh, tự trấn tĩnh rồi bước thẳng tới bàn tiệc, gượng cười giơ tay chào mọi người. Mấy đĩa thức ăn vừa bung ra, hơi nóng bốc lên nhẹ nhẹ làm Hoàng Tiến càng thấy còn cào trong bụng. Nhà văn nữ ngược lên, mỉm cười chào Hoàng Tiến. Hồi còn tờ *Trực Diện*, nàng có đóng góp một vài truyện ngắn và thỉnh thoảng gặp Hoàng Tiến ở những lần họp mặt cuối năm tại toà soạn. Năm ngoái, khi nàng lấy chồng lần thứ ba, Hoàng Tiến tuy không đến dự nhưng vẫn hào phóng gửi mừng một trăm đồng làm nàng khá cảm động. Chồng nàng cũng là một nhà văn. Nhờ hai khối óc thông minh tổng hợp lại, đám cưới tuy tổ chức đơn giản nhưng kiếm được số lời khá bộn!

Hoàng Tiến nhìn Vũ Luân, gật làm hiệu rủ gã ra ngoài nói chuyện:

- Tôi xin lỗi, gặp riêng một chút, được không?

Khách ngồi quanh bàn tiệc, hầu như ai cũng biết Hoàng Tiến, không ít thì nhiều, nhất là gần đây, có một đạo tên tuổi ông xuất hiện ồn ào trên mặt báo với những lời xỉ vả nặng nề về tội chủ trương hợp tác với Việt cộng. Ngay giữa bàn tiệc này, ít nhất

đã có hai người viết bài chửi Hoàng Tiến, mặc dầu lập trường chính trị của họ cũng y hệt như Hoàng Tiến. Chẳng khác gì Bùi Duy Tâm về nước gặp Mai Chí Thọ và hàng loạt đảng viên cao cấp, nhưng lúc trở ra hải ngoại vẫn lớn tiếng tố cáo “Nhật Tiến liên lạc với Việt cộng”!

Thấy Hoàng Tiến đứng lóng ngóng, có người mau mắn theo thói quen, mời ông ngồi chung cho vui. Nhưng phần đông tỏ thái độ dửng dưng bởi chẳng đại gì lời kéo thêm một miếng ăn!

Vũ Luân đẩy ghế lùi lại phía sau, sánh vai Hoàng Tiến ra cửa. Hoàng Tiến thân mật hỏi:

- Hợp hành gì mà vui vẻ thế?

Hoàng Tiến chỉ hỏi cho có chuyện,

nhưng Vũ Luân lại tưởng ông chú ý đến sinh hoạt của mình, cho nên nghiêm trọng giải thích bằng một bài diễn văn có soạn trước:

- Tôi vừa bàn với anh Phan Trúc là sinh hoạt cầm bút ở hải ngoại mấy năm nay đã bước hẳn sang một khúc rẽ mới để theo kịp xu thế hiện đại của nhân loại. Cho nên cần phải khai tử thứ văn chương chống cộng đã độc chiếm văn đàn một cách ngớ ngẩn gần hai mươi năm qua! Đa số anh em đều đồng ý cả, cho nên hôm nay chúng tôi họp sơ bộ để thành lập “Hiệp hội những người cầm bút khai phóng”.

Hoàng Tiến đang nát tan vì trăm mối bận tâm, đâu còn lòng dạ nào nghĩ đến những trò khoa trương này

nữa. Nhưng thấy nét mặt Vũ Luân hết sức nghiêm trọng, ông đành gật đầu và... động viên một câu cho đúng thủ tục:

- Sáng kiến hay đấy!

Được khuyến khích, Vũ Luân càng phấn khởi. Gã nhấn mạnh:

- Vâng. Anh nghĩ xem, làm thế nào chúng ta có thể đấu tranh đòi tự do trong nước, khi mà chính người cầm bút hải ngoại chưa thực sự có tự do sáng tác! Tôi nêu ra quan điểm này, anh Phan Trúc tán thành ngay!

Thật ra thì Phan Trúc không tán thành mà cũng chẳng phản đối. Vũ Luân tuy gần gũi đàn anh đã lâu mà vẫn không hiểu rõ Phan Trúc! Ông chỉ cần hợp mặt và uống rượu. Dĩ nhiên ông rất ghét cộng sản, nhưng giả như một ngày đẹp trời nào đó, Tổng bí thư Đỗ Mười mang rượu ngon tới rủ đi nhậu, ông cũng sẽ đi ngay, rồi về nhà ông có thể mới lại chửi Việt cộng! Bằng hữu ngồi chung bàn với Vũ Luân hôm nay cũng vậy. Lập trường chính trị chỉ là những món hàng trang sức, có cũng được mà không có cũng chẳng sao! Hễ có tiệc thì họ ít khi dám vắng mặt. Và khi vào bàn tiệc rồi thì lại càng khó có thể mở miệng bác bỏ ý kiến của người khoản đãi, dù những ý kiến đó cực kỳ ngang ngược và vô lý. Cứ ngậm miệng ăn tiền đã, rồi tan tiệc ra về mới lèm bèm vài câu sau lưng. Sau này có ai trách cứ thì lại vẫn giọng điệu cổ lỗ từ ngàn xưa mà tuôn ra: “Moa đâu có đồng ý với nó! Nhưng chỗ bạn bè, nề quá, nó ghi đại tên moa vào cái hội của nó, chẳng lẽ mình lại lên tiếng thì mất tình bằng hữu!”

Vũ Luân say sưa bảo Hoàng Tiến:

- Tôi định mời anh Phan Trúc làm chủ tịch danh dự. Dù sao anh ấy cũng có cái tên... Tôi mời cả Nguyễn Bản Hùng Vương, nhưng hôm nay anh ấy bận, không đến được. Anh ấy bảo tôi là cứ họp đi. Bầu xong ban chấp hành thì anh ấy sẽ gửi công điện chúc mừng.

Hoàng Tiến sột ruột nhập đề:

- Cậu đang bận, tôi không dám làm mất thì giờ của cậu. Chuyện họp

cũng một ngày... như mọi ngày

*Có gì khác lạ ngày hôm nay?
trái đất bình yên như mọi ngày
chim vẫn kêu và xe vẫn chạy
mặt trời mới mọc, mây còn bay*

*cũng một ngày thôi, như mọi ngày
một vòng trái lửa, địa cầu quay
thứ hai, thứ sáu, tên người đặt
như núi sông... và như cỏ cây.*

*như đất trời, như những chuyện đời
thương yêu, khoẻ hạnh với bờ môi
thiên đường, địa ngục do mình cả
xấu tốt, giả chân... cũng ở người.*

*thực tưởng hay là ảo tưởng thôi?
trong cơn mê, kẻ khóc người cười.
phải chăng tùy cảnh, tùy duyên phận
sống cả, bèo thương kiếp nổi trôi.*

*cũng một ngày thôi, như mọi ngày
ngàn trùng tâm sự giải mây bay
thả hồn về chốn vô ưu... với
suối hát, hoa đàn, mộng gối tay...*

dương huệ anh



hành để lúc khác mình sẽ bàn. Sở dĩ hôm nay tôi cần gặp cậu là vì... vợ chồng tôi có chuyện bất hoà, tôi dọn ra một vài hôm cho khuây khỏa. Cậu cho tôi đến ở chung được không? Chắc chỉ tuần lễ là cùng!

Vũ Luân đang vui bỗng xịu mặt xuống, dăm chiêu suy nghĩ. Gã không muốn để Hoàng Tiến thất vọng, nhưng đồng thời gã cũng thấy ngay việc đón Hoàng Tiến về nhà mình là một trở ngại quá lớn cho công việc sinh nhai của gã.

Hai người biết nhau đã lâu, qua những buổi họp mặt, những tiệc cưới và nhất là thời kỳ Hoàng Tiến đứng sau lưng tờ *Trực diện*. Biết nhưng không thân. Có đến mấy năm, gặp nhau chỉ giơ tay chào, coi như giới hạn xã giao đến đó là đủ rồi. Mãi tới hôm Nguyễn Bản Hùng Vương, tức vua Hùng Vương thứ 49 thiết triều, long trọng khánh thành bức tranh công chúa Tiên Dung, mời một số thân hữu và chính khách có tầm cỡ vào cung đình thưởng lãm, thì Hoàng Tiến mới có dịp ngồi mạn đàm với Vũ Luân khá lâu.

Hôm ấy vua Hùng Vương thứ 49 dành cho Vũ Luân những biệt đãi vượt cả sự mong đợi của hắn. Lý do Vũ Luân chính là tác giả bức tranh cời trường vừa được các Lạc hầu và Lạc tướng mặc phẩm phục đại lễ, kính cẩn treo lên tường, ở một vị trí hết sức mỹ thuật và trang trọng, ngay bên trên chiếc ghế bành khảm xà cừ mà Nguyễn Bản Hùng Vương thường ngự mỗi khi họp quần thần. Nghĩa là, công chúa Tiên Dung cời trường đứng xối nước ngay trên đầu ông!

Vẽ tranh khỏa thân thì họa sĩ nào cũng vẽ được. Nhưng Nguyễn Bản Hùng Vương yêu nét bút tả chân sống động và cực kỳ tỉ mỉ của Vũ Luân, nhất là yêu cái óc tưởng tượng bao la của người nghệ sĩ, đã hiện đại hoá một cách tài tình, khiến cho từ khuôn mặt đến thân hình của nàng công chúa mấy ngàn năm về trước không còn một dấu tích nào của buổi sơ khai, mà hoàn toàn chỉ là thứ nhan sắc thời đại hết sức mời gọi,

giống hệt người mẫu Cindy Crawford! Lịch sử dân tộc trải dài đến bốn nghìn năm, truyền thuyết dân gian kể sao cho hết, nhưng Nguyễn Bản Hùng Vương chỉ dành mọi sự quan tâm cho huyền thoại Tiên Dung, bởi nàng là con gái của vua Hùng Vương thứ 18, và quan trọng hơn cả, khi minh hoạ các huyền thoại thì chỉ có câu chuyện của nàng là vừa thơ mộng lại vừa... cời trường!

Sau nghi thức khánh thành giữa khói nhang nghi ngút, triều đình đại tiệc trọn một ngày. Có bức vẽ khỏa thân, chốn miếu đường dường như vừa tăng thêm phần oai nghiêm gấp bội. Hoàng Tiến hôm ấy tình cờ ngồi ngay bên cạnh Vũ Luân trong bữa ăn *self-service*. Chẳng lẽ không nói chuyện thì cũng kỳ, cho nên ông đành nêu ra một loạt câu hỏi về hội họa, vốn là bộ môn ông chưa bao giờ chú ý. Vô tình Hoàng Tiến đã tạo cơ hội để Vũ Luân tha hồ khoe khoang kiến thức khiến gã cảm động, cao hứng mời Hoàng Tiến đến thăm phòng tranh và hứa tặng ông một bức làm kỷ niệm. Cồn vốn không ưa Vũ Luân cho nên ngửa mặt lăm. Nhân lúc Vũ Luân đi lấy thêm thức ăn, Cồn ghé tai Hoàng Tiến thì thầm:

- Thành này biết mẹ gì về hội họa mà anh hỏi! Hồi đó nó chuyên vẽ bảng hiệu bên Khánh Hội, bây giờ qua đây bày đặt, mở mồm nói toàn chuyện Van Gogh với Picasso!

Hoàng Tiến khế lác đầu bảo Cồn:

- Tại cậu cứ quan niệm rằng phải tốt nghiệp trường mỹ thuật thì mới được gọi là họa sĩ! Tôi thì tôi không đồng ý điều ấy. Có nhiều người trời cho óc sáng tạo rất phong phú mà không cần học ở trường nào cả!

Cồn chưa kịp cãi thì Vũ Luân bưng đĩa thức ăn trở lại, Cồn đành đứng dậy lảng ra ngoài để mặc hai người tiếp tục câu chuyện.

Gặp lần ấy rồi chia tay ai về nhà nấy. Hoàng Tiến lâu lâu cũng có nhớ tới bức tranh Vũ Luân hứa tặng mình, nhưng nó không phải là nhu cầu cấp bách bắt ông vội vã đến khiêng về. Ông cứ gửi ở nhà Vũ Luân, tiện thì lấy, không thì thôi.

Mãi tới khi Hoàng Tiến du lịch Việt Nam lần đầu tiên, tình cờ lại ngồi chung chuyến bay với Vũ Luân. Cùng một hành trình, nhưng mỗi người ôm một giấc mộng khác nhau, chỉ trừ mục ăn chơi là đồng chí hướng. Hoàng Tiến theo đuổi âm mưu chính trị thời cơ. Còn Vũ Luân thì ôm theo tập bản thảo truyện ngắn của nhiều nhà văn hải ngoại, về nước bắc nhịp cầu, quyết thuê cho được một nhà xuất bản Việt cộng đứng ra ấn hành.

Bằng hữu nhiều người ngạc nhiên, không hiểu tại sao Vũ Luân phải khổ sở như vậy! Ôm tiền về, vận động, năn nỉ, chỉ cốt để sách được in trong nước, dưới nhãn hiệu nhà xuất bản của Đảng! Người ta đoán già đoán non là truyện của gã ở hải ngoại ít độc giả cho nên gã muốn nhăm vào con số bảy chục triệu đồng bào quốc nội. Nhưng nghĩ như thế là oan cho Vũ Luân và những tác giả đồng chí với gã. Bởi vì dù ngu đến đâu, gã cũng biết rằng, ở trong nước, sau thời kỳ bao cấp, hiện nay những cuốn truyện hay nhất, những tác phẩm ồn ào lãnh giải thưởng của hội Nhà Văn, cũng chỉ được in ra với con số khiêm tốn không quá hai ngàn bản! Nghĩa là lượng độc giả còn thua cả hải ngoại. Chính hội Nhà Văn Việt cộng ngày ngày vẫn la oai oái trên tờ *Văn nghệ* là sách in ra chỉ để đem bán ký cho người ta gói xôi mà thôi! Thế mà Vũ Luân cứ vất vả gom tiền, gom bài, mua vé máy bay mang về vận động xuất bản thì họa chăng chỉ có người điên mới hành động như vậy! Không, Vũ Luân không điên, hay nói đúng hơn, gã chỉ giả vờ điên khi uống vài ly rượu rồi làm bộ say để sờ soạng phụ nữ mà thôi. Còn những vấn đề khác, nhất là tiền bạc, thì gã luôn luôn cực kỳ sáng suốt.

Việc gã khổ sở về nước vận động in sách, thật ra chỉ bắt nguồn từ một nguyên do hết sức đơn giản. Cái nguyên do đó là, gã đã lỡ to mồm cổ võ cho chủ trương giao lưu văn hoá khiến giang hồ một phen nổi sóng, chửi gã là thằng ngu xuẩn bởi gã

đơn phương dang rộng cánh tay, hân hoan đón nhận sách Việt cộng từ trong nước gửi ra và in lại, còn sách ở hải ngoại gửi về thì bị cấm ngặt! Người ta gọi gã là đứa “giao lưu một chiều”, giống như một cuộc mây mưa ân ái trên giường mà... chỉ có mình gã độc diễn! Gã ám ức lắm. Và từ sự ám ức ấy, gã đánh mất lý trí, quyết tâm về lay lục các đồng chí trong nước, van xin họ in cho một cuốn sách của vài cây bút hải ngoại dù có phải chấp nhận những điều kiện rất thua thiệt, miễn sao thành hình được cuốn sách là mãn nguyện rồi! Bởi Vũ Luân sẽ cầm cuốn sách ấy, quảng vào mặt những đứa nào đã hỗn láo bảo gã giao lưu một chiều, bảo Việt cộng chưa thực tâm đổi mới!

Dĩ nhiên Vũ Luân không thích cộng sản. Nhưng cái tâm lý hiếu thắng của kẻ quá nhiều tự ái thường làm người ta lệch lạc. Thiếu gì người quốc gia chỉ vì một chút xích mích nội bộ mà đối hằn thái độ, thù bằng hữu hơn thù Việt cộng! Không cần thông minh lắm, chỉ cần một bộ óc bình thường, người ta cũng có thể phán đoán một cách đơn giản rằng: giá như có nhà xuất bản nào của Việt cộng trong nước ngỏ lời muốn in truyện của một nhà văn hải ngoại, thì nhà văn ấy cũng còn phải đắn đo cân nhắc lắm, huống chi người ta không thêm in mà lại cứ rượt theo năn nỉ!

Chẳng phải Vũ Luân không biết việc làm của mình là kỳ cục, bởi ngay buổi đầu khi thăm dò văn hữu về việc này, đã có người bảo thẳng gã rằng: Cái điều nên làm và phải làm là đem bản thảo về, hợp tác với những người cầm bút thực sự phản kháng, in chui rồi phổ biến lên trong quần chúng những tác phẩm có nội dung chống phá chế độ thì mới có chính nghĩa. Vũ Luân cũng hiểu như thế, nhưng gã cần Việt cộng cho xuất bản công khai thì mới có thể chữa được cái tiếng xấu là giao lưu một chiều và có thể vênh mặt biện hộ giùm chính sách đổi mới của cộng sản!

Về Sài Gòn lần thứ nhất, trên quãng đường dài hun hút một ngày một đêm ngồi ẽ mông trên máy bay, Vũ Luân tỉ mỉ trình bày mọi dự tính của mình cho Hoàng Tiến nghe. Hai người nói chuyện cực kỳ tương đắc về quan điểm chính trị, về nỗi ưu tư trùg điệp đối với tương lai đất nước và dân tộc. Người nào cũng tự lừa mình và lừa người bên cạnh, khoác cho chuyến đi của mình một trọng trách vô cùng vĩ đại! Hoàng Tiến hứa sẽ giới thiệu Vũ Luân với thằng em thiếu tá công an để làm đầu cầu móc nối nhà xuất bản Văn Học. Và Hoàng Tiến đã giữ lời hứa. Vũ Luân gặp được một vài nhà văn hạng B của Hà Nội, mở tiệc linh đình chiêu đãi họ, khấn khoản đem thiện chí giao lưu ra trình bày. Để gây thiện cảm bước đầu, Vũ Luân không quên kể lễ công lao của mình đã góp phần hoàn thành cuốn sách dày cộm *Trăm hoa vẫn nở trên quê hương*, trong đó tuyên dương cả tên đồ tể Hoàng Phủ Ngọc Tường là nhà văn phản kháng! Gã lại nhấn mạnh thêm rằng, mọi chi phí in ấn gã sẽ chịu hết, chẳng những thế nhà xuất bản còn được chi một khoản tiền bồi dưỡng khá lớn, và đặc biệt hơn cả, nội dung tất cả các truyện ngắn trong tuyển tập đều hết sức ngoan ngoãn, phi chính trị, chỉ kể chuyện tình vớ vẩn hoặc vạch ra những cái xấu của cộng đồng người Việt tại hải ngoại mà thôi!

Nhún nhường đến như vậy là hết mức rồi, thế mà bên kia vẫn từ chối! Vũ Luân ngạc nhiên lắm, tha thiết thuyết phục các nhà văn trong nước:

- Các anh chưa nắm vững tâm lý đám nhà văn ở hải ngoại. Nếu Nhà Nước xuất bản cho chúng tôi tập truyện này, sẽ có cái lợi lớn là các tác giả có tên trong tuyển tập từ nay chắc chắn sẽ không chống cộng nữa! Hàng ngũ văn giới ở hải ngoại sẽ vỡ làm đôi. Những người được in sách trong nước sẽ là những cái loa tuyên truyền cho sự nghiệp đổi mới của Đảng!

Nói đến thế mà họ vẫn lắc đầu. Vũ Luân có lúc bực bội đã phải gất

lên:

- Tại sao Đảng cho in bao nhiêu cuốn sách phản kháng trong nước thì được, mà bản thảo của chúng tôi không hề chống Đảng thì lại không cho in?

Đến lượt nhà văn Việt cộng trở mặt nhìn Vũ Luân kinh ngạc. Gã vốn đánh giá khá cao những người ở hải ngoại như Vũ Luân, tưởng rằng sống lâu năm bên ngoài, ắt phải khôn ngoan lắm, không ngờ lại ngu đến như thế! Gã toan nói toạc ra rằng: Đấu tranh nội bộ, phê bình lẫn nhau, là việc riêng của chúng tôi. Hay nói cách khác, chỉ những người yêu nước như chúng tôi mới có quyền nói chuyện xây dựng tổ quốc. Còn những thằng chạy theo đế quốc, phản bội tổ quốc như các anh, Đảng khoan hồng tha tội chết là may lắm rồi, còn dám mở mồm đòi ngồi chung chiếu với chúng tôi nữa à? Các anh dám so sánh sách báo trong nước với hải ngoại sao? Bao nhiêu đảng viên viết những bài tham luận nẩy lửa, chỉ trích gay gắt mà Đảng có làm gì đâu! Nhưng nếu không phải là đảng viên, như Nguyễn Đan Quế chẳng hạn, mà bày đặt bắt buộc đảng viên đòi kiến nghị thì chỉ có nước rũ tù mà thôi! Từ cái thí dụ cụ thể ấy, lẽ ra Vũ Luân phải biết suy diễn để nhìn vào sự thật, chứ tại sao vẫn còn ngô nghê nêu ra một câu hỏi thừa thãi như vậy! Rất may là gã vẫn còn đủ tế nhị, không nở trả lời, chỉ nhìn Vũ Luân bằng cặp mắt thương hại.

Đi đi về về mấy chuyến, tốn khá nhiều tiền mà chẳng có kết quả gì, Vũ Luân lặng lẽ bỏ cuộc. Gặp Hoàng Tiến ở khách sạn Caravelle trước hôm trở lại Cali, Vũ Luân ám ức than:

- Tôi không hiểu được chúng nó! Mình tặng không cho chúng nó vừa tiền vừa truyện, nội dung vô thưởng vô phạt, thế mà chúng nó nhất định không thêm in!

Hoàng Tiến lúc đó cũng đang ẽ chề vì tình nguyện làm tay sai mà không được thu nạp, thành ra rất dễ dàng thông cảm với Vũ Luân. Cả hai đồng thanh lớn tiếng chửi Việt cộng.

Tuy vậy, nhờ được thằng em giáo dục liên tiếp mấy ngày, Hoàng Tiến tỏ ra hiểu biết hơn. Ông điềm tĩnh bảo Vũ Luân;

- Cộng sản không giống như chúng ta. Họ phân biệt hiện tượng và bản chất. Cùng một việc, Đảng làm thì có chính nghĩa, mình làm thì họ không chấp nhận. Đảng tổ chức đưa người vượt biên thì coi là một công tác, mà người dân tự ý vượt biên thì trở thành phản quốc. Thời kháng chiến chống Pháp, nhiều địa chủ góp công góp của còn hơn cả cán bộ đảng viên. Nhưng kháng chiến thành công rồi thì địa chủ vẫn bị đấu tố đến chết! Họ phê bình nhau thì được, mình bắt chước họ, phê phán họ thì mình vẫn là phản động! Hàng ngũ quốc gia thiếu gì người làm lợi cho cộng sản, nhưng cộng

sản vẫn không tin, không dùng vì những người ấy không do họ đào tạo. Họ không in sách của cậu là đúng rồi, có gì đâu mà thắc mắc! Các cậu bỏ tiền túi ra in cuốn *Trăm hoa vẫn nở trên quê hương*, ca ngợi nhà văn Việt cộng mà họ đâu có thèm ghi nhận, họ còn viết bài chửi lại và mắng các cậu là thấy người sang bắt quàng làm họ!

Vũ Luân hận đời lắm vì biết mình lầm, nhưng vì lỡ ném lao cho nên trở lại hải ngoại gã vẫn phải hết lời ca ngợi Việt cộng đã thật sự đổi mới!

Quay về với cuộc đời thường nhật, Vũ Luân phải nghĩ đến sinh kế. Thời buổi kinh tế khó khăn, tiền bạc khan hiếm, nhìn trước trông sau không thấy có cách gì khả dĩ đem lại lợi tức đủ sống. Vẽ tranh chỉ là sở thích, lâu lâu quăng cho một tờ báo,

một cuốn truyện làm bìa, họ rộng lượng gửi lại cho năm chục bạc, không đủ một châu rượu! Muốn triển lãm thì phải vận động khá vất vả mới có mạnh thường quân, mới có bằng hữu cò mồi mua giúp vài bức! Nói chung, đó chỉ là thứ công việc khả dĩ mua được danh chứ không kiếm được lợi. Đi làm như muôn ngàn người khác thì Vũ Luân ngại lắm. Đã lỡ mang tiếng là nghệ sĩ, gã không thể tự cho phép mình lao vào bất cứ công việc nào có tính cách lao động chân tay, bởi như vậy là hạ thấp vai trò của người có thiên tư sáng tạo. Bạn bè Vũ Luân thường nói đùa với nhau: "Ồ hải ngoại, nếu không có khả năng gì đặc biệt thì nên làm chính trị, và nếu không có nghề nghiệp gì chuyên môn thì nên làm báo!"

Cả hai thứ ấy Vũ Luân đều đã thử nhưng không thành công. Lối thoát duy nhất mà Vũ Luân tìm ra cho mình là bắt đầu viết dăm thư dưới nhiều bút hiệu khác nhau. Điều này thật ra chẳng phải là một sáng kiến mới mẻ. Đã từ lâu lắm, trí óc bệnh hoạn của Vũ Luân vốn đã tràn ngập những ám ảnh thường xuyên về tình dục, cả lúc tỉnh cũng như trong nhiều giấc chiêm bao. Gã cần viết ra để giải tỏa và gã đã liên tục làm công việc này từ nhiều năm qua. Cả ngàn trang bản thảo hoàn tất từ lâu, vẫn cất kỹ trong ngăn kéo, chờ thời cơ thuận tiện. Vào những năm trước, khi cộng đồng còn khát khe, in lên báo một bức hình phụ nữ ăn mặc thiếu kín đáo, dù có tính cách nghệ thuật thực sự, vẫn bị nghiêm khắc lên án. Bỗng dưng gần đây, một điều lạ xảy ra mà ít ai chú ý, là khi vấn đề chính trị nổi lỏng, thì đạo đức cũng buông xuôi, dù rằng hai lãnh vực ấy hoàn toàn không dính dáng gì với nhau! Cùng một lúc với sách báo Việt cộng được in lại, bày bán công khai trên kệ, thì hàng loạt dăm thư cũng ngang nhiên xuất hiện bên cạnh. Những cuốn tiểu thuyết mô tả cảnh làm tình tì mĩ, có cả hình vẽ hay ảnh chụp minh họa; những tờ tạp chí khoả thân trăm phần trăm đủ



kiểu đủ cỡ, không còn phải thập thò úp mở như trước nữa! Vũ Luân chính là người tiên phong, là lá cờ đầu khai phá khía cạnh này trong cộng đồng Việt hải ngoại. Gã mở nhà xuất bản, sắm một dàn máy computer có bộ chữ tiếng Việt, sáng tác và đánh máy lấy, tự vẽ bìa và phụ bản, chỉ thuê nhà in rồi bọc giấy ni-lông và phát hành với giá cắt cổ. Công việc rất nhẹ nhàng, hợp với khả năng bẩm sinh và kiến thức dăm dục tích lũy hàng chục năm trong trí óc, Vũ Luân chỉ ngồi vào bàn hai ba ngày là hoàn thành một tác phẩm! Người ta nói, không có gì sung sướng bằng được làm một cái nghề mà mình thích, giống như người ghiền hút buôn bán ma túy! Vũ Luân sản xuất dăm thư không phải chỉ thuần túy do động cơ tài chánh thúc đẩy, mà chủ yếu là vì gã thật lòng say mê công việc ấy, muốn phun ra tất cả những ám ảnh bệnh hoạn của mình, những đôn nén sinh lý âm ỉ trong lòng gã từ tuổi mới lớn. Rất may cho gã là sự giải tỏa ẩn ức này lại đem đến cho gã một số thu nhập tương đối khá, giúp gã đủ tiền sống lông bông qua ngày, đủ tiền đãi đằng để kết giao. Buổi họp mặt lập hội hôm nay mà Vũ Luân hào sảng chiêu đãi, cũng chính là nhờ khoản tiền mới thu về sau khi phát hành cuốn tiểu thuyết loạn luân thứ ba của gã.

Từ hôm trở về Mỹ, bỏ hẳn ý định năn nỉ Việt cộng in sách, mãi đến hôm nay Vũ Luân mới gặp lại Hoàng Tiến. Bất ngờ nghe Hoàng Tiến ngỏ lời xin tạm trú vài ngày, Vũ Luân áy náy không biết trả lời thế nào bởi trong thâm sâu, gã vốn có thiện cảm với Hoàng Tiến. Gã sống một mình, căn phòng tương đối rộng, chứa thêm một người đàn ông cũng không sao, nhưng cái trở ngại là Vũ Luân vẫn muốn giấu mọi người việc mình viết dăm thư. Gã đành nín mọi người chưa ai biết gã là tác giả những cuốn sách bọc ni-lông bày bán ngoài tiệm dù rằng cả thế giới đều đã biết! Phòng làm việc của gã tràn ngập những trang bản thảo, những bức hình loã lồ gắn đầy trên

tường và ngổn ngang trên bàn viết. Gã không muốn ai đặt chân đến chốn giang sơn riêng biệt ấy. Gã phân vân bảo Hoàng Tiến:

- Nghe thiên hạ đồn lúc này anh ở chung với anh Cồn?

Hoàng Tiến buồn rầu:

- Tôi có nằm tạm vài hôm đằng nhà nó, nhưng thấy không tiện...

Và ông tha thiết thuyết phục thêm:

- Tôi sống đơn giản lắm, không làm phiền cậu đâu! Chỉ cần cái sofa ngả lưng là được rồi!

Vũ Luân dùng kế hoãn binh:

- Anh cho tôi suy nghĩ một chút đã. Bây giờ tôi phải vào với anh em, đang họp dở dang...

- Chừng mấy giờ thì xong?

Vũ Luân tàn nhẫn đáp:

- Họp thì mau, nhưng nhậu thì lâu lắm. Chưa biết đến mấy giờ.

Sợ Hoàng Tiến chưa hiểu ý, Vũ Luân cười cười nói thêm:

- Lâu lâu mới gặp nhau một lần, cho nên bọn này có thói quen là cứ ngồi cho đến khi nào chủ quán ngứa mắt đuổi đi, bọn này mới giải tán!

Hoàng Tiến buồn rầu:

- Ừ, thôi cậu vào đi. Lát nữa tôi quay lại!

Nói thế, nhưng Hoàng Tiến biết mình sẽ không quay lại. Vũ Luân đã gián tiếp từ chối, mà Hoàng Tiến, giấy rách phải giữ lấy lề, không thể hạ mình năn nỉ thêm! Ông lúi thủi bước đi, lang thang một vòng thương xá rồi quay về tiệm rửa hình lấy va-ly vì thấy chung quanh mình nhiều tiệm đã bắt đầu rục rịch đóng cửa. Đêm nay sẽ ngủ ở đâu? Đường cùng có lẽ lại đành mò về nhà Cồn, bởi dù sao ông vẫn có cái lý vững chắc là Cồn đã từng chịu ơn ông rất nhiều trong quá khứ.

Ông chán nản trở lại tiệm rửa hình, định bụng mượn điện thoại gọi cho Cồn, nhưng ông lại đổi ý ngay vì thấy giải pháp này làm tổn thương danh dự ông một cách quá đáng. Mới trưa nay, ông đã viết lá thư già từ để lại cho Cồn, bây giờ làm lúi mò về thì Cồn còn coi ông ra gì nữa! Mà không về với Cồn thì

chẳng còn lối thoát nào khác! Ngẫm nghĩ thêm một lúc, ông chọn phương thức cuối cùng là sẽ lấy hết can đảm, mở miệng mượn bà chủ tiệm rửa hình vài chục bạc, chui vào motel nằm tạm qua đêm rồi tính sau! Nếu không được, thì ông đành phải trở về với Cồn vậy!

Tiệm rửa hình đã hết khách, máy móc đã tắt từ lâu. Bà chủ đang dọn dẹp sửa soạn ra về. Thấy ông, bà vội vã nói ngay:

- Xin lỗi ông nhé! Lúc nãy bận quá thành ra chưa kịp hỏi chuyện ông. Ông xách hành lý đi đâu thế này?

Hoàng Tiến nói đại:

- Tôi vừa bên Texas về. Ở phi trường ghé thẳng ra đây có tí việc.

Bà chủ tiệm nhắc cái va-li từ góc nhà ra cho Hoàng Tiến và kể:

- Phone ông mấy lần mà bà ấy bảo là ông chưa về. Tôi cứ tưởng ông còn ở bên Việt Nam. Công việc bên ấy có khá không?

Hoàng Tiến nhớ ra trước đây đã lỡ nói dối là đem tiền về mở häng nước đá, cho nên đành đáp liêu:

- Cũng tạm thôi, chưa khá lắm!

Rồi ông mệt mỏi ngồi xuống cái ghế kê sát tường, đối diện quầy tính tiền và ngược lên hỏi:

- Bà phone cho tôi có việc gì không?

- Hỏi xem bao giờ ông lại về. Cháu Thu nó vừa viết thư sang, bàn với tôi nên xây lại căn nhà, mai kia tôi về thì có chỗ mà ở!

Hoàng Tiến chợt hiểu ra. Ông nhớ lại hai lần trước về thăm nhà, bà đều nhờ ông cầm về mỗi lần một lượng vàng cho cô con gái, và ngày ấy ông còn đang khá giả, tiền bạc chưa là mối bận tâm, cho nên đã không lấy đồng bạc tiền công nào của bà hàng xóm cũ. Nhờ vậy, bà vẫn còn nhớ ơn ông. Bây giờ thì Hoàng Tiến đã trở thành kẻ khổ rách áo ôm rồi, nhưng bà chưa biết, mới thiện cảm dành cho người trí thức đứng đắn vẫn còn nguyên vẹn như xưa. Bà kể tiếp:

- Cháu nó cứ bảo tôi về chơi, nhưng ông về rồi thì ông biết đấy,

một lần đi, hà tiện lắm cũng phải tiêu năm bảy ngàn. Thà để số tiền ấy, gửi về cho nó xây nhà có phải hơn không!

Hoàng Tiến đang không có đồng bạc dính túi, nghe nhắc đến tiền chợt loé lên một niềm hy vọng trong trí. Cơ hội này không thể bỏ qua được! Ông hồi hộp nói:

- Bà định gửi cho cô ấy bao nhiêu? Vài hôm nữa tôi lại về. Vé máy bay lấy rồi. Bà đưa tôi cầm cho. Không lấy công của bà đâu!

Bà hàng xóm gật đầu cảm động, lí nhí cảm ơn. Hồi Hoàng Tiến chưa về nước, bà vẫn phải gửi tiền qua trung gian những văn phòng dịch vụ, cứ một trăm mỹ kim mất mười đồng lệ phí. Nhờ có Hoàng Tiến, bà tiết kiệm được món tiền khá lớn. Bà nói:

- Gửi về một lúc bốn năm ngàn thì tôi chưa lo được. Chuyến này nhờ ông cầm về hộ tôi hai ngàn thôi. Ông giao cho cháu Thu, bảo cháu viết cho tôi mấy chữ như những lần trước.

Hoàng Tiến sung sướng gật đầu:

- Thì dĩ nhiên rồi. Bà không dặn, tôi cũng bắt cô ấy viết thư để bà yên lòng!

- Thứ mấy ông đi?

- Thứ tư... Từ nay đến đó tôi bận lắm, sợ không có thì giờ ra đây nữa đâu! Bà có gửi thì đưa đây cho tôi!

Bà chủ từ phía trong quầy bước ra, cài then cửa rồi lại trở vào chỗ cũ, mở bóp đếm tiền trao cho Hoàng Tiến. Ông đỡ lấy, tay run run nhét hết vào túi quần. Mười mấy năm nay ở hải ngoại, có lúc ông đã từng sở hữu những món tiền khá lớn, nhưng chưa bao giờ thấy giá trị của đồng tiền vĩ đại như lúc này. Ông cúi xuống xách va-li, chào chủ tiệm và đi thật nhanh ra cửa như sợ bà đổi ý. Ông thấy bước chân mình nhẹ hẫng đi và cảnh vật chung quanh dường như vừa đổi khác. Hai ngàn đồng trong túi sẽ giúp ông tạm sống một thời gian, rồi từ từ tính sau! Lòng lâng lâng khoan khoái, ông ung dung tiến về phía khách sạn.

(còn tiếp)

nhớ nhà

chiều nghiêng mấy nẻo đường về
cây cao bóng lá rớt hè phố qua
chiều tôi thêm nỗi nhớ nhà
nhớ hoang vu chút trắng tà nghiêng đưa
thương đêm mấy ngọn sao vừa
rớt tôi xuống nỗi đông đưa tháng ngày.

huỳnh liễu ngân

thư em gửi

Sầu em đổ xuống trang thư,
Sầu ta đổ xuống suy tư vạn ngày.
Phương nào cánh lá phong bay,
Phương ta biếng nắng, dơi gầy chết non.
Những dòng mực tím đầu còn,
Chữ đen nét gầy, lòng son hoen màu.
Ơi em, cất hết thương đau,
Từ muôn kiếp trước, kiếp sau làm người.
Trắng đêm hốc hác con người,
Lời em xoáy buốt giết tươi tế bào.
Cảm thông, đâu biết làm sao,
Tự do em có, bước vào đời đi!
Góp gom hạnh phúc lỡ thì,
Quên ta một kẻ tình si muộn màng.
Vội đi tay nặng đa mang,
Mộng hoa đem chất thanh thang ngõ lòng.
Chuyện xưa hòa trộn hư không,
Thả bay theo gió thành dòng cuốn đời.
Mốt mai gặp lại ngoài đời,
Cười khan một tiếng đủ khơi sóng ngầm.

nguyễn duy tâm

gửi bạn ở sikiew

Tựa rào trại cấm Thái Lan
Ngày đêm bó gối thở than ghen lời
Tự do tưởng tấp bến rồi
Thuyền nhân bỗng chốc mang đời tù nhân!
Sàng đi lọc lại bao lần
Trái tim nhân loại có ngăn ấy thôi!
Chúa còn bận họp trên trời
Phật đang dở việc tận nơi Niết bàn!
Sóng vui thuyền đã nát tan,
Lấy gì chuyên chở hồn oan cùng về?

trần ngân tiêu



đôi bờ cách xa

kìa em
âm đậm xanh xao
lỡ quên em
ở góc nào
trái tim.
ta quên
ngay cả chính mình
ngờ đâu
còn
một mảnh tình
chưa tan.
mắt em hồ lệ
chứa chan.
còn ta
một cõi hoang tàn
ngán ngơ.
gặp nhau
như thể trong mơ
gặp nhau
chết đứng
đôi bờ cách xa.
lá thu
thấp thoáng bay qua
nhuộm vàng
thêm ánh chiều tà
đang rơi...

hồ ông

bãi gió còn trắng



Hồ Trường An

Chương hai

Bên nhà ông bà Bang biện Hưỡn tối hôm đó đang chộn rộn. Chiếc đèn măng-sông thay thế chiếc đèn năm ngọn treo ở trung đường tỏa ánh sáng trắng như nước suối.

Ông Bang biện Hưỡn thả dài trên ghế xích-đu đọc quyển *Đông Châu liệt quốc*. Bà Bang biện ngồi trên bộ đi-văng chơn quỳ ăn trầu. Trước mặt bà, khay trầu khám xa cừ đựng chiếc bình vôi và chiếc chén ngậm cau khô bằng sứ nước men trắng in bông chàm đậm. Phía bộ ván cấm lai, cô Tư Cẩm Lệ đang đập máy may rột rột. Giữa trung đường là bộ xa lông khám xa cừ gồm chiếc bàn hình hột xoài, một chiếc trường kỷ và bốn cái ghế dựa. Cậu Hai Luyện ngồi trên trường kỷ đọc tờ *Nam Phong tạp chí*.

Bà Bang biện Hưỡn ngó về phía nhà bếp, phàn nàn:

- Cái thằng Bửu là thứ đồ làm biếng nhốt thây! Trưa hôm qua nó quên bẻ cau, báo hại tối nay tui phải

ăn trầu với cau khô ngậm nước như vậy!

Bà Bang biện đã ngoài năm mươi, vóc vạc cao lớn, thân mình phốp pháp, nước da ngăm đen. Kể ra trong bốn cái tướng đáo để của con người là nhứt lé, nhì lùn, tam hô, tứ lộ thì bà chiếm hai cái chót. Răng hàm trên của bà hơi dài nên miệng bà hô, không khép kín được. Cặp mắt bà lớn, tròn trắng húng hiếp trông đen, mu mắt nổi cộm. Nếu ai đó nhìn bà hơi chăm chú là bà vội khép kín miệng lại, mắt trở nên lim dim để không ai thấy cái lộ trao tráo của mình. Bà nhờ ăn trầu vén khéo nên răng cở của bà hầy còn chắc. Nói nào ngay, hời còn trẻ bà không thuộc hạng xấu gái. Bà chỉ có tướng dữ tợn. Đối với kẻ quyền thế, giàu sang, bà lễ phép, mềm mỏng, ngọt ngào; nhưng đối với người thấp thỏm, cái miệng đó trở nên thô lỗ, hỗn hào, rồn rảng.

Ông Bang biện hơi nhỏ người, mặt lưỡi cày, mắt lảo liên rất nhanh, miệng luôn luôn nở một nụ cười cầu

tài.

Hôm nay tiết trời oi bức nên bà Bang biện mặc chiếc áo túi bằng xuyên trắng, quần lụa trắng. Dù ở trong nhà, bà vẫn vàng đeo ngọc khám những nữ trang thuộc kiểu xưa. Tai bà đeo đôi bông cầm thạch khoét lỗ giữa để nhận cặp hột xoàn ba ly rưỡi. Cổ bà đeo dây chuyền vàng, miếng mề đay cầm thạch tạc hình trái lựu nứt vỏ lòi hột. Hai cườm tay bà đeo đôi neo quai chảo. Hai ngón tay trở bà là cặp cà rá cừu khúc liên hườn. Búi tóc bà hình trái cam hồng mật giắt chiếc trâm hình trăng khuyết nhận hột xoàn lấp lánh.

Ông Bang biện mặc bộ pyjama màu cà phê sữa sọc đen, tóc hớt cà-rê, sợi tóc cứng chĩa thẳng lên trời như lông bàn chải tắm ngựa. Ông đặt tờ báo xuống bấp đùi, bảo vợ:

- Ở tui quên nói cho bà biết, kỳ tới tui sẽ ứng cử hội đồng quản hạt. Anh Huyện có hứa giúp tui.

Anh Huyện đây là ông Huyện Ngô Văn Toại, anh kế của bà Bang biện. Bà không nói không rằng, miệng nhai trầu rau rầu nhưng nét mặt lộ vẻ suy nghĩ lung lăm. Bà vốn thích chông mình có quyền cao tước trọng, nhưng ra ứng cử thì phải tốn kém. Và lại anh kế của bà chỉ là một ông huyện hàm, không có thực quyền dù ông ta thuộc loại "ăn cơm bảy phủ, dạo đủ mọi nơi", quen biết nhiều chốn quyền môn.

Ngày một nhà có đám giỗ cụ bà thân mẫu của ông Bang biện Hưỡn. Thiệt ra, cụ không phải là chánh thất của cụ Cai tổng Nhiều, cha ông Bang biện Hưỡn, cho nên người trưởng nam dòng đích không chịu thờ phụng cụ ở ngôi từ đường. Phần giỗ chạp do ông Bang biện Hưỡn đảm nhiệm từ khi ông ra riêng, cưới vợ và lập nghiệp.

Cô Tư Cẩm Lệ từ khi gá nghĩa với thầy kiện Trần Hảo Hiệp thì cô đóng đô ở Sài gòn. Cô vốn son sẻ nên khi về viếng cha mẹ không có con bông, con dất. Cả cô Ba Cẩm Tú, từ khi kết hôn với thầy thuốc Lê Thanh Mậu cũng không chứa nghén gì ráo. Được

một cái là chồng cô Ba mở phòng mạch gần Cầu Lầu nên cô thường về thăm tía má cô.

Cậu Hai Luyện kỳ hè này tốt nghiệp trường Kinh lý đặc điền ngoài Hà Nội, được nhà nước cấp bằng kinh lý, đem danh giá rõ ràng cho gia đình, cha mẹ. Bà Bang biện bằng bụng lắm. Thằng con bà sau khi đậu bằng thành chung, cứ ở nhà làm công tử bột, chơi bởi thả giàn. Từ khi con vợ kể về nhà cha mẹ, cậu buồn nên mới quyết chí học thêm và đỗ đạt như vậy.

Bà Bang biện tăng háng, bảo:

- Thằng Hai, con Tư, luôn cả con Ba bấy lâu nay xưng hô coi không ổn chút nào! Giờ đây má yêu cầu các con phải chỉnh đốn cách xưng hô. Con Tư không nên gọi anh mày bằng anh Hai suông trơn mà phải gọi là anh Hai kinh Lý. Còn thằng Hai phải kêu hai đứa em mày là cô Ba thầy thuốc, cô Tư thầy kiện. Vậy mới là trọng phép nhà.

Ông Bang biện Hưỡn ngẩng mặt, bắt bẻ vợ:

- Còn bà, bà cũng phải bỏ cách kêu thằng Hai, con Ba, con Tư chứ?

Bà Bang biện tēm cho mình một miếng trầu, chậm rãi bảo:

- Từ rày, ông và tui nên kêu tui nó bằng thằng Hai kinh lý, con Ba thầy thuốc, con Tư thầy kiện, kéo thiên hạ chê cười nhà mình bội ơn xã hội làng nước!

Ông Bang biện Hưỡn cười cười trước cách xưng hô giỡn nhột của vợ, nhưng thấy bà lộ vẻ trang nghiêm thành khẩn lắm nên ông không dám chế giễu.

Cô Tư đang may chiếc quần đáy giữa bằng cẩm nhung đen, bảo mẹ:

- Anh Ba thầy thuốc có khuyên chị em con nếu Tây y đâu hàng thì đi tìm thầy thuốc ta hoặc đi đền chùa cầu tự chớ lẽ nào tui con chịu cảnh hiếm muộn hay sao!

Cô Tư Cẩm Lệ giống cha ở nước da mơn, giống mẹ ở vóc mình cao lớn, cái miệng hô và cặp mắt hơi lộ. Nhưng cái miệng cô hô duyên, răng cô đều đặn khít khao, cặp môi cô ửng hồng tự nhiên. Cặp mắt cô chỉ

hơi lộ, tròn trắng tròn đen không lẩn át nhau. Đã vậy sống mắt cô còn ướt rượt, sáng ngời, linh hoạt. Kể ra cô đẹp trên trung bình. Tối hôm nay cô bận bộ đồ xăm bằng cẩm phụng trắng, áo tay cụt, quần ngắn lòi mắt cá. Tóc cô không bới như đa số phụ nữ thị thành thời đó mà cuốn tóc bánh tay rẽ theo kiểu mấy bà đầm, giắt lược đôi mồi phía trên tai, sống lược nạm hột trân châu. Cô đeo nữ trang nạm hột xoàn chấp chới, xúc đầu thơm nức nồng nhưng không tô son đôi phấn.

Bà Bang biện thở dài, giọng than thở:

- Dòng họ tao, đồn bà đẻ sai như cá lóc, như chuột bạch. Bà nội bảy và các cô bảy cũng đẻ ít nhất ba trụ. Vậy mà hai chị em bảy sượng ngắt, không đẻ đái gì hết! Còn thằng Hai kinh lý, con vợ mày hôn hào, chê bai khinh khi mày, lộn nài bẻ ống về nhà cha mẹ nó. Giờ đây mày có chức tước quan quyền, mày nên đề phòng, không cho nó trở về leo lên địa vị bà Kinh lý. Để tao nhờ thằng Ba thầy kiện lo thủ tục ly hôn cho mày. Có vậy mày mới rảnh chun rảnh tay cưới con vợ khác để tao có cháu nội với người ta!

Cậu Hai buông tờ báo, ngừng đầu lên:

- Con đã chọn vợ rồi. Cổ là dân Bắc kỳ.

Ông Bang biện giựt mình, buông tờ báo, ngó thằng trưởng tử của mình trân trối. Bà Bang biện cùng cô Tư Cẩm Lệ, kẻ quên nhai trầu, người ngừng đập máy may, sững sốt nhìn cậu Hai Luyện lom lom. Cậu ở trần trụi, chỉ vận khăn xà rồng đen lộn chỉ đỏ, chỉ trắng. Vóc cậu vừa tầm, hơi mập mập. Mặt cậu tròn, má phính, khi gặp điều không vừa ý là sung lên chừ bự. Điểm linh hoạt duy nhất trên khuôn mặt cậu là đôi mắt sáng như sao, biểu lộ sự thông minh cũng như những toan tính, lọc lừa xảo diệu.

Bà Bang biện hỏi gần:

- Mày nghĩ sao mà đòi cưới vợ Bắc kỳ?

Cậu Hai Luyện:

- Bởi con thương cổ, cổ thương con. Tía cổ làm tham tá chớ bộ lòi thoi gì sao? Cổ lại có ăn học, tuy chưa đậu đít-lôm nhưng cũng học tới năm thứ ba ban trung học.

Ông Bang biện Hưỡn khuyên ngăn:

- Con đừng có dại! Bọn Bắc kỳ vốn người dị tộc với người Việt mình. Tuy họ cũng nói thứ tiếng giống giống mình nhưng cách nói của họ ráo rề, mồi miếng. Họ nói tuy ngọt xớt nhưng cái khoa nói đánh đầu xóc óc xuất sắc lắm con ơi. Mấy cô con gái Bắc kỳ ăn mặc tuy hực hỡ mà vòng vàng, hột xoàn chẳng có bao nhiêu đâu! Gái Nam kỳ thiệt thà, ăn nói không biết làm điệu uốn éo, những cô bực trung coi vậy chớ vòng vàng chuỗi hột xuê xoang.

Cậu Hai trả lời:

- Tại ba má cứ ngó vô gia đình ông Phán Giây thép rồi tưởng đâu người Bắc nào, cô gái Bắc nào cũng giống như họ.

Thuở trước, người Bắc vào Nam định cư thường thuộc thành phần nhân viên bưu điện hay các phu cạo mủ cao su. Ở Vĩnh Long có ông giám đốc sở Bưu điện người Bắc, nhà xéo xéo sở Trường tiền. Dân tỉnh lẻ hề thấy ai đứng tuổi, mặc Âu phục cũng gọi là ông Phán. Bởi gặp nhiều ông Phán như vậy nên họ gọi ông là ông Phán Giây thép hay ông Phán Bắc.

Ông Bang biện hỏi tới:

- Mà mày với con Bắc kỳ đó... tăng tịu với nhau rồi, phải không?

Cậu Hai lắc đầu:

- Nếu cổ và con đã hưởng thú gió trăng thì đời nào con tính chuyện đá vàng với cổ! Con nhà lành đó đa! Ba má cổ giữ cổ khít rim còn hơn ba má giữ ruộng đất, hột xoàn. Nếu ba má không chịu ra ngoài Bắc coi đâu thì con sẽ nhờ cậu Huyện. Bấy lâu nay cầu ao ước đi thăm Huế, Hà Nội mà chưa có dịp.

Bà Bang biện Hưỡn thừa biết con trai mình không thể bị gái dụ dỗ dễ dàng bởi cậu có tới ba lớp vảy bảy lớp da. Nhưng ra tới Hà Nội để thỉnh một cô gái "dị tộc" mang dị tục về làm dâu thì cũng ngặt cho bà. Chi

bằng bà giục hướn cầu mưu, Cậu Hai vốn kẻ mai huế xé quảng, phóng đảng đối đời, lòng dơi dạ chuột, lúc mấm ruốc khi mấm nêm. Biết đâu về làm việc tỉnh nhà, cậu gặp được một ý trung nhưn khác mà quên cô Bắc kỳ nói tiếng ráo rẻ nghe lạ hoắc lỗ tai kia đi.

Bà Bang biện nói:

- Việc ly hôn của con chưa ngã ngũ ra sao. Để rồi ba má và thằng chồng con Tư thầy kiện tính gấp cho xong. Chừng đó má sẽ nhờ cậu

Huyện con đứng ra làm mai, tính việc trăm năm cho con được vương tròn.

Ông Bang biện Hướn chưng hửng:

- Vậy là bà đành bụng cái đám ở Hà Nội đó hay sao?

Bà Bang biện rút cục thuốc lóng, chà qua chà lại hàm răng trên, nói giọng rời rạc:

- Con cái thời nay cứng đầu cứng cổ. Vợ chồng mình đã chọn cho nó hai đám rồi, rớt cuộc keo rã hồ tan hết troi. Bây giờ nó đành đám nào thì

tui cũng ưng đám đó, để nó khỏi đổ thừa...

Ông Bang biện nói xuôi:

- Ồ, bà tính sao cho gọn thì tính!

Thiệt tình, ông không lý gì đến chuyện dâu rể. Con trai con gái ông đều biết quyền biến. Về vụ chọn vợ cho cậu Hai, vợ chồng ông tính già hoá ra non nên ông không muốn can dự vô nữa. Điều ông đang bận tâm là ông phải làm tròn làm tréo cách nào để mua rẻ sở ruộng tám mẫu của ông Hương bộ Lạc ở vùng Phước Hậu. Điều bận tâm thứ hai của ông là làm thế nào ăn nằm với vợ Cai tuần Hạp, tá điền của ông. Chị ta đang có chửa bốn tháng. Ông chỉ cần ăn nằm với chị vài lần rồi sẽ trả chị ta về với chồng, để ông kiếm một mụn đờn bà có chửa khác.

Bà Bang biện quay qua cô Tư Cẩm Lệ:

- Thôi, con nên sửa soạn đi ngủ. Mai má con mình dậy sớm để còn coi sóc bày trẻ nấu nướng.

Cô Tư:

- Bọn con Lài, con Lý đã lo xong nồi thịt cá kho chung, nồi khổ qua dồn thịt hầm, nồi vịt tiềm hột sen và bạch quả. Đầu heo và lòng heo cũng đã luộc xong để mai nấu cháo. Sáng dậy sớm, chỉ còn làm gà vịt nữa là xong. Chị Ba có nói cỡ bảy giờ sáng chị mới chịu qua.

Nhân dịp đám giỗ, ông bà Bang biện Hướn mổ con heo để ăn mừng đại đăng khoa cậu trưởng tử. Xong xuôi họ mới dắt cậu về nhà hương hỏa mổ bò ăn khao với họ hàng bên nội của ông Bang biện Hướn.

Cậu Hai Luyện bảo cha mẹ:

- Ăn khao xong, con bắt tay làm việc liền. Nhà nước muốn đào con kinh từ sông Cổ Chiên băng qua làng Mỹ An và con được phái đi đo đất.

Ông Bang biện:

- Ồ, làng Mỹ An cũng gần, đi ghe buồm gặp nước xuôi gió thuận chừng hơn tiếng đồng hồ là tới. Vùng An Hương, Hoà Mỹ, Mỹ An thuộc về quê bà nội của con đó.

Cậu Hai lơ đãng:

- Vậy thì tốt lắm!

như chẳng bao giờ biết đọc thơ

*người bảo ta quên. vâng. sẽ quên.
như không có thuở. thức. nửa đêm.
để đọc thơ người. và gục xuống.
một cõi thơ. với những nỗi niềm.*

*như không có thuở. ngồi im. sững.
để thấy thơ về. lồng lộng. cao.
quê hương lấp lánh trong từng chữ
tổ quốc ngồi ngồi giữa những câu.*

*như không có thuở. lòng như cắt.
thơ ai chảy máu. ruột ta mềm.
vẫn nước nổi trôi và nổi nhục
tưởng rằng quên. nhưng chẳng thể quên.*

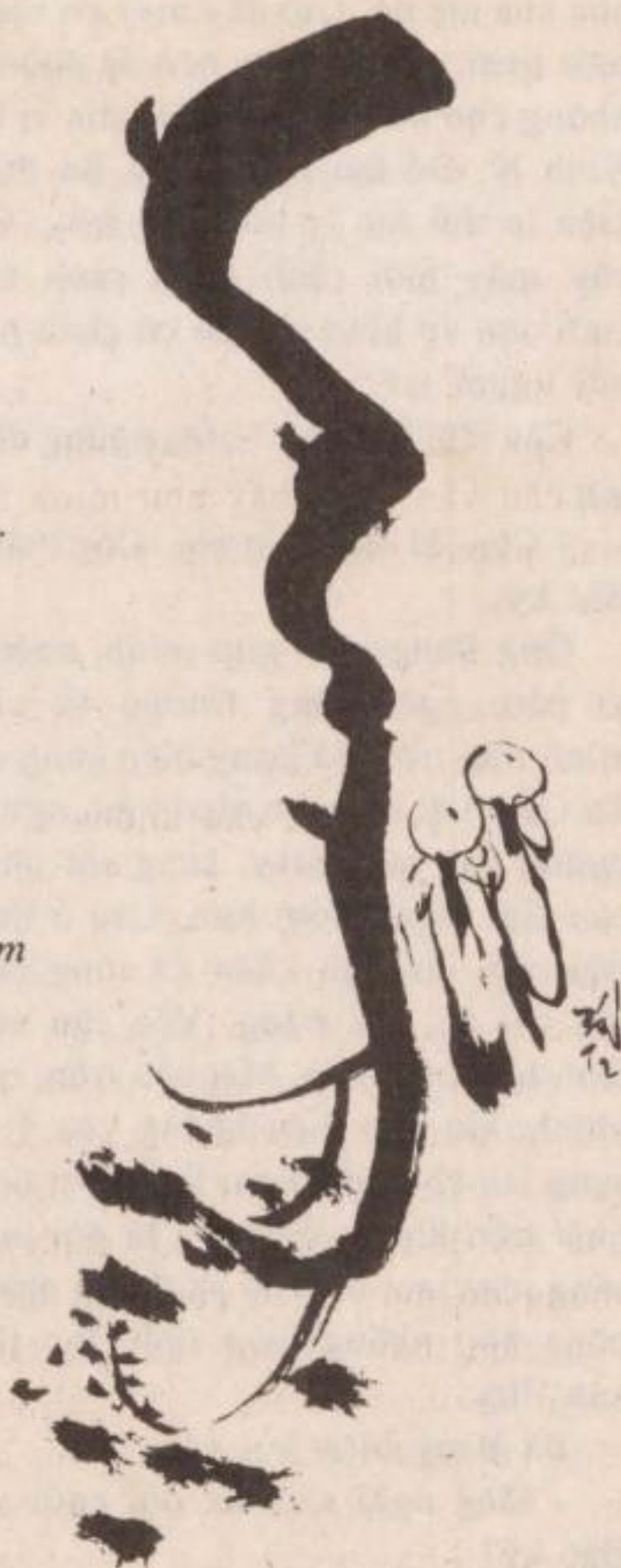
*như không có thuở ngồi hồi tưởng
trái tim rón rén tuổi mười lăm
bài thơ mực tím không dám nhận
ngập ngừng để thơ rớt dưới chân.*

*như không có thuở rất băng khuâng
tiếng thơ rơi trên những phím dương cầm
vàng bay mấy lá. thu ngoài ngõ
vắng vặc trong thơ ánh nguyệt rằm.*

*như không có thuở khóc vì thơ
trái tim ướt sũng đến không ngờ
trái tim cảm lạnh lên cơn sốt
vì trời khuya còn mãi hứng thơ mưa.*

*vâng. ta sẽ quên. và quên hết
như chẳng bao giờ biết đọc thơ.*

hương giang



Rồi cậu lấy tay che miệng ngáp đã dụi, ừ ừ bỏ vào buồng. Bà Bang biện quay qua cô con út:

- À quên, để má dặn thằng Bửu sáng mai bẻ cau cho má và chặt quày dừa xiêm chồng con và anh rể con uống. Con đi tìm nó, lôi cổ nó lên đây cho má dạy việc.

Bửu là con rơi của ông Bang biện Hưỡn. Mẹ ruột chết sớm nên được bà Bang biện mang về nuôi từ thuở cậu lên tám. Người đích mẫu lòng dạ khô khan, khắc bạc kia dạy dỗ đứa trẻ bất hạnh bằng roi vọt, bạt tay, ngắt véo, chửi rủa. Bửu rất thông minh, được cha cho học tới lớp ba, thi đậu bằng sơ học rồi phải ở nhà giúp việc trong ngoài. Cậu đã chép tuổi ấu thơ và thời mới lớn bằng nước mắt, bằng mồ hôi.

Chứng giáp bã trầu, cô Tư Cẩm Lệ cùng một cậu trai khoảng 15 tuổi, từ ngăn chái dưới nhà bếp đi lên. Cậu ta ốm yếu, mắt trộm lơ, da mặt đỏ bừng vì cơn sốt, quần áo may bằng vải hột giեն đen, vai áo vá một miếng lớn.

Bà Bang biện cất giọng rít róng:

- Từ hồi chiều tới giờ mày chui lỗ nẻ nào mà biệt tăm biệt tích vậy? Hễ ăn xong ba hột cơm là mày đánh lừa đánh đảo đi dạo xóm.

Bửu nhỏ nhẹ:

- Thừa má lớn, xế này con phụ với mấy chú lực điền giờ chà bắt tôm. Bởi đó con lên cơn nóng lạnh. Từ chiều tới giờ con nằm li bì ở vạt tre chớ đâu có đi dạo xóm.

Bà Bang biện nguyền dài:

- Mày đừng có lẻo lự! Hễ đảm nước đang nắng thì chỉ một sặt sừ vậy thôi. Sáng mai mày phải dậy sớm bẻ cho tao một buồng cau xiêm, một quày dừa xiêm.

Bửu chỉ "dạ", sắc mặt mệt mỏi, ngày ngật. Ông Bang biện liếc qua đứa con bất hạnh, can gián vợ:

- Nhìn qua mặt nó, tui cũng biết nó đang làm cũ. Thôi, bà nện chằm chước cho nó nhờ. Nhà mình tôi trai tớ gái thiếu gì. Nó đang đau yếu, bà mà bắt nó leo cau leo dừa, rui nó run tay té xuống đất thì sao!

Bà Bang biện liếc xéo chồng rồi

hết:

- Đi đâu thì đi cho khuất mắt! Mà nhớ biểu thằng Đực hoặc thằng Xiêm hái cau, hái dừa thế cho mày nghe chưa? Thứ đồ biếng nhác gì đâu á, mới đồ đèn đã lo đi ngủ, y chang như gà vịt vậy.

Ông Bang biện Hưỡn bước tới chiếc bàn có nhiều ngăn học, mở một ngăn, lấy năm gói cảm mạo phát tán đưa cho Bửu, bảo:

- Kiểm nước trà uống liền một gói đi. Ngày mai, ngày mốt, mỗi ngày mày nhớ uống hai gói. Uống thuốc trước bữa ăn thì thuốc mới công hiệu.

Bửu đỡ lấy mấy gói thuốc, lí nhí cảm ơn người cha ruột rồi lủi thủi quay về căn buồng của mình gần kho chứa nông cụ.

Căn buồng của Bửu gồm một cái vạt tre trải chiếu đậu, một cái mùng màu cháo lòng vá vài miếng lụn vụn, một cái mền xám cũ mềm và một cái gối ống bằng cây đẽo.

Đêm đó Bửu bị hai cử sốt rét làm cậu mệt nhoài. Lúc nóng, cậu muốn cởi phăng hết quần áo ra mong mát mẻ được chút nào chẳng. Lúc lạnh, cậu run cầm cập, hai hàm răng đánh bò cạp. Chiếc mền ni dày như vậy mà cậu vẫn cảm thấy như mình ăn mặc phong phanh đứng giữa buổi lập đông.

Chỉ có lúc bình hoạn như hôm nay, Bửu mới thăm thía hoàn cảnh mồ côi mẹ của mình. Lúc mạnh giỏi, sẵn tánh lạc quan, cậu không nhìn vào hoàn cảnh hiện tại. Cậu nghe người chú của cậu, đã xuất gia đầu Phật hiện trụ trì tại chùa Long Đức, cách cầu Đào một trăm thước, thường nói rằng: "Sông có khúc, người có lúc, lại nữa sông còn có lúc đục lúc trong, nước có lúc ròng lúc lớn". Cậu nói đó tuy cũ kỹ của cổ nhơn, nhưng do một chiều cảm đặc biệt, Bửu cảm thấy nó dội sâu vào tâm khảm và niềm tin của cậu. Nhờ đó, sống với người cha hờ hững, với bà mẹ ghẻ tàn nhẫn và lũ anh chị con dòng đích hay hoạnh hoẹ eo sèo mà cậu không buồn, không tủi thân.

Cậu tin rằng kiếp trước cậu đã gây nhiều việc oan trái cho họ nên kiếp này những lần roi vọt của họ quất lên mình cậu chỉ là để trả quả. Còn những lời mắng nhiếc rủa sả của họ cũng chỉ là tiếng vọng của nghiệp chướng.

Bây giờ có lẽ vào giữa canh ba. Bửu choàng tỉnh giấc sau một cơn mê ngắn. Ánh trăng từ miếng kiếng gắn trên mái nhà chiếu vào căn buồng. Ngoài hè, tiếng dơi ăn ổi kêu chí choé. Bửu gắng định tâm niệm Bạch Y Quán Thế Âm thần chú và chú Tiêu Tai Cát Tường do pháp sư Chơn Huệ, chú của cậu, truyền dạy trước khi chìm vào cơn mê mệt li bì. Bửu không mong thần lực của kinh giúp cậu thoát ly cảnh nhục nhằn cơ cực hiện giờ, nhưng ít ra nó cũng gõ vào nội giới cậu từng âm ba lạnh lốt, xua hết bóng đêm và nỗi sợ hãi vu vơ.

Dưới mái nhà này, Bửu luôn luôn có cảm tưởng mình đứng trên bờ vực thẳm. Cậu không thể lường được những cơn giận bất chợt của bà đích mẫu. Khi bực dọc, dù bất cứ chuyện gì, do ai đi nữa, bà cũng chĩa mũi dùi vô cậu. Từ nhỏ, cậu đã bị đối xử như hàng tôi tớ, ăn cùng bàn với tôi tớ, làm lụng như tôi tớ; đau đớn hơn nữa, cậu còn bị là bìa nhận những lời hằn học, oán ghét không duyên cớ của bà đích mẫu mình.

Cơn sốt lại nổi lên làm đầu óc Bửu lũng bồng khiến tâm trí cậu không buộc chặt vào từng tiếng niệm. Dần dà, Bửu lọt vào cơn ác mộng thật mạch lạc. Cậu thấy mình bị một mù đàn bà mặt đầy vết sẹo, tay cầm chiếc rựa sáng loáng đuổi theo. Những vết sẹo làm các bắp thịt trên khuôn mặt mù biến dạng, nét hung ác hiện ra lồ lộ. Miệng mù mím chặt, hai cánh môi mỏng lét như hai sợi chỉ. Cặp mắt mù trợn ngược, tròn trắng nhiều hơn tròn đen. Cậu cứ chạy nhưng cảm thấy thân mình nặng như đeo đá, cặp giò yếu đuối lỏng lẻo như chực rời khỏi thân thể. Trước mặt cậu bây giờ là một con sông rộng có thành cầu bắc ngang nhưng không lót ván. Cậu

kinh hãi không biết xoay trở cách nào. Sau lưng cậu, tiếng hét của mẹ già hung ác chen với tiếng rống gầm của ác thú. Cậu té điếng gần ngã quỵ thì bỗng nghe một giọng nói dịu dàng: “Con hãy theo má, bỏ theo thành cầu để qua sông. Có má đây, con đừng sợ!”

Cậu ngược lên. Trước mặt cậu là má ruột cậu, khuôn mặt buồn bã, nụ cười hiền từ. Bà mặc chiếc áo bà ba bằng lụa trắng, quần lụa xiêm, bộ y phục mà khi bà chết, bà ngoại cậu đã mặc cho bà trước khi nhập quan. Bửu chỗi dậy, rần vừa bám vừa bò theo sườn cầu. Má cậu thông thả đi trước, tay xách chiếc đèn tán chai rọi sáng bức màn sương mỏng phủ mờ cảnh vật.

Bửu đã vượt qua sông. Mẹ cậu dắt cậu đi một quãng đường nổi từng đám sương cuốn cuộn làm cậu có cảm tưởng hai mẹ con đang đi trên mây. Bà bảo cậu: “Má đưa con lên núi Cô Tô đây. Rồi đây con sẽ cùng chú con tu tại chiếc am lá cất gần Điện Kính. Con sẽ được thanh thoi cho tới cuối đời”. Rồi sương mù tan dần. Hai mẹ con bước vô một thảo am có rào trúc vây quanh. Chú của cậu, pháp sư Chơn Huệ, từ trong bước ra, áo nhứt bình màu đà, cổ đeo xâu chuỗi kết bằng hạt hổ phách...

Tối đây Bửu bừng tỉnh giấc vì tiếng hét của bà Bang biện Huân:

- Dậy đi, thứ đồ thú vị này đây! Ở trong nhà này, nếu không xay lúa, giã gạo, chẻ củi thì cũng quét dọn chuồng heo, chuồng gà. Tao đâu có dư cơm để nuôi thứ đồ trôi sông lạc chợ như mày! Mau dậy uống thuốc rồi theo thằng Đực, thằng Xiêm mót mương bồi liếp!

Bửu lồm cồm ngồi dậy. Nhưng cơn văng vát như choàng một tấm màn tối sẫm và lạnh ngắt lên tâm trí cậu. Rồi cơn ho xé phổi kéo tới làm Bửu mửa một đồng máu tươi. Giờ đây bà Bang biện Huân mới biết sợ. Bà chạy ra ngoài một mặt gọi thằng Xiêm mời ông Năm Tảo tới chẩn mạch cho thằng con ghẻ, một mặt kêu thằng Đực vô quét dọn đồng máu tươi và xúc đầu hơ lửa cho Bửu.

Sau đó bà Bang biện bước lên trung đường thở thê thuật lại vận sự cho chồng nghe. Ông Bang biện nói:

- Ôi, hóa vọng trật đường rầy làm người bệnh lạc huyết đó thôi! Hái lá chó đẻ giã nhỏ, vắt nước cốt cho nó uống là nó hết bệnh liền!

Nói xong, ông sai con Lài con Lý chuẩn bị trà nước. Cả nhà xúm lại ăn sáng. Cô Ba Cẩm Tú cùng chồng lúc hùng sáng đã từ cầu Lầu qua nhà cha mẹ dùng điểm tâm với cả nhà.

Khách tới sau vợ chồng cô Ba là pháp sư Chơn Huệ và ông Năm Tảo. Bà Bang biện bảo dọn món chay cho pháp sư dùng rồi mời ông Năm mau chẩn mạch hốt thuốc cho Bửu. Bà thiết sự run sợ cho tính mạng cậu. Cách đối xử ác độc của bà đối với cậu con ghẻ mới lớn kia thì bà con, chòm xóm đều rõ. Nhưng bà không muốn cậu chết. Trước hết bà không muốn mất một tên tớ trai giỏi đấm; sau nữa bà cũng ngại miệng lần lưỡi mới phao vu bà giết lần mòn đứa con ghẻ bạc phước kia.

Pháp sư Chơn Huệ khoảng độ 40 tuổi, da dẻ hồng hào, cặp mắt sáng, cái nhìn dịu dàng và trang nghiêm. Ông tiếp chuyện vợ chồng bác sĩ Lê Thanh Mậu nhưng thỉnh thoảng sắc mặt lại lộ vẻ nghĩ ngợi. Bác sĩ Lê Thanh Mậu trắng trẻo, phương phi nhưng ánh mắt mệt mỏi, cái nhìn thờ ơ. Cô Ba Cẩm Tú đẹp sắc sảo, cao lớn hơn cô Tư, da tuy trắng nhưng không có vẻ mát mẻ nõn nà bằng. Bù lại, ông trời lì xì cho cô đôi má lúm đồng tiền để cô làm duyên làm dáng với cuộc đời. Hôm nay cô Ba mặc áo dài nhung hường, quần sa-teng đen, đi giày quai nhưng thêu cườm. Cô đeo sưu bộ kim cương lấp loè bảy sắc cầu vồng. Khi tới nhà tía má ruột mình, cô vào buồng mẹ cởi áo dài, lấy trong giỏ xách chiếc áo bà ba bằng nhiều tím than thêu bông hường ở bầu cổ, lai áo ra thay cho tiện lúc làm bếp.

Cô Ba hỏi cô Tư:

- Chùng nào dưỡng Tư mới về tới?

Cô Tư Cẩm Lệ:

- Từ Sài gòn về đây ít nhứt cũng

ba tiếng đồng hồ nếu không kẹt bác Mỹ Thuận. Nhưng em tin ảnh sẽ về đây trước khi bày mâm cúng.

Cô Ba kể với em:

- Nè Tư, đêm qua chị nằm chiêm bao thấy mình nuốt hạt trái xá lý, nhưng rồi từ dưới rún chị tuôn ra một luồng khói, bay lên trời tụ lại thành mây rồi tản mát đâu mất. Chẳng biết điềm gì vậy?

Cô Tư nhìn chị:

- Sao lạ vậy? Còn em thì chiêm bao thấy con rắn chui vô bụng em rồi chui ra, chín lần như vậy. Lần chót nó cắn làm bụng em nát tanh banh tét bét...

Bà Bang biện nói át ngay:

- Ôi! Mộng triệu bá láp bá xàm! Hơi đâu bày thắc mắc cho hao tâm tổn trí! Bà con lối xóm sắp tới phụ giúp nấu nướng rồi, bày liệu mà chỉ biểu họ. Hôm qua tụi trẻ giỡn chà bắt được khá nhiều tôm càng, cá lóc, bày làm sao cho mâm cúng ề hề thơm tất thì làm! Má còn phải lo tiếp khách danh giá trong tổng, trong làng.

Ông Năm Tảo sau khi chẩn mạch cho Bửu liền bước ra trung đường, nơi ông bà Bang biện, bác sĩ Lê Thanh Mậu, cậu Hai Luyện đang hầu chuyện pháp sư Chơn Huệ. Ông bảo:

- Tui xin nói thiệt cho ông Bang biện lo liệu. Cậu Bửu bị chứng lao sái. Lao sái mạch thường đi với Sác hoặc Sác hoặc Tế. Chứng này phát ra nhiều nhiệt, tuôn mồ hôi đầm đề, ho ra máu, da thịt gầy mòn, vóc mình ốm o so bại. Riêng mạch của cậu Bửu đây đi Sác Tế mà Sác là chứng chết. Tuy biết vậy nhưng tui cũng gắng hốt vài thang thuốc cho cậu. Biết đâu nhờ ơn Trời Phật, ông bà, mạch đi Vi Sác thì cậu sẽ có hy vọng sống. Nhưng bệnh này thập tử nhất sinh, có sống thì cũng vương bệnh nan y cho tới chết. Đối với người lớn tuổi thì hai lá phổi rắn chắc hơn nên bệnh lao lâu phá hư. Đằng này cậu Bửu mới tuổi trăng tròn, hai lá phổi còn non yếu, tui không dám chắc cậu có sống được tới sang năm!

Bác sĩ Lê Thanh Mậu góp ý:

- Tuy tui không rõ ngành Đông y

nhưng ông Năm đây luận bệnh rất đúng. Ông Năm cứ trị bệnh cho cậu bằng thuốc bắc, tui sẽ trị bằng thuốc tây.

Nãy giờ pháp sư Chơn Huệ lặng thinh theo dõi cuộc luận bệnh của ông Năm Tảo, bây giờ mới lên tiếng:

- Cứ để ông Năm đây điều trị. Ông bà mình thường nói, hễ nhiều thầy thì hư bệnh. Lại nữa, anh chị lu bù công kia việc nọ, nếu để thằng cháu tui ở đây thì không ai săn sóc. Chi bằng anh chị cho người võng cháu về chùa, tui sẽ săn sóc cháu tiện hơn.

Bà Bang biện Hưỡn nói:

- Bạch thầy, thầy dạy rất phải. Vợ chồng tui xin cảm ơn thầy.

Bà ngó qua chồng thấy ông cứ làm thinh, uống trà từng hớp. Bà biết ông đã khứng chịu vì chứa một thằng con nít mới lớn mắc bệnh truyền nhiễm thì cực lòng cực trí cho bà biết bao!

Pháp sư Chơn Huệ nói:

- Tuy tui không biết nó sống chết ra sao nhưng tui có thể cứu mang nó được vì tui có rộng thì giờ. Tháng tới nữa tui đi Thất Sơn tu luyện, sẽ đem nó theo luôn. Nó rủi có chết thì có tui trợ niệm hồng danh A di đà Phật để nó nhờ tha lực của Phật mà vong linh được vãng sinh về chốn An bang Tịnh độ.

Sư vừa nói tới đây thì cô Tư Cẩm Lệ từ bếp bước lên nói nhỏ vào tai mẹ. Bà Bang biện lật đật xuống bếp. Cô xầm xì xụt xịt:

- Mới nãy con Lý thấy con chim từ nhánh cây bằng lăng bên hè lao xuống dây đàn đập chết liền tức khắc. Đã vậy, con Lài đi xấn măng Mạnh tông gặp bụi tre bên miếu thổ thần trở bông. Hễ tre trở bông là tre sắp chết...

Bà Bang biện lại mắng láp:

- Bầy khéo tin chuyện bá láp! Chim sa cá lụy là chuyện thường. Còn tre trở bông là tre già, hễ có già thì có chết, có gì lạ đâu? Nhà ông ngoại bà ngoại bây thiếu gì bụi tre trở bông mà mấy cậu bây thâu góp huê lợi dư muôn, thăng quan tiến chức, về vang vô cùng. Riêng tao, tao thấy chim sa hà rầm. Vậy mà có

mất

*những dòng chữ đã rời da trắng
còn lại đây xác giấy khô trơ
những phân ly mật đắng không ngờ
tới với giấy cùng ôm nỗi nhớ.*

*những màu sắc nhạt nhoà khung vẽ
tiếc gì đâu mười ngón tài hoa?
ngỡ mùa xuân còn ấm nắng mà
sao tay lạnh ơ hờ nét cọ.*

*khi không bỗng nhạc rời cung phím
để tiếng đàn se sắt khúc tâm
"nhớ bạn" ơi nhạc réo âm thầm
dây vẫn đứt bao giờ nối lại?*

*thơ đã lạc đôi vầng bằng trắc
lục bát tôi vỡ rụng nơi nao
thất ngôn tôi lỡ vận hôm nào
còn lay lắt mấy hàng thơ ngác.*

ngô nguyên dũng

sao đâu?

Sắc mặt bà vẫn lộ vẻ hoan hỉ như thường. Thằng con ghẻ bà đau nặng. Mấy cái diêm xấu diêm dở kia chắc chắn ứng vào cái chết sắp tới của nó, việc gì bà phải bận tâm? Cho nên bà bước lên nhà, bảo pháp sư Chơn Huệ:

- Thôi, từ rày vợ chồng tui giao luôn thằng Bửu cho thầy. Mỗi tháng tui sẽ cấp cho nó năm đồng bạc, cho chùa mười đồng. Trước khi thầy đưa nó đi Thất Sơn, tui sẽ sắm sửa cho hai chú cháu thầy không thiếu thứ chi, kể cả lộ phí. Khi nào thầy trụ được nơi ăn chốn ở chắc chắn, nhớ biên thư cho vợ chồng tui biết, đừng hàng tháng tui gửi măng-đa cho thầy.

Pháp sư Chơn Huệ chỉ nói:

- Tui chỉ nhờ anh chị lo thuốc men cho cháu để nó được chỗi hởi rồi tui sẽ dẫn nó lên tu trên núi Cô Tô. Ở đó có nhiều khách đàn việt lo cho hai chú cháu tui, khỏi phiền tới anh chị. Cháu có chết cũng có các đạo hữu tụng niệm. Nếu may ra cháu sống sẽ tu hành. Dù rằng ai tu nấy chứng nhưng cả ba họ tuy không được phần huê nhưng chắc chắn sẽ

được phần phước nhờ công tu của cháu.

Bà Bang biện Hưỡn nhai trầu rau rầu, mặt ngời sắc hân hoan. Bà thừa biết mình có độc căn, khó mà phát huệ. Và lại bà cần phước chớ đâu lý gì tới cái thứ huệ bá láp tầm phào kia!

Sau đó, một mặt bà Bang biện sai chú Bảy lực điền cùng thằng Xiêm võng Bửu đến chùa; một mặt bà sai con Lài chọn mừng mền, chiếu gối mới toanh cùng bốn bộ quần áo cũng mới đem qua chùa cho Bửu. Bà còn cất đặt thằng Đục mỗi ngày đem thuốc men và mọi thứ cần dùng khác cho bệnh nhơn.

Trong khi ở nhà ông Bang biện Hưỡn đang tung bưng khách khứa đến dự tiệc thì ở bên chùa Long Đức, pháp sư tụng kinh Cầu An để cầu lành bệnh cho cháu. Uống hết hai thang thuốc do ông Năm Tảo hốt, Bửu bớt nóng, đổ mồ hôi và ngủ một giấc êm đềm sáng khoái. Pháp sư Chơn Huệ nhủ thầm: "Từ rày thằng này sẽ phải nương nhờ cửa Phật để tránh roi vọt của nghiệp quả!"

(còn tiếp)





xếp al capone

(V)

TRUYỆN DÀI

Trường-Sơn
Lê Xuân Nhị

(tiếp theo)

Tuy trong tay có tấm danh thiếp quý giá với những lời nhắn gởi nồng nàn của Capone viết nhưng nhà luật sư hết thời phải chầu chực hết hai ba ngày mới được ông trùm Capone mời lên văn phòng cho gặp.

Vừa nhìn thấy Thompson, Capone mừng rỡ chạy tới ôm lấy con người bất hạnh và hết thời hun đến chụt một phát vào má, la nhặng lên làm như là bạn bè thân thiết lâu ngày mới gặp được:

- Chào ngài biện lý. Ngọn gió nào hôm nay đã thổi ngài đến nhà tôi, nhà của kẻ bần tiện tên là Capone này?

Thompson nghe vậy thì... ngỡ ngàng quá không biết trả lời ra làm sao. Từ lúc bước vào phòng khách, hắn đã lóe mắt vì những đồ đạc bày biện trong văn phòng. Từ cái gạt tàn thuốc bằng ngọc cho đến những bức danh họa, những lọ cổ đồ trong tủ kính, cái ngà voi Phi Châu treo trên tường v.v..., dưới con mắt sành điệu của Thompson, có thể trị giá lên đến cả vài chục ngàn đô la làm cho nhà cự biện lý hết thời đâm ra khiếp sợ. Minh sinh trưởng và lớn lên ở một chốn giàu sang, đã ra vào biết bao nhiêu nơi quyền quý mà ít khi thấy ai bày biện như nó. Nó giàu có sang trọng như vậy, mình đang cùng đường mà nó lại còn hạ mình nói một câu khiêm nhượng như vậy thì Thompson không thấy ngỡ ngàng làm sao được.

Nhưng Capone tinh mắt lắm. Tinh mắt và có tài ngoại giao trời phú. Vừa nói

xong là xếp biết mình quá lời. Những câu nói khiêm nhượng như vậy rất hợp thời với những kẻ đang ăn nên làm ra, nhưng với những thằng ngã ngựa mà cặp móng dít đang còn bị thốn thì rất kỳ nghe những lối ăn nói xóc óc như thế này. Thế là Capone chữa lửa ngay:

- Không, phải thành thật mà nói, thưa ngài biện lý, dù biết rằng ngài không còn là biện lý nữa nhưng Capone này đã coi ai là bạn thì sẽ suốt đời coi người đó là bạn... Mời ngồi, mời ngồi... Tội mình nói chuyện giông dãi chút xíu..

Sau vài ly rượu, vài câu nói đùa, Thompson thấy tâm thần lần lần thoải mái, cái mặc cảm ngã ngựa cũng vơi đi và tự nhiên đâm ra khoái thằng trùm ăn cướp này. Không khoái sao được. Từ lúc nhỏ, trời cho Capone có một nghệ thuật xử thế với người rất hay, ít có ai bằng được. Nói chuyện với ai, người đối thoại thường bị chinh phục ngay bởi cách ăn nói vui nhộn, thật thà và cái tính hào sảng của xếp. Thêm vào đó, ngồi bên cạnh Capone thì luôn luôn có kẻ hầu người hạ, rượu trong ly lúc nào cũng đầy ắp, đồ ăn thức uống lúc nào cũng đầy mâm.

Đặc biệt, cái danh từ "ngài biện lý" là hai tiếng mà đã từ lâu Thompson chưa nghe ai nhắc đến, bây giờ Capone cứ mở miệng ra là "ngài biện lý", nói thế nào cũng không được thì trong bụng Thompson cũng khoái lắm. Cách xử thế và tình nghĩa của dân giang hồ quả có khác.

Nói chuyện trời trăng mây nước một lúc, nhắm chầm thán kinh nhà cự biện

lý đã co dần được xuống tới mức bình thường, Capone bất ngờ "nhập đề":

- Ngài biện lý hôm nay đến thăm tôi chắc có chuyện gì muốn nói?

- Vâng, à thưa... Tôi đến đây chẳng qua là vì...

Áp ứng mãi Thompson mới diễn tả được ý nghĩ... đi xin việc của mình: Nếu Capone đang cần một luật sư thì luật sư Thompson này sẵn sàng tình nguyện về làm việc dưới trướng.

Nghe những lời nói đó, mặt Capone bỗng biến dạng, trở nên oai vệ như một ông chủ đang ngồi nghe một nhân viên đang xin xỏ một đặc ân quan trọng. Xếp ngồi im và cặp mắt thì nhìn xoáy vào cặp mắt của Thompson như muốn chui tuốt vào linh hồn người đối thoại.

Thompson dứt lời, thờ hồn hển, đưa tay nâng ly rượu lên làm rào một hộp để lấy lại tinh thần. Nhưng hộp rượu vừa uống chưa kịp trôi xuống cổ thì câu trả lời của Capone đã làm bao nhiêu rượu vừa nuốt muốn... chạy ngược trở ra:

- Tôi cảm ơn sự đề ý của ngài biện lý, Capone này lấy làm hãnh diện vô cùng, nhưng, nói thật với ngài, Capone đã có luật sư rồi. Có từ lâu rồi.

Thompson tái mặt, chẳng ngờ mình bị từ chối một cách thẳng thừng và mau như vậy.

- Thưa ngài, Capone chẳng những có luật sư rồi mà còn có tới ba thằng lận. Hỏi ngài, để đối phó với một lực lượng tư pháp "hung ác" như pháp đình Chicago mà gia đình Capone này không có lấy được một vài thằng luật sư để nhờ vả thì làm sao sống nổi với chúng nó. Từ một gông hết từ lâu rồi.

Thompson gật gù ra về hiểu biết:

- Nhưng... nhưng... nếu ông có thêm một người nữa thì càng mạnh chứ sao... Tôi có kinh nghiệm, tôi quen biết nhiều...

Chẳng cần giữ phép lịch sự làm chi, Capone lắc đầu nguầy nguậy liên mấy cái rồi cười gằn:

- Thưa ngài, nói thật với ngài và mong ngài đừng buồn, luật sư của Capone là loại luật sư đất tiền nhất và giỏi nhất Chicago. Loại thượng hạng. Ngài biết thượng hạng... cỡ nào không? hì hì... Cỡ bắn chết người, cảnh sát có tang chúng đang hoành mà chúng nó vẫn cãi ra khỏi tù là thường... Cảm ơn ngài đã có lòng tốt nhưng tài nghệ của ngài, một lần nữa Capone nói thật mong ngài đừng chấp,

chưa đủ khả năng để làm luật sư cho gia đình Capone được.

Thompson có cảm tưởng như Capone vừa tát vào mặt mình một xô nước lạnh. Than ôi, nếu biết trước được là vào đây sẽ nghe nó nói như vậy thì mình đã ở nhà quách. Ôi, ai biểu tuổi trẻ làm biếng, không chịu lo học hành cho nên tuổi già mới bị nhục nhã như vậy. Một cựu biện lý lầy lùm của pháp đình liên bang Chicago đến xin việc một thằng ăn cướp mà cũng bị nó từ chối thẳng vào mặt thì còn gì là uy tín của giòng họ nhà Thompson nữa? Kể thất thế Thompson cố che dấu nỗi đau đớn của mình bằng một nụ cười nhưng nụ cười méo đi, trông thật là thảm hại.

Rồi chẳng biết làm gì, nói gì, Thompson ngồi lặng người, mặt xụ xuống một đống. Tia lửa hy vọng vừa mới loé lên lúc nãy bây giờ đã tắt ngúm...

Ngồi quan sát nhà cựu biện lý, Capone làm gì không biết những gì đang xoay chuyển trong cái đầu của thằng luật sư làm biếng và hết thời này? Xếp theo dõi từng động tác và biết rõ tâm tình của Thompson như đang đọc tờ báo trước mặt mình. Thực ra, cách đây ba ngày, Capone đã biết chuyện thằng cựu biện lý đến kiếm mình. Nhận được cú báo cáo mật có Thompson đến kiếm, xếp mừng rỡ, mặt mày vui tươi hẳn lên, la hét om xòm như người vừa bắt được vàng. Việc này làm cho mấy thằng trong bộ tham mưu của xếp chưng hửng. Từ thằng Do Thái Guzick cho đến Frank Nitti và mấy ông Caporegime không làm sao hiểu được tại sao Capone lại mừng rơn như vậy khi nghe tin một thằng biện lý chó chết, luật sư thất nghiệp, chính trị gia hạng bét, con người hết thời, tay ăn chơi chấy túi đến kiếm mình. Coi, hạng này trong xã hội thiếu gì, chỉ cần hô lên một tiếng thì lấy xe mà chở về không hết, làm sao xếp mình phải mừng quýnh lên như vậy?

Trong cơn vui mừng, Capone sai người khui rượu để uống mừng. Rượu khui ra, nhìn thấy đàn em đứa nào cũng lầy lùm một đống thì Capone mới hỏi:

- Tụi mày biết tại sao tao phải ăn mừng lớn không?

Chẳng có tiếng trả lời. Capone lắc đầu, đưa ngón tay chỉ chỉ vào cái đầu mình như xếp vẫn thường làm khi có việc rất đặc ý cần giải thích:

- Tao biết tài nghệ thằng này lắm chớ. Nó vốn chỉ là một thằng bé con nhà giàu làm biếng, học dốt, chỉ cậy cái thế của gia đình mà đậu được luật sư và làm tới chức biện lý. Bây giờ, bố chết, tài sản sạch bách, nó lại bị mất việc thì đời nó đang lâm vào một cái ngõ cụt. Tụi bay tưởng tao không thấy chuyện này à? Quên, ấy là tao chưa nói đến những khó khăn khác của nó đang gặp như hiện thời có nhiều thằng tù hãm giết nó chết khi ra tù. Tao sợ nó không sống tới mùa giáng sinh năm nay... Tao thấy hết, biết hết. Và tao chờ cái giây phút này đã lâu, có hơn mấy năm rồi.

Một ông Caporegime ngửa miệng hỏi:

- Dưới mắt tôi thì nó là một thằng chẳng ra gì, tại sao xếp lại mừng như vậy?

Capone lại chỉ vào cái đầu mình, gật gù mấy cái:

- Hà hà, cái đó mới là cái khác thường của tao. Tao... hơn người là nhờ ở chỗ đó. Tao hơn người ta ở chỗ nghĩ được cái mà không ai nghĩ được, thấy được cái chẳng ai thấy. Dưới mắt thiên hạ, thằng Thompson bây giờ là đồ vô dụng nhưng dưới cái nhìn của tao thì lại khác.

- Xếp thấy cái gì?

Capone cười hi hi, mắt sáng rực trong nỗi hân hoan tốt cùng:

- Tao thấy nó đang ngồi chễm chệ trong cái ghế thị trường thành phố Chicago...

Ai nấy giật nảy mình lên khi nghe Capone nói vậy. Quả cặp mắt Capone có cái nhìn khác người nhưng chẳng ai hiểu được tại sao một thằng luật sư hết thời lại vừa phản đảng và bị cả thiên hạ ghét bỏ có thể làm thị trường Chicago được.

Một thằng đùa:

- Xếp nói là Chicago của Mỹ hay là Chicago của Phi Châu?

Vài tiếng cười nổi lên. Capone cũng cười hể hả:

- Phi Châu làm chó gì có Chicago, tao nói Chicago của Hoa Kỳ. Tụi mày cứ chịu khó suy nghĩ thử coi. Nhưng hiện thời, tao phải chơi cái đòn "khó kiếm" để làm mất thêm một chút nhuệ khí của nó nữa. Tao sẽ cho nó châu chực cỡ chừng ba ngày rồi mới thêm tiếp. Đến chừng nó gặp tao, nó sẽ như một... con chó quỳ xuống đón chờ khúc xương của ông chủ. Lúc đó, tao sẽ thấy khúc xương ra cho nó. Nó sẽ vồ lấy, và suốt đời nó,

nó sẽ không còn bao giờ dám quên chủ của nó. ha..ha...

Lúc ấy Guzick mới mở miệng. Luận điệu của "thằng đại học" có lý luận hơn:

- Nhưng Thompson là một người hết thời, cả Dân Chủ lẫn Cộng Hòa đều tẩy chay, dân chúng khinh bỉ ông ta, làm sao xếp đặt ông ta ngồi lên cái ghế thị trường được?

Capone mời một miếng xì gà, nhìn Guzick:

- Tôi đã nói đó là một cái biệt tài của Capone. Ông chịu khó suy nghĩ thử đi. Tôi biết nó có thể làm thị trường được. Tôi biết chắc như vậy. Tôi không nói ra bây giờ, chờ lúc gặp nó, tôi sẽ cắt nghĩa và mọi người sẽ nghe luôn một lượt...

Bây giờ ngồi nhìn thấy Thompson như vậy thì Capone biết đã đến lúc mình sắp sửa phải cắt nghĩa những gì mình nghĩ trong đầu cho chúng nó nghe đây. Capone cúi người tới, cụng ly rượu mình với cái ly của Thompson nghe đến canh một tiếng. Như một cái máy, Thompson ngửa người uống cạn ly rượu. Capone nhìn một thằng cận vệ:

- Tụi bay rót rượu thêm cho người bạn thân của tao.

Rồi xếp quay sang Thompson:

- Chỗ thân tình với nhau, nói cho ông nghe, mong ông đừng buồn, đừng để bụng...

Lòng dạ Thompson đang tê tái. Đù mẹ rượu của quân đạo tặc thật là khó uống. Nó mới cho mình uống có mấy ly rượu mà đã hạ nhục mình sát ván, coi mình chẳng còn ra gì nữa. Dù biết rằng mình là một luật sư hạng bét nhưng tự ái của con người không bao giờ cho phép ai nói... thật với mình như vậy. Trong đáy lòng Thompson, một sự bất mãn nhỏ vừa dấy lên.

Giọng nói của Capone bây giờ đều đều. Và Thompson đột nhiên chợt nhớ ra một điều là nó không còn gọi mình là "ngài" nữa mà dùng tiếng "ông bạn."

- Nhìn mặt ông, tôi biết ông buồn lắm, nhưng ông bạn ạ, cuộc đời mình, phải có lúc mình bị xuống chó như vậy thì mới biết được cái giá trị của những giờ phút vinh quang. Có những giây phút đau thương như thế này, mình mới có đủ can đảm nhìn thẳng vào chính mình để rút ra những ưu cùng khuyết điểm. Ưu điểm thì mình tu bổ, còn khuyết điểm thì mình gắng sửa chữa. Ông bạn

đừng buồn tôi khi tôi phải nói với ông bạn như vậy. Ông bạn hãy thành thực mà nhìn lại cuộc đời mình một lần đi...

Thompson đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Nếu không nhìn thấy mấy tấm hình của con đàn bà lơ đãng treo nơi góc nhà, nếu không nhìn thấy một lô gần cả chục thằng đầu trộm đuôi cướp mặt mày dữ dằn với súng ống đứng vây chung quanh, nếu không nhìn thấy cái sẹo dài trên má Capone và cái miệng thịt mấp máy, Thompson đã tưởng mình đang ngồi trong một lớp giảng dạy về Đạo Đức Luân Lý Con Người của một nhà tu nào đó. Ai ngờ được cái thằng ăn cướp này lại nói được những câu sâu xa như vậy.

- Hỏi thử ông bạn, mấy chục năm qua, ông bạn đã làm gì được, đừng nói cho tổ quốc hay cho xã hội, hãy nói cho... ông bạn đi cái đã? Tuổi trẻ thì làm biếng, không lo học hành chỉ biết ăn chơi, ra đời cũng mượn thể của cha mẹ và phe đảng để leo lên ngồi chễm chệ trong chiếc ghế biện lý, đâu không có chút học thức, tâm không có được một tấm lòng mà mở miệng thì thét ra lửa ra khói, ai nghe nói tới cũng sợ. Cũng may mà ông bạn hờ hênh tuyên bố ẩu một câu để rồi bị thân bại danh liệt, chứ nếu không thì mai một ngày ông leo lên ngồi vào chức chánh án, chức gì nữa thì ai mà chịu cho nổi? Ông sẽ đưa quốc gia, xã hội này đến đâu?

Thompson tái mặt lại. Trong giây phút đó, hẳn muốn đập ly rượu đang cầm trong tay vào mặt thằng trùm mafia rồi để mọi chuyện tới đâu thì tới nhưng không có can đảm. Bao nhiêu bàn tay hộ pháp đó, mỗi thằng chỉ cần... nhéo một cái thì mình chắc cũng chết. Cú quai của thằng tù mới ngày nào vẫn còn làm cho cặp môi Thompson thấy hơi ê ẩm.

- Tóm lại, nói thật với ông bạn Thompson, tôi tiếp đãi ông tử tế không phải vì không biết ông hết thời. Tôi biết hết và tôi còn biết nhiều hơn ông nghĩ tôi biết nữa kìa. Như, tôi biết chuyện ông được một thằng khách ở tù vừa ra bắt ngờ tới thăm nữa kìa. Tôi xin chia buồn... Tôi tiếp đãi ông tử tế vì hai lý do. Trước hết, Capone là dân giang hồ. Và dân giang hồ khi đã coi ai là bạn thì suốt đời sẽ coi người đó là bạn.

Capone làm một hơi xì gà, trề môi dưới ra nhả khói:

- Lý do thứ hai, dù đối với bọn người

mất thịt ở đây, ông chẳng là gì cả nhưng đối với Capone, ông có một cái mà ít ai có được. Cái này không ai thấy, ngay cả ông, chính ông cũng không thấy nữa, mà chỉ có mình Capone thấy được.

Kể từ khi bước vào đây, lần đầu tiên Thompson nhìn thấy một chút ánh sáng vừa loé lên dù rất còn leo lét ở cuối con đường hầm. Nhà luật sư đưa ly rượu lên làm một hơi để trợ hứng rồi tròn mắt nhìn Al Capone chờ đợi.

- Ông bạn biết cái đó là gì không?

Thompson nhún vai:

- Không... không!

Capone vỗ tay xuống bàn nghe đến phình một cái:

- Cái ông có được ở đây là cái tiếng tăm.

Thompson chưng hửng, trả lời chân thật như một đứa con nít:

- Nhưng tiếng tôi toàn là... tiếng xấu không à.

Có vài tiếng cười rộ nổi lên. Capone quất mắt nhìn quanh một lượt, vẻ bất mãn lộ ngay trên nét mặt. Mấy tiếng cười liền cầm bắt, cả phòng họp lại trở lại nín khe, chờ đợi lời nói vàng ngọc kế tiếp của Capone.

- Sự xuống dốc vô tình của ông có cái hại mà cũng có cái hay. Cái hại là nó làm ông mất việc, nhưng cái hay là nó làm cho ông tự nhiên từ một người biện lý vô danh bỗng trở thành nổi tiếng trong một sớm một chiều. Ông có thấy chuyện đó chưa?

Thompson phần nào thấy được vấn đề. Nhưng nổi tiếng cái kiểu này thì chẳng thà đừng nổi còn hơn.

- Để tôi cắt nghĩa cho ông hiểu. Trước hết, ở Chicago này không biết có bao nhiêu nhà chính trị đã làm đủ mọi cách để nổi tiếng mà vẫn không nổi được. Thứ hai, tiếng tăm của ông bây giờ, tuy là tiếng xấu, nhưng ở Chicago này từ nhỏ tới lớn ai cũng biết ông cả. Sau đó nữa, những cái tội ông phạm không phải là tội nặng như tội giết người, hiếp dâm hay thụt két tiền bạc. Tội của ông chỉ là tội bóc đồng, nói sự thật nhưng nói không đúng chỗ và đúng lúc. Thứ tư, cuối cùng, ông bị thân tàn ma dại vì báo chí, thì ông cũng có thể nhờ báo chí để rửa mặt cho mình và dùng chúng nó làm nấc thang cho mình leo lên được.

Nghe nhắc tới báo chí, Thompson gầm lên:

- Bọn chúng nó... khốn nạn lắm, làm sao mình có thể dùng chúng nó được?

Capone ngả người ra sau bật lên một tràng cười rồi khom người tới trước, mắt nhìn thẳng vào mặt Thompson, tay vỗ vỗ vào ngực:

- Capone này năm 3 phần 4 báo chí ở Chicago.

- Bằng cách nào?

Capone bỗng nghiêm nét mặt, giọng nói có pha chút bức mình:

- Đừng hỏi nhiều quá ông bạn. Bài học đầu tiên khi làm việc với Capone là bài học đó. Đừng bao giờ hỏi nhiều quá.

Thompson gật đầu ra dấu thấu hiểu:

- Tôi xin lỗi.

Nói vừa xong câu đó thì Thompson chợt giật mình nhận ra cái vị trí thua kém của mình. Không ngờ mình có thể vô tình thốt ra câu "I am sorry" gọn gàng và thành thật như vậy với một thằng ăn cướp. Nhà luật sư hết thời thấy nhói trong tim. Đây là cái cách nói chuyện của chủ và tớ chứ đâu phải của hai người cộng sự viên với nhau.

Capone gật đầu dịu giọng trở lại ngay:

- Thật ra nếu ông bạn muốn biết thì tôi chẳng muốn giấu làm gì. Tôi...

Thompson xua tay:

- Thôi.. thôi, xin bạn cứ tiếp tục, tôi không cần muốn biết.

- Tốt. Để tôi trở lại vấn đề chúng mình vừa bàn. Tôi có một đề nghị này thưa với ông bạn không biết ông bạn có chịu nghe lời không?

- Thì tôi tới đây cũng chỉ vì muốn làm việc với ông thôi mà.

- Tốt. Dưới cái nhìn của tôi, khoảng 3 hay 4 năm nữa ông sẽ ngự trị trong toà Thị Chính Chicago.

- Toà Thị Chính?

Capone cười:

- Đúng, toà Thị Chính, thưa ngài thị trưởng.

- Tôi... tôi thấy khó mà...

- Khoan, để tôi nói hết. Làm việc gì cũng phải có kế hoạch, có sách lược, và tôi cùng Thượng nghị sĩ Brown đã soạn sẵn cho ông một chương trình.

Thompson nghe tới cái tên Thượng nghị sĩ Brown thì giật mình như người ngồi trúng cục than đỏ. Ở tiểu bang Illinois, Thượng nghị sĩ Brown của đảng Cộng Hoà là một chính khách có uy thế vào bậc nhất. Quyền lực chính trị của

Brown to đến cỡ nào không ai biết nhưng thiên hạ thường nói một câu như thế này: “Tranh cử với Brown chẳng khác nào chèo thuyền ngược dòng nước.” Chính Brown là người đã cầm đầu lực lượng xung kích ào ạt tấn công Thompson khi hắn lờ đại tuyên bố sẽ bỏ đảng. Và cái búa nện của Brown đã không chịu dừng cho đến khi Thompson từ chức biện lý.

- Thượng nghị sĩ Brown?

- Ngạc nhiên? Phải, đúng là Thượng nghị sĩ Brown. Nhà Thượng nghị sĩ này sẽ yểm trợ ông hết mình.

- Brown chịu yểm trợ tôi? Mr. Capone? Chính hắn là người đã kéo tôi xuống bùn, làm cho tôi thân bại danh liệt mà?

Capone vỗ vai nhà cựu biện lý một cách kẻ cả:

- Phải, nhưng đó là chuyện ngày xưa, chuyện đã qua. Bây giờ ông đã ở trong “Gia Đình Capone” rồi thì tất cả đều trở nên như anh em một nhà.

“Anh em một nhà”. Thompson nghe tới đó thì mừng quýnh lên. Đã từ lâu, mình chỉ mong được làm cháu chắt của Thượng nghị sĩ Brown là cũng đủ mãn nguyện rồi, bây giờ đương không được Capone nhắc lên cho ngồi chung chiếu, được gọi là “anh em một nhà” thì không mừng sao được. Hắn vẫn chưa tin được hai lỗ tai mình:

- Ông nói vậy chứ không biết ngài Thượng nghị sĩ Brown có nghĩ như vậy không?

Capone cụng ly rượu với Thompson:

- Nâng ly lên đi, ông bạn, tôi đã nói Thượng nghị sĩ Brown coi ông là anh em một nhà thì là anh em một nhà. Ông khỏi cần phải thắc mắc chuyện này. Capone này chưa bao giờ nói quá lời hoặc nói sai sự thật.

Thompson hiểu lời nói của một ông trùm mafia có giá trị tuyệt đối. Chúng nó làm ăn với nhau, trao đổi với nhau bạc triệu mà không hề phải ký một mảnh giấy, chỉ cần một lời hứa là đủ. Capone đã nói vậy thì mình còn lo gì nữa kìa? Thompson bắt đầu mở cờ trong bụng:

- Thưa, thưa ông Capone, chương trình của hai người như thế nào?

- Trước hết, ông sẽ ra làm nghị viên thành phố. Brown đã vận động được một ghế trống trong đảng Cộng Hòa để chờ ông.

- Đảng Cộng Hoà! Tôi không biết có

ai trong đảng Cộng Hoà còn chịu nhìn mặt tôi không?

- Đừng lo chuyện đó. Đảng là gì? Là... mấy thằng chớp bu cỡ Thượng nghị sĩ Brown chớ có ai lọt vào đây? Tội nó tuần nào mà không ghé tư thất của Capone để ăn nhậu và chơi bời. Tuần sau ông tới nhà Capone dự dạ hội, tôi bảo đảm dạ hội xong thì chẳng thằng nào còn nhớ đến cái chuyện phản thù của ông nữa.

- Rồi còn dân chúng? Chúng nó đũa nào cũng biết tôi hết rồi.

Capone cười:

- Quần chúng... ngu nhất. Quần chúng luôn luôn là một lũ người dễ quên nhất để bị sách động nhất và dễ bị lừa nhất. Mình đã nắm được nội bộ đảng, lại có tiền trong tay, có báo chí trong tay, tôi nghĩ người ta sẽ quên chuyện xấu của ông một cách dễ dàng.

Thompson gật gù.

- Ông làm nghị viên thành phố, với thế lực của Thượng nghị sĩ Brown và với tiền bạc của tôi, tôi sẽ biến Thompson trở thành một ngôi sao chính trị sáng chói trong bầu trời Chicago để ông chuẩn bị cho cái ghế thị trưởng. Sau đó, vào kỳ bầu cử thị trưởng mới... vấn đề chỉ còn là thời gian. Thượng nghị sĩ Brown có nói, tương lai chính trị của ông sau này sẽ còn sáng hơn cả ông ta nữa.

Thompson nghe tới đâu thì sướng tới đó. Hăm ngồi lạng đi một lúc để dành trọn đầu óc mà tưởng tượng đến cái ghế nghị viên và cái ghế thị trưởng mà mình sắp sửa được kê đặt ngồi xuống. Ôi, thật là... tuyệt diệu. Làm sao mình có thể ngờ được cuộc đời mình lại có thể quay ngược một cú thần sầu như vậy? Quay ngược thần sầu chỉ vì một cú đấm của một thằng tù. Đời quả thật có nhiều chuyện ly kỳ khó hiểu.

Câu hỏi của Capone kéo Thompson trở về thực tại:

- Ông nghĩ chúng ta có thể hợp tác chung với nhau được không?

Được đút đuôi con nòng nọc rồi chứ còn phải nói gì nữa.

- Thưa, được chứ. Nhưng ngược lại, tôi phải làm gì để đáp lại tấm lòng tốt của ông?

Capone nhướng mắt nhìn ra xa xa, cười nửa miệng:

- Trong thời gian đầu, khi ông làm nghị viên thành phố, Capone chắc chẳng có nhờ vả gì ông nhiều. Ông cứ việc tự

do ăn hút, tự do hưởng thụ. Dĩ nhiên, thỉnh thoảng nếu cần đến lá phiếu của ông trong hội đồng thành phố, Capone sẽ cho ông biết.

Capone ngừng một lúc rồi tiếp:

- Tuy nhiên, khi ông đắc cử thị trưởng rồi Capone chỉ xin ông một cái ghế.

Thompson phần nào đoán ra được cái ghế mà thằng ăn cướp này muốn xin là cái gì rồi nhưng vẫn hỏi:

- Ghế gì?

Capone trầm ngâm một chút, miệng mở nụ cười khó hiểu:

- Tôi nghĩ ông biết rồi nhưng muốn thử Capone này thôi. Đó là cái ghế Tư Lệnh cảnh sát Chicago. Ông có thể chia sẻ với Capone chút ít quyền lực của ông không?

Sao lại không. Đừng nói gì tới cái ghế giám đốc cảnh sát, nếu nó muốn ngồi vào cái ghế thị trưởng của mình, mình cũng sẵn sàng nhích sang một bên cho nó ngồi chung.

- Bạn Capone, bạn biết tôi mà. Coi như xong. Tôi làm thị trưởng, bạn cất cử cho tôi một người cảnh sát trưởng.

Capone đứng dậy, đưa ly rượu ra:

- Bạn suy nghĩ kỹ chưa?

- Kỹ rồi.

- Như vậy thì kể từ giờ phút này, chúng ta là bạn nhau. Là anh em một nhà.

Thompson cũng đứng dậy. Hắn thè lưỡi ra liếm nhẹ vào cái môi bị đập vừa lành của mình, thầm nghĩ rằng từ nay, sẽ chẳng có thằng nào dám hỗn láo với Thompson như vậy nữa. Nhà thị trưởng tương lai cũng nâng ly lên chúc tụng:

- Tình bạn giữa Capone và Thompson bất diệt. Chicago bất diệt. Nào, chúng ta cùng nhau uống mình cho hai cái... bất diệt.

Capone bật cười lên, thầm nghĩ miệng mồm của mấy thằng chính trị có khác...

Buổi chiều hôm đó là một trong những buổi chiều quan trọng nhất cuộc đời Thompson. Chỉ 6 tháng sau cuộc gặp gỡ với Capone, tên tuổi Thompson lại lên như diều. Lên một cách từ từ, một cách âm thầm không ai để ý đến cho đến một ngày, thiên hạ mới giạt mình khi nhìn thấy tên của Thompson trong hội đồng thành phố. Quả đúng như Capone nói, Quần chúng... ngu nhất và dễ quên nhất. Chuyện cũ của Thompson hầu như chẳng còn ai nhắc đến nữa.

Cơ cấu tổ chức của các thành phố ở

Hoa Kỳ tựa tựa như cơ cấu tổ chức của quốc gia Hoa Kỳ thu nhỏ lại, với đầy đủ ba ngành theo đúng hiến pháp: Hành Pháp, Lập Pháp và Tư Pháp. Hành pháp cầm đầu bởi thị trưởng (coi luôn cảnh sát), Lập Pháp bởi Hội Đồng Thành phố và Tư pháp là biện lý và quan toà, cả hai đều do dân bầu lên. Nhờ xuất thân từ một gia đình chính trị, quen thói... quyền lực nên khi nắm được quyền hành trong tay, nghị viên Thompson sử dụng đúng mực, đúng cỡ. Mỗi lần Thompson mở miệng là thiên hạ phải lắng nghe. Cũng theo đề nghị của “ông anh trong gia đình”, Thượng nghị sĩ Brown, Thompson thành lập một nhóm gọi là nhóm Cộng Hoà Cấp Tiến gồm 5 người. Cả hội đồng thành phố chỉ có 9 mạng, Thompson nắm hết mẹ nó 4 mạng và kể cả mình là 5, tức đa số thì cuộc đấu phiếu nào nếu không thắng thì cũng huê. Ấy là chưa nói đến chuyện nếu gặp cuộc bỏ phiếu gay go thì còn có lực lượng của Capone đứng đằng sau nhảy vào tiếp viện. Có gì đâu, quà cáp, biếu xén, và những đêm ăn chơi nhất dĩa đế vương khỏi tốn tiền thì ai mà chẳng khoái? Vì thế, chỉ trong vòng một thời gian ngắn, ở Chicago, tất cả những đạo luật của hội đồng thành phố nếu muốn được thông qua, thường thường phải được “phép lành” của ông nghị viên Thompson. Chẳng bao lâu sau, Thompson làm một cú đảo chánh trong hội đồng, được 7 nghị viên bầu lên làm chủ tịch hội đồng thành phố. Hai người duy nhất không bỏ phiếu cho Thompson là ông chủ tịch vừa bị đảo chánh và một nghị viên nữa, cháu của cựu chủ tịch.

(Một trong những đạo luật đầu tiên khi Thompson vừa đắc cử nghị viên là vận động dũ dội để ban hành đạo luật cấm công dân đeo súng trong thành phố. Ai muốn đeo thì phải lên cảnh sát xin giấy phép và trải qua một cuộc phỏng vấn rất gắt. Sau khi đạo luật cấm đeo súng được ban hành cỡ 1 năm thì cuộc chiến bùng nổ giữa cánh Capone và cánh Torrio. Đàn em Torrio đa số đều có giấy phép đeo súng, bị chơi bất ngờ, không đỡ kịp. Cánh Capone chiến thắng dễ dàng trong vài tuần lễ.)

Báo chí Chicago lúc bấy giờ đã đổi chiều, thay vì chửi bới như vài năm trước đây thì bây giờ lại dành nhau mà đáng bóng người tân nghị viên tài cao. Thomp-

son không còn là một tên tội đồ nữa mà là một anh hùng của Chicago.

Đã chuẩn bị kỹ càng, khi mùa bầu cử thị trưởng tới, Thompson liền nhảy ra tranh cử. Đối thủ thuộc đảng Dân chủ của Thompson bị đánh bại dễ dàng.

Tối hôm trước ngày làm lễ đăng quang thị trưởng, một buổi tiệc linh đình được Capone khoản đãi tại khách sạn Lexington. Khách khứa các nơi thuộc đủ mọi hạng người được mời tới tham dự để Capone giới thiệu ngài tân Thị Trưởng. Trước khi ra về, Capone đưa cho Thompson một mảnh giấy. Trong đó, Capone chỉ nguệch ngoạc viết một cái tên: Douglas Malicini.

Ngày hôm sau, sau lễ đăng quang, tân Thị trưởng Thompson loan báo thành phần tân “nội các”. Chức vụ quan trọng nhất, chức vụ bảo vệ luật pháp của thành phố Chicago, chức vụ gọi là Cảnh sát Trưởng của Chicago được giao cho một luật sư vô danh, chưa hề có ai biết tên họ cùng mặt mũi tên là Malicini.

Kể từ đó, thành phố Chicago như một chiếc tàu hoả được cầm lái bởi một thằng tài công... say rượu. Chỉ sau khi nhậm chức được hai năm, ngân quỹ của thành phố, từ chỗ thặng dư 4 triệu đô la ngày Thompson tuyên thệ, chính quyền đã phải đi vay tiền để trả nợ. Đa số những đề nghị về chi tiêu của ngài thị trưởng ở lầu 4, phòng làm việc của thị trưởng, đưa xuống lầu 2, nơi hội đồng thành phố làm việc đều được “đa số” hoan hỉ chấp nhận. Cái băng Cộng Hoà Cấp Tiến do Thompson thành lập ngày nào vẫn còn có một sức mạnh hầu như tuyệt đối.

Đó là chưa nói những chuyện kỳ lạ xảy ra khắp nơi trong đường phố Chicago... Kỳ lạ như chuyện những tay chạy áp phe gộc của Chicago, nếu muốn cho mau xong việc thì khỏi cần xách cặp táp tới tòa thị chính làm chi. Chỉ việc ghé vào Lexington, nói nhỏ với xếp Al Capone và chỉ ra vài xấp bạc là việc khó tới đâu cũng xong hết. Kỳ lạ như chuyện bỏ thầu xây cất. Ai muốn biết phe bên kia bỏ bao nhiêu tiền cho vụ đấu thầu thì tối hôm trước ngày mở phong bì, chỉ cần ghé qua ăn nhậu với xếp thì phong bì của đối phương dù kín tới đâu cũng coi được hết. Nắm được con số bí mật của đối phương rồi, thằng khôn nạn chỉ cần về nhà bắt chước viết lại một lá thư đấu thầu cũng y như vậy, chỉ khác đi một chút là số tiền

nó bỏ cao hơn cỡ vài chục đô la thôi là việc lớn coi như xong.

Kỳ lạ và khôi hài nhất mà ít ai biết đến là chuyện xảy ra trong nhà tù. Cảnh sát Chicago được hiến pháp giao cho cái trách nhiệm coi tù, trong khi ông xếp sòng cảnh sát lại là người của Capone “chỉ định” thì việc ở hay ra là tùy thuộc xếp thôi. Quan toà xử thẳng X 10 năm tù ở, cảnh sát công tay nó dắt đi nhưng nó ở đâu và ở bao nhiêu lâu thì quan toà làm sao biết được. Sau ngày đăng quang của Thompson, một lô chừng gần trăm thằng đàn em của Capone, chẳng cần biết án lệnh còn phải bao nhiêu năm, đều được “thuyên chuyển sang nhà tù mới.” Chicago có tới 3 cái nhà tù, chuyển một thằng tù bất hảo từ trại này sang trại khác vì vấn đề an ninh là chuyện bình thường mà. Chuyện không ai biết là mấy thằng này, tiếng là leo lên xe để đi qua nhà tù mới nhưng xe lại không chạy theo đúng lộ trình mà lại quẹo thẳng vào Lexington cho chúng nó xuống hết. Nghĩ cho kỹ, đâu có ai chịu trách nhiệm trong vụ này. Ông cai ngục cũ thì đã ký giấy xuất tù, còn người cai ngục mới chưa ký giấy nhận tù thì chẳng có ai cần phải lo lắng gì cho một xác. Trách nhiệm cuối cùng vẫn là ông Tư Lệnh Cảnh Sát thì ông lại đang ăn hút với chúng nó Lexington. Hơn nữa, có ông cai ngục nhà tù nào nhìn thấy những thằng đầu trâu mặt ngựa, những thứ khó trị ôm quần áo ra đi mà chẳng xoa tay hoan hỉ. Chúng nó đi càng nhiều thì nhà tù càng rộng chỗ, càng ít những chuyện nhức đầu chứ có sao. Cút cha chúng mày, đi hết đi và đừng bao giờ trở lại.

Cũng chính vì vấn đề “lạ kỳ” này đã đẻ ra nhiều vụ “lạ kỳ” khác. Như có thằng đàn em của Capone tháng trước vừa vào tù về tội giết người với bản án chung thân thì tháng sau nó bình thân ôm một cây súng bước vào nhà của thằng nhân chứng ngày xưa đã làm chứng cho nó ngồi tù. Thằng này nhìn thấy kẻ tội phạm, kinh hoàng quá chưa kịp phản ứng gì thì bị thằng đàn em của Capone nổ chết tươi ngay trước mặt vợ con nó. Mà nổ xong một thằng nó có thềm người giận đâu. Trong ngày đó, nó tới tận nhà của hai thằng nhân chứng khác và cũng làm y như vậy. Giết luôn một lúc 3 thằng khơi khơi như vậy rồi mới bị cảnh sát bắt. Vụ này làm cả thành phố nổi điên, báo

chỉ nhảy vào điều tra. Thompson gọi điện thoại cho Capone than thở. Capone nghe thấy vậy thì cũng... nổi điên. Mà xếp đã nổi điên tất phải có hậu quả. Ngay tối hôm đó, thằng tù mất dạy bị một đường "dây lùa lên trời" chết queo ngay trong xà lim. Vậy là cũng khỏi có điều tra vớ vẩn đi. Tuy nhiên, cái vụ "thuyền chuyển tù" ra thế giới tự do từ đó cũng giới hạn lại để tránh tai tiếng và nghi ngờ của dân chúng. Đích thân Capone sẽ chọn lựa thằng nào sẽ được... tự do và thằng nào sẽ bị ở tù.

Trong mấy trăm năm "lập quốc" của thành phố Chicago, thật chưa bao giờ có những vụ kỳ lạ như vậy.

Như đã nói, chiếc tàu hoả của thành phố Chicago do anh tài công say rượu Thompson lái chẳng bao lâu đã đưa con tàu đến gần đến bờ vực thẳm. Bên ngoài thì dân chúng ta thán, bên trong thì bọn Capone lũng đoạn quyền hành, trộm cướp giết người như rươi, chẳng ai có thể ngăn cản được. Cái lực lượng mạnh nhất trong bất kỳ một chế độ tự do nào cũng là báo chí thì báo chí lại cầm miệng một cách khó hiểu. Thịnh thoả cũng có vài thằng ký giả khùng nổi lên đòi ăn thua đủ với hệ thống quyền lực thối nát của Chicago nhưng chẳng đi đến đâu cả. Một là nó tự động rút dù hai là tự nhiên thấy biến mất tiêu trên đường phố.

Bốn năm sau lại đến mùa bầu thị trưởng. Ai cũng tưởng Thompson sẽ rút nhưng, cũng như lần bầu nghị viên cách đó 7 năm, khi nhìn thấy kết quả bầu cử thì thiên hạ mới biết là mình lầm. Thật ra, ở Chicago ai cũng lầm hết ngoại trừ hai người: Thompson và Al Capone.

Xưa nay, cảnh sát là biểu tượng của luật pháp, mà biểu tượng lại nằm trong tay một thằng ăn cướp thì xã hội còn gì có luật pháp nữa. Capone lại biết cách sử dụng lực lượng của mình đúng chỗ, đúng cách: Xếp cho đàn em ôm súng tới đứng... gác thùng phiếu. Hồi đó Hoa Kỳ chưa có máy bỏ phiếu, khi đi bầu, người ta bỏ lá phiếu người mình chọn vào phong bì rồi xếp hàng tới bỏ vào thùng. Thế là đàn em Capone, có cả cảnh sát hộ tống bèn đi một đường kiểm soát cái phong bì mà thiên hạ đang cầm trong tay. "Ê, chú mày mở ra coi phong bì đựng lá phiếu của ai ở trong." Nếu mở ra mà thấy có lá phiếu của Thompson thì chẳng sao, nhưng nếu của người khác thì

thằng đầu trâu mặt ngựa trợn mắt nạt liền: "Đù mẹ mặt mày coi thông mình mà lại bỏ phiếu... ngu như con c... Quảng cha nó cái phong bì mày đang cầm trong tay mày đi mà xài cái này. Phong bì này có lá phiếu của thị trưởng Thompson... bỏ mới được. Nếu không chịu bỏ thì cút cha mày về nhà đi, đứng đây mà bỏ phiếu thì tao động cho sặc máu" Dĩ nhiên, như tất cả các cuộc bầu phiếu ở Hoa Kỳ, luôn luôn có các đại diện của chính quyền liên bang giám sát nhưng chẳng ăn nhằm gì. Những người này vốn là con nhà dân già ở Chicago, đều có công ăn việc làm vững chắc, năm khi mười hoạ mới được mời tới cho mặc áo xanh và lãnh một ngày 2 đô la để giám sát thùng phiếu. Lãnh có hai đô la một ngày mà phải đối phó với bọn đầu trộm đuôi cướp, giết người không gớm tay này thì chẳng có ai muốn làm việc "theo đúng lương tâm" hết. Thôi, chúng mày muốn làm gì thì làm tao không có ý kiến, coi như không biết vậy, miễn là bầu cử xong, để cho tao về nhà và còn y nguyên... cái mạng với vợ con là được. 2 đồng đô la không xứng đáng để đổi cái mạng mình.

Capone cũng tính toán rất kỹ. Đầu phải thùng phiếu nào nó cũng biểu diễn cái trò đó được. Không cần thiết. Nó chỉ cần cho đàn em đi "canh gác" chừng 4 chỗ đầu phiếu ở 4 cái khu vực lớn nhất và có nhiều dân nghèo nhất Chicago thì đã có được một tỉ lệ trên 40 phần trăm. Máy chỗ bầu phiếu khác ai muốn bỏ gì thì bỏ, Capone chẳng thêm đá động đến.

Tính kỹ và tính chắc như vậy thì con ngựa Thompson phải về đâu, đặc cử về vang với 64 phần trăm. Và anh tài công Thompson tiếp tục đưa thành phố Chicago lao đầu xuống vực thẳm...

Sáng hôm nay, ngồi trong văn phòng lâu 4 nhìn qua khung cửa sổ, thị trưởng Thompson biết ngày hôm nay mình sắp sửa có chuyện bực mình. Không chừng sẽ là rất bực mình chứ chẳng chơi. Con nhỏ thư ký vừa thông báo là thằng cóm liên bang mất dạy nổi tiếng Eliot Ness đòi gặp lão liên lập tức, từ chối cách nào cũng không được. Bình thường thì cóm liên bang, kể cả mấy thằng chóp bu ở Hoa Thịnh Đốn cũng chẳng có quyền hành gì đối với một vị thị trưởng dân cử như lão. Thị trưởng của một thành phố lớn nhất nhì Hoa Kỳ như Chicago đâu có thêm nói chuyện với chúng nó! Nếu nói

thì phải nói thẳng với xếp của chúng nó là Tổng thống Hoa Kỳ kìa. Nhưng đó là trường hợp bình thường cho những người dân cử... bình thường. Thompson không phải là một dân cử bình thường, cho nên, mỗi lần nghe đến cóm liên bang đến thăm thì mồ hôi muốn toát ra.

Ngồi ngả người trong cái ghế da vĩ đại, Thompson thò tay ra vuốt nhẹ cái móng út con nhỏ thư ký:

- Thằng... khốn nạn có nói gì nữa không? À, mà này, em không có mặc quần sì líp ở trong hả, sao mà thấy trơn tru quá...

Đã từ lâu, Thompson có cái tật đáng ghét này. Lão thích cái lối miệng thì ra lệnh và tay thì táy máy vào những phần bốc lửa của người đàn bà. Thịnh thoả, nếu cảm thấy cần thiết hoặc hứng nổi lên bất tử, Thompson chẳng ngần ngại đóng cửa văn phòng lại để phen cho nó một quả. Nhưng sáng nay thì không được, lão chỉ muốn sờ mó và phê bình một câu tục tĩu cho vui thôi. Cái tên Eliot Ness làm cả hai người mất hết cảm hứng. Nó nói nó tới là thế nào nó cũng tới.

Con thư ký nhướng người, nguýt lão một phát rồi nhẹ nhàng gỡ bàn tay của ngài thị trưởng ra khỏi móng út mình, đặt nhẹ lên bàn, cong cặp môi đỏ choét lên trả lời:

- Thưa không.

Cái bàn tay vừa đặt lên bàn đã chạy tuột xuống dưới váy con nhỏ thư ký trở lại. Tay thì nhẹ nhàng nắn bóp cặp móng tròn trịa nhưng cái miệng thịch lại lên tiếng cầu nhàu:

- Ness! Ness! Mẹ bố tiên sư thằng Eliot Ness! Tên tuổi gì mà nghe sao thật là khó thương... Thôi được rồi, chừng nào nó đến thì em cho chúng nó vào...

Con nhỏ thư ký bước ra, không quên béo nhẹ vào má Thompson một phát. Thompson nhìn vào hai cái móng út tròn trịa không mặc quần lót của con nhỏ dưới lớp váy đang lắc lư kêu gọi nhưng chẳng thấy ham muốn gì. Đầu lão còn đắm chìm trong sự suy nghĩ: Tại sao thằng Ness muốn gặp mình?

Như thường lệ, suốt 6 năm ngồi ở ghế thị trưởng, mỗi lần gặp rắc rối, Thompson liền nhớ đến Capone. Kẹt một cái, thằng Capone không hiểu đi đâu mất biệt cả tháng nay vừa mới về, mình chưa kịp qua Lexington để "vấn an" thì lại được nghe cái cú gặp mặt bất tử này. Cái

đầu óc thông minh của Thompson như vừa ngủ thấy mùi gì khác lạ.

Phải. Xưa nay thằng Capone có bao giờ bỏ đi lâu đến như vậy. Có chuyện gì xảy ra chẳng? Theo chỗ mình biết, nó là "người của Capone, người nhà" từ lâu rồi mà. Hoặc có chuyện gì rất quan trọng và bí mật mà Capone không dám tới, phải nhờ nó tới gặp mình? Thompson lắc lắc cái đầu, ngồi ngả người ra sau tư lự. Capone xưa nay thường hay chơi cái trò nhức tim này.

Liếc nhìn tờ báo trên bàn, Thompson chợt giật mình lên một cái. Hàng tit đen đập mạnh vào cặp mắt mệt mỏi thất thần của ngài thị trưởng: "David Yale chết, giới giang hồ Nữ Ước rung động." Thompson chồm tới trước, vò lấy tờ báo đọc ngấu nghiến.

Đã từng là một biện lý chuyên tống những thằng bàn tay đen bàn tay đỏ vào tù, lại giao dịch thân thiết với Capone gần mười năm nay, Thompson chẳng lạ gì cái thế giới quyền lực và đẫm máu của bọn mafia. "Thì ra vậy, thì ra vậy. Hèn gì, hèn gì..." Thompson vừa nuốt sống mấy cột báo vừa lẩm bẩm với mình như vậy. Ngài thị trưởng vừa ngỡ ngờ hiểu ra cái lý do vắng mặt rất lâu của Capone suốt tháng vừa qua. Và hiểu đến đâu thì khuôn mặt của Thompson liền tái tới đó.

Lại sắp có đánh lớn đến nơi. Thompson như ngủ được cái mùi chiến tranh bay thoảng đâu đây. Cái đặc biệt là lần này, sau chiến tranh nhất định phải có thay đổi lớn...

Quá trưa một chút, có tiếng gõ cửa, Thompson nhướng mắt nhìn lên. Chuyện phải tới đã tới, con nhỏ thư ký thò đầu vào, cất giọng lạnh lùng, đúng điệu thư ký toà thị chính:

- Trình với ngài thị trưởng, ông Ness và thầy đội Malone vừa đến.

Thompson lẹ làng vát mấy tờ báo vào cái sọt rác dưới gầm bàn, sửa lại nút cà vạt, nhướng mắt lên cố lấy giọng bình thường trả lời:

- Cho họ vào.

Cánh cửa bật mở. Ness cùng Malone xuất hiện, mặt mày hai người lăm lăm và nghiêm trang một cách đáng sợ, làm như muốn nói cho chủ nhà biết rằng chúng nó không tới đây để nói chuyện vớ vẩn. Ness còn xách thêm một cái cặp da phòng lên có vẻ nhiều giấy tờ lắm.

Dù sinh ra và lớn lên trong một gia

đình quyền thế nhưng từ lúc nhỏ, Thompson đã biết sợ những bộ mặt cảnh sát như vậy. Lão hơi nhướng dít lên một chút, chỉ tay vào ghế, sắc mặt cố gắng làm ra vẻ bình thường:

- Kính chào hai ông liên bang, mời ngồi, mời ngồi. Xì gà nhé... Isabella đâu, nhờ cô mang vào đây cái bình cà phê.

Hai ông cớm liên bang trích thượng chia nhau hai cái ghế trước bàn giấy ông thị trưởng. Ness đặt cái cặp da dưới chân rồi nhìn hộp xì gà trước mặt mình nghiêm nghị lắc đầu. Malone cũng vậy. Thường thường, người ta hút xì gà trong những giây phút thoải mái. Hút xì gà với cà phê trong một bầu không khí căng thẳng như thế này thật là không phải lúc.

Chờ cho cô thư ký rút lui và đóng cửa lại, Thompson mới nhìn hai người lên tiếng:

- Mời quý vị uống cà phê. Tôi có thể giúp gì được hai ông?

Ness nhìn thẳng vào cặp mắt lơ đãng của ông thị trưởng:

- Tôi có một chuyện rất quan trọng muốn nói với ông...

- Xin cứ nói, tôi sẽ cố gắng hết sức để giúp hai ông...

Malone điểm một nụ cười nhẹ nhàng trong khi Ness đi thẳng vào vấn đề:

- Chúng tôi muốn ông... từ chức thị trưởng Chicago.

Miệng Thompson há hốc ra như vừa nhìn thấy mặt trời rớt xuống cái oanh ngay trước mặt mình:

- What?

Cặp mắt sáng như đèn pha của Ness không hề rời cặp mắt kinh ngạc thất thần của ông thị trưởng:

- Chúng tôi muốn ông từ chức thị trưởng.

- Are you fucking crazy?

Đối với người Mỹ, câu "Are you fucking crazy" tức "Đ.M. mày có điên không" là một câu lăng mạ rất hạ cấp và rất nặng. Người lịch sự dù sắp sửa giết nhau cũng không mở miệng nói câu này. Chỉ có dân thất học mới đem ra dùng. Và khi chúng nó đã trao đổi với nhau những câu như vậy thì mọi người nên tránh xa.

Một câu nói hạ cấp như vậy phát ra từ cửa miệng của một thị trưởng thành phố chứng tỏ sự bức tức điên cuồng của người nói, cũng như bản chất và trình độ. Ness hiểu rất rõ điều này nhưng ngồi im. Chàng đã đoán trước được cái phản ứng

này. Nhưng cặp mắt thầy đội Malone thì bốc lửa ra, cầm bạnh lại. Một bầu không khí nghẹt thở bao trùm hết văn phòng ngài thị trưởng.

Thompson đã nhận ra sự lỗ lờ của mình và bối rối không biết phải phản ứng như thế nào thì Ness đã chậm chạp bình tĩnh trả lời:

- Không, tôi không điên. Chúng tôi rất tỉnh táo và rất quyết tâm là đằng khác. Chúng tôi muốn ông từ chức thị trưởng.

Thompson thấy chóng mặt, có cảm giác như mình sắp sửa té nhào xuống khỏi ghế. Đã từ lâu, Thompson bị bệnh áp huyết cao và càng về già thì bệnh càng dễ bột phát. Thầy thuốc nhiều lần can dặn Thompson nên tránh tối đa những vụ nóng giận vớ vẩn nếu muốn sống lâu. Sợ chết như Thompson thì phải nghe lời thầy thuốc rồi nhưng trường hợp này thì ngoại lệ. Có ai đang làm thị trưởng phải nghe những lời nói như vậy mà giữ bình tĩnh cho được?

Quái lạ, Thompson nhìn thấy căn phòng càng lúc càng tối tăm lại cùng lúc với cơn nhức đầu kinh khủng bắt đầu nổi lên. Thompson thò tay trên mặt bàn mò mẫm kiếm ly nước.

May quá, khi ngài thị trưởng sắp sửa đổ oanh một cái xuống sàn nhà thì thầy đội Malone liền khom người tới trước, thò tay ra vuốt vuốt cái cằm cổ cùng thái dương ngài mấy cái. Kỳ lạ thay, khuôn mặt tái nhợt kia từ từ trở nên đỏ dần trở lại và chẳng bao lâu sau đó, Thompson ngồi thẳng lên trở lại được. Lão chụp ly nước đưa ly nước lên uống ừng ực một phát rồi quay nhìn Malone nói một lời cảm ơn chân thành:

- Xin cảm ơn thầy.

Malone cúi đầu nhận lời tạ ơn rồi đưa mắt liếc nhìn Ness. Ness liền móc túi áo vét ra một cái phong bì có đóng dấu của "U.S. Department Of Treasury - Special Investigating Unit" đen thùi lùi thảy lên bàn giấy. Mấy con dấu "Tối Mật" đóng chung quanh phong bì đập vào mắt Thompson.

Lấy lại được chút sức lực, đầu óc cáo già của Thompson bắt đầu làm việc trở lại. Bọn chúng mày cạy thế liên bang tới đây ăn hiếp tao đâu có được. Dù sao thì tao cũng là một ông thị trưởng mà. Thị trưởng của một thành phố lớn, chỉ thua có Nữ Ước.

Lão liếc xéo cái phong bì một phát rồi

quay đi, coi mấy con dấu chính quyền liên bang cùng cái mộc "Tối Mật" đồ chối kia chẳng ra gì cả. Lúc đưa cặp mắt thách thức nhìn bọn Ness, Thompson nghĩ ra một chuyện. Một chuyện rất quan trọng mà từ này giờ lão quên bồng đi: Thằng cớm Ness này đâu có sạch sẽ gì. Tiền sư, nó cũng ăn bẩn, cũng thò tay nhận tiền của Capone như mình vậy thì ai cho nó cái quyền vào đây sừng sộ nói năng như một công chức trong sạch của nhà nước?

Nắm được yếu tố đó, Thompson lấy lại được cái phong độ oai vệ thường ngày của một người thị trưởng, cất giọng lạnh lùng:

- Ông Ness thông cảm, tôi không có thói quen đọc văn thư mật của chính quyền Liên Bang. Hơn nữa, tất cả những giấy tờ của tôi đều phải qua tay thư ký trước khi đến tôi.

Malone liền chồm người tới trước, đẩy cái phong bì tới gần bên Thompson:

- Ông Thompson, nếu tôi là ông, tôi sẽ đọc lá thư tối mật này. Xin đừng làm mất thì giờ nhau.

Giọng thầy đối bình thản nhẹ nhàng mà Thompson nghe thấy sao ớn quá chừng. Nó chỉ có nói một câu nhẹ nhàng như vậy thôi mà bao nhiêu bản lãnh của ngài thị trưởng biến mất hết. Lão đành miễn cưỡng đeo mắt kiếng vào rồi mở phong bì lúi xấp giấy ra đọc. Đúng ra, xấp giấy đó là một cái công điện tối mật của thanh tra Eliot Ness gửi về cho trường phòng điều tra đặc biệt của ty Ngân khố Hoa kỳ, nội dung như sau:

Báo Cáo số.... ngày... tháng...

Nơi Gửi: Eliot Ness, Trưởng Toán Điều Tra Đặc Biệt, Chicago.

Nơi Nhận: Edward Brandells, Trưởng Phòng Điều Tra Đặc Biệt Ty Ngân Khố.

Nội Dung: Báo Cáo Và Đề Nghị Những Biện Pháp Hành Động Đối Với Al Capone Trong Giai Đoạn Tối.

Kính thưa ông Trưởng phòng, tiếp theo báo cáo số... ngày... tháng..., bản báo cáo này gồm có bốn phần như sau đây:

Phần Thứ Nhất:

Quyết Định Chuyển Sang Giai Đoạn III Của Kế Hoạch.

Toán đặc nhiệm chúng tôi hân hoan báo cáo cho ông biết rằng, sau khi cân nhắc lợi hại, sau khi tham khảo với các

cộng sự viên thuộc quyền và vì tình hình đòi hỏi, chúng tôi đã quyết định chuyển công tác được giao phó sang giai đoạn III, tức giai đoạn đối mặt đứng ra tấn công và truy tố Capone cùng các toàn thể lực lượng ra trước toà án.

Phần Thứ Hai:

Kế Hoạch Hành Động.

Kế Hoạch Thứ Nhất: Làm Suy Yếu Lực Lượng Của Các Bọn Bất Hảo.

Hiện thời hai lực lượng lớn nhất và mạnh nhất Chicago là lực lượng của O'Bannon và Capone. Theo những gì chúng tôi ghi nhận được thì hai lực lượng đã trở nên thù nghịch nhau và một cuộc chiến không thể nào tránh được sẽ diễn ra trong một vài ngày tới. Nhấn mạnh và lặp lại chữ một vài ngày tới.

Chúng tôi sẽ theo dõi kỹ và sẽ báo cáo về văn phòng trung ương mỗi ngày về diễn tiến và hậu quả của các trận đánh.

Kế Hoạch Thứ Hai: Làm Tê Liệt Các Lực Lượng Của Các Bọn Bất Hảo, Đặc Biệt Của Capone.

Như tôi đã báo cáo nhiều lần trong gần năm qua, vấn đề to lớn nhất, khó khăn nhất mà chúng tôi khó giải quyết hiện thời là, đa số các viên chức công quyền tại Chicago, kể cả cảnh sát, biện lý, quan tòa và ngay cả thị trưởng thành phố đều không ít thì nhiều có nhận tiền, quà cáp, đặc ân, hay những dịch vụ kín đáo của Al Capone hoặc O'Bannon hàng tháng. Nhấn mạnh và lặp lại chữ hàng tháng. Dĩ nhiên, vì không có đủ phương tiện cũng như thời giờ và nhân lực để điều tra hết tất cả, sau nhiều tháng bàn thảo và nghiên cứu, chúng tôi đồng quyết định và đề nghị lên ông Trưởng phòng giải pháp sau đây: Thay vì phải phân chia lực lượng để điều tra tất cả mọi người, chúng tôi sẽ dồn hết mọi nỗ lực vào một cá nhân nào quan trọng nhất trong chính quyền. Người đó, hiện thời, theo ý chúng tôi là đương kim thị trưởng Chicago: Thompson. Đây là một cơn ác mộng của Capone.

Với thế lực và uy thế chính trị đã có gốc rễ từ nhiều năm qua của gia đình Thompson ở Chicago, chúng tôi nghĩ, nếu làm cách nào để Thompson tự ý từ chức ra đi là hay nhất.

Thompson nín thở khi đọc tới đó. Lão liếc nhìn Ness rồi cúi xuống đọc tiếp, hai bàn tay bắt đầu hơi run run. Thompson trở lại chỗ bị bỏ dở lúc nãy:

Sau đây là 3 lý do khiến chúng tôi quyết định tập trung lực lượng vào Thompson.

A. Thompson là người của Capone (Capone's Man). Nhấn mạnh và lặp lại "của Capone." Chúng tôi có bằng chứng là chính Capone đã bỏ tiền ra mua phiếu, đàn áp, hăm dọa, làm áp lực để dân nghèo của bốn quận lớn nhất thành phố Chicago bỏ phiếu cho Thompson. Trong thời gian qua, chúng tôi đã hoàn thành xong một tập tài liệu gồm 400 trang đánh máy, sẵn sàng chuyển giao qua toà án liên bang để thụ lý hoặc gửi về Hoa thịnh đốn nếu được lệnh.

B. Chúng tôi biết và có bằng chứng là viên Tư Lệnh Cảnh Sát của Chicago hiện thời là do Capone chỉ định. Nếu cô lập được Thompson, lực lượng cảnh sát của Chicago tạm thời có thể vô hiệu hoá để chờ tái tổ chức. Nếu không thay thế được đương kim tư lệnh cảnh sát Chicago thì sẽ không thể nào mở được một cuộc bố ráp đại quy mô được. Nhấn mạnh và lặp lại: Không thể nào.

C. Thompson là khuôn mặt chính trị lớn nhất Chicago, nếu đương sự bị cô lập, hay nếu có thể, bị truy tố ra toà, hay từ chức thì các nhân vật chính trị to lớn khác của Chicago sẽ trở nên dễ hơn khi tiếp xúc hay nhận quà của Capone.

Kế Hoạch Thứ Ba: Sau khi cô lập được Thompson, chúng tôi sẽ dồn mọi nỗ lực để tiếp tục nhắm vào một nhân vật khác. Người đó là Thượng nghị sĩ Brown. Chúng tôi đang bổ túc hồ sơ và sẽ thông báo về trung ương về cuộc đời và những vụ phạm pháp của đương sự liền khi kết thúc.

Kế Hoạch Thứ Tư: Huy Động Lực Lượng Cảnh Sát Địa Phương Để Càn Quét Các Nơi Làm Ăn Phạm Pháp Của Capone.

Với sự hợp tác của cảnh sát, toán đặc nhiệm chúng tôi có thể chỉ huy một phần năm lực lượng cảnh sát địa phương để thực hiện việc càn quét vĩ đại này. Nhấn mạnh và lặp lại: Chúng tôi chỉ huy.

Từ những vụ càn quét này, chúng tôi tin tưởng sẽ lấy được bằng chứng để truy tố Capone ra toà.

Phần thứ Ba:

Những khó khăn của chúng tôi.

Theo sự nhận xét của chúng tôi, lý do mà các cơ quan công quyền xưa nay thất bại trong việc truy tố Capone là bởi

không triệt hạ trước được các lực lượng đứng đằng sau lưng để yểm trợ Capone. Trong trường hợp chúng tôi, người đứng đằng sau để yểm trợ Capone lại là một vị dân cử, có nhiều thế lực chính trị nhất tại Chicago.

Một vấn đề khó khăn khác, đó là hệ thống truyền tin và báo chí tại Chicago. Chúng tôi biết nhiều phóng viên đã công khai hợp tác, nhiều vị chủ báo đã nhận tiền, quà hoặc những dịch vụ khác của Capone.

Và trên những khó khăn đó, chúng tôi, những nhân viên của chánh phủ liên bang phải hành xử, tôn trọng và thi hành tất cả đúng theo những luật lệ của Hiến pháp chúng ta đề ra.

Phần thứ Tư:

Kết Luận

Mặc dù có những khó khăn, nếu thực hiện được bốn kế hoạch trên một cách hoàn hảo, trong vòng 3 tháng tới, chúng tôi sẽ có đủ bằng chứng để tịch biên tất cả tài sản và truy tố Capone ra toà. Theo sự tìm hiểu của chúng tôi, với những tiền án mà Alphongse Capone đã có trong hồ sơ, cộng thêm những bằng chứng mà chúng tôi kiếm được, Capone có thể lãnh một án tù từ 50 năm đến 100 năm. Toàn thể toán đặc nhiệm, do đó, sẽ trở về Hoa Thịnh Đốn chậm nhất là trong vòng sáu tháng kể từ ngày hôm nay.

Ký tên

Eliot Ness

Trưởng toán Đặc Nhiệm Bộ Tài Chánh, Tổng Nha Ngân Khố Hoa Kỳ.

Trang cuối cùng của mấy tờ giấy là bản trả lời của ông Trưởng Phòng Điều Tra Đặc Biệt với hai chữ vắn tắt: Chấp Thuận.

Dưới chữ ký của Brandells là một hàng chữ viết tay rất nắn nót: "May God Help You on this task."

Thompson gấp mấy tờ giấy lại, nhét vào bì thư rồi để nó trên bàn, không thèm hé miệng nói một lời. Một bầu không khí ngột ngạt bao trùm lấy căn phòng. Thị trưởng không thèm há miệng thì hai ông liên bang cũng chẳng thèm há. Há làm gì khi chưa biết đối tượng mình nghĩ gì trong đầu?

Có thể hai cái đầu liên bang đang chờ đợi nhưng cái đầu của Thompson thì suy nghĩ dữ lắm và bắt đầu thấy bối rối. Cứ theo tình hình này mà nhận xét thì có thể đây là ngày làm thị trưởng... cuối cùng

của mình, Thompson ngờ ngợ như vậy. Tuy nhiên, bản lãnh của một người thị trưởng gốc luật sư cũng không phải là thấp. Lão cất giọng, cố gắng làm cho có vẻ lạnh lùng, nhất định không thềm nhường dù chỉ là âm thanh của giọng nói:

- Tại sao mấy ông cho tôi coi lá thư tối mật này? Nó có ăn nhậu gì đến tôi?

Ness cười:

- Thật ra đây không phải là ý kiến của tôi mà là ý kiến của một ông linh mục Thiên Chúa Giáo. Ông cố Hill...

- Các ông có biết rằng các ông đùng vào một vị dân cử như tôi là các ông có thể mất việc không? Thời buổi này kiếm được mấy công việc ngon lành như mấy ông khó lắm đấy nhá.

Malone đỡ lời Ness:

- Thưa thị trưởng, chúng tôi biết chứ. Lần nào ra ngoài đường nhìn thấy bọn thất nghiệp xếp hàng lãnh cơm mà tôi chẳng thấy đau lòng? Xin cho tôi trình bày. Thật ra câu chuyện xảy ra như thế này. Sau khi gởi tờ báo cáo về trung ương và được chấp thuận, chúng tôi đang tìm cách để thi hành. Tuy rằng chúng tôi có nhiều bằng chứng và một tập hồ sơ dài 400 trang về ông, nhưng phải nhìn nhận, ông là con người có quá nhiều thế lực chính trị, quá nổi tiếng, nên chúng tôi nghĩ chưa ra phương pháp hành động thì ông cố Hill, vốn là con nhà đạo đức tử tế, đề nghị chúng tôi đem lá thư này cho ông coi để xin ông ý kiến.

Thompson nhìn Ness:

- Vậy ông tới đây để ép tôi từ chức?

- Đúng, như tôi đã nói. Tôi muốn ông từ chức.

- Ngon nhỉ. Nhưng nếu tôi không chịu thì sao?

Ness cười, hỏi lại nhẹ nhàng:

- Ông có biết một người tên là Morgan không?

Nghe đến cái tên Morgan, Thompson thấy hơi chột dạ. Morgan, thành biện lý liên bang ở đây ai mà không biết nó? Nó là một thành biện lý sạch duy nhất còn lại ở Chicago này.

Khỏi cần chờ Thompson trả lời, Ness cúi người lôi cái cặp da lên đóng xuống mặt bàn nghe oành một phát:

- Trong cái cặp da này là 400 trang tài liệu cùng hình ảnh phạm pháp và tham nhũng của ông từ lúc ông còn là một... sinh viên đại học. Ông nên nhớ rằng từ

toà thị chính đi sang toà án chỉ cách có 15 phút đi bộ. Nơi đó, biện lý Morgan đang chờ tôi từ lúc sáng đến giờ.

Thompson cười. Nụ cười tuy có héo đi nhưng vẫn là một nụ cười thách thức:

- Xin các ông đừng quên một điều là trước khi làm thị trưởng, tôi cũng đã từng là một biện lý của pháp đình liên bang. Ở nước ta, ngoại trừ các tội quả tang phạm pháp mà cảnh sát bắt được, trước khi muốn truy tố ai, ông còn phải thuyết phục 12 người bồi thẩm trong toà án.

- Thưa ngài thị trưởng, tôi hiểu chuyện đó.

- Ông nghĩ rằng ông Morgan sẽ tìm được mười hai người bồi thẩm ở Chicago này chịu truy tố tôi sao? Mà cứ coi như là ông ta tìm được đi, một vụ án như vụ của tôi sẽ kéo dài từ 1 năm cho tới 2 năm. Rồi ông còn phải thuyết phục 12 người bồi thẩm đồng ý kết tội tôi nữa kìa. Nếu đa số đồng ý là tôi có tội thì tôi mới bị kết án. Tuy nhiên, ông cũng nên nhớ rằng sau đó tôi còn có quyền chống án lên toà thượng thẩm. Rồi sau đó, nếu bị kết án lần nữa, tôi vẫn còn có quyền chống án lên Tối Cao Pháp Viện... Lúc đó, có lẽ, tôi đã hết làm thị trưởng rồi. Và, nói ông đừng buồn, lúc ấy có lẽ ông cũng không còn mặc chiếc áo liên bang trên người nữa.

Ness nhún vai:

- Ông nói rất đúng. Tôi rất hiểu những chuyện đó nhưng thưa ông, nếu có mất mười năm, chúng tôi vẫn làm như thường. Chúng tôi được trả lương để làm có bấy nhiêu thôi mà.

Malone đột ngột xen vào:

- Mất thì giờ quá, vậy theo ông, chúng tôi phải làm gì?

Thompson lắc đầu, đưa hai tay lên trời:

- Mấy ông làm gì thì kệ xác mấy ông, tôi làm sao biết được.

Ness cúi đầu không nói gì nhưng cặp mắt Malone thoáng lên một ánh lửa... giết người. Thompson nhìn thấy ánh lửa này và bỗng thấy bốn người lên. Thành cảnh sát quái dị này có nhiều tài vật, người ta đồn nó tay không có thể nhổ được đinh. Lúc này, mình tưởng sắp sửa lăn đùng ra ghế mà nó chỉ cần vuốt mấy cái là mình cảm thấy khỏe khấn liền. Không nên coi thường thằng này.

Thầy đội Malone sửa thế ngồi, khom người tới trước:

- Thưa ngài thị trưởng, tôi biết ngài lâu rồi mà. Mong ngài đừng làm khó chúng tôi.

Thompson trầm ngâm một chút rồi mở miệng, giọng chắc nịch và tự tin làm cho cả Ness lẫn Malone ngạc nhiên quá xá:

- Nếu mấy ông có tang chứng rằng tôi tham nhũng, tôi bẽ bối, cũng được đi, tôi sẵn sàng từ chức nhưng để cho tôi hỏi mấy ông một câu, nếu mấy ông trả lời được tôi sẽ sẵn sàng từ chức.

Ness cùng Malone gật đầu.

- Mấy ông trả lời tôi thử, trong tờ báo cáo này, sao tôi không hề nhìn thấy ông báo cáo việc mấy ông... nhận tiền của Capone. Mấy ông quên không báo cáo hay là chuyện của mấy ông làm là bậy không thể báo cáo được?

Thompson ngừng một chút rồi tiếp tục, lần này giọng có vẻ đắc thắng:

- Nếu mấy ông quên, tôi xin nhắc cho mấy ông nhớ để về nhà mà làm báo cáo lại. Còn nếu mấy ông không thể báo cáo được vì biết chuyện mình làm là bậy thì mấy ông nghĩ sao nếu tôi khai vụ này ra cho báo chí biết... hoặc giả, nếu tôi nhờ ban điều tra đặc biệt của sở cảnh sát Chicago mở một cuộc điều tra giùm mấy ông về vụ này thì mấy ông thấy thế nào? Xin mấy ông chớ quên một điều là Capone luôn luôn giữ một cuốn sổ có ghi hết những số tiền chi cho mấy ông. Nếu cuốn sổ này xì ra cho báo chí, hay đọc hơn, cho Tổng Nha Ngân Khố ở Hoa Thịnh Đốn coi để sau này họ làm bằng chứng ở toà án thì mấy ông tránh sao khỏi chuyện ôm mền chiếu vào tù mà ngồi?

Thompson chấm dứt bài diễn văn. Khuôn mặt phì nộn coi hơn hờ thấy rõ.

Trước khi đến đây, Ness đã phân nào đoán được rằng thằng già này sẽ có một bài diễn văn đại khái như vậy. Món vũ khí tự vệ cuối cùng của nó đây mà. Chàng đưa mắt liếc nhìn Malone ngầm ý bảo: Cái vụ ăn bẩn này là do ý kiến của ông, vậy ông phải tính với nó đi.

Thầy đội Malone ngồi thẳng người trở lại, từ từ đưa tay lên xoa xoa cái cằm như thể tìm ý tưởng để nói. Lần này cái giọng bình thản của thầy đội lại làm thị trưởng Thompson ngạc nhiên.

- Ô hay, ông thị trưởng nói lạ chưa kìa? Làm sao chúng tôi lại ngu dại đến độ đi báo cáo những chuyện dơ bẩn như vậy về Hoa Thịnh Đốn nhỉ? Chuyện ăn tiền của bọn tôi làm sao Hoa Thịnh Đốn

biết được? Nếu họ biết thì chúng tôi đã trở thành hai thằng tù từ lâu rồi.

Thompson đã chờ đón đủ mọi thứ câu trả lời nhưng không ngờ thằng còm mắt dày lại trả lời như vậy. Lão mơ hồ thấy nãy giờ mình chỉ đánh gió.

- Nhưng hai ông nghĩ thế nào nếu ông Brandells, hay thậm chí cả tổng thống Hoover nhận được một xấp hồ sơ dày cộm kể hết những việc ăn bẩn của quý ông?

Giọng Malone vẫn bình tĩnh, chậm rãi:

- Thưa ngài thị trưởng, ngài chỉ biết một mà chưa biết hai đó thôi. Trước hết, chúng tôi nhận tiền của Capone đâu phải để xài cho chúng tôi. Chính phủ muốn tui tôi diệt Capone mà đâu có cho chúng tôi phương tiện. Đã bỏ thì giờ và xương máu rồi không lý lại phải bỏ thêm tiền túi ra để làm việc công. Thật tình, nếu có nhiều tiền thì lấy ra dâng cúng vài trăm ngàn cho chính phủ thì cũng là một việc làm của người công dân tốt, nhưng kẹt cái, công chức trong sạch như chúng tôi thì làm chó gì có tiền? Vì vậy, chúng tôi đành phải đi lạc quyền. Số tiền của Capone đưa cho chúng tôi chính là số tiền chúng tôi... lạc quyền được vậy. Cái hay ở chỗ là chính thằng Capone dâng cúng tiền bạc cho chúng tôi để mua xe hơi, mua nhân viên, mua văn phòng và mua vũ khí để... tiêu diệt nó.

- Đó là lý luận. Tôi cũng có thể lý luận như ông được lắm chứ.

- Đồng ý, ngài cho tôi nói hết. Tôi chưa nói đến điều thứ hai. Điều thứ hai là, ngài nghĩ rằng, tôi và ông xếp Ness ở đây, sau khi đã lạc quyền của nó khá nhiều tiền như vậy rồi bây giờ chúng tôi lại ngồi im để cho ngài gởi cái tập hồ sơ lạc quyền tiền của chúng tôi về Hoa Thịnh Đốn hay đưa cho báo chí để hại cuộc đời chúng tôi à? Ngài chịu khó suy nghĩ kỹ một chút xem. Ngài muốn gởi là một chuyện, còn có gởi được hay không, hoặc có ai chịu đứng ra làm hồ sơ cho ngài để gởi hay không lại là một chuyện khác. Ngài nghĩ rằng chúng tôi, hai ông còm người ngòm như thế này mà lại ngồi im để nhìn ngài phá hỏng kế hoạch và đưa chúng tôi vào tù à...

Câu nói cuối cùng của Malone làm Thompson chột dạ. "Ngài nghĩ kỹ một chút coi..." Câu ấy như đánh thức cái giác quan thứ sáu của Thompson dậy. Phải, mình chịu khó suy nghĩ một chút coi, chúng nó sẽ làm gì mình?

Thompson kín đáo đánh một vòng mắt thật mau, liếc nhìn hai cái bản mặt cô hồn ngồi trước mặt mình để cân nhắc sự lợi hại. Và ông thị trưởng nhận biết được liền cái tầm quan trọng của câu nói của thằng cảnh sát Malone. Thằng thằng này... nói là làm, khỏi có thêm hăm dọa vớ vẩn đi. Thompson toát mồ hôi trán. Tuy là một người mưu chước nhưng từ bản chất, Thompson vốn là một con người khiếp nhược. Từ lúc sinh ra đời cho đến giờ, lão chưa bao giờ được tự quyết định lấy một việc gì quan trọng cho mình. Hồi còn trẻ, chính ông bố là người đã quyết định giùm lão là lão sẽ thành luật sư nên đã nhét lão vào trường luật rồi sau đó đặt lão ngồi vào ghế biện lý. Đến khi bố chết, đang lang thang vất vưởng thì lại gặp được quới nhân Capone. Quới nhân đã... thay mặt bố đặt lão ngồi vào ghế nghị viên và cuối cùng là thị trưởng của thành phố. Trong giai đoạn sau này ở toà thị chính, dù tuổi đời đã cao và kinh nghiệm đã có nhiều nhưng đa số những việc làm quan trọng của Thompson đều theo lời chỉ bảo của hai người ân nhân là Capone và Thượng nghị sĩ Brown. Bây giờ, gặp một chuyện khó xử như thế này thì Thompson không biết phải giải quyết cách nào.

Cái đầu Thompson xoay chuyển dử dỗi với những ý nghĩ và cuối cùng dừng lại ở thằng... Capone. Thường thường, khi gặp phải một khó khăn nào khó giải quyết, mình thường hay hỏi ý kiến nó. Phải lắm. Một chuyện quan trọng như thế này thì tại sao mình không gọi cho Capone để xin ý kiến? Thì chính nó là người đã đẩy mình vào đây ngồi mà. Nếu nó đồng ý thì mình ra đi liền, không hề vương vấn. Bằng không, mình cứ ngồi lý để cho bọn thằng Ness và Capone nói chuyện với nhau. Chuyện của thiên hạ tại sao lại xen vào làm gì?

Nghĩ vậy là Thompson chồm tới trước, thò tay tính chộp cái điện thoại nhưng ngưng lại nửa chừng, nhìn Ness và Malone như dò hỏi. Ness và Malone trao đổi với nhau một cái nhìn bí mật rồi nhún vai không có ý kiến.

Cũng ngay lúc ấy, đường dây điện thoại reo vang lên liên mấy tiếng và tiếng con nhỏ thư ký từ phía ngoài nói vọng vào:

- Thưa ngài thị trưởng, có ông Alphonse Capone muốn nói chuyện gấp với ngài....

(còn tiếp)



BÚT CHÌ phụ-trách

Mục "Độc Giả Thắc Mắc" được mở để bạn đọc nêu ra những nghi vấn về mọi lãnh vực: văn học, nghệ thuật, khoa học, xã hội, chính trị, v.v..

Vì khuôn khổ hạn hẹp của một tiểu mục, xin vui lòng hạn chế mỗi lần hỏi tối đa 3 câu. Đa tạ.

ÁO VUA, ÁO DÂN, Y-PHỤC LỄ BÁI

Hỏi: 1. Cháu biết áo của vua mặc làm triều gọi là long bào, áo mặc để làm lễ gọi là long cổn, nhưng không biết nó khác nhau ra làm sao, may bằng vải hay gấm, thêu hình gì (rồng phụng?) và kết ngọc gì (ngọc trai, kim cương) hay dát vàng? Còn mào nữa. Xin bác cho biết, lấy thí dụ áo mào vua Tự Đức chẳng hạn.

2. Còn quần áo dân chúng thời nhà Nguyễn ra sao? Có được quyền kết ngọc, dát vàng vào không?

3. Các cụ bảo, cho tới đời nhà Nguyễn, nước ta vẫn hãy còn tục thờ đa thần, như thần gió, thần mưa, thần đất, thần lửa, thần núi,... có đúng không? Các đền thờ ấy ở đâu, và triều-đình có làm lễ gì không hay chỉ có dân thờ?

Lê Thị Hà
Mississauga

Đáp: 1. Mào áo các vua triều Nguyễn (như Tự Đức) mặc lúc làm triều và tế-lễ, chia làm bốn loại: đại triều, thường triều, lễ phục và tế-giao.

- Đại-triều: Mào đại triều thêu 9

con rồng, đính 31 con rồng bằng vàng, 3 hình ngọn lửa, trước sau có 1 cái bác sơn, 1 con rồng nằm ngang.

Áo may bằng sa đoạn sắc vàng, thêu rồng lớn, rồng nhỏ, mây, sóng nước và 4 chữ phúc thọ. Đai áo bằng vàng, đính 18 mảnh sừng tê-giác, khảm 92 hạt trân châu.

Xiêm may bằng sa mỏng trắng bóng hoa đỏ, dệt hình rồng cuộn, sóng nước, cổ đồ, bát bảo, trong lót lụa đỏ và gấm màu lục lam.

Vớ màu lam thẫm, hài đen thêu hình rồng mây, sóng nước và kim tuyến.

Thường triều: Mào có 9 con rồng. Áo may bằng sa mỏng bóng sắc vàng, thêu hình rồng cuộn, bát bảo, sóng nước, hai ống tay áo thêu chữ phúc, lộc hoặc thọ. Xiêm dùng sa mỏng màu đỏ thêu rồng mây, sóng nước, bát bảo. Vớ và hài như trên.

Lễ phục: mào xuân thu làm bằng sa nhiều sắc đen, đính 1 hoa bạc, khảm 1 hạt pha-lê. Áo lót bằng sa mỏng màu trắng, dệt rồng, mây, sóng nước, trong lót lĩnh. Xiêm màu lam ngọc. Vớ và hài như trên.

Tế-giao: mào trên vương dưới tròn, đính hai chữ vạn thọ hoặc thiên địa bằng vàng, thêu 12 hình rồng mây. Áo cổn (mặc ngoài) bằng sa mỏng bóng nhuộm màu thiên thanh, thêu mặt trời, mặt trăng, các vì sao, núi, rồng, chim trĩ, cửa tay áo thêu rồng mây, sóng nước. Áo bào (mặc trong) hẹp tay, may bằng sa mỏng sắc vàng thêu rồng mây, bát bảo. Xiêm bằng sa mỏng bóng, sắc vàng, thêu hình rau tảo, lửa và bột gạo. Vớ như trên. Hài đen thêu rồng mây, dây leo, ngọn lửa và hời văn kim tuyến, đính mỗi chiếc 3 cái châu vàng, 2 hạt kim cương.

Khi cày tịch-diên (cày một đường cày tượng trưng để tế trời đất cầu cho mưa nắng điều hòa, mùa màng tốt đẹp), vua đội mào cửu long màu vàng, áo tay hẹp.

2. Đời Gia-long trở về sau, thứ dân đội mũ phong cân màu đen, không trang sức; áo giao-lĩnh màu đen, hài, tất đều đen. Vì tất cả quần áo giày mũ đều đen nên gọi là "dân

đen."

Đời Minh Mạng, bậc kỳ lão có ruộng vua cấp được đội mũ anh cân, áo màu, quần sại nam màu cánh kiến, dây lưng màu lam; hoặc áo vải đen lót vải vàng, quần bằng tơ màu cánh kiến.

3. Đúng, nước ta vẫn thờ đa thần, và triều-đình xuống chỉ cho các địa-phương lo việc thờ phụng. Theo *Khâm định Đại-nam hội điển sự lệ* quyển 93, vua Minh mạng cho dựng miếu chư thần như sau:

- Miếu thờ thần Mưa tại xã Dương-xuân (Thừa-thiên), cất 15 người sung việc canh giữ, thờ phụng. Trong miếu thờ thần Mưa có ba án thờ, thần Mưa ở giữa, thần Mây và thần Sấm ở hai bên.

- Miếu thần Gió nằm trên bãi cát cửa Thuận-an, giao cho xã Thai-dương cất 15 người canh giữ, chăm sóc.

- Miếu thần Đất ở cửa Tư-dung, giao cho phủ Thừa-thiên trông coi.

- Miếu thần Lửa nằm ở xã Phú-xuân, phía bắc sông Ngự-hà, cất 9 người thuộc xã Phú-xuân trông coi.

Về thần Núi, có nhiều miếu, mỗi núi một vị thần.

Vua Gia-long cho dựng đền thờ thần núi Thiên-thụ (Thân trụ sơn chi thần) tại xã Định-môn, núi lăng Thiên-thụ, giao cho 6 người thuộc xã Định-môn trông coi.

Vua Minh-mạng cho lập đền thờ thần núi Triệu-tường (tên cũ là núi Thiện-tôn) tại làng Quý-hương, Thanh-hóa.

Ngoài ra, vua Minh Mạng còn cho dựng các đền thờ thần núi Khải-vận (xã Kim-ngọc, núi ở làng Trường-cơ); núi Hưng-nghiệp (xã Cư-chính, núi ở làng Cơ-thánh).

Vua Thiệu-trị cho dựng đền thờ thần Hiếu-sơn ở núi Kim-kê (xã An-bằng, Hiếu lăng).

Ngoài ra còn đền thờ các thần núi Thổ-kỳ, Thuận-đạo, Ninh-bá, Hải-vân quan, Phụ-ổ, Thúy-anh, v.v.

KHÁCH GIANG HỒ, GÁI GIANG HỒ

Hỏi: 1. Ngày nay ai cũng hiểu

“gái giang hồ” là gái mại dâm. Tôi nghe các cụ nói chữ “khách giang hồ”, chỉ những người rày đây mai đó, thực ra không có nghĩa gì xấu. Vậy xin cho biết hai chữ “giang hồ” này gốc ở điển nào và nguyên nghĩa như sao?

2. “Hi-sinh” có phải là con hi và con sinh, hai con vật được mang ra cúng tế? Có phải từ đó mà có chữ kép “hi-sinh”, nghĩa là “tự nguyện làm con hi và con sinh để làm lợi cho đời?”

3. Trong Văn-tế Võ Tánh và Ngô Tùng Châu có câu: “Bởi vì thương muôn mạng tỳ hưu, thà nhất tử cho toàn tướng sĩ” thì “tỳ hưu” này là binh lính hay dân chúng?

Lê Trọng Bình
Pháp

Đáp: 1. Hai chữ “giang hồ” nguyên nghĩa để chỉ kẻ rong chơi bên lề cuộc đời, xuất hiện trong sách Sử-ký, nói về Phạm Lãi: *Phạm Lãi thừa biển châu phù ư giang hồ*, nghĩa là “Phạm Lãi dùng thuyền nhỏ đi chơi rong trên sông hồ”.

Về sau Lục Qui Mông tự xưng là “kẻ giang hồ” nhàn tản. Từ đó, những người ở ẩn thường xưng là “khách giang hồ”.

Về sau nữa, hai chữ giang hồ dùng để chỉ những người rày đây mai đó, không ở yên một chỗ nào cả.

2. Ông nghĩ đúng. *Hi* là con vật toàn sắc (nghĩa là cùng một màu, không có lông tạp lẫn vào); *sinh* là các giống vật thường dùng trong lễ tế, như bò, dê, lợn. Trong hai chữ *hi-sinh*, *hi* là tính-từ, *sinh* là danh từ, chỉ con vật được mang ra cúng tế thuộc loại quý (nhờ đặc-tính toàn sắc).

Về sau, “hi-sinh” được dùng như một động-từ, có nghĩa là “hiến mình”, dấn thân, chịu rủi-ro thiệt-thòi về phần mình để làm lợi cho công việc chung.

3. “Tỳ hưu” là giống gấu trắng ở Bắc cực, con đực là *tỳ*, con cái là *hưu*. Giống thú này rất khỏe, vua Hiên-diên bắt được chúng, cho người huấn-luyện để dùng trong quân, đánh

thắng Viêm-đế trong trận Bản toàn. Từ đó về sau, hai chữ “tỳ hưu” dùng để chỉ những binh-sĩ dũng mãnh.

TIẾNG VIỆT GỐC NGOẠI-QUỐC

Hỏi: 1. Bác BC đã liệt-kê ra khá nhiều tiếng Việt gốc Pháp, nhưng hình như còn thiếu các tiếng: nhà ga, đồng xu, ông xếp...? Trong tiếng “xăng-nhớt”, thì *xăng* là tiếng Pháp, còn *nhớt*?

2. Ngoài ra chắc cũng có nhiều tiếng gốc Anh, gốc Tàu?

3. Trong chữ Việt có tiếp-vĩ-ngữ “hóa” đi theo sau một chữ khác để chỉ nghĩa là “thành ra”, “làm cho”, làm thành”. Thí-dụ: Âu-hóa, Việt-hóa, nhân-cách-hóa,...

Chữ “hóa” này gốc Hán-Việt, ghép với tiếng Nôm thành “trẻ trung hóa” nghe kỳ kỳ. Bác BC có đồng ý không? Liệu đổi chữ “hóa” bằng chữ “làm cho”, “làm thành” có được không?

Lê Thị Trang
California

Đáp: 1. Trong khuôn-khổ một mục, BC chỉ kể ra vài thí-dụ, không thể liệt-kê đầy-đủ.

Quả thật tiếng Việt gốc Pháp còn nhiều lắm:

- ga (*gare*)
- xu (*sou*)
- xếp (*chef*)
- gác (*garde*)
- mǎng-đa: (*mandat*) (tức bưu-phiếu).
- lon (*galon*)
- bê-tông; bít-ton (*béton*)
- bù-lon (*boulon*)
- xoong (*casserole*)
- xăng (*essence*)
- lớp (*enveloppe*)
- ách (*adjutant*).

Những tiếng gốc Pháp này đôi khi được ghép với tiếng Việt, hay Hán Việt, tạo thành những từ kép như *canh-gác*, *xoong-chảo*, *ô-tô-hòm*,... Trong “xăng-nhớt”, thì *xăng* là tiếng Pháp, *nhớt* tiếng Việt.

2. Một số tiếng Việt gốc Anh:

- bồi (*boy*)
- cao-bồi (*cow-boy*)
- tơ-nít (*tennis*)
- banh (*ball*).

Có nhiều tự-ngữ Tây-phương đi vào ngôn-ngữ Việt qua trung-gian tiếng Trung-hoa, hay Nhật-bản.

Thí-dụ:

- *bank* (tiếng Anh); *banque* (pháp), người Nhật dịch là “ngân-hàng”, ta và Trung-hoa dùng theo.

Tương-tự, có các tiếng do người Nhật dịch trước, ta dùng theo, như:

- *economy* (*économie*): kinh-tế.
- *affirmation*: khẳng-định.
- *negation*: phủ-định.
- *positive* (*positif*): tích-cực.
- *negative* (*négatif*): tiêu-cực.
- *facsimile* (*fax*): điện-thư.

Có nhiều chữ Tây-phương, người Trung-hoa phiên-âm ra chữ nho, ta đọc lại theo âm Hán-Việt, rồi dần dần Việt-hóa thành tiếng Việt, như:

- *Dozen*, người Trung-hoa phiên-âm thành chữ nho, ta đọc theo âm Hán Việt là “tả trần”, lâu ngày thành “tả”, rồi “tá”: một tá, 12 cái.

- *Club*: người Trung-hoa phiên-âm là “chuy-lơ-bu” và ta đọc lại theo âm Hán Việt là “câu-lạc-bộ”.

- *Canada*, người Trung-hoa phiên-âm trước, rồi ta đọc theo âm Hán-Việt thành *Gia-nã-dại*.

- Tương-tự, *France* thành “Pha-lan-si”, ta đọc là *Pháp-lan-tây*, sau rút gọn thành *Pháp*; *England* người Trung-hoa phiên-âm thành “*Ing-cơ-lan*”, ta đọc thành *Anh-cách-lan* rồi rút gọn thành *Anh*.

Có nhiều tiếng, ta mượn của Trung-hoa rồi rút gọn lại, như:

- *long nhãn* thành *nhãn* (trái nhãn).
- *tiểu-tiện* thành *tiểu* (đi tiểu).
- *thủy-ngân* thành *thủy* (tráng thủy).

Có khi ta mượn tiếng Trung-hoa, thêm nghĩa tiếng Việt bên cạnh, như: *gia-nhập* vào, đường xa-lộ, cây cổ-thụ,... (trong *gia-nhập*, *nhập* đã là vào; *lộ* là đường, *thụ* là cây).

3. Đồng ý. “Hóa” là chữ nho. Nho đi với nho, hợp cách hơn.

Thực ra, gọi “hóa” là tiếp-vĩ-ngữ là nói về dạng-thức. Người Trung-

hoa (Vương Lực trong *Anh-Hoa hợp giải tự-vị*) chỉ coi “hóa” là một “ký-hiệu.” Trong văn-phạm Việt, các ông Trương Văn Chình và Nguyễn Hiến Lê gọi “hóa” là phó-từ tác-động.

“Hóa” dùng dịch tiếp-vĩ-ngữ “ifier” và “iser” của Pháp; “ize” của Anh:

- *simpli-ifier*: đơn-giản-hóa.
- *regular-iser*: hợp-thức-hóa.
- *international-iser*: quốc-tế-hóa.
- *general-ize*: phổ-thông-hóa.
- *european-ize*: âu-hóa.

Vương Lực (Trung-hoa) lại không dùng chữ “hóa” để dịch “ize”, mà dùng chữ “thành vi” (làm cho) hoặc “sử hợp” hay sử thành (làm thành):

- *idealize*: thành vi lý tưởng.
- *standardize*: sử hợp tiêu-chuẩn.
- *generalize*: sử thành phổ-cập,...

Xét ra, cách dùng của Vương Lực dài-dòng và không mạnh nghĩa bằng “hóa”.

Tương-tự, trong tiếng Việt, nếu nói: “Tiếng ấy đã bị làm thành tiếng Việt rồi” không mạnh nghĩa và gọn bằng “Tiếng ấy đã bị Việt hóa.”

Hay: “Việc gì mà phải làm cho lão ấy thành ra thần thánh?” không gọn và rõ bằng: “Việc gì phải thần-thánh-hóa lão ấy?”

SÁCH NÀO?

Hỏi: 1. Cháu muốn mua sách về lịch-sử Trung-quốc bằng chữ Việt, xin bác mách cho một cuốn.

2. Về lịch-sử VN từ Hùng-vương tới Bảo-đại, cháu dùng cuốn *Việt-nam sử lược* của Trần Trọng Kim liệu có đầy-đủ không?

3. Cháu cần đọc sách nào để biết tên cũ và tên mới của các thành-phố bên Trung-quốc?

Loan Nguyễn
Bethlehem

Đáp: 1. Về sử Trung-hoa, cháu có thể dùng cuốn *Trung-quốc sử cương* của nhà Đại-Nam (Làng Văn phát-hành).

2. Về sử Việt, cháu nên có thêm *Việt sử toàn thư* của Phạm Văn Sơn

(LV phát-hành).

3. Về các tên cũ và tên mới của các thành-phố Trung-hoa, hiện không có sách Việt nào ghi-chú đầy-đủ. Cháu không đọc được chữ nho, hãy ghi-chú vào sổ tay mỗi khi đọc sách (Việt) và bắt gặp điều gì cần ghi. Có nhiều địa-danh bác chỉ viết theo trí nhớ, đôi khi lẫn-lộn về thời-gian (thí-dụ thời Tôn Quyền, thành Nam-kinh còn gọi là Kiến-nghiệp, mãi tới nhà Tấn mới đổi thành Kiến-khang!)

18 CHÍNH-KHÁCH HỌP TẠI KHÁCH SẠN CARAVELLE

Hỏi: Bác BC còn nhớ 18 nhân-vật họp ở khách-sạn Caravelle năm 1960 (?) ra kháng-thư phản-đối TT Ngô Đình Diệm, gồm có những ai không?

Thân-trọng Đạt
Paris

Đáp: Đó là các ông: Trần Văn Văn, Trần Văn Hương, Phan Khắc Sửu, Nguyễn Lưu Viên, Phan Huy Quát, Trần Văn Đỗ, Lương Trọng Tường, Trần Văn Tuyên, Lê Ngọc Chấn, Huỳnh Kim Hữu, Trần Văn Lý, Nguyễn Tiến Hỷ, Lê Quang Luật, Nguyễn Tăng Nguyên, Phạm Hữu Chương, Tạ Chương Phùng, Trần Lê Chất và LM Hồ Văn Vui. Buổi họp diễn ra ngày 26.4.1960 tại khách-sạn Caravelle, Sài-gòn.

HOA HAY KHÔNG HOA

Hỏi: Trên Làng Văn số 108, trang 102, trả lời mục “Mây, Ma...”: bác Bút Chì lấy nguyên-tắc nào để nói *Mỹ-quốc*, chữ “Mỹ” không cần viết hoa vì nó là tính từ bổ nghĩa cho chữ quốc, nếu theo nguyên-tắc “không nguyên-tắc”: “Mỹ-kim”.

Cứ theo nguyên-tắc này, chữ *Việt Cộng*, *Cộng* viết hoa và *việt* viết thường, tương-tự như *việt văn*?

Mình chưa có hàn-lâm-viện, đọc kế luật ngôn-ngữ nước ngoài thì lấy nguyên-tắc này có lẽ không ổn.

Nguyễn Linh
Biloxi, Mississauga

Đáp: Bạn hỏi “nguyên-tắc nào”, xin đáp, nguyên-tắc:

- tính-từ, danh-từ chung: viết thường.

- danh-từ riêng: viết hoa.

Nguyên-tắc này được ghi rõ trong các sách Văn-phạm VN như:

- *Văn-phạm Việt-nam*, Bùi Đức Tịnh, Sài-gòn, 1952.

- *Để hiểu văn-phạm*, Nguyễn Hiến Lê, Sài-gòn 1952.

- *Văn-phạm mới giản-dị và đầy đủ*, Nguyễn Trú Thanh, sài-gòn 1956.

- *Việt-nam văn-phạm* của Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ và Phạm Duy Khiêm, Sài-gòn, 1956.

Gôm

Làng Văn số 108, trang 103, cột 3 dòng 18 từ dưới đếm lên: “*nhà Minh trị nước được 32 năm*”, xin sửa lại là “...292 năm” (kể từ khi Thái-tổ lên ngôi năm 1368 tới khi vua Vĩnh-lịch lưu-vong sang Miến-diện năm 1660, rồi bị Ngô Tam Quế đuổi theo bắt giết).

Trang 103, cột 2 dòng 18: “*Thành-đô (nay là Tứ-xuyên)*” xin sửa lại là “*Thành-đô (nay là thủ-phủ của tỉnh Tứ-xuyên)*”. Dòng 20: “*Kiến-khuong (nay là Nam-kinh)*” xin sửa lại là “*Kiến-nghiệp (sau đổi lại thành Kiến-khuong, và bây giờ Nam-kinh)*”.

Trang 102, cột 3, về chữ “xà-ích” (người đánh xe ngựa), theo học giả Tạ Văn Tuấn (Texas), không phải nguyên gốc Pháp, mà là tiếng Pháp gốc Mã-lai.

Về tự-ngữ “thạc-sĩ”, ông Tạ Văn Tuấn bổ-túc: “tùy theo ngành học, có khi bằng thạc-sĩ cao hơn bằng tiến-sĩ (Y-khoa, Luật-khoa), có khi thấp hơn (Văn-khoa, Khoa-học).

BC xin đa tạ Tạ học-giả về các điểm góp ý trên đây.

Làng Văn số 108, trang 102, cột 3 dòng 10 (từ dưới): “*adoter*” xin sửa lại là “*adopter*”.

Xin tạ lỗi cùng quý độc giả.

Những Khám Phá Vật Lý Thiên Thể

Trần Văn Nam

Kỳ II

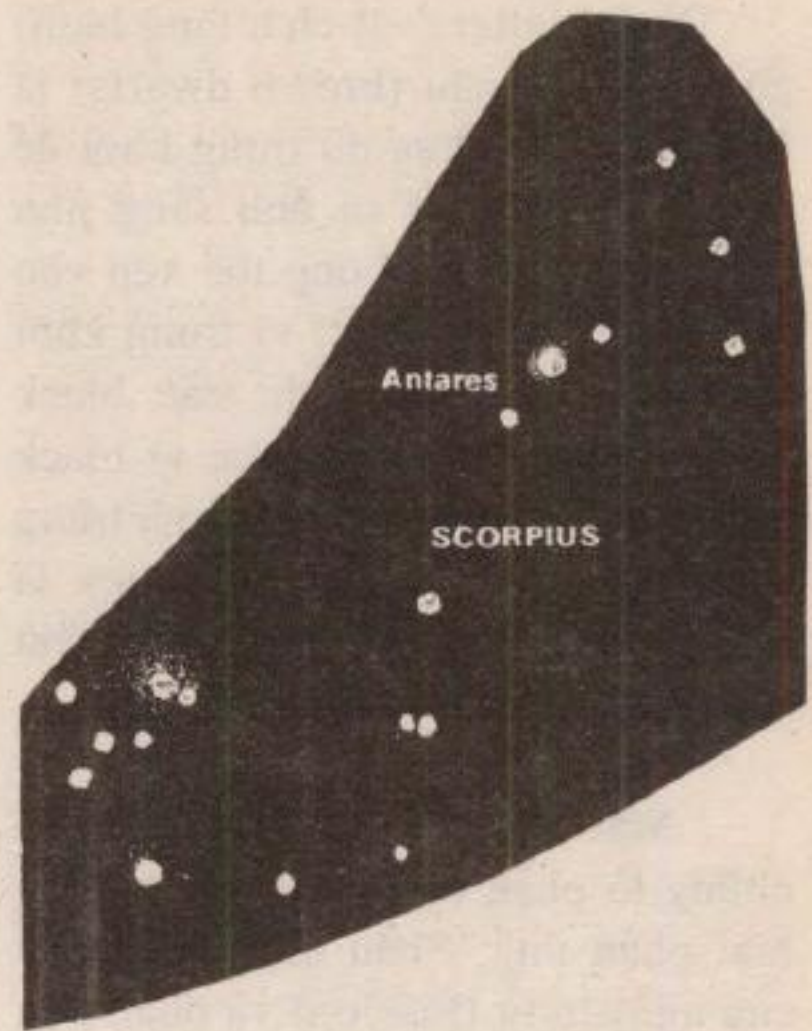
Cơ quan Quản trị Hàng không và Không gian Hoa kỳ (NASA) đã sử dụng ngân khoản 100 triệu đô la để xúc tiến chương trình truy tìm đời sống có trí khôn ngoài trái đất, gọi tắt là S.E.T.I. (Search for Extra Terrestrial Intelligence). Có hai lý do chính đưa tới quyết định này. Một là các giàn vô tuyến viễn vọng rải rác khắp trái đất đều bắt được những luồng vô tuyến phát xuất từ những cõi mù mịt trong vũ trụ. Hai là trong vũ trụ, trên giải Ngân hà có rất nhiều tinh tú trọng khối vừa phải, cháy với lò lửa màu vàng cam, tương đối không nóng lắm giống như mặt trời có các hành tinh xoay chung quanh. Trong số đó chắc phải có hành tinh giống như trái đất, nghĩa là quy tụ các điều kiện làm nảy nở sự sống. Tuổi cổ xưa hơn trái đất, sự sống trên các hành tinh này có lịch sử lâu dài hơn, có thể văn minh hơn con người ở trái đất và chắc đã truyền thông với nhau bằng vô tuyến, hoặc bằng phương tiện hữu hiệu văn minh hơn. Bắt được luồng vô tuyến có hệ thống, có xếp đặt bởi trí khôn, đó là mục tiêu của chương trình S.E.T.I.

Cho đến nay, trái đất chỉ mới bắt được các luồng vô tuyến hỗn tạp. Đó là các tín hiệu vô tuyến thiên nhiên do các hạt vật chất siêu vi đan chéo dọc ngang trong vũ trụ, bay vút bằng tốc độ của ánh sáng, do hấp lực từ trường (magnetic field) của các thiên thể hút đẩy lẫn nhau. Dù vậy,

các nhà khoa học rất lạc quan, hy vọng khám phá sự sống có trí khôn ngoài trái đất vào thập niên đầu của thế kỷ 21.

Trái đất, mặt trời, mặt trăng, các tinh tú ta thấy hàng đêm, đều là thành phần trong giải Ngân hà. Ngân hà hay Milky Way là một trong hàng triệu thiên hà (galaxy) trong vũ trụ. Nếu từ xa thăm nhìn về, ta sẽ biết gần Ngân hà còn có các thiên hà lân cận là thiên hà Andromeda, thiên hà Large Magellanic Cloud, và thiên hà Small Magellanic Cloud. Bốn thiên hà này làm thành cụm thiên hà địa phương (galaxy cluster). Còn như từ trái đất nhìn vào bầu trời sâu thẳm, ta sẽ thấy các thiên hà trong vũ trụ cũng gom thành từng cụm.

Năm 1933, nhà thiên văn Zwicky của viện Caltech (California) khi quan sát cụm thiên hà Coma (cluster Coma), thấy rằng nếu quan sát tốc độ xoáy của từng thiên hà một trong cụm Coma thì tốc độ vận chuyển đó quá lớn. Cứ xoay như thế thì chẳng bao lâu các thiên hà sẽ tách rời xa nhau. Vậy tại sao các thiên hà cứ gom thành từng cụm? Phải có một trọng khối với một trọng lực cực lớn mới giữ được các thiên hà quay quanh thành cụm trong thời gian hàng tỉ năm như vậy. Zwicky tính ra nếu kể hết tất cả trọng khối làm thành Coma cluster thì chỉ mới có 10% vật chất, chưa đủ trọng khối làm nên trọng lực cần thiết để giữ các thiên hà gom cụm lại như thế. Vậy thì 90% vật



chất còn lại đó phải là trọng khối tàng hình, không quan sát được dù bằng viễn vọng kính cực mạnh, hoặc bằng vô tuyến viễn vọng tối tân.

Đó chỉ là kể về cụm thiên hà Coma. Tất cả vũ trụ cũng đang còn ẩn dấu đến 90% trọng khối cần thiết để hãm lại đà bay của vũ trụ, một vũ trụ không ngừng bành trướng, bùng ra với một tốc độ vô cùng lớn. Ví dụ sao Sirius sáng chói ở bầu trời, nằm kế cận bên chòm sao Orion, mỗi giờ bay xa khỏi trái đất hơn 100 ngàn dặm. Nhưng trong cái vĩ đại của vũ trụ, ta thấy nó vẫn sáng chói như đứng một chỗ từ năm này qua năm khác. Và cả trái đất, mặt trời, cả thái dương hệ, cả ngân hà, cũng đang lao ra ngoài rìa vũ trụ. Mặc dù các thiên thể cứ việc xoay quanh quỹ đạo của nhau, mặc dù các thiên thể cũng có hấp lực hút nhau, nhưng tất cả các lực đó không cưỡng nổi lực đang bành trướng của vũ trụ. Nếu không có 90% trọng khối tàng hình mà khoa học gọi là Dark Matter thì vũ trụ này cứ bành trướng mãi, bành trướng mãi... Cần 90% trọng khối nữa mới hãm được đà bay của vũ trụ. Nếu Dark Matter mà dồi dào hơn nữa, nhiều hơn trọng khối cần thiết, thì vũ trụ lại bị kéo chum vào nhau, do trọng lực mạnh hút vào nhau, vượt quá sự cân bằng giữa bành

trường và hãm bớt lại.

Dark Matter (vật chất tàng hình) gồm các sao nâu (brown dwarfs) là loại thiên thể chưa đủ trọng khối để tự đốt cháy, phát ra ánh sáng như tinh tú, mà cũng không thể xếp vào loại hành tinh (planet) vì trọng khối vượt quá cỡ hành tinh; các black holes không quan sát được vì black holes hút luôn cả ánh sáng; và trùng trùng lớp lớp các hạt neutrinos là loại vật chất phi vật chất ở ngoài tầm xác định của khoa học hiện đại.

Mặt trời và các vì tinh tú là những lò phản ứng hạt nhân. Có hai loại phản ứng: Phản ứng tách nhân của nguyên tử (Fission) và phản ứng kết hợp các nhân của nguyên tử (Fusion). Phản ứng phá vỡ nhân của nguyên tử là nguyên tắc để làm bom nguyên tử; và phản ứng kết hợp nhân của nguyên tử là nguyên tắc chế tạo bom khinh khí.

Trong vũ trụ, nguyên tử nhẹ nhất là nguyên tử khí Hydrogen. Nhẹ nhất vì nhân của nguyên tử này chỉ có một hạt proton, bay vòng quỹ đạo quanh proton là một hạt electron. Nặng hơn một chút là khí Hydrogen nặng, tên mới là Deuterium, ngoài hạt proton còn thêm một hạt neutron và bay vòng quỹ đạo của nhân cũng là một hạt electron. Đó là hai loại nguyên tử nhẹ nhất.

Trên trái đất, Uranium là vật chất có nguyên tử xếp vào hàng nặng nhất, vì nhân của nguyên tử Uranium gồm nhiều hạt proton và nhiều hạt neutron. Có bao nhiêu hạt proton thì quỹ đạo của nhân nguyên tử cũng có bấy nhiêu hạt electron để cân bằng điện tĩnh, vì proton có điện dương và electron có điện âm. Nhưng quặng mỏ Uranium trong thiên nhiên chỉ có chưa tới 1% là Uranium-235, tức đúng loại Uranium có thể gây phản ứng hạt nhân. Mà Uranium-235 còn cần phải cô đặc lại (critical mass) thì mới có thể duy trì phản ứng. Khi Uranium-235 tới giai đoạn siêu cô đặc (super critical mass) thì phản ứng nổ xảy ra. Muốn đưa Uranium-235 tới giai đoạn siêu cô đặc, lúc

đầu cần phải có mồi lửa là một trái nổ hoá học để tạo sức nóng cao độ cần thiết. Sức nóng này làm Uranium-235 tới giai đoạn siêu cô đặc và phản ứng nổ xảy ra. Nguyên tử Uranium-235 nổ, phóng ra những hạt neutron với tốc độ cực nhanh. Những hạt neutron này chính là những viên đạn bắn vào những nguyên tử Uranium-235, làm tách nhân của nguyên tử và lại phóng xuất ra những viên đạn neutron. Phản ứng dây chuyền này xảy ra trong chớp mắt. Toàn thể khối Uranium-235 đã cô đặc, nổ tung, giải thoát ra một năng lượng lớn dưới hình thái nhiệt độ cực cao và tốc độ cực mạnh, có sức tàn phá ghê gớm. Tùy theo trọng khối Uranium-235 dùng trong trái bom nhiều hay ít mà sức tàn phá khủng khiếp hay vừa phải.

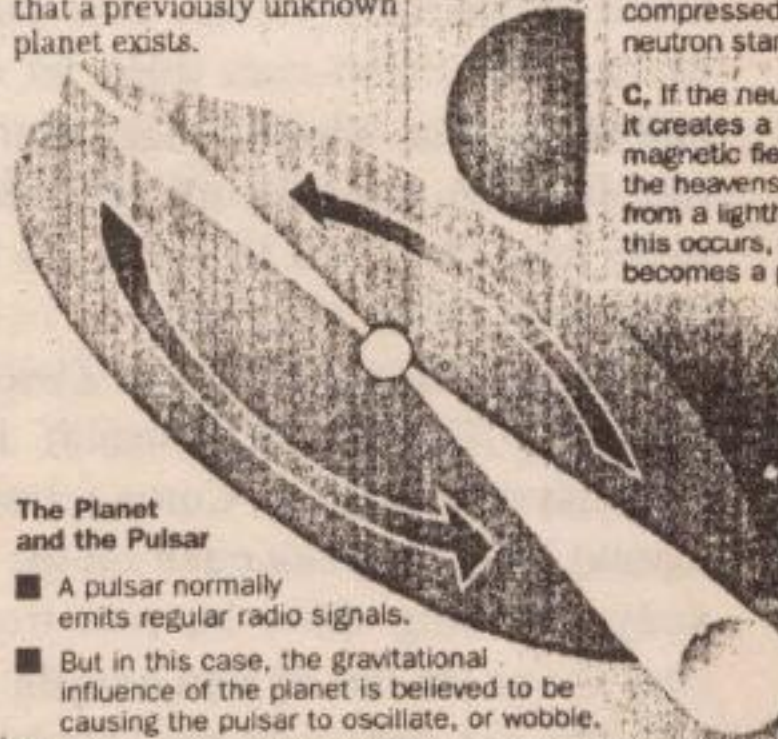
Tóm lại, đó là phản ứng hạt nhân

làm nổ nhân của nguyên tử (Fission) và chỉ nguyên tử Uranium trên trái đất mới gây được phản ứng này.

Phản ứng kết hợp nhân của nguyên tử (Fusion) xảy ra với nguyên tử Deuterium (tức Hydrogen nặng). Nhân của nguyên tử Deuterium gồm một hạt proton và một hạt neutron. Nhân này có điện tích dương. Vậy nhân của các nguyên tử Deuterium đều có dương điện. Dương điện đẩy dương điện nên các nhân của nguyên tử Deuterium luôn luôn đẩy nhau ra xa, không "thích" xấp lại gần. Ngoài sự đẩy nhau, nguyên tử còn có rào cản là các vòng quỹ đạo của hạt electron bay quanh. Chỉ dưới nhiệt độ cao và áp suất lớn, nhân của các nguyên tử Deuterium mới bị ép lại sát nhau và đụng nhau kết hợp thành khí Helium. Nhân của nguyên tử Helium gồm hai hạt proton và hai hạt neutron. Vật chất cấu tạo mặt trời

Finding a Planet

British scientists who have been studying 40 objects known as pulsars found that the radio signals from one, called PSR1829, sometimes arrive at the Earth slightly earlier or later than they should have. From this irregularity, they have concluded that a previously unknown planet exists.



The Planet and the Pulsar

- A pulsar normally emits regular radio signals.
- But in this case, the gravitational influence of the planet is believed to be causing the pulsar to oscillate, or wobble.
- The pulsar's wobbling is causing a variation in the time it takes the radio signals to reach the Earth, indicating the presence of a planet.



Earth:
About 8,000 miles
in diameter

New Planet:
About 10
times the
mass of Earth

Pulsar:
About 10 miles
in diameter



The pulsar and the planet are about 20,000 to 30,000 light years from Earth, in the direction of the center of our galaxy

Một sao xanh khổng-lồ (blue giant) khi sắp nổ thì tầng khí-quyển bao quanh càng ngày càng bành-trướng. Sao xanh khổng-lồ bây giờ trở thành một sao hồng khổng-lồ (red giant) do lớp bụi hơi dày-đặc bao quanh. Giai-đoạn chuẩn-bị nổ này có thể kéo dài đến hàng triệu năm. Từ trái đất con người có thể nhìn thấy sao hồng khổng-lồ này bằng mắt thường. Sao hồng khổng-lồ nổ thành sao "neutron". Sao đại khổng-lồ nổ để lại "black hole."

gồm 3/4 khí Hydrogen và 1/4 khí Helium. Trong 3/4 khí Hydrogen có đôi dào Hydrogen nặng (tức Deuterium). Phản ứng ép sát nhân các nguyên tử Deuterium lại với nhau do nhiệt độ và áp suất hiện có trên mặt trời. Vậy mặt trời và tinh tú là các lò phản ứng hạt nhân, không ngừng biến hoá Deuterium thành Helium, và từ khí Helium biến hoá thành các nguyên tử khác. Càng biến hoá càng thành các nguyên tử nặng hơn. Nhân các nguyên tử càng nặng vì càng nhiều hạt proton và neutron. Mỗi lần biến hoá là mỗi lần giải phóng ra những năng lượng lớn dưới hình thái nhiệt độ và áp suất. Đó là phản ứng hạt nhân trên mặt trời và tinh tú.

Con người chế tạo bom khinh khí cũng từ khí Deuterium. Deuterium có trong nước biển. Cứ 30 kilogram nước biển thì có độ 1 gram Deuterium. Nhiệt độ trên mặt trời và các tinh tú nóng khủng khiếp. Nhưng đó là điều kiện sẵn có. Muốn có nhiệt độ như vậy để làm bom khinh khí (tức gây phản ứng dây chuyền làm kết hợp nhân các nguyên tử Deuterium thành Helium), cần phải có một mồi lửa khởi đầu. Mồi lửa đó là một trái nổ bom nguyên tử, tạo nhiệt độ lớn cho lúc khởi đầu phản ứng, sau đó nhiệt độ phóng xuất do mỗi lần phản ứng tự duy trì trận nổ dây chuyền cho đến hết trọng khối Deuterium trong trái bom. Phản ứng dây chuyền xảy ra trong nháy mắt và nhiệt độ khủng khiếp là năng lượng tàn phá mọi vật. Đó là nguyên tắc chế tạo bom khinh khí.

Sao nổ do trọng khối quá lớn, bị sụp vào do chính trọng lực của tinh tú. Sức sụp vào đó quá mạnh, quá nhanh, làm cho các hạt electron bay vòng quỹ đạo nhân của nguyên tử cũng bị sụp vào, kết hợp với hạt proton ở trong nhân nguyên tử làm thành hạt neutron. Vậy neutron là hạt cấu tạo bởi kết hợp hạt electron và hạt proton. Ngay tức khắc sau cái nổ, một phần lớn trọng khối tinh tú biến hoá thành một khối toàn hạt

neutron gọi là Neutron star. Khối toàn hạt neutron đó rất dày đặc, rất nặng; trọng khối có thể bằng trọng khối mặt trời nhưng cô đọng lại bằng một trái cầu đường kính chỉ vào khoảng 14 cây số. Do tính toán mà nhà bác học nguyên tử Oppenheimer đã khám phá ra Neutron star. Chúng hiện diện rải rác khắp vũ trụ do các sao nổ Supernova. Supernova vào loại vĩ đại thì tạo ra Black Hole, loại bình thường thì tạo ra Neutron star. Trong một điều kiện nào đó, Neutron star xoay quanh trục của mình, lúc đó nó được gọi là Pulsar.

Pulsar dày đặc, trọng khối cao mà lại rất nhỏ nên xoay quanh trục rất nhanh và xoay đều đặn một cách chính xác, mỗi lần xoay hướng về trái đất thì phóng ra những làn vô tuyến, giống như ngọn hải đăng quét những luồng ánh sáng. Pulsar xoay rất nhanh làm phóng xuất những hạt electron. Từ Pulsar, hạt electron đi bằng làn sóng với độ dài sóng xếp vào loại vô tuyến (radio wavelength). Chính do độ dài sóng đi trong vũ trụ mà các tia vũ trụ được xếp là tia gamma (độ dài sóng ngắn hơn hết), tia X-ray, tia cực tím, tia ánh sáng, tia hồng ngoại, tia vô tuyến (độ dài sóng dài nhất). Microwave cũng là tia vô tuyến nhưng có độ dài sóng tương đối ngắn trong hàng ngũ tia vô tuyến. Radar cũng là tia vô tuyến, áp dụng vào sự dò tìm và xác định khoảng cách đối tượng (Radio Detection and Ranging).

Để tìm hiểu trái đất có phải là loại nam châm thiên nhiên hay không, và tại sao thường có ánh sáng rạng đông giữa đêm khuya ở Bắc cực và Nam cực, xin giải thích: Trái đất không phải là nam châm thiên nhiên mà là nam châm điện. Khi để dòng điện chạy qua vòng dây kim loại cuốn quanh thanh sắt, ta đã làm cho thanh sắt trở thành một nam châm điện. Trái đất cũng vậy! Những dòng lửa lỏng trong lòng đất vận chuyển từ vòng ruột trái đất quá nóng xuống vòng ruột tương đối có nhiệt độ thấp

trà đêm

Trà đêm

ấm tách bày ra

Rót đầy.

Tuần tự mời ta, mời mình

Mời ai

một cỗi lặng thinh

Mời ai

trăm mối tơ tình

ngón ngang!

nguyên quân

hơn, và cứ luân chuyển lên xuống như vậy thành dòng điện làm cho trái đất trở nên một nam châm điện, có sức hút mạnh ở hai đầu Nam cực và Bắc cực. Nam châm thiên nhiên mất từ tính ở nhiệt độ 760 độ C (hay 1400 độ F). Chỉ có nam châm điện mới giữ được từ tính (sức hút ở hai cực) ở nhiệt độ cao. Nhiệt độ trong lòng trái đất cao hơn nhiệt độ trên, chứng tỏ trái đất là một nam châm điện (electromagnet).

Đặc biệt, cứ mỗi chu kỳ 11 năm, mặt trời lại một lần hoạt động, phun những cột lửa lên cao, tạo ra những luồng gió mặt trời, tung các hạt vật chất siêu vi vào không gian. Các hạt vật chất siêu vi này lao xuống, thêm từ trường trái đất hút mạnh, mạnh hơn hết là ở hai cực Nam Bắc bán cầu. Các hạt vật chất chạm vào các nguyên tử trong tầng khí quyển. Phản ứng va chạm vật chất siêu vi tạo ra ánh sáng ngoạn mục huyền ảo trong đêm khuya. Đó là rạng đông lúc nửa đêm (Aurora), thường xuất hiện trên bầu trời băng cực. Và màu sắc khác nhau là do độ dài sóng (wavelength) khác nhau của các hạt vật chất siêu vi vút bay trong không gian. Rạng đông trên bầu trời đêm ở Bắc cực là Aurora Borealis, và ở Nam cực là Aurora Australis. □

DỄN ĐÀN

Nhân Việc Hà Nội Xuất-Bản Hồi-Ký Nguyễn Hiến Lê

Trần Như Sương

Nhà xuất bản Văn Học, Hà Nội vừa cho phát hành cuốn hồi ký của Nguyễn Hiến Lê. Sách dày 578 trang, giá 30.000 đồng Việt Nam.

Tại sao Hà Nội in cuốn sách này? Có phải vì họ thật tình cởi mở và có nhiều thiện chí?

Hãy khoan lạc quan vội!

Bộ hồi ký của Nguyễn Hiến Lê đã được nhà xuất bản Văn Nghệ tại California xuất bản tập III năm 1988 và liên tiếp tập I, II năm 1989 và 1990.

Cuốn hồi ký in tại Hà Nội chỉ gồm một tập bao gồm cả ba cuốn của nhà xuất bản Văn Nghệ, kể luôn cả cuốn *Đời viết văn của tôi* mà nhà Văn Nghệ in riêng thành một cuốn.

Đây không phải là lần đầu tiên cộng sản Hà Nội in loại sách đã xuất bản tại hải ngoại sau năm 1975. Từ năm 1985, họ đã in cuốn hồi ký Nguyễn Cao Kỳ *Twenty years and twenty days* với cái tên *Chúng ta đã thua trận ở Việt Nam như thế nào?*, cố nhiên là có nhiều đoạn bị cắt xén. Thấy bán được, họ cho lược dịch và xuất bản một số sách có liên quan đến Việt Nam. Chẳng hạn cuốn *The Decent Interval* của Frank Snepp, bản dịch là *Cuộc thua chạy tán loạn*, Bùi Tín viết lời giới thiệu, do nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh trách nhiệm; cuốn *Hồ sơ mật đình Độc Lập* của Nguyễn Tiến Hưng và J.L.Schecter dưới tên *Từ toà Bạch*

Ốc tới dinh Độc Lập do nhà xuất bản Trẻ cắt xén và in lại năm 1990; cuốn *Việt Nam máu lửa quê hương tôi* của Đỗ Mậu dưới tên mới: *Tâm sự tướng lưu vong* do nhà xuất bản Công an Nhân dân cắt xén và in năm 1991, bán với giá cắt cổ là 16,000 đồng, tương đương với hai mươi tô phở. Thấy kiếm ăn được, nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh thu góp, nhật nhanh, cắt xén một số bài của Mai Thảo, Võ Phiến, Nguyên Sa, Du Tử Lê, Cao Tần, Túy Hồng... in thành tuyển tập thơ văn hải ngoại năm 1990. Gần đây, cùng cung cách đó, cộng sản Hà Nội tự ý lấy các bài viết của một số tác giả hải ngoại gom thành một cuốn, in và phát hành nhân dịp hội họp cái gọi là Hội nghị Việt kiều để mọi người lầm tưởng là cộng sản muốn hoà giải, giao lưu và các tác giả đã vui lòng cộng tác với họ. Riêng cuốn hồi ký Nguyễn Cao Kỳ vì còn bán chạy nên năm 1990, nhà xuất bản Thông Tin chính thức tái bản với tranh bìa của họa sĩ Choe, tựa sách là *Lời thú nhận của tên tướng cao bồi*, giá tương đương 10 tô phở.

Trở lại cuốn hồi ký Nguyễn Hiến Lê.

Cả cuốn Hà Nội lẫn cuốn của nhà xuất bản Văn Nghệ đều in dưới tựa *Hồi ký* với chữ i ngắn. Lối viết chữ y thành i là một quyết định đã có từ lâu của Hà Nội. Trong Nam trước

1975 không có lối viết này ngoại trừ ở một số tác giả. Học giả họ Nguyễn là một trong những người đó vì ông cũng có thời chủ trương cải cách Việt ngữ, đưa ra nhiều điểm trùng hợp với Ngu Í Nguyễn Hữu Ngự.

Hồi ký tập III được in trước tập I và II, là tập nói về giai đoạn 1975-1981 tại miền Nam sau khi cộng sản cầm quyền. Nguyễn Hiến Lê là một nhà văn có cảm tình với kháng chiến, với cộng sản. Ngay từ bản dịch *Chiến tranh và hoà bình* do nhà Lá Bối in năm 1969, ông đã sử dụng những từ cộng sản dùng tại miền Bắc như *con lê-vri-ê, lô-gíc, đàn li-mi-ê, quí* (thay vì tam cá nguyệt), *cảm giác* (thay vì cảm tưởng), v.v...

Ngay trong *Hồi ký* tập III của nhà Văn Nghệ, tác giả cũng nói rõ là ông thích cộng sản. Nhưng sau khi sống với cộng sản mấy năm, Nguyễn Hiến Lê đã tỉnh ngộ và vạch trần một số những thói nát của cộng sản sau 30 tháng 4.75 tại miền Nam. Nhiều đoạn ông đã kích nạng nề. Khi tập sách này được trích đọc và giới thiệu trên đài BBC, thính giả Việt Nam thờ phào về sự tỉnh ngộ của học giả họ Nguyễn và mong sao có để đọc. (Từ nay, xin dùng *Hồi ký VN* để chỉ hồi ký này do nhà xuất bản Văn Nghệ in, phân biệt với *Hồi ký HN* do cộng sản in tại Việt Nam).

Khi hồi ký Nguyễn Hiến Lê bán tại Sài Gòn, độc giả tìm mua vì muốn biết quan niệm của học giả về chế độ mới sau 1975, nhưng *Hồi ký HN* đã cắt bỏ trọn ba chương 30, 31, 32 mà không một lời giải thích. Đó là những chương có nội dung tố giác những sai lầm, tàn ác, thói nát của cộng sản mà Nguyễn Hiến Lê chứng kiến qua việc giáo dục nhồi sọ, ăn cướp tài sản, trại học tập vô nhân đạo, v.v..

Các chương 21, 22 và 24 cũng bị cắt bỏ trọn vẹn. Ba chương này tác giả ghi chép lại giai đoạn đất nước chia hai từ 1954 đến 1975, nói tới xã hội miền Nam trong giai đoạn đó và cả chính quyền hai miền Nam Bắc. Tác giả không hề khen ngợi chính quyền miền Nam, nhưng chỉ trích

chính quyền miền Bắc qua vụ cải cách ruộng đất đã giết 50.000 người và bỏ tù 100.000 người khác; giam giữ giết chóc 6.000 người trong vụ chống đối tại Quỳnh Lưu, Nghệ An. (*Hồi kí VN* tập II, trang 132, 133), vụ Nhân văn Giai phẩm (tr. 135), thái độ thiên cộng của trí thức miền Nam lúc đầu rồi vỡ mộng (tr. 146), sự sa đoạ của cán bộ cộng sản sau khi vào Nam sau ngày 30.4.75 (tr. 200), v.v..

Trong *Hồi kí HN*, họ chỉ ghi về chuyện cắt bỏ này bằng một câu ngắn và mơ hồ: *Ba chương này xin để lại một thời gian nữa...* Như vậy có thể hiểu là những chương ấy sẽ ra mắt bạn đọc khi có bang giao, khi có áp lực, khi có tiền. Còn những chương nói về cộng sản sau 1975 thì sẽ chẳng bao giờ xuất hiện tại Việt Nam khi cộng sản còn tại vị.

Bây giờ chỉ xin xét riêng những phần được Hà Nội chấp thuận cho in trong cuốn *Hồi kí HN* trọn bộ.

Chúng ta đều biết, trong các sách của cộng sản, dù là tiểu thuyết hay biên khảo, ngoài tác giả còn có một người nữa đứng tên xưng là “biên tập”. Không quen đọc sách báo Việt cộng, người đọc sẽ ngỡ ngàng vì chúng ta thường hiểu viết một tài liệu là biên tập rồi, sao lại còn thêm một ông biên tập nữa!

Trong chế độ xuất bản của cộng sản, người biên tập là người phụ trách kiểm duyệt, cắt xén, xem nội dung bài viết có đụng chạm tới Đảng, tới Nhà nước hay không. Không có sự kiểm duyệt của biên tập, sách không thể ra đời và biên tập mà sơ sót để tác giả nói xấu chế độ hay đụng chạm thì biên tập có thể mất chức và đi tù. Tóm lại, người biên tập giữ vai trò công an văn hoá. Đó là vai trò quan trọng nhất, hơn cả tác giả. Và cố nhiên hơn hẳn những người khác cũng được ghi tên ở cuối sách, như người chịu trách nhiệm xuất bản, người chịu trách nhiệm bản thảo, và người sửa bản in.

Như đã nói ở trên, tất cả những chương phê bình cộng sản tại miền Nam sau 30.4.75 đều bị cắt bỏ chỉ

còn lại vài mục.

Mục *Bạn bè*, cũng được công an văn hoá bôi bỏ nhiều tên mà họ không ưa. Trong mục này ở bản *Hồi kí VN*, tập III có nói tới những bạn của tác giả (tr. 187, 188) mà trong *Hồi kí HN* đã bị xóa bỏ như Đoàn Thêm, Nguyễn Mộng Giác, Học Năng Nguyễn Văn Phát, Dã Lan Nguyễn Đức Dụ, v.v.. (tr. 155). Hai ông Phát và Dụ bị xóa bỏ có lẽ vì theo bản của nhà xuất bản Văn Nghệ thì ông Phát có tinh thần quốc gia, tính tình thẳng thắn, còn ông Dụ thì khuyên thanh niên nên giữ truyền thống dân tộc. Các ông Giác và Thêm thì dễ hiểu vì đã vượt biên sang Mỹ.

Tuy biên tập viên còn bỏ nhiều tên khác ở các trang khác nhưng vẫn chưa làm tròn bổn phận khi kê tên các nhà văn nằm vùng là Vũ Hạnh, bà Phương Đài và Nguyễn Ngọc Linh (bản Hà Nội trang 517). Trong *Hồi kí III* của nhà Văn Nghệ cũng ghi như vậy ở trang 166. Tội nghiệp cho ông Nguyễn Ngọc Linh, cựu tổng giám đốc Việt tấn xã, ra đi từ năm 1975, bị cả hai nhà xuất bản nhằm với tên tiểu thuyết gia minh hương Nguyễn Ngọc Linh, tác giả *Đôi mắt người xưa*!

Đương nhiên những đoạn nói về thái độ kẻ sĩ của Doãn Quốc Sỹ, con rể nhà thơ Tú Mỡ, đoạn nói tới cuốn sách *Những tên biệt kích văn nghệ* bôi nhọ các nhà văn miền Nam, đoạn nói tới thứ trưởng Hà Xuân Trưng lừa tác giả để viết về tài liệu Trung Hoa, đoạn ban Ngôn Ngữ thành Hồ lừa Bàng Bá Lân viết *Cái hay của tiếng Việt* rồi quít tiền nhuận bút, đoạn cán bộ Hà Nội vào Sài Gòn chỉ là những kẻ thực dân, mời trí thức dự hội nghị văn hoá để cho một người trong giai cấp thợ thuyền lên mắng mỏ... có in trong *Hồi kí III* của nhà xuất bản Văn Nghệ (tr. 175, 176, 168, 183, 184,) thì không thấy có trong *Hồi kí* do Hà Nội in mà đáng lẽ phải xuất hiện nơi các trang 519, 524, 529, 530, 531.

Trong bản thảo có 6 phụ lục, Hà Nội chỉ in có 3 và bỏ những phụ lục rất vô tư, có tính cách tài liệu như

nói về phong trào vượt biên, về việc các nhà văn Nguyễn Tuân, Thế Lữ, Xuân Diệu tự kiểm thảo và bản thống kê giá sinh hoạt gia tăng sau khi cộng sản chiếm miền Nam.

Mặc dầu trước 1975, Nguyễn Hiến Lê rất có thiện cảm với cộng sản nhưng khi hiểu rõ họ, ông không gọi ngày 30 tháng 4 năm 1975 là ngày giải phóng miền Nam hay giải phóng Sài Gòn. Trong bản in của nhà Văn Nghệ, ông đều viết là ngày 30.4.75 nhưng trong bản Hà Nội, bị sửa là *ngày giải phóng*.

Lạ hơn nữa là trong bản của Văn Nghệ (tập III trang 178), Nguyễn Hiến Lê chê thơ Tố Hữu kỳ cục khi ca tụng Staline, thơ không đáng gọi là thơ khi Tố Hữu gọi Nguyễn Du là anh; nhưng khi in đoạn này thì bản Hà Nội (trang 524) lại biến ra như sau: “Tố Hữu là một nhà thơ cách mạng, đóng góp rất lớn cho cách mạng.” Không hiểu người biên tập của Hà Nội run sợ trước Tố Hữu đến thế nào mà dám sửa lại một cách vô liêm sỉ như vậy!

Về cách xưng hô các danh nhân, Nguyễn Hiến Lê cũng như Vũ Ngọc Phan trong *Nhà văn hiện đại*, chỉ gọi tên không thôi mà không cần thêm từ nào trước vì đối với danh nhân thì nêu cả tên lẫn họ đã là một vinh dự.

Lấy ví dụ trong cuốn *Hồi kí* tập I của nhà Văn Nghệ chẳng hạn, ở trang 249, 250, 351, 352, tác giả chỉ viết Nguyễn Thái Học, Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, cũng như viết Hồ Chí Minh, Nguyễn Ái Quốc đơn thuần. Thế nhưng khi chuyển sang cuốn *Hồi kí* của Hà Nội thì các danh nhân khác vẫn để tên không, nhưng với Hồ Chí Minh, Nguyễn Ái Quốc thì phải trình trọng có chữ *ông* đằng trước (tr. 196, 275). Chẳng lẽ thay chữ *ông* bằng chữ *người* như thường lệ thì lộ liễu và lộ bịch quá (bản Hà Nội, trang 196, 275).

Cái lẽ thói tôn sùng, nịnh hót và hận thù ngay từ cách dùng chữ đã ăn sâu vào tiềm thức những người cầm bút cộng sản rồi! Người ta thấy nhan nhản trong báo *Nhân dân*, *Sài Gòn giải phóng*,... những từ thủ tướng,

tổng thống, chủ tịch, bộ trưởng, v.v.. được in chữ hoa trình trọng khi đó là những người thuộc phe cộng sản hoặc họ có cảm tình. Còn với những nước thù nghịch thì chỉ viết chữ thường thôi.

Cộng sản thù nghịch giáo hội Công giáo nên chỉ gọi vị lãnh đạo tôn giáo này là *Giáo hoàng* mà không bao giờ dùng *đức Giáo hoàng* cả. Cộng sản chê phong kiến nhưng trình trọng gọi *ngài* đại sứ, *ngài* nọ *ngài* kia khi các nước chịu bang giao bầu bạn với họ.

Trong những tiểu thuyết của các nhà văn miền Bắc viết về đề tài chiến tranh ở miền Nam, họ luôn luôn cho những nhân vật sĩ quan VNCH gọi cố vấn Mỹ là *ngài* cố vấn. Chắc họ tưởng trong Nam, sĩ quan quân đội cũ cũng khúm núm trước cố vấn Mỹ như sĩ quan bộ đội khúm núm, sợ sệt trước cố vấn Nga hay Trung quốc. Cũng có thể vì quá kém về Anh ngữ nên họ tưởng phải dịch từ *sir* ra là *ngài* mới đúng và tôn kính.

Một điểm cần nói khác là phần *Lời toà soạn* in trên những trang đầu của tập hồi ký. Sau những lời rào đón *mong sự đóng góp của độc giả trong nước cũng như ngoài nước*, cùng với những lời ca tụng tác giả, họ còn trơ tráo in câu: "*Vì tác giả đã mất, nhà xuất bản khôngỡ cắt bỏ nhiều quá*" (trang 7).

"Mong sự đóng góp" chỉ là một câu đầu môi chót lưỡi như họ hô khẩu hiệu "muôn năm" chứ chẳng có nghĩa lý gì cả. Còn tại sao vì tác giả đã mất mà *không* *ỡ* cắt bỏ nhiều quá thì họ không giải thích.

Việc in sách báo tại Việt Nam hiện nay dưới sự kiểm soát của cộng sản luôn luôn là một sự tính toán về tiền bạc, về tuyên truyền chứ chẳng khi nào vì học thuật hay nghệ thuật. Ngay trong từ điển hay sách sử, họ còn nhồi nhét những câu tuyên truyền vào, ví dụ trong cuốn *Người anh hùng làng Gióng* của Cao Huy Đình nói về sự tích Phù Đổng Thiên Vương của hàng ngàn năm trước mà còn có những câu chống Mỹ thì thử hỏi

những sách in theo sự đặt hàng làm sao vô tư được! Và dĩ nhiên đối với những sách của người quốc gia, những tác phẩm viết sau 1975 in tại nước ngoài thì cộng sản ngại gì mà không cắt xén, xuyên tạc, bóp méo để phục vụ mục đích của họ!

Ngày xưa, Mạnh Tử đã nói một câu bất hủ: "Tận tín thư bất như vô

thư" (Tin vào sách quá thì thà rằng không có sách còn hơn). Câu đó tuy hàm ý bảo vệ Khổng giáo trước những đạo khác cùng thời ở Trung Hoa, nhưng ngày nay đem áp dụng với sách, báo cộng sản tại Việt Nam thì vẫn hợp thời, vẫn đáng để ta suy gẫm. □

thơ chưa nam chi thượng nhân

tin việt nam

dem con bỏ chợ 1

nước ngoài xuất cảng tài nguyên

nước ta xuất khẩu chính chuyên con người.

Đông Âu đuổi, Nga khước từ

Cuba bỏ đói, Nam Tư đòi nhà.

thế cùng phải tính cho ra,

Nam Hàn, Đài Bắc lại là gần hơn.

quản gì thể diện Việt Nam,

dem dân đi đợ tiền chôm dãi dãi.

dem con bỏ chợ 2

xua dân định cư Cao Miên

muờu đồ chính trị bá quyền Đông dương

thời thế đổi tiêu tán đường

Kam-pu-chia đếch có thương dân mình.

Son San, A Núc bất bình

Khờ me Đờ cứ mần thịnh cấp duồn.

làm dân Việt Nam đau buồn,

biết thân bỏ chợ tìm phương chém về.

học đường

em không học ở nhà trường

mà em học ở ngoài đường, khách ơi!

ba đi cải tạo lâu rồi,

me liều vượt bể theo người biệt tăm!

sống lây lất, mất quãng thăm

kiếp này xin một trăm năm đợi chờ.

"đến bao giờ biết bao giờ"

em ngoi lên được bến bờ miền Nam?

cổ vật

đồ cổ trong viện bảo tàng

trên cung điện, dưới áo quan tiêu rồi.

quan to cán bé của hồi

thì đua trộm cắp đào bươi khắp miền.

đền Hùng cũng chẳng được yên,

mộ phần quốc tổ thiêng liêng cũng làm

còn món cổ vật Việt Nam

bao giờ đem bán dân ham sưu tầm?





Giới-Thiệu Sách Mới

MÀM XANH TRONG ĐÁ

Thi-phẩm của Tô Giang, tạp-chí Thời nay (Gia-nã-đại) xuất-bản, 1993.

Mầm xanh trong đá, theo Tô Giang, là mầm văn-ngệ ủ trong xã-hội phi-nhân-bản. Phần lớn các bài thơ trong thi-tập, là những mầm xanh trong đá, do tác-giả ấp-ủ mang đi khi rời quê-hương.

Thơ của Tô Giang nhiều chiến-đấu-tính và rất tích-cực, ngay cả trong những câu chứa đầy những tính-từ tiêu-cực: *âm-dạm*, *mật-mù*, hay những từ-kết đứng lặng, nước mắt chảy... Chẳng hạn như câu:

Ta đứng lặng giữa chiều hôm âm-dạm giữa mùa thu tháng tám... lại mùa thu! Nước mắt chảy và hồn tôi chết lặng thương cả quê hương trong cõi mật-mù...

Tác-giả "đứng lặng" đấy, "chảy nước mắt" đấy, nhưng không phải để xót tình riêng, để tủi phận mình, mà là "thương cả quê-hương". Tình-tự bao-la ấy khiến cho đoạn thơ tuy buồn mà tích-cực. Âm-vận câu kết mạnh mẽ như một lời thề đồng-dặc trước cảnh tang-thương. "Thương", nhưng không chỉ thương suông, mà hàm ý kiến nghĩa dưng vì.

Mầm xanh trong đá, cũng là thơ viết từ địa-ngục:

Thơ anh viết dưới chín tầng địa-ngục đầy xót-xa và nước mắt ly-tan máu cũng nguyện cho hồng thêm nét mực bút thành gươm trừ ác quỷ hung-tàn.

Thi-tập dày 128 trang giá 8 mỹ-kim (10 gia-kim). Liên-lạc: Tô Giang, 2112 29th Ave., Vancouver, BC V5N 2Z1, Canada.

MIỀN ĐẤT HỨA

Tập bút-ký thứ ba của Trà Lũ,

tức GS Trần Trung Lương của Đại-học Sư-phạm sài-gòn ngày trước, Làng Văn xuất-bản tại Gia-nã-đại, 1993.

Trà Lũ có lối viết miên-man như nói. Văn-phong của ông từ-hòa và thỉnh-thoảng điểm những nụ cười ý nhị, trào-phúng nhẹ-nhàng. Đọc *Miền đất hứa*, người ta biết thêm nhiều chuyện tức cười trong đời sống, có thể xảy ra tại bất cứ quốc-gia nào. Chẳng hạn như chuyện TT Yeltsin của Nga thăm Quốc-hội Gia-nã-đại đúng lúc đại đa-số dân-biểu nghị-sĩ đang nghỉ hè; vậy mà phòng họp vẫn đông và cử-tọa nhiệt-liệt vỗ tay mừng khách quý một cách nhiệt-tình hơn thường-lệ:

"Quý vị có biết tại sao Quốc-hội Canada vỗ tay rất to và rất lâu không? Thưa, một phần lớn chỗ ngồi của các dân-biểu và nghị-sĩ đã không do chính các vị này ngồi, mà do các phụ-tá hoặc thư-ký ngồi thế. Cụ Yeltsin đến thăm Quốc-hội đúng vào lúc quý vị dân-cử đi nghỉ hè, nhiều vị không về kịp. Ông Chủ-tịch Quốc-hội có sáng-kiến lấp đầy các chỗ trống. Cụ Yeltsin đâu có biết!"

Ngoài chuyện Yeltsin, ông Trà Lũ còn tiết-lộ chuyện công-nương Diana:

"Theo chương-trình thì có cuộc đi thăm bệnh viện tâm-thần vừa xây xong ở ngay giữa thủ-đô Ottawa. Vì mới xây xong nên chưa có nhiều bệnh-nhân, ông Giám-đốc giàu óc sáng-tạo nghề-nghiệp bèn cho mời một số liên-ông vào đóng vai bệnh-nhân. Ai cũng mặc áo bệnh-viện, mặt ai cũng nhăn-nhó chút-đỉnh khi nâng tới. Khi cuộc viếng thăm chấm-dứt, các bệnh-nhân giả bèn thay đồ, tươi-tinh mặt-mũi trở lại rồi ra về,

tay cầm bao thư trả công rất hậu-hĩ."

Bút-ký của Trà Lũ tràn đầy những mẩu chuyện vụn-vật thú-vị như vậy nên sách của ông bán rất chạy. Đọc *Miền đất hứa* cũng y như theo chân tác-giả rong chơi khắp Gia-nã-đại trong suốt một năm. Này xuân ấm, này thu ấm, hè chan nắng vàng, đông phủ tuyết trinh. Tác-giả dẫn đi lòng-bông từ tỉnh này sang tỉnh khác, chuyện trò lan-man đủ thứ chuyện nọ chuyện kia. Thật vui chân và vui mắt, đọc xong gấp sách lại có cảm giác thoải-mái như vừa đi nghỉ hè về. Toàn bộ tập sách chưa có bài nào đăng trên *Làng Văn*, giúp quý bạn làng có thêm cái thú khám-phá toàn-vẹn tác-phẩm.

Miền đất hứa dày 192 trang giá 10 mỹ-kim (13,50 gia-kim). Liên-lạc: Làng Văn.

nhắn tin tị nạn

Giá biểu: 15 mỹ-kim (20 gia-kim) mỗi mẫu nhắn tin không quá 50 chữ; có ảnh giá gấp đôi.

Miễn-phí cho đồng-bào tại các trại tị-nạn.

Mai Văn Kham ở xã Tam-hung, huyện Thủy nguyên, Hải-phòng, đến Hương-cảng từ năm 1983, hiện định-cư ở Canada từ 1986, xin liên-lạc: **Lại Văn Hạnh**, No 98994-VRD:412/01, Hut 9A, Section 7, Whitehead Detention Centre, Shatin, Hongkong.

Tìm hai tri-ký **Trương Quang Đức**, **Trương Quang Liêm**, định-cư ở Canada năm 1979, nay ở đâu xin liên-lạc gấp với: **Bùi Văn Danh**, PA: 1018 Galang II, P.O. Box 19 Tanjung Pinang Riau, Indonesia.

MUA BÁO DÀI HẠN

nhANH . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt 10% khi mua sách do *Làng Văn* phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân, chi hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn.

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check).

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu (postal money-order/mandat) mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu (money-order) mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu, theo giá tiền địa-phương, cho đại-diện của *Làng Văn* tại quốc-gia bạn đang cư-trú (xem danh-sách và giá tiền bên dưới).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(1 năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong nội-địa Gia-nã-đại:..... 50 gia-kim (cả thuế)

Gửi đi Hoa-kỳ:..... đường bộ: 50 mỹ-kim (67 GK)

đường hàng không: 70 mỹ-kim (95 GK)

Các nước khác:..... đường thủy: 50 mỹ-kim (67 GK)

đường hàng-không: 80 mỹ-kim (108 GK)

Ghi-chú:

- Gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US\$: (tiền Mỹ)
- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:
- tại Đức: đường thủy 95 đức mã / hàng không 150 đức mã.
- Hòa-lan: đường thủy 105 gulden / hàng-không 170 gulden.
- Na-uy: đường thủy 400 krone / hàng-không 620 krone.
- Anh: đường thủy 40 anh-kim / hàng-không 65 anh-kim.
- Pháp: đường thủy 350 quan / hàng-không 600 quan.
- Úc: đường thủy 85 úc-kim / hàng-không 140 úc kim.
- Nhật-bản: đường thủy 7500 yen / hàng-không 12000 yen
- Chi-phiếu đề và gửi về đại-diện *Làng Văn* địa-phương:

Pháp:

Hội Làng Văn
(Bách Thái Hà)
7 B-1 rue de Rethondes
95100 Argenteuil
(Điện-thoại: 34-10-26-46)

Đức:

Ngô Việt Dũng
Postfach 104122
44041 Dortmund
(ĐT: 656-949)

Hòa-lan:

Hồ Thị Chiến
Lyster 77
1628 Am-Hoorn-NH
(ĐT: 02290-31666)

Anh:

Hoài Châu
19 Abdale Rd., London W12 7ER

Na-uy:

Dương Kim
Bjorn Bondes vei 153

1253 Oslo

(ĐT: 216-5607)

Úc-đại-lợi:

P.O. Box 198, Lakemba, NSW 2195

(ĐT: 758-2331)

Nhật-bản:

Đỗ Thông Minh
T 140 Tokyo-To, Shinagawa-Ku
Yashio 5-12-69-115

(ĐT: 799-1763)

Độc-giả tại Anh, Pháp, Mỹ xin gửi thẳng chi-phiếu cá-nhân về tòa-soạn.

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 10 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày đặt mua. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

LÀNG VĂN

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO, CHIA BUỒN, CHÚC MỪNG, BỐ-CÁO VIỆC RIÊNG...

- Chỉ đăng trên ấn-bản Toronto hoặc Montréal:
bìa sau: mỗi ô 2"x3": 50 gia-kim/tháng; nguyên trang 400 GK
bìa trong (trước hoặc sau): ô 2"x3": 40 GK; nguyên trang 300GK

- Chỉ đăng trên ấn-bản Canada (trên hai báo Làng Văn và Tự-Do)
trang trong:160 gia-kim
nửa trang:90 gia-kim
1/4 trang:50 gia-kim
1/8 trang:30 gia-kim

ĐĂNG DÀI HẠN TỪ 3 KỶ TRỞ LÊN ĐƯỢC HƯỞNG GIÁ ĐẶC-BIỆT

- Ấn-bản quốc-tế:
Nguyên trang bìa sau: 1 màu: 400 mỹ-kim; 5 màu: 600 mỹ-kim.
Trang bìa trong (trước hoặc sau): nguyên trang 300 mỹ-kim
- Ấn-bản toàn quốc Gia-nã-đại và quốc-tế:
Nguyên trang trong:200 mỹ-kim (270 gia-kim)
Nửa trang:110 mỹ-kim (150 gia-kim)
1/4 trang:60 mỹ-kim (80 gia-kim)
1/8 trang:40 mỹ-kim (55 gia-kim)

Độc-giả dài hạn được bớt 15% khi đăng cáo-phố, chúc mừng, chia buồn

XIN GỬI MẪU QUẢNG-CÁO KÈM CHI-PHIẾU VỀ TÒA-SOẠN
HOẶC LIÊN-LẠC VỚI CÁC ĐẠI-DIỆN QUẢNG-CÁO TẠI ĐỊA-PHƯƠNG:

Toronto: (905) 607-8010 / Montréal: (514) 342-6706

thư đi tin lại

● Nguyên Hương phụ-trách

Ông Nguyễn Cao Danh, Montréal: Đã gửi bù số 107 cho ông kỳ này. Kính.

Ông Tạ Quốc Tuấn, Texas: Ông xếp chữ bằng VPS rồi gửi đĩa sang, cũng tiện. Cảm ơn ông về sự góp ý. Kính.

Ông Nguyễn Hoài Nam, Virginia: "Bài sẽ đăng", không nhất thiết đăng liền trong số kế tiếp. Vì sự sắp xếp cách riêng, đôi khi có bài nằm lại khá lâu. Kính.

Ông Đinh Huỳnh, CA: Muốn mua *Thơ đen*, xin gửi chỉ phiếu 12 mỹ kim về: Ông Đặng Trí Hoàn, 7613 SE 50th Ave., Lacey, WA 98503. Ngoài ra, NH không có địa chỉ của ông nhà văn trở cờ kia nên không mách giúp ông được. Kính.

Trả lời chung cho các quý vị xin đĩa chữ Việt (IBM và tương đương): NH đã gửi đĩa đi cùng lúc với báo. Riêng quý vị sống ngoài Hoa Kỳ và Gia Nã Đại xin gửi 7 mỹ kim cước phí (thay vì 5 mỹ kim).

Ông Vê Tam Thừa, Regina: Đã gửi các số báo ông hỏi. Hiện tòa soạn chưa đóng bộ các số cũ, nhưng vẫn bán báo cũ. Giá báo cũ tương đương giá báo mới. Khi mua báo cũ được bớt tiền y như mua sách (báo mới không được bớt). Đã gửi *Tự do* cho ông. Kính.

Ông Nguyễn Văn Ngọc, Thái Lan: Nhận được thư ông, NH rất phân vân, chưa biết giúp đỡ cách nào. Gia đình ông được chấp thuận cho định cư tại Gia Nã Đại, chờ đã

6 tháng rồi chưa có chuyến bay, quá có lâu thật. NH chỉ có thể giúp ông bằng cách gửi thư cho bộ Di Trú để xin thúc đẩy, may ra có nhanh hơn chút nào chăng. Kính.

Em gái Sikiew: Rất buồn khi hay tin gia đình em "rớt" thanh lọc đợt hai. Luật di trú bên này chỉ cho phép bảo lãnh thân nhân thôi. Tình hình tâm tối quá, NH không biết phải khuyên em thế nào nữa. Kiên quyết "bám trụ", liệu chịu đựng được bao lâu; còn quay về, tình trạng bên nhà hiện tại ra sao? Dù quyết định thế nào cũng nên viết cho NH đôi dòng để biết. Chúc em và các cháu may mắn hơn. Vẫn mong có ngày gặp nhau. Thân.

Bà Lê Thị Trúc, Úc: Hạn báo của ông LQ tới số 108 là hết; hạn mới là 120. Kính.

Họa sĩ Hồ Đắc Vũ, Montréal: Đã nhận được xấp tranh mới, cảm ơn anh. Phim phóng sự về vụ *Tự do* hay lắm, đáng trao tượng. Việc ở xưởng phim vẫn vui vẻ là quý rồi. Chúc anh sang năm chiếm thêm vài giải nữa cho cả làng nở mũi. Thân.

Anh Phan Tuấn Sơn, Hobart: Loạt hồi ký dài quá, không chờ nổi. Anh cho xem thì NH cảm ơn và giữ làm tài liệu. Kính.

Thi sĩ Bia Miệng, Thái Lan: Cảm ơn đã đóng góp cho *Thơ chưa*.

Chúc ông trơ trơ như ca dao. Kính.

Ông Chân Nguyên, Tchad: Đã nhận được tiền mua báo (lần thứ nhất). Xin hoàn lại ông chỉ phiếu thứ nhì. Về sách, nếu ông muốn nhận sách gửi bằng đường thủy, xin xem giá ghi trong phần thư mục bổ túc; nếu muốn nhận sách gửi bằng máy bay, xin trả thêm cước phí máy bay tương đương giá sách. Kính.

Ông Nguyễn Trung Thoại, Montréal: Đã nhận được chỉ phiếu. Xin đa tạ Cơ sở Khuyến học và Phát huy Văn hóa Việt nam đã dùng báo *Làng Văn* làm quà tặng cho sinh viên xuất sắc. Đã bắt đầu gửi cho các em được giải. Kính.

Quý ông Lê Phụng và Trần Đức Cương, Brossard: NH tôn trọng ý kiến của quý ông ghi trong thư ngày 3 tháng 9; đồng thời NH cũng tuân thủ lệ làng. Như vậy, từ nay về sau sẽ chỉ công bố những bài nào hai bên hoàn toàn đồng ý mà thôi. Kính.

Nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân, Mã Lai: Đã nhận được lá thư cuối cùng của anh viết từ Mã Lai. Chờ đọc lá thư đầu tiên của anh viết từ sa-mạc Arizona. Đến nơi, có địa chỉ chắc chắn, xin gửi thư ngay. Có quà mừng của tòa soạn. Kính.

Em Bé Bay: Đã nhận được truyện mới, cảm ơn Em Bé. Tập truyện "best seller" đang "đang trước... bước". Đừng sốt ruột. Tác phẩm càng kèn càng, càng chậm chạp, để kéo dài những phút giây chờ đợi hồi hộp. Thân.

Trần Hồng Dũng, Phi Luật Tân: Đời sống trại PRTC tuy thiếu thốn, nhưng so với các trại khác, như Sikiew chẳng hạn, đã là "thiên đường." Chúc Dũng và các bạn vui mạnh.

Anh Lâm Ngọc Hồ, Vọng Các: Các bạn trách báo chí hải ngoại không đăng giúp các bạn lời kêu gọi "lập tòa án chiến tranh xét xử Đỗ



Mười, Lê Đức Anh, v.v. và đồng phạm". NH đoán, không phải vì các báo (kể cả *Làng Văn*) "theo Cộng hết rồi", mà vì lời kêu gọi của các bạn không thực tế.

Việc có thể làm được (nhưng đã khó khăn vô cùng) là vận động cuộc cách mạng dân chủ không đổ máu để thay đảng Cộng sản VN và cơ chế chính quyền của nó bằng chính thể tự do.

Đối với cộng đồng Việt Nam ở hải ngoại, cứu dân là việc lớn, trừng phạt tội phạm chiến tranh là chuyện thứ yếu, hoàn toàn không có tính cách ưu tiên, thuộc về phần vụ của Quốc hội dân chủ sau này.

Đối với các lực-lượng kháng-chiến trong nước, việc đánh tía các đơn vị nhỏ, ám sát cán bộ, công an, bộ đội VC là những mục tiêu gần, có thể làm được, nằm trong phạm vi chiến thuật.

Mỗi người, mỗi nhóm một việc, hãy cố gắng làm tròn phận sự, không nên trách cứ nhau nặng lời.

Riêng các ông HO (ra đi trong chiến dịch nhân đạo), NH nhận thấy phần lớn thụ động như các nhà tu, tách khỏi thời cuộc, chuyên chú gìn giữ sự thanh tịnh của đời riêng. Dù sao họ cũng đã gánh vác việc chung trong nửa đời người trước khi sa cơ thất thế và bị hành hạ, nhồi nắn trường kỳ trong các trại tù. Người nào còn "lửa" để hoạt động thì mừng; người nào cảm thấy nguội lạnh, muốn lui về hậu phương, ta cũng không nên trách. Chỉ nên trách những người ra đi khi tuổi còn xuân, bây giờ xoay ra ôm chân kẻ thù chung để kiếm lợi lộc. Những kẻ đó chẳng những đáng trách, mà còn đáng giết, theo cách nói của các bạn. Kính.

Quỳnh Trâm, Montréal: Cảm ơn Trâm đã "cầu hiền" cho làng. Xin gửi thêm một số bài nữa xem sao. Mong.

Cụ Hoàng Cơ Thụy, Pháp: Đã nhận được bài báo, xin cảm ơn cụ. NH đã nhờ anh BTH tìm mua bộ

sách. Kính.

Nhà văn Hoàng Du Thụy, Edmonton: Về tiểu sử dùng làm tài liệu văn học sau này, các tác giả nên "thành thật khai báo" tên thật, tuổi thật. Không "khai" thì người làm văn-học-sử vẫn phải tự đi tìm lấy, nhiều khi sai lạc, hại lắm. NH còn nhớ, khi viết về nhà văn nữ kia, vì "nàng" giấu tuổi, không biết nhờ ai mách mà ông tác giả nọ hùng hồn ghi rằng người đẹp ở tuổi "tứ thập nhi bất hoặc", trong khi tuổi thật của nàng chỉ vừa mới... 31 và còn treo bằng chiêu phu. Hại vô số kẻ!

Coi chừng khi viết Hoàng nường tử, "người ta" lại ghi nhầm rằng "nàng đã tới tuổi ...nhi hòa" thì NH khó cãi chính giùm lắm! Thân.

BS Nguyễn Thị Thanh, Montréal: Cảm ơn bà đã cho đọc "Lời kêu gọi đoàn kết", theo bà là tiếng chuông vừa nhỏ vừa rè. Thực ra với mức độ quảng bá như NH thấy, tiếng chuông kêu ầm ĩ lắm chứ không nhỏ đâu. Chúc bà đạt được ý nguyện.

Học giả Thái Văn Kiểm, Pháp: Cảm ơn bác về bản tin và bài viết. Ý kiến của bác về cuốn "Độc giả thối mác", tòa soạn đang thực hiện từng phần. Kính.

Dương Kim, Na Uy: Đã điều chỉnh địa chỉ của Kim. Dọn ra ngoại ô xa như vậy, có tiện việc đi lại không? Đã nhận được tiền từ Pháp chuyển qua chưa? Thân.

Hoài Hương, Montréal: Cô học trò hãy cố học hành cho tử tế, đừng nghĩ tới chuyện "nợ nần" người làng. Mai một ra trường có nghề nghiệp đàng hoàng thì ...cả làng được nhờ. Thân.

Thi sĩ Hoàng Xuân Thảo, Richmond: Đã nhận được bài báo ông gửi, rất thú vị. Đã chuyển cho thi sĩ

NHN bên Na Uy. Kính.

Nhạc-sĩ Linh Phương, Florida: Đọc báo thấy Florida... kinh quá, làm sao NH dám lái xe mang bằng số Canada xuống chơi? Dù "vũ trang đến tận răng" đi nữa, mình đi chơi chứ nào phải đi ra... chiến trường!

Có dịp sang chơi, có đủ phòng riêng cho mẹ con Phương. Thân.

Vi An, Nhật Bản: Hóa ra không phải hồ hẹn, mà là... thần giao cách cảm về ...sợi tơ nhện. Liệu sợi tơ có giăng nối qua biển Thái Bình không nhỉ? Thân.

Sông Xanh, Galang: Bây giờ mới biết Sông Xanh là "thanh giang", không phải "bích hà", không phải bồ liễu, mà là tu mi. Ôi, thơ chưa chắc đã là người! Thân.

Họa sĩ Phạm Thăng, Calgary: Quả thật, NH bỏ nhầm bì thư. NH sẽ gửi xấp câu hỏi khác cho ông và thi sĩ NDT. Về đề tài mới cho Xóm Măng, xin ông cứ "thí nghiệm" xem sao. Trong nhiều gia đình độc giả, đối với các em chưa đọc được chữ Việt, bố mẹ các em vẫn đọc hộ và giải thích thêm cho các em hiểu. Kính.

Bà Nguyễn Nga, IL: Đã gửi bù số 108. Riêng số 107 gửi nhầm, xin bà tùy nghi tặng bạn bè để quảng cáo hộ, đừng gửi về, vừa tốn vừa không cần thiết. Kính.

Thi sĩ Tô Giang, Vancouver: Chúc mừng *Mầm xanh trong đá* đã lộ dạng. Tiếc là đúng ngày đó, NH đi về phía đông, thay vì về tây, nên không ghé dự được. Chúc ông mọi sự hanh thông. Kính.

Nhà văn Ngô Du Trung, TX: Đã nhận được truyện mới cảm ơn anh. Xin gửi (hoặc gọi cho biết) luôn cái tựa. Bài in từ Dest Jet 500 không dùng đăng báo hay in sách được. Chỉ cần gửi đĩa về (giữ ở dạng nguyên nguyên thi VPS, VNI hoặc VN Lab

hoặc trong Microsoft Word), NH sẽ in ra hộ anh bằng Win Jet 1200, dễ coi hơn. Thân.

Phương Dung, Hamilton: Có nhiều giống "eagle". Bất cứ con nào lớn, mỏ lớn, chân lớn thuộc họ *Accipitridae*, (như *harrier eagle*, *hawk eagle*, *martial eagle*, *sea eagle*, *serpent eagle*, *verreaux's eagle*) cháu đều có thể dịch là "đại bàng".

Anh Đông Vũ, CA: Cách "đóng góp cụ thể hơn nữa" là tiếp sức tòa soạn gửi báo *Làng Văn* về quốc nội (theo địa chỉ đăng trong phần Tin Việt Nam). Có thể gửi nguyên tờ báo, hoặc sao (copy) gửi các bài muốn gửi. Thân.

Vũ Hoàng Hải, Sikiew: Cho NH gửi lời thăm hỏi các anh chị em trong nhóm Hoa Cành Nam. Tiếp tục viết và gửi, cũng là một cách phấn đấu tinh thần, chống lại nghịch cảnh. Chúc em may mắn hơn.

Anh Hoàng Viễn Phương, Galang: Cảm ơn anh về thư, thơ và tin. Đọc tin, thấy "hàng rào kẽm gai đã rào xong 100 barracks khu E và D", "dầu ăn và cá hộp đã bị cúp", NH nao lòng hồi tưởng những ngày còn bị "nhốt" trong trại Convent ở Kuala Lumpur, 14 năm về trước. Con chim sổ lồng nhỏ bé quá, không đủ sức đánh tháo cho đồng loại, thật buồn!

Nhà văn Sơn Tùng, Virginia: Gặp anh bên đó sẽ bàn vào công việc. Kính.

Ông Tô Quốc Tuyên, NJ: Về bài của ông LLT, NH đồng ý đăng trùng (nhưng chỉ đăng vào mục *Diễn đàn* và thỉnh thoảng mới trùng một lần). Riêng bài *Rửa nhục* thì là tai nạn nghề nghiệp. Tòa soạn không đọc hết, mà có đọc chắc cũng không nhớ hết, các bài đã đăng trên báo khác từ ba năm trước. Xin tạ lỗi ông và quý bạn đọc. Nhân tiện, xin quý tác giả gửi bài lưu ý giữ lệ làng

về việc không gửi bài trùng và bài đã đăng báo, in sách. Đa tạ.

Nhà văn Nguyễn Tư, Úc: Đã gửi thêm cho anh ba hộp sách nữa, mong tiêu thụ hết. Thân.

Bùi thị Bạch Tuyết, Florida: Cảm ơn bạn về tấm thiệp "New Port Richey at night". Quả là... đen tối. Nếu là "Miami at night" ắt có thêm vài chấm trắng rải rác, là những cặp mắt đi "săn" đêm của các tay "cao bồi" da đen đi lùng du khách. Đã gửi sách. Chúc bạn chóng ổn định trên đất mới.

Ông Bùi An Thạch, Hoa Kỳ: Làng đã chờ khá nhiều truyện dài. Mong được đọc những truyện ngắn của ông. Kính.

Thi sĩ Hoài Việt, Hương Cảng: Đã nhận được băng "Những vết thương". Cho NH gửi lời cảm ơn chung tác giả và các anh chị diễn viên. Tuyển tập những bài trúng giải chưa in được, vì trở ngại về tài chính. Kính.

Anh Nguyễn Văn Dũng, Galang II: Đã ghi tên anh vào danh sách gửi báo, mong anh sớm nhận được. Thấy tình hình bên đó ngày càng khó thở, NH hết sức ái ngại. Kính.

Cô Phạm Thị Thủy, Shatin: Chưa chuyển thư cho ông NMAD được. Tác giả đang trên đường đi định cư. NH sẽ chuyển ngay thư cô, khi có địa chỉ mới của ông D.

Anh Nguyễn Văn Thảo, Hương Cảng: Cảm ơn anh về 5 mỹ kim gửi ra giúp làng. Trong trại tù tị nạn, 5 mỹ kim là một gia tài nho nhỏ, NH cầm tờ giấy bạc mà áy náy vô cùng. NH không giúp gì được các anh, ngoài một số rất ít sách báo gửi chui vào trại, làm sao dám nhận sự giúp đỡ ngược đường như vậy! Xin tạ lòng nhau bằng cách cố gắng hết sức

trong công việc vậy! Kính.

TT Mỹ Châu, Montréal: Đã gửi bù số 108 khác cho bà. Xin tạ lỗi về tai nạn kỹ thuật ở nhà đóng báo. Kính.

Ông ĐVN, Đan Mạch: Trong thư ông bảo "sẽ không gửi trùng bài này cho các báo khác", nhưng lại không nói là đã đăng ở TTNS năm 1990, khiến NH bị độc giả mắng vồn! Lần sau, xin ông cẩn thận cho. Kính.

Thi sĩ Trần Văn Lệ, CA: Ông đã trả lời rất đúng cho ông bạn "bực" ông. Cuộc đời buồn chán quá mà, lâu lâu viên giấy lại dùng dây thun bắn nhau cho... vui, vậy thôi. Đã nhận được xấp thơ. Thân.

Nhà văn Nguyễn Văn Ba, Saskatoon: Cảm ơn anh chị đã mách cho đại lý mới, quý lắm. Đã xem lại sổ sách và gửi chi phiếu sang anh chị. Thân.

Nguyễn Thị Ánh, Vancouver: Bà gửi về hộp thư nào cũng tới cả, nhưng nên dùng hộp thư mới (218), nhanh hơn. Kính.

Ông Minh Châu, Úc: Làng không có lệ gửi trả lại bản thảo, vì quá nhiều và không đủ người trông coi. Trước khi gửi, xin ông vui lòng sao lại để giữ. Kính.

Anh An Nam, Galang: Sông Xanh (Galang) là bút hiệu, y như "Như Xanh" vậy. Có thể hai người biết nhau. Còn ĐĐ Thích Thông Đạt ở Phi Luật Tân "có phải trước kia tu ở chùa An Lạc, Hội An" hay không, NH không biết.

Về hoạt động tôn giáo tại VN dưới chế độ cộng sản, bao giờ cũng có hai hạng: hạng "chui" và hạng "quốc doanh". Tôn giáo chính tông thì bị kiểm soát, đàn áp, theo dõi; tôn giáo giả hình do CS điều động là

cơ quan ngoại vi của đảng, dùng để trình diễn dân chủ trước công luận thế giới.

Phù Lưu Lão Thái: Thái thái ở tuốt bên Tây mà bám độn biết hết chuyện thiên hạ, thật đáng phục, đáng phục! Chờ đọc bài ông LTD. Thân.

Ông Đàm Tâm, Thụy Điển: Xin gửi cuốn hư lại, chúng tôi sẽ gửi bù cuốn khác. Đồng thời cũng xin cho biết ông mua cuốn sách đó ở đâu, mua thẳng từ toà soạn hay đại lý? Kính.

Thi sĩ Thanh Hiền, Florida: Đã nhận được sáu bài thơ, cảm ơn bà. Xin theo dõi cột *Bài nhận được* và *Bài sẽ đăng*. Kính.

Anh Trần Văn Hiếu, Galang: NH cũng có nghe nhiều người nói về vụ vé thanh lọc tại Nam Dương, thật đáng buồn. Cái cộng nghiệp của dân mình là khổ vì nạn tham ô, cứ tránh vỏ dưa đập vỏ dừa mãi!

Cute, Edmonton: Muốn báo "trường thọ" thì mỗi nhà một tờ, đừng đọc ké. Mỗi tháng chỉ cần nhin một tờ phở, dùng tiền ấy mua báo đã là "giúp đỡ thiết thực" cho tờ báo rồi.

Ông Y Lương, San Jose: Hoan nghênh loạt bài Đông y của ông, xin tiếp tục. Theo phong tục vùng NH ra đời, ông gọi NH là "chị" cũng không sao (chị của con cháu mình ấy mà). Có dịp sang Toronto, mời ông ghé thăm tòa soạn. Kính.

Ông Nguyễn Công Thuần, NY: Đã nhận được phiếu tái hạn, thư mua sách và hai chi phiếu. Cảm ơn ông về 30 mỹ kim tặng tem gửi báo cho đồng bào tị nạn. Trong trương mục của ông hãy còn 74,63 mỹ kim. Cảm ơn ông lần nữa về sự tin tưởng, khích lệ và ủng hộ. Kính.

Ông Lưu Văn Thọ, Cali: Xin

ghi nhận ý kiến của ông. ĐẶC PHẨM MƯỜI NĂM LÀNG VĂN HẢI NGOẠI tự nó đã là một tập khảo luận về sinh hoạt văn học Việt Nam tại hải ngoại trong mười năm 1984 - 1994, tương tự như cuốn *Văn Xã 3*, viết về 15 năm văn học lưu vong, nhưng tỉ mỉ hơn, qua đó sẽ cung cấp nhiều dữ kiện có tính cách văn học sử, giúp đúc kết một thời kỳ văn học trong một giai đoạn lịch sử này. Hoan nghênh đề nghị "cho mượn" thêm tài liệu của ông. Rất quý! Kính.

Nguyễn Khánh, Oslo: Đã nhận được tiền mua báo cho độc giả mới. Số 109 và sách tặng sẽ tới sau (có thể nó bị xếp nhầm sang đường thủy vì lý do nào đó). Rán đợi nghe. Thân.

BS Nguyễn Mạnh Tiến, Úc: Ông hỏi "có ý kiến gì không?" Ý kiến của NH là BS Tiến nên đóng tạm cửa phòng mạch, theo phái đoàn Úc sang VN điều tra nhân quyền. Ông có nghèo bớt đi một tí đấy, nhưng tù nhân trong nước được nhờ nhiều lắm. Hi vọng gặp ông bà vào đầu tháng 10 này. Kính.

BÁO BỊ TRẢ VỀ

Trong tháng qua, tòa-soạn nhận được một số báo bị trả về. Yêu-cầu quý bạn đọc có tên sau đây liên-lạc gấp với tòa-soạn để cập-nhật địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả về; xin quý bạn bồi-hoàn tiền tem phạt.

Châu Mỹ Hạnh, Dawson Creek, BC (tem phạt hai kỳ: \$3.30)

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Hồ Phổ Lại, Trương Mỹ Vân, Đặng Văn Nhâm, Phan Tuấn Sơn, Đạo Tâm, Nguyễn Mạnh An Dân (2), Việt Chi, Phạm Đỗ (2), Thanh An, Hoàng Cơ Thụy, Minh Châu, Bùi An Thạch, Vinh Hào, Phương Dung, Ngô Du Trung, Lâm Lễ Trinh

(2), Trần Lang (5), Tạ Quốc Tuấn, Hồng Huy, Trần Văn Nam, Hoàng Châu, Y Lương, Diên Khánh, Hoàng Lan.

Thơ: Nguyễn Hải Hà, Phan Tuấn Sơn (8), Lâm Hảo Dũng (3), Lê Tạo (3), Vị Thủy (2), Việt Vũ, Ph.D. Nguyễn, Phạm Chí Thành, QH (2), Cao Hoàng Nhân, Anh Nguyễn, Van Ngoc (5), Nguyễn Công Chính (3), Ông Thế Hùng, Văn Nương (3), B. Danh (2), Tô Giang, Vạn Giả, Trương Ái Minh (5), Trần Trung Đạo (4), Sông Xanh (2), Bạch Dương, Phạm Thị Thủy (2), Bia miệng, Đông Vũ (2), Thanh Hiền (3), Hoài Nam (3), Muối Đồng Nai (3), một số thơ Trần Văn Lệ.

Tranh: Ba Bui, Hiếu Đệ, Hồ Đắc Vũ, Cute Nguyễn.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Thông biện về... (VC), Tu viện Nguyên Thiều, Qui Nhơn (NMAD), Ông lão bên cầu (TMV), Nhẹ tựa hồng mao (HPL), Những khám phá vật lý (TVN), Như ngọn gió thổi mây (PD), Nỗi chung niềm riêng (VH), Giấc VC (HCT), Đọc *Tiết phụ ngâm* (HL), Bốn phận (HH), Liên Hiệp Quốc hay... (TQT), Chùa Tập Phước, Chùa Bảo An, Chùa Long Huệ, Chùa Giác Lâm, Qua hàng sách cũ (TL), hai bài về Đông y (YL).

Thơ: Là mơ thôi, Nhớ lời thầy dạy (ĐV), Cánh chim đêm (VG), Cây khô và nghĩa sống (TG), Biển nhớ (TH), Lòng người sương phụ, Giọt lệ vu vơ (TAM), Mấy vần tứ tuyệt, Lá thu, Quạnh hiu (VN), Tháng tư (OTH), Thơ AN, Sợi khói lam buồn (CHN), Cảnh chùa hoang phế, Duyên niệm, Tên du thủ (LHD), Hành trình cô đơn, Nắng Hobart (PTS), Thức tỉnh (LT), Đêm vô biên (NCC), Đất khách (VT), Góc phố xưa, Đối cả thiên thu..., Em bé Việt Nam... (TTĐ), một số thơ TVL.

Tranh: Ba Bui, Hiếu Đệ, Hồ Đắc Vũ.

Build Your Dreams With **CANADA SAVINGS BONDS**

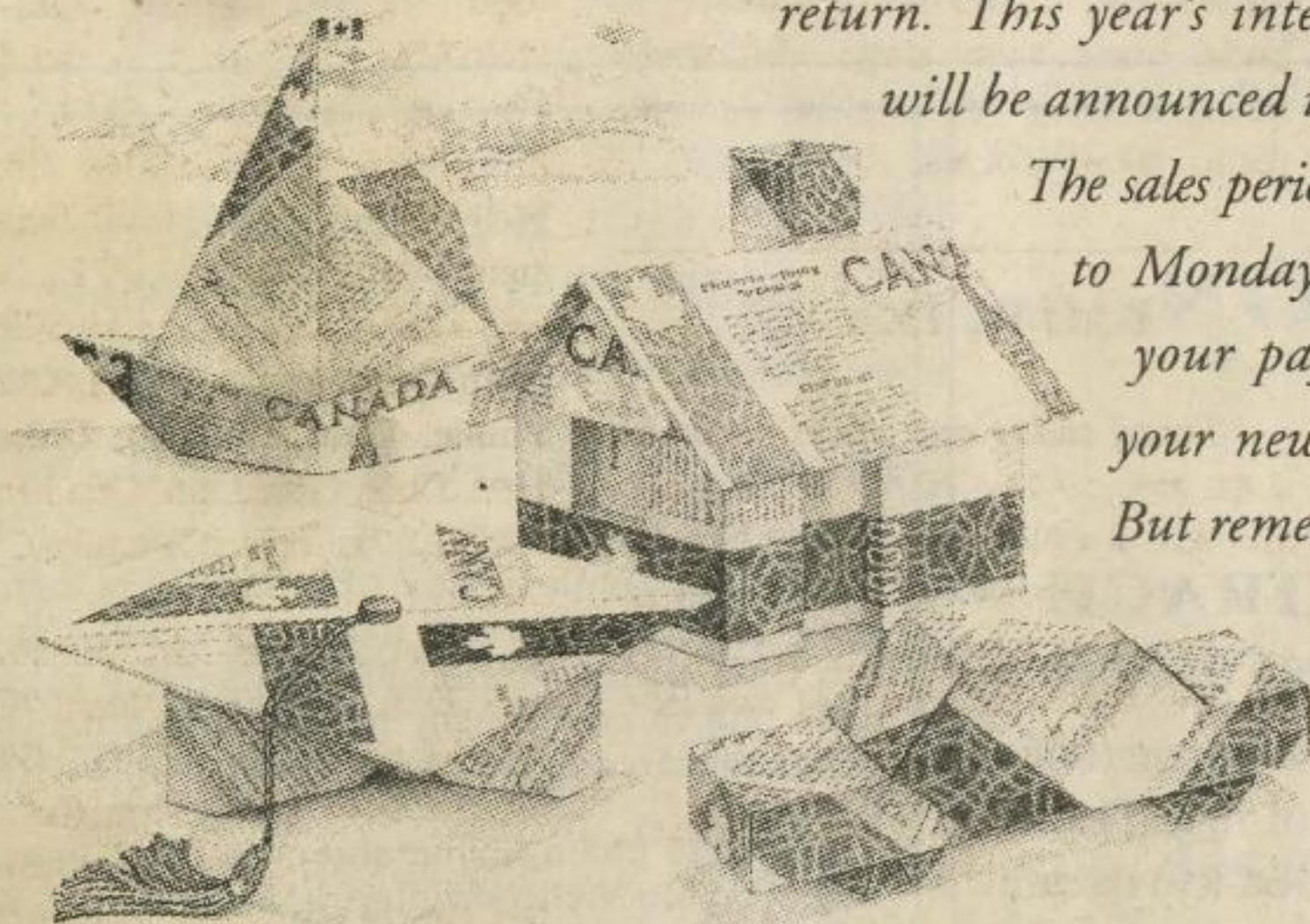
For 47 years, millions of Canadians have relied on Canada Savings Bonds to help build their dreams.

Canada Savings Bonds are fully guaranteed by the Government of Canada. They're a safe, secure investment that never falls in value. And you don't have to be a Canadian citizen to buy them. Any resident of Canada can buy Canada Savings Bonds.

You can cash your Canada Savings Bonds at any time, so your money is never locked in.

Canada Savings Bonds also offer a competitive rate of return. This year's interest rate and purchase limit will be announced in mid-October.

The sales period is from Monday, October 18 to Monday, November 1. You may date your payment November 1, the day your new bonds start earning interest. But remember, the bonds may be withdrawn from sale at any time, so don't wait until the last minute.



**Canada
Savings
Bonds**



**Les Obligations
d'épargne
du Canada**

Buy Yours From Oct. 18 to Nov. 1

Canada

Complete details are available wherever Canada Savings Bonds are sold.

ĐÓN ĐỌC

Đặc-phẩm

10 NĂM LÀNG VĂN HAI-NGOẠI

. Danh-mục văn-hữu cộng-tác
(hình-ảnh, tiểu-sử, văn-nghiệp)

. Sổ tay

"MƯỜI NĂM LÀNG VĂN
TRONG DÒNG THỜI-CUỘC"

(Nguyễn Hữu Nghĩa)

. Tổng mục-lục 120 số báo
từ tháng 9.1984 tới tháng 9.1994

Dày hơn 400 trang / Giá "phổ-biến"